**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

**THƯ VIỆN**

**--- 🙞🙜 ---**

**THÔNG TIN BÀI TRÍCH**

**BÁO – TẠP CHÍ**

**Số 1 (42)**

**Năm học 2018 – 2019**

***Đà Nẵng, tháng 10 năm 2018***

**LỜI NÓI ĐẦU**

Nhằm phục vụ cho công tác nghiên cứu, giảng dạy, học tập của cán bộ, giảng viên và sinh viên Trường Đại Học Duy Tân. Thư viện xin giới thiệu một tập hợp các bài trích báo – tạp chí được chọn lọc từ các tạp chí chuyên ngành, bao gồm các chủ đề như: Tin học, các vấn đề về dạy và học, về ngôn ngữ, quan hệ quốc tế, môi trường, pháp luật, phát triển kinh tế, y học, dược học, về vấn đề lạm phát và chống lạm phát ở Việt Nam hiện nay, tài chính, ngân hàng, kế toán, quản trị kinh doanh, xây dựng, kiến trúc, du lịch, văn học, điện tử - viễn thông …

Tài liệu được giới thiệu trong cuốn thư mục lần này là những bài trích từ các báo và tạp chí tiếng Việt, xuất bản trong năm 2018 có lưu trữ và phục vụ tại Thư Viện Trường Đại Học Duy Tân.

Các lĩnh vực, chủ đề được sắp xếp theo trật tự hệ thống phân loại DDC. Trong từng chủ đề, tài liệu được sắp xếp theo vần chữ cái tên tài liệu và kèm theo phần định từ khóa để bạn đọc có thể tiện tra cứu và tìm tin trên phần mềm quản lý thư viện.

Mọi yêu cầu về đề tài cần bổ sung hoặc mở rộng, về bản sao toàn văn tài liệu gốc và những ý kiến đóng góp khác, xin vui lòng gửi về:

Phòng Nghiệp vụ Thư viện Trường Đại Học Duy Tân

Số 3A Quang Trung - TP. Đà Nẵng

Email: thuvienduytan@gmail.com

**MỤC LỤC**

* Công nghệ thông tin 1
* Quan hệ quốc tế 4
* Phát triển kinh tế 28
* Tài chính 46
* Ngân hàng 62
* Luật 74
* Chứng khoán 88
* Ngoại thương 92
* Môi trường 94
* Khoa họ tự nhiên 102
* Dược học 71
* Dược 104
* Điện tử - viễn thông 117
* Xây dựng 124
* Kế toán – Kiểm toán 146
* Quản trị kinh doanh 159
* Văn học 186
* Du lịch.....................................................................................................................190

**CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**1. 3 kịch bản ứng dụng Ipv6 trong IoT trên thực tế/** Trần Thị Phương Thảo**//** Thông tin và Truyền thông .- 2018 .- Số 556 (764) .- Tr.48 – 51.

**Nội dung:** Giới thiệu 3 kịch bản ứng dụng Ipv6 trong IoT trên thực tế gồm: Ứng dụng 1: Văn phòng thông minh và việc tích hợp với các thiết bị trong tòa nhà. Ứng dụng 2: Hệ thống có chức năng cảnh báo an toàn và định tuyến động. Ứng dụng 3: Trường hợp cần bảo trì trong tòa nhà.

**Từ khóa:** Ứng dụng Ipv6, IoT

**2. BBR: Thuật toán kiểm soát tắc nghẽn mới cho giao thức TCP/** ThS. Chử Hoài Nam, Nguyễn Diệu Linh// Thông tin và Truyền thông .- 2018 .- Số 558 (748) .- Tr.15 – 18.

**Nội dung**: Trình bày những điểm chính về BBR và so sánh kết quả kiểm soát tắc nghẽn của BBR với thuật toán CUBIC được sử dụng phổ biến trong các phiên bản TCP phổ dụng hiện nay.

**Từ khóa**: BBR, kiểm soát tắc nghẽn, giao thức TCP

**3. Điện toán đám mây và các ứng dụng/** Lê Văn Doanh, Nguyễn Triệu Sơn, Đỗ Đức Anh// Tự động hóa ngày nay .-2018 .- Số 208 .- Tr.16 – 19.

**Nội dung**: Giới thiệu sơ lược về lịch sử phát triển của điện toán đám mây, các hình thức dịch vụ điện toán đám mây, các loại mô hình điện toán đám mây, ví dụ mô hình triển khai bài toán theo điện toán đám mây, đưa ra một số hạn chế của điện toán đám mây, và một số ứng dụng của điện toán đám mây.

**Từ khóa:** Điện toán đám mây

**4. Giải pháp bảo mật FHS cho Ipv6/** Nguyễn Tiến Dũng// Thông tin và Truyền thông .- 2018 .- Số 556 (764) .- Tr.44 – 47.

**Nội dung:** Trình bày các vị trí triển khai FHS trong mạng Ipv6, các tính năng và kỹ thuật triển khai FHS, các tính năng Ipv6 FHS nâng cao.

**Từ khóa:** Bảo mật, FHS, Ipv6

**5. Giải pháp thu thập dữ liệu cảm biến thông qua mạch ESP8266 và máy chủ Google**/ Lê Minh Tuấn// Thông tin và Truyền thông .- 2018 .- Số 558 (748) .- Tr.35 – 39.

**Nội dung**: Giới thiệu mô hình kết nối, truyền thông giữa thiết bị đầu cuối là mạch ESP8266 với máy chủ Google, nhằm thu thập, lưu trữ dữ liệu cảm biến thông qua các đối tượng và dịch vụ mà máy chủ Google cung cấp cho người dùng. Giải pháp thu thập dữ liệu cảm biến này có thể thay thế cho những cách thức thu thập, quản lý dữ liệu của mạng cảm biến thông thường.

**Từ khóa**: Mạch ESP8266, thu thập dữ liệu cảm biến, google

**6. Giải pháp thu thập và phân tích dữ liệu Ipv6**/ Nguyễn Trần Hiếu// Thông tin và Truyền thông .- 2018 .- Số 556 (764) .- Tr.40 43.

**Nội dung**: Trình bày tổng quan về giải pháp thu thập và phân tích dữ liệu, giải pháp kỹ thuật Netflow, và giải pháp kỹ thuật Sflow.

**Từ khóa:** Thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu, IPv6, Netflow, Sflow

**7. Giải pháp thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển từ các trường đại học vào doanh nghiệp**/ TS. Đào Quang Thủy// Tự động hóa ngày nay .-2018 .- Số 208 .- Tr.23 – 26.

**Nội dung**: Phân tích những hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ ở một số trường đại học và đưa ra các giải pháp thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ ở các trường đại học – doanh nghiệp.

**Từ khóa**: Thương mại hóa, trường đại học, doanh nghiệp

**8. Giải pháp truyền thông với máy chủ Web sử dụng mạch Arduino và Module Ethernet**/ Mai Thị Thu Hương// Thông tin và Truyền thông .- 2018 .- Số 558 (748) .- Tr.40 – 42.

**Nội dung**: Giới thiệu một số giải pháp kết nối các mạch Arduino với máy chủ Web trong mạng internet thông qua module Ethernet. Giải pháp này có thể sử dụng để phát triển những ứng dụng về truyền thông mạng, điều khiển từ xa qua mạng một cách hiệu quả với chi phí thấp.

**Từ khóa**: Truyền thông, mạch Arduino, Module Ethernet

**9. Kỹ thuật định tuyến phân đoạn Ipv6 trong mạng 5G**/ Võ Văn Đông// Thông tin và Truyền thông .- 2018 .- Số 556 (764) .- Tr. 21 – 24.

**Nội dung:** Giới thiệu tổng quan về định tuyến phân đoạn, định tuyến phân đoạn trong hạ tầng mạng Ipv6 – SRv6, SRv6 và tương lai mạng 5G.

**Từ khóa:** Định tuyến phân đoạn, Ipv6, mạng 5G

**10. Một số đánh giá về công nghệ LoRa và NB-IoT trong IoT**/ Nguyễn Thị Bảo Trang, Nguyễn Thị Anh Đào, Nguyễn Thanh Thụy// Tự động hóa ngày nay .-2018 .- Số 208 .- Tr.31 – 34.

**Nội dung**: Tập trung phân tích và đưa ra những so sánh về mặt kỹ thuật cũng như các yếu tố đáp ứng yêu cầu IoT của hai công nghệ này.

**Từ khóa**: Công nghệ Lora, công nghệ NB-IoT, IoT

**11. Nghiên cứu bài toán sinh đề thi sát hạch tự động**/ TS. Phan Nguyên Hải, KS. Nguyễn Thanh Tùng, KS. Hà Xuân Tùng, ThS. Phạm Đức Toàn// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 4 .- Tr.128 – 130.

**Nội dung:** Nghiên cứu bài toán sinh đề thi sát hạch, làm rõ các yêu cầu, đưa ra giải pháp và đề xuất ứng dụng thực tế trong việc cải tiến nâng cao chất lượng các kỳ sát hạch.

**Từ khóa:** Sinh đề thi tự động, thi sát hạch, trắc nghiệm khách quan, thang đo bloom

**12. Nông nghiệp thông minh 4.0: Định hướng và giải pháp**/ Phạm Mai Anh, Phùng Thị Tuyết, Phạm Thị Lâm// Thông tin và Truyền thông .- 2018 .- Số 558 (748) .- Tr.61 – 64.

**Nội dung:** Đề cập đến cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 với ngành nông nghiệp, ứng dụng công nghệ cao xu thế tất yếu của nông nghiệp 4.0, cơ hội và thách thức đối với nông nghiệp 4.0 ở Việt Nam, một số định hướng và giải pháp.

**Từ khóa:** Nông nghiệp thông minh

**13. 6LoWPAN – Giao thức phù hợp cho IoT**/ Trần Văn Hưng// Thông tin và Truyền thông .- 2018 .- Số 556 (764) .- Tr.52 – 56.

**Nội dung**: Trình bày 6LoWpan – Ipv6 trong mạng không dây công suất thấp, liên kết dữ liệu trong 6LoWpan, kiến trúc của 6LoWpan, địa chỉ hóa 6LoWpan, thiết lập và hoạt động của 6LoWpan, bảo mật trong 6LoWpan.

**Từ khóa:** 6LoPwan, giao thức, IoT

**14. Sử dụng định tuyến phân đoạn Ipv6 giúp giảm mạnh sự phức tạp của mạng di động 5G**/ Trần Ngọc Lâm// Thông tin và Truyền thông .- 2018 .- Số 556 (764) .- Tr. 18 – 20.

**Nội dung:** Nêu tính phức tạp trong quản lý di động, các giải pháp khả thi cho mặt phẳng người dùng di động với việc tích hợp các lớp bên dưới, Ipv6 có thể cung cấp các giải pháp hiệu quả nhất.

**Từ khóa:** Định tuyến phân đoạn, Ipv6, mạng di động 5G

**15. Tấn công nâng cao Man-In-The Middle đối với SQL Server**/ Hoàng Sỹ Tường// Thông tin và Truyền thông .- 2018 .- Số 558 (748) .- Tr.19 – 22.

**Nội dung**: Trình bày tổng quan về giao thức TDS, những nghiên cứu trước đây và các tấn công đối với giao thức TDS.

**Từ khóa:** Giao thức TDS, SQL Server

**16. Ứng dụng công nghệ CIM cho chuyền treo tự động may công nghiệp**/ Lê Anh Tuấn, KS. Nguyễn Thanh Liêm, PGS.TS. Nguyễn Ngọc Lâm// Tự động hóa ngày nay .-2018 .- Số 208 .- Tr. 13 – 15.

**Nội dung**: Giới thiệu hệ thống chuyền treo tự động do Nhất Tinh thiết kế, chế tạo; và phần mềm CIM cho hệ thống chuyền treo tự động Nhất Tinh.

**Từ khóa:** Hệ thống chuyền treo tự động, công nghệ CIM

**17. Vai trò của Ipv6 của IoT và những thác thức khi triển khai Ipv6 cho IoT**/ Trần Đức Trung// // Thông tin và Truyền thông .- 2018 .- Số 556 (764) .- Tr.57 – 60.

**Nội dung:** Nêu vai trò của Ipv6 với IoT và những thách thức khi triển khai Ipv6 cho IoT.

**Từ khóa:** Ipv6, IoT, vai trò, thách thức

**18. Xây dựng dữ liệu mở và một số khuyến nghị**/ Bùi Huyền// Thông tin và Truyền thông .- 2018 .- Số 558 (748) .- Tr.43 – 45.

**Nội dung:** Nêu dữ liệu mở là gì? Dữ liệu mở nào có giá trị? Tình hình triển khai dữ liệu trên thế giới ra sao và một số khuyến nghị thúc đẩy xây dựng dữ liệu mở.

**Từ khóa**: Dữ liệu mở

**QUAN HỆ QUỐC TẾ**

**1. 65 năm liên minh Hàn – Mỹ và hệ quả đối với Hàn Quốc**/ TS. Phan Thị Anh Thư// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2018 .- Số 8 (210) .- Tr. 13-22.

**Nội dung**: Luận giải những vấn đề lịch sử và hiện tại của liên minh Hàn – Mỹ kể từ khi ra đời nhờ Hiệp ước Phòng vệ chung Mỹ - Hàn năm 1953. Những nội dung cơ bản như: cơ sở thiết lập liên minh, lợi ích chiến lược quốc gia, sự hiệu chỉnh chính sách (nhìn từ phía Hàn Quốc) và vai trò can dự của Mỹ trong các vấn đề chính trị ở Đông Bắc Á cũng được tác giả phân tích và đánh giá. Trên cơ sở đó, bài viết cập nhật và đúc kết những hạn chế, thách thức mà liên minh Hàn – Mỹ phải vượt qua để phát triển quan hệ đồng minh trên cơ sở tối ưu hóa quyền lợi mỗi nước trong bối cảnh cạnh tranh quyền lực ở khu vực.

**Từ khóa**: Mỹ, Hàn Quốc, Hiệp ước 1953, hệ quả.

**2. Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương: Kỷ nguyên mới của cạnh tranh và phát triển với trụ cột “Tứ giác kim cương”/** TS. Phạm Thanh Hà// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2018 .- Số 06 (154) .- Tr. 28-34.

**Nội dung**: Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương là cụm từ được nói đến nhiều trong thời gian gần đây. Tuy không phải là một thuật ngữ mới, song giờ đây khái niệm này đang có xu hướng chính trị hóa, đề cập đến một kỷ nguyên cạnh tranh địa chiến lược mới. Đặc biệt, cụm từ này được quan tâm nhiều hơn khi Tổng thống Mỹ Donal Trump đề cập trong bài phát biểu tại Diễn đàn kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (APEC) ở Đà Nẵng tháng 11 năm 2017 và sự hồi sinh của liên minh bốn bên: Mỹ - Ấn – Nhật – Australia. Khu vực này đang thực sự nổi lên với ý nghĩa quan trọng về an ninh và thương mại thế giới trong thế kỷ XXI, đồng thời cũng sẽ là một trong những trọng điểm cạnh tranh quyền lực tạo sự ảnh hưởng của các nước lớn.

**Từ khóa**: Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, chiến lược, cạnh tranh, nước lớn, trật tự mới, liên minh bốn bên, tứ giác kim cương

**3. Ba cấp độ của chiến lược: Khi quá trình quyết định kết quả**/ NCS. Ngô Di Lân// Nghiên cứu Quốc tế .- 2018 .- Số 2 (113) .- Tr. 181-203.

**Nội dung**: Đề xuất một khung phân tích chiến lược dựa vào quá trình thay vì kết quả. Theo tác giả, các chiến lược có thể được chia thành 3 cấp độ khác nhau: chiến lược định hướng, chiến lược hành động và chiến lược toàn diện. Bài báo này sẽ phân tích sự khác biệt giữa các cấp độ chiến lược này cũng như chỉ ra năm yếu tố cơ bản cấu thành nên một chiến lược cho Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Định hướng chiến lược, khung phân tích, hoạch định chính sách, đại chiến lược.

**4. Biển Đông: Thách thức từ Bắc Kinh đối với ASEAN & UNCLOS và sự cần thiết có cách tiếp cận đa tầng**/ PGS. TS. Christopher Roberts// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2018 .- Số 3 (199) .- Tr. 65-79.

**Nội dung**: Xem xét các tranh chấp Biển Đông và chủ yếu tập trung vào những diễn biến từ năm 2013 khi Philippines đệ đơn lên trọng tài quốc tế. Phần đầu tiên của bài viết xem xét việc trọng tài và khả năng để Hiệp hội có thể có được một lập trường hiệu quả và thống nhất trong tương lai. Phần thứ hai của bài viết phát triển thêm phân tích này khi đánh giá triển vọng và tác động có thể có của Bộ Quy tắc Ứng xử được theo đuổi lâu nay. Trong quá trình này, bài viết xem xét liệu cơ chế ra quyết định dựa trên sự đồng thuận của ASEAN có còn tiếp tục tồn tại được hay không, ASEAN có cải cách hay không, sẽ cải cách như thế nào, những lợi ích tiềm năng, khả năng tồn tại của một cơ chế mới với tiêu chí thành viên dựa trên các giá trị và lợi ích chung (chứ không phải chỉ trên tiêu chí địa lý)…

**Từ khóa:** Biển Đông, ASEAN, UNCLOS, COC, DOC.

**5. Các nhân tố quốc tế tác động đến việc thực hiện nguyên tắc pháp quyền Liên minh Châu Âu**/ PGS. TS. Đặng Minh Đức, ThS. Chử Thị Nhuần, ThS. Trịnh Thị Hiền// Nghiên cứu Châu Âu .- 2018 .- Số 06 (213) .- Tr. 27-38.

**Nội dung**: Phân tích những nhân tố quốc tế tác động đến việc thực hiện nguyên tắc pháp quyền ở Liên minh Châu Âu.

**Từ khóa**: Nguyên tắc pháp quyền, pháp quyền, luật pháp, quản lý nhà nước, nhân tố quốc tế

**6. Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung và tương lai của trật tự khu vực ở Châu Á – Thái Bình Dương**/ TS. Ngô Chí Nguyện// Châu Mỹ ngày nay .- 2018 .- Số 04 (241) .- Tr. 23-32.

**Nội dung**: Phân tích tình thế hiện nay của cuộc cạnh tranh Trung – Mỹ ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương và phác thảo một số đánh giá và nhận định về tương lai của trật tự khu vực.

**Từ khóa**: Mỹ, Trung Quốc, cạnh tranh chiến lược, Châu Á – Thái Bình Dương

**7. Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tại Biển Đông dưới góc nhìn địa chính trị**/ Huỳnh Tâm Sáng// Châu Mỹ ngày nay .- 2018 .- Số 06 (243) .- Tr. 32-40.

**Nội dung**: Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tại Biển Đông là vấn đề quan trọng hàng đầu tại Đông Nam Á. Những chiều kích từ cạnh tranh chiến lược đã góp phần định hình quan hệ quốc tế tại Châu Á – Thái Bình Dương. Xuất phát từ góc độ địa chính trị, bài viết nghiên cứu cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tại Biển Đông trong nhiệm kỳ của Tổng thống Barack Obama nhằm có một cái nhìn rõ nét hơn về phản ứng của Mỹ đối với sự quyết đoán của Trung Quốc tại Biển Đông và những hàm ý của nó cho an ninh khu vực.

**Từ khóa**: Biển Đông, địa chính trị, cạnh tranh chiến lược, quan hệ quốc tế

**8. Cạnh tranh chiến lược Nga – Mỹ ở Syria trong bối cảnh hiện nay**/ PGS. TS. Nguyễn Thọ Quang, ThS. Nguyễn Văn Sơn// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2018 .- Số 04 (152) .- Tr. 9-19.

**Nội dung**: Bằng việc điểm lại những diễn biến mới nhất tại chiến trường Syria, bài viết phân tích lợi ích chiến lược của Nga và Mỹ tại khu vực Trung Đông nói chung, tại Syria nói riêng, từ đó dự báo kịch bản có thể xảy ra tại đất nước Syria trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Cạnh tranh, lợi ích nước lớn, Syria, Nga, Mỹ.

**9. Cấu trúc lãnh đạo kép Trung – Mỹ tại Châu Á – Thái Bình Dương**/ NCS. Huỳnh Tâm Sáng// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2018 .- Số 8 (210) .- Tr. 3-12.

**Nội dung**: Tại Châu Á – Thái Bình Dương, cấu trúc lãnh đạo kép (dual leadership) Trung – Mỹ đang trở nên nổi bật. Cấu trúc này được hình thành và chịu sự tác động của nhiều nhân tố. Để giản lược những nhân tố khiến việc hình dung trở nên khó khăn, bài viết tập trung vào Trung Quốc và Mỹ cùng mối quan hệ giữa hai chủ thể này. Bài viết làm rõ lợi thế so sánh của Trung Quốc và Mỹ, việc cấu trúc lãnh đạo kép định hình quan hệ quốc tế khu vực và tương lai vận động của cấu trúc này trong tương lai.

**Từ khóa**: Mỹ, Trung Quốc, Châu Á – Thái Bình Dương, lãnh đạo kép

**10. Công trình nghiên cứu của Hội Luật quốc tế của Trung Quốc: Bước tiến về luật pháp hay sự ngụy biện dưới chiêu bài khoa học?/** Nguyễn Thị Lan Anh// Nghiên cứu Quốc tế .- 2018 .- Số 2 (113) .- Tr. 54-69.

**Nội dung**: Giới thiệu về các luận điểm chính về lập trường pháp lý của Trung Quốc, trong đó nhấn mạnh vào những nội dung mới, đồng thời đánh giá chính sách pháp lý của Trung Quốc trong thời gian tới và tác động với tình hình Biển Đông.

**Từ khóa**: Hội Luật quốc tế Trung Quốc, phán quyết, vụ kiện Biển Đông.

11. **Cơ cấu và xu hướng lệ thuộc trong quan hệ thương mại của Việt nam với Trung Quốc** / Phạm Bích Ngọc// Nghiên cứu Kinh tế .- 2018 .- Số 4(479) tháng 04 .- Tr. 86-95.

**Nội dung**: Phân tích quy mô, cơ cấu thương mại của VN với Trung Quốc trong mười năm qua, đánh giá mức độ và xu hướng lệ thuộc về thương mại và kinh tế của Việt Nam trong quan hệ với Trung Quốc. Từ nhận xét về các nguyên nhân của tình trạng đó, bài viết thảo luận một số hướng giải quyết nhằm cải thiện hơn vị thế của Việt nam trong thương mại với Trung Quốc trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Thương mại, Cơ cấu, Việt Nam, Trung Quốc

**12. Cơ hội và thách thức của Việt Nam trong không gian Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương/** Nguyễn Thu Trang// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2018 .- Số 5 (66) .- Tr. 31-37.

**Nội dung**: Phân tích những cơ hội và thách thức của Việt Nam khi tham gia vào không gian Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương cũng như chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, tự do và mở của Mỹ.

**Từ khóa**: Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, Việt Nam, cơ hội, thách thức.

**13. Chiến lược “Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương”: Cạnh tranh với Mỹ - Trung và kiến nghị với Việt Nam**/ GS. TS. Nguyễn Hồng Quân// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2018 .- Số 7 (203) .- Tr. 24-28.

**Nội dung**: Từ thuật ngữ “Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương” đến chiến lược cùng tên của một cường quốc hàng đầu thế giới là một quá trình, là khoảng thời gian trên nữa thế kỷ đầy biến động, phát triển. Chiến lược “Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương” báo hiệu sự cạnh tranh gay gắt, thậm chí có người cho rằng đây là thời kỳ Chiến tranh Lạnh mới. Là quốc gia thành viên ASEAN, Việt Nam cần có những chính sách thích ứng với hoàn cảnh mới để tiếp tục phát triển.

**Từ khóa**: Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, “Vành đai và Con đường”, bộ tứ, ASEAN

**14. Chiến lược an ninh quốc gia của Trung Quốc trong thời kỳ mới: Tác động và ảnh hưởng đến an ninh Ấn Độ**/ Lê Văn Mỹ// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2018 .- Số 6 (67) .- Tr. 15-21.

**Nội dung**: Phân tích ba nội dung chính liên quan đến chiến lược an ninh quốc gia của Trung Quốc ảnh hưởng đến Ấn Độ gồm: cạnh tranh địa chính trị, an ninh quốc gia, cạnh tranh, hợp tác.

**Từ khóa**: Trung Quốc, Ấn Độ, chiến lược an ninh quốc gia, cạnh tranh, hợp tác

**15. Chiến lược an ninh quốc gia Mỹ 2017 và chiều hướng quan hệ Mỹ - Trung trong thời gian tới**/ Đặng Cẩm Tú// Nghiên cứu Quốc tế .- 2018 .- Số 2 (113) .- Tr. 114-137.

**Nội dung**: Làm rõ những điểm giống nhau và khác nhau trong nội dung liên quan đến Trung Quốc của Chiến lược an ninh quốc gia Mỹ mới công bố so với các NSS trước đó, từ đó phân tích một số hàm ý liên quan đến chiều hướng quan hệ Mỹ - Trung Quốc trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Mỹ, Trung Quốc, chiến lược an ninh quốc gia, cạnh tranh Mỹ - Trung, châu Á – Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương.

**16. Chiến lược Tây Balkan mới của EU – Một số hàm ý chính sách và đánh giá tính khả thi**/ TS. Nguyễn Hải Lưu// Nghiên cứu Châu Âu .- 2018 .- Số 6 (213) .- Tr. 3-15.

**Nội dung**: Phân tích những nội dung chủ yếu trong Chiến lược Tây Balkan mới, đánh giá một số hàm ý chính sách liên quan và tính khả thi của Chiến lược.

**Từ khóa**: EU, Tây Balkan, chiến lược, Chiến lược Tây Balkan mới

**17. Chính sách Biển Đông của Ma-lai-xi-a dưới thời chính quyền Thủ tướng Najib Razak**/ Phạm Duy Thực// Nghiên cứu Quốc tế .- 2018 .- Số 2 (113) .- Tr. 70-90.

**Nội dung**: Cựu Thủ tướng Mahathir Mohamad trở lại cầm quyền từ tháng 5/2018, đã có một số động thái cứng rắn hơn với Trung Quốc, báo hiệu sự thay đổi trong chính sách Biển Đông của Ma-lai-xi-a. Song sự thay đổi đó kéo dài hay không còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố bên trong và bên ngoài Mai-lai-xi-a, nhất là diễn biến liên quan đến Biển Đông.

**Từ khóa**: Biển Đông, Najib Razak, phong hờ thực dụng, triển vọng

**18. Chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc từ sau Chiến tranh Lạnh đến nay**/ Trần Anh Đức// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2018 .- Số 7 (68) .- Tr. 11-18.

**Nội dung**: Làm rõ nội dung chính sách của Ấn Độ với Trung Quốc từ sau Chiến tranh Lạnh đến nay trên ba lĩnh vực chính: ngoại giao kinh tế, an ninh quốc phòng và ngoại giao quyền lực mềm.

**Từ khóa**: Chính sách đối ngoại, Chiến tranh Lạnh, quan hệ Ấn - Trung

**19. Chính sách của Mỹ đối với vấn đề hạt nhân Iran dưới thời Tổng thống Barack Obama và Donal Trump**/ TS. Kim Ngọc Thu Trang// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2018 .- Số 05 (153) .- Tr. 30-34.

**Nội dung**: Vài nét về chương trình hạt nhân của Iran và chính sách của Mỹ trước năm 2009. Chính sách của Mỹ đối với vấn đề hạt nhân của Iran.

**Từ khóa**: Hạt nhân Iran, quan hệ Mỹ - Iran, Barack Obama, Donal Trump

 **20. Chính sách của Mỹ đối với vấn đề hạt nhân của Triều Tiên dưới thời Donald Trump**/ Lộc Thị Thủy// Châu Mỹ ngày nay .- 2018 .- Số 07 (244) .- Tr. 47-55.

**Nội dung**: Bài viết tập trung vào những nội dung chính: những yếu tố tác động đến việc điều chỉnh chính sách của Mỹ; chính sách của Mỹ đối với chương trình hạt nhân của Triều Tiên dưới thời Trump; triển vọng của chính sách trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Chính sách, hạt nhân, Mỹ, Triều Tiên, Donald Trump

**21. Chính sách của Mỹ với EU dưới thời Tổng thống Trump**/ NCS. Đỗ Huyền Trang, NCS. Mạc Như Quỳnh// Châu Mỹ ngày nay .- 2018 .- Số 04 (241) .- Tr. 33-40.

**Nội dung**: Giới thiệu về nước Mỹ và chiến lược đối ngoại dưới thời Donald Trump, chính sách đối ngoại và an ninh chung của EU từ năm 2016 đến nay, EU trong tính toán chiến lược của Mỹ. Một số nhận xét.

**Từ khóa**: Mỹ, EU, chính sách đối ngoại, Tổng thống Donald Trump

**22. Chính sách của Việt Nam đối với Liên bang Nga (1991-2017) – Một số đặc điểm chủ yếu**/ Vũ Thị Hồng Chuyên// Nghiên cứu Châu Âu .- 2018 .- Số 5 (212) .- Tr. 65-78.

**Nội dung**: Phân tích và luận giải về cơ sở hình thành, nội dung cơ bản của chính sách đối ngoại của Việt Nam. Trên cơ sở đó, bài viết bước đầu rút ra một số đặc điểm cơ bản về chính sách của Việt Nam với Liên bang Nga giai đoạn 1991 – 2017.

**Từ khóa**: Chính sách đối ngoại, Việt Nam, Liên bang Nga, đổi mới, lợi ích quốc gia, đối tác chiến lược.

**23. Chính sách đối ngoại luôn thay đổi của Thổ Nhĩ Kỳ và tác động đến khu vực Trung Đông**/ PGS. TS. Nguyễn Thanh Hiền// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2018 .- Số 06 (154) .- Tr. 3-10.

**Nội dung**: Từ việc theo đuổi tương đối nhất quán chính sách đối ngoại “Không vấn đề” dựa trên học thuyết “Chiều sâu chiến lược”, mấy năm gần đây Thỗ Nhĩ Kỳ đã liên tục có những thay đổi trong chính sách đối ngoại của mình đối với khu vực Trung Đông. Bài viết khái quát một số nét cơ bản về sự thay đổi đó, đồng thời đưa ra những phân tích về các tác động từ những thay đổi như vậy đối với khu vực Trung Đông hiện nay.

**Từ khóa**: Chính sách đối ngoại, Thỗ Nhĩ Kỳ, tác động đến Trung Đông

**24. Chính sách ngoại giao đa phương và tiến trình hòa bình trên Bán đảo Triều Tiên dưới chính quyền Tổng thống Hàn Quốc Moon Jae-In**/ TS. Nguyễn Thị Thắm// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2018 .- Số 9 (211) .- Tr. 8-15.

**Nội dung**: Tìm hiểu bối cảnh, nội dung chính sách ngoại đa phương của Hàn Quốc và phân tích ý nghĩa của nó đối với tiến trình hòa bình trên Bán đảo Triều Tiên hiện nay. Với tính kết nối, liên thông chặt chẽ với các chính sách của đối tác cũng như với các chính sách đối với Triều Tiên hướng tới hòa bình và thịnh vượng chung, chính sách ngoại giao đa phương của Hàn Quốc có vai trò quan trọng, nâng cao tính khả thi của tiến trình hòa bình trên Bán đảo Triều Tiên.

**Từ khóa**: Hàn Quốc, chính sách phương Bắc mới, chính sách phương Nam mới

**25. Chính sách nhập cư thời kỳ chính quyền George Walker Bush giai đoạn 2001-2008**/ Phạm Thị Thu Huyền// Châu Mỹ ngày nay .- 2018 .- Số 07 (244) .- Tr. 36-46.

**Nội dung**: Làm rõ thực trạng nhập cư thời kỳ chính quyền Goerge W. Bush, phân tích mục tiêu của chính sách nhập cư, cũng như nội dung của chính sách nhập cư nhằm tăng cường hiểu biết về chính sách nhập cư giai đoạn 2001-2018.

**Từ khóa**: Nhập cư, chính sách, an ninh, trục xuất, biên giới, thị thực

**26. Chính sách Trung Đông của Mỹ dưới thời Tổng thống Donald Trump**/ Nguyễn Nhâm// Châu Mỹ ngày nay .- 2018 .- Số 06 (243) .- Tr. 3-11.

**Nội dung**: Những động thái của Tổng thống Donald Trump sau hơn một năm cầm quyền ở Mỹ như khơi dậy vai trò xung kích của Israel, can thiệp ngày càng sâu hơn vào Syria. Mặc dù cho đến này ông Trump chưa một lần đề cập đến cụm từ “Chiến lược Đại Trung Đông mới”, nhưng những động thái kể trên của ông, khiến giới nghiên cứu và dư luận cho rằng, ông chủ Nhà Trắng có thể sẽ lặng lẽ thực hiện chiến lược của các tổng thống tiền nhiệm, với phương châm: “Trung Đông đừng bao giờ ngừng chiến sẽ tốt hơn”.

**Từ khóa**: Tổng thống Donald Trump, Jerusalem, Syria, chiến lược, Đại Trung Đông mới

**27. Chuyển dịch quyền lực cấu trúc: Trường hợp Anh – Mỹ trong cấu trúc kinh tế (1918-1945) và Mỹ - Liên Xô trong hệ thống Yalta (1945-1991)**/ ThS. Vũ Vân Anh// Nghiên cứu Châu Âu .- 2018 .- Số 06 (213) .- Tr. 62-73.

**Nội dung**: Nghiên cứu sự chuyển dịch quyền lực cấu trúc giữa Anh và Mỹ trong cấu trúc kinh tế (1918-1945), giữa Mỹ - Liên Xô trong hệ thống Yalta (1945-1991) để thấy những đặc điểm chung và các quỹ đạo riêng của hai quá trình chuyển dịch này. Trong khi sự chuyển dịch giữa hai đồng minh thân cận Anh – Mỹ mang tính tự nguyện như một sự chia sẻ quyền lực bên trong cấu trúc thì sự chuyển dịch giữa hai đối thủ Mỹ - Liên Xô mang tính cưỡng chế và kèm theo đó là những xung đột, căng thẳng leo thang và chạy đua vũ trang.

**Từ khóa**: Chuyển dịch quyền lực, cấu trúc kinh tế, hệ thống Yalta, quyền lực cấu trúc

**28. Đánh giá bước đầu về quyết định của Tổng thống Mỹ Donal Trump đối với Jerusalem**/ PGS. TS. Nguyễn Hữu Các, ThS. Dương Thùy Linh// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2018 .- Số 03 (151) .- Tr. 24-30.

**Nội dung**: Phân tích những đặc điểm riêng có của thành phố Jerusalem, quyết định của Tổng thống Donal Trump về thành phố này và những hệ quả của quyết định đó.

**Từ khóa**: Jerusalem, Donal Trump, quan hệ Israel – Palestine, hệ quả

29. **Đánh giá chiến lược toàn cầu của Trung Quốc ở khu vực Châu Âu**/ PGS. TS. Nguyễn An Hà// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2018 .- Số 4 (200) .- Tr. 33-42.

**Nội dung**: Phân tích các đánh giá, nhận xét của các học giả ở Liên minh Châu Âu về chiến lược toàn cầu của Trung Quốc dưới thời Chủ tích Tập Cận Bình, từ Đại hội XVIII tới Đại hội XIX của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

**Từ khóa**: Trung Quốc, EU, NATO.

**30. Đánh giá nỗ lực giải quyết tranh chấp biên giới giữa Ấn Độ và Trung Quốc giai đoạn 1977 – 1987**/ Huỳnh Thanh Loan// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2018 .- Số 5 (66) .- Tr. 16-22.

**Nội dung**: Với mục đích tìm hiểu nỗ lực giải quyết tranh chấp biên giới của hai nước sau khi bình thường hóa quan hệ giai đoạn 1977 – 1987, bài viết phân tích các sự kiện biên giới trong bối cảnh quan hệ hai nước và các cơ chế đàm phán, qua đó đánh giá kết quả đạt được của hai bên trong quá trình giải quyết biên giới trong giai đoạn này.

**Từ khóa**: Biên giới, giải quyết biên giới, vòng đàm phán biên giới, quan hệ Ấn Độ - Trung Quốc.

**31. Địa chính trị Ukraina và cạnh tranh giữa hai đầu chiến lược**/ NCS. Phan Thị Thu Dung// Nghiên cứu Châu Âu .- 2018 .- Số 7 (214) .- Tr. 14-22.

**Nội dung**: Địa chính trị Ukraina là một minh chứng thực tế điển hình trong đời sống chính trị hiện đại. Ở đó, thế giới chứng kiến sự giành giật gay gắt trong trò chơi vương quyền giữa hai đầu chiến lược là Mỹ và Nga mà tâm điểm là Ukraina. Vậy xoay quanh vấn đề này, “Những bài học lớn từ một nước nhỏ” là gì khi bị cuốn vào vòng xoáy chính trị cường quyền?

**Từ khóa**: Địa chính trị, cạnh tranh, địa chiến lược, Ukraina, Nga, Mỹ

**32. Điều chỉnh về thể chế, pháp luật của Lào trong quá trình tham gia cộng đồng kinh tế ASEAN**/ TS. Nguyễn Ngọc Lan, NCS. Nguyễn Hà Phương// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2018 .- Số 4 (217 ) .- Tr. 12-19.

**Nội dung**: Để thực hiện được các cam kết trong Cộng đồng kinh ế ASEAN (AEC), các bộ, ban, ngành của Lào đang nỗ lực chuẩn bị về mọi mặt. Lào đang đẩy mạnh thực hiện chủ trương “Thu hẹp khoảng cách và phát triển theo hướng hội nhập ASEAN”. Câu hỏi đặt ra là Lào đã có những điều chỉnh nào về thể chế và pháp luật trong quá trình tham gia AEC? Thông qua phương pháp so sánh lịch sử và nghiên cứu tài liệu, bài báo sẽ làm rõ những thay đổi trong chính sách thương mại, đầu tư và lao động của Lào từ năm 2003 đến nay, khi ASEAN thong qua Tuyên bố Hòa hợp ASEAN II, chính thức hóa việc thực hiện ý tưởng về 3 trụ cột của Cộng đồng ASEAN.

**Từ khóa**: ASEAN, Lào, điều chỉnh, pháp luật, thể chế.

**33. Định hướng đối ngoại và hợp tác quốc tế của Kho bạc Nhà nước đến năm 2020** / Trần Quang Đẩu, Vũ Thanh Huyền// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 684 tháng 07 .- Tr. 41-44.

**Nội dung**: Khái quát hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế của kho bạc Nhà nước thực hiện trong quá trình triển khai Chiến lược phát triển Kho bạc đến năm 2020 và định hướng hợp tác quốc tế thời gian tới, đồng thời nhấn mạnh về tác động của yếu tố con người đến hiệu quả của hoạt động hợp tác quốc tế của Kho bạc Nhà nước.

**Từ khoá**: Kho bạc Nhà nước, Hợp tác quốc tế, Đối ngoại

34. **Độ sâu chiến lược biển trong văn kiện đại hội XIX Đảng Cộng sản Trung Quốc**/ Nguyễn Nhâm// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2018 .- Số 4 (200) .- Tr. 72-78.

**Nội dung**: Trong Văn kiện Đại hội XIX (2017), Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đưa ra nhận định: “Việc xây dựng các đảo, đá ở Biển Đông được tích cực thúc đẩy” (ám chỉ việc bồi đắp các đảo và bãi đá ngầm của Việt Nam ở Hoàng Sa và Trường Sa-TG) và đưa ra định hướng: “Kiên trì tính toán tổng thể giữa lục địa và hải dương, đẩy nhanh xây dựng cường quốc biển”…

**Từ khóa**: Trung Quốc, chiến lược biển, văn hóa biển, tham vọng, cường quốc biển, Tứ Sa.

**35. Gia tăng chi tiêu quân sự của Trung Quốc và chiến lược an ninh của Nhật Bản từ 2010 đến nay**/ ThS. Trần Thùy Dương// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2018 .- Số 5 (207) .- Tr. 11-18.

**Nội dung**: Trước sự gia tăng chi tiêu quân sự của Trung Quốc trong những năm gần đây, Nhật Bản đã điều chỉnh chiến lược về an ninh để đối phó. Bài viết này đánh giá tác động của gia tăng chi tiêu quân sự của Trung Quốc tới sự điều chỉnh chiến lược an ninh của Nhật Bản trong bối cảnh hiện nay.

**Từ khóa**: Trung Quốc, Nhật Bản, chi tiêu quân sự, chiến lược an ninh.

**36. Hành xử đối ngoại nhân quyền của một số tổng thống Mỹ**/ PGS. TS. Nguyễn Anh Cường// Châu Mỹ ngày nay .- 2018 .- Số 04 .- Tr. 3-14.

**Nội dung**: Trước những xu hướng không hề biết trước trong chính sách đối ngoại nhân quyền của các Chính quyền Mỹ, bài viết này tìm hiểu bản chất của quá trình đầy biến động, cũng như khám phá cách thức chấp nhận và phản kháng đối với nhân quyền qua một số hành động chủ yếu của các tổng thống Mỹ có mối quan tâm tới nhân quyền một cách nổi bật.

**Từ khóa**: Đối ngoại nhân quyền, Hoa Kỳ, chính sách đối ngoại, quyền con người

**37. Hoa Kỳ trước sự vươn dậy của Trung Quốc/** TS. Cù Chí Lợi// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2018 .- Số 6 (202) .- Tr. 46-54.

**Nội dung**: So sánh về tương quan sức mạnh giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc và đưa ra một số nhận định về ảnh hưởng của sự thay đổi tương quan sức mạnh của Hoa Kỳ và Trung Quốc tới hợp tác và an ninh tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương.

**Từ khóa**: Hoa Kỳ, Trung Quốc, Châu Á – Thái Bình Dương

**38. Hội nhập Châu Âu về an ninh quốc phòng: Thách thức và triển vọng đến 2025**/ NCS. Mạc Như Quỳnh// Nghiên cứu Châu Âu .- 2018 .- Số 4 (211) .- Tr. 3-18.

**Nội dung**: Chính sách An ninh Quốc phòng chung ra đời từ những năm 1990 nhưng đến nay Liên minh Châu Âu vẫn chưa xây dựng được một quân đội thường trực chung, chưa đưa ra được một tiếng nói nhất quán về các vấn đề quốc tế lớn. Sự kiện nước Anh rời khỏi Liên minh đặt ra nhiều vấn đề mới trên con đường phát triển của khối nói chung cũng như triển vọng trong tương lai. Bài viết tập trung phân tích một số nhân tố tác động đến thực tiễn thực hiện Chính sách An ninh Quốc phòng, từ đó đánh giá triển vọng triển khai chính sách đến năm 2025.

**Từ khóa**: EU, đối ngoại, an ninh, quốc phòng, Chính sách An ninh Quốc phòng chung.

**39. Hợp tác giáo dục Việt Nam và Israel giai đoạn 1993-2017: Thực trạng và triển vọng**/ Trần Thị Thu Hương// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2018 .- Số 06 (154) .- Tr. 51-60.

**Nội dung**: Phân tích nhu cầu, thành tựu hợp tác giáo dục – đào tạo giữa hai quốc gia, dự báo triển vọng và đề xuất một số kiến nghị nâng cao hiệu quả hợp tác giáo dục đào tạo giữa Việt Nam và Israel.

**Từ khóa**: Giáo dục, hợp tác giáo dục, Việt Nam, Israel

**40. Hợp tác giữa Việt Nam và Thái Lan trong khuôn khổ tiểu vùng sông Mekong mở rộng từ năm 1992-2016**/ ThS. Nguyễn Thị Tú Trinh// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2018 .- Số 4 (217) .- Tr. 36-42.

**Nội dung**: Nghiên cứu thực trạng hợp tác giữa Việt Nam và Thái Lan trong khuôn khổ tiểu vùng sông Mekong mở rộng từ năm 1992-2016 và đề xuất một vài giải pháp thúc đẩy quan hệ giữa hai nước.

**Từ khóa**: Việt Nam, Thái Lan, quan hệ hợp tác Tiểu vùng Mekhong mở rộng.

**41. Hợp tác kinh tế trong quan hệ đối tác chiến lược Trung Quốc – ASEAN**/ PGS. TS. Nguyễn Huy Hoàng// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2018 .- Số 7 (220) .- Tr. 3-13.

**Nội dung**: Bằng việc phân tích thực trạng, xu hướng của quan hệ kinh tế và sự liên hệ giữa quan hệ kinh tế với quan hệ đối tác chiến lược Trung Quốc – ASEAN, bài viết chỉ ra rằng bên cạnh việc thúc đẩy quan hệ đối tác chiến lược, quan hệ kinh tế Trung Quốc – ASEAN gây nên những cản trở nhất định như làm giảm niềm tin của ASEAN đối với Trung Quốc. Để quan hệ kinh tế là nhân tố thúc đẩy đối tác chiến lược Trung Quốc – ASEAN, hai bên cần phải tìm cách cải thiện niềm tin lẫn nhau, đặc biệt là Trung Quốc cần phải làm cho ASEAN tin tưởng vào động cơ thực sự của nước này trong việc thúc đẩy quan hệ giữa hai bên.

**Từ khóa**: ASEAN, Trung Quốc, quan hệ kinh tế, đối tác chiến lược.

**42. Khủng hoảng nhập cư và những rạn nứt trong lòng Liên minh Châu Âu**/ PGS. TS. Nguyễn Hữu Cát, Đào Thị Mai Liên// Nghiên cứu Châu Âu .- 2018 .- Số 2 (209) .- Tr. 13-23.

**Nội dung**: EU đã có nhiều nỗ lực để đối phó với cuộc khủng hoảng di cư bằng việc đưa ra các chính sách ở cấp độ Liên minh và quốc gia. Nhưng do còn nhiều bất đồng về lợi ích và mục tiêu giữa các thành viên, biểu hiện là sự lúng túng, thiếu đồng thuận trong việc tìm ra biện pháp đồng bộ hiện nay đã khiến bài toán di cư vẫn còn bỏ ngỏ, thậm chí nội khối EU bị chia rẽ một cách tương đối sâu sắc.

**Từ khóa**: Khủng hoảng nhập cư, EU, rạn nứt, kết nối nội khối.

**43. Mô hình “Bá quyền xấu”: Điều chỉnh chính sách đối ngoại của Mỹ dưới chính quyền Trump/** Nguyễn Vũ Tùng// Nghiên cứu Quốc tế .- 2018 .- Số 2 (113) .- Tr. 91-113.

**Nội dung**: Bài báo này cho rằng thuyết “ổn định bá quyền” (hegemonic stability) có thể đưa ra lời giải thích về những điều chỉnh chính sách hiện nay của Mỹ, qua đó có thể dự báo được chiều hướng cũng như đánh giá những tác động của các điều chỉnh đó đến quan hệ Mỹ với các nước nói riêng và cục diện quốc tế nói chung.

**Từ khóa**: Chính sách đối ngoại, Trump, bá quyền, đa phương, hệ thống, trật tự

**44. Một số vấn đề luật pháp quốc tế và xu hướng sử dụng luật pháp quốc tế hiện nay**/ Lê Thị Tuyết Mai// Nghiên cứu Quốc tế .- 2018 .- Số 2 (113) .- 2018 .- Tr. 159-180.

**Nội dung**: Khái quát một số nét nổi bật của hệ thống luật pháp quốc tế, những chủ đề pháp lý quốc tế đang nổi lên và xu hướng các quốc gia áp dụng luật pháp quốc tế hiện nay; đồng thời, tập trung vào một số lĩnh vực liên quan đến chủ quyền, lãnh thổ quốc gia, thương mại, đầu tư và một số vấn đề an ninh phi truyền thống.

**Từ khóa**: Hệ thống pháp luật quốc tế, điều ước quốc tế, áp dụng luật pháp quốc tế, hiệp định thương mại tự do, giải quyết hòa bình tranh chấp quốc tế.

**45. Mục tiêu cường quốc tầm trung và viễn cảnh ngoại giao Việt Nam sau năm 2030**/ TS. Lê Đình Tĩnh// Nghiên cứu Quốc tế .- 2018 .- Số 2 (113) .- Tr. 22-53.

**Nội dung**: Việt Nam đang trở thành một nước ngày càng tích cực đóng góp vào công việc chung của khu vực và thế giới với thế và lực mới. Bài viết này cố gắng làm rõ một số vấn đề lý luận và thực tiễn xoay quanh ý tưởng cường quốc tầm trung cho Việt Nam sau năm 2030.

**Từ khóa**: Ngoại giao Việt Nam, hội nhập quốc tế, cường quốc tầm trung.

 **46. Nỗ lực nâng cao vai trò chính trị của Nhật Bản ở Đông Nam Á trong hai thập niên đầu Chiến tranh Lạnh**/ TS. Hoàng Minh Hằng// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2018 .- Số 9 (211) .- Tr. 16-26.

**Nội dung**: Giới thiệu những đóng góp tích cực của Nhật Bản trong việc giải quyết các vấn đề của khu vực; những sáng kiến và những đóng góp của Nhật Bản vào quá trình hình thành và phát triển các thể chế hợp tác đa phương khu vực do ASEAN đóng vai trò trung tâm, sự tham gia đóng góp vào các hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên Hợp Quốc tại Đông Nam Á.

**Từ khóa**: Nhật Bản, Đông Nam Á, vai trò chính trị

**47. Ngoại giao công chúng Mỹ dưới thời Tổng thống Obama**/ Đào Quyền Trưởng// Châu Mỹ ngày nay .- 2018 .- Số 05 (242) .- Tr. 35-44.

**Nội dung**: Trên cơ sở tìm hiểu về quan điểm và các chương trình ngoại giao công chúng của Chính quyền Obama, bài viết tổng kết lại những thành tựu và hạn chế của ngoại giao công chúng Mỹ dưới thời Tổng thống Obama, đồng thời đưa ra những dự đoán về hướng phát triển của ngoại giao công chúng Mỹ trong những năm tới.

**Từ khóa**: Ngoại giao công chúng, quyền lực mềm, Obama, Mỹ

**48. Nhận định về ảnh hưởng của Trung Quốc đối với CHDCND Triều Tiên và quan hệ Trung – Triều những năm gần đây**/ TS. Hoàng Minh Hằng// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2018 .- Số 6 (208) .- Tr. 3-9.

**Nội dung**: Trong việc giải quyết vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên, Trung Quốc được coi là có vai trò chủ chốt bởi ảnh hưởng đáng kể của Bắc Kinh đối với Bình Nhưỡng. Tuy nhiên, Trung Quốc có thực sự chi phối được Triều Tiên hay không và bản chất của quan hệ Trung – Triều những năm gần đây đã thay đổi như thế nào? Bằng những phân tích cụ thể, bài viết cho rằng Trung Quốc không phải có thể hoàn toàn kiểm soát được Triều Tiên mà ảnh hưởng của Bắc Kinh đối với Bình Nhưỡng cho thấy chỉ ở mức độ hạn chế. Bên cạnh đó, mối quan hệ Trung – Triều cũng không còn mật thiết như trước đây. Tuy nhiên, cho dù thế nào hai bên vẫn cần duy trì tốt mối quan hệ do tầm quan trọng chiến lược của mỗi bên đối với nhau.

**Từ khóa**: Quan hệ Trung – Triều, Vấn đề hạt nhân trên Bán đảo Triều Tiên

**49. Nhân tố Mỹ trong quan hệ Trung - Ấn sau Chiến tranh Lạnh**/ Nguyễn Khánh Như// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2018 .- Số 06 (67) .- Tr. 9-14.

**Nội dung**: Phân tích mối quan hệ Trung - Ấn sau Chiến tranh Lạnh, tác động của yếu tố Mỹ trong quan hệ Trung - Ấn sau Chiến tranh Lạnh, dự báo tác động của yếu tố Mỹ đối với quan hệ Trung - Ấn.

**Từ khóa**: Yếu tố Mỹ, quan hệ Trung - Ấn, đa cực hóa, Chiến tranh Lạnh

50**. Nhận thức bước đầu về phương pháp nghiên cứu trong quan hệ quốc tế**/ TS. Lê Leena// Nghiên cứu Châu Âu .- 2018 .- Số 3 (210) .- Tr. 70-82.

**Nội dung**: Đưa ra những nhận thức bước đầu về phương pháp nghiên cứu trong quan hệ quốc tế. Tác giả chỉ ra xu hướng phát triển và phân loại của các phương pháp nghiên cứu, tính cần thiết trong việc áp dụng phương pháp trong nghiên cứu quốc tế và lý giải tính đa dạng của các phương pháp được áp dụng trong ngành.

**Từ khóa**: Phương pháp nghiên cứu, quan hệ quốc tế, định lượng, định tính.

**51. Nhìn lại 50 năm hợp tác Việt Nam – Lào trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ (1958-2018)**/ ThS. Nguyễn Lê Phương// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2018 .- Số 3 (216) .- Tr. 53-59.

**Nội dung**: Hợp tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là nhiệm vụ chính trị có ý nghĩa chiến lược quan trọng góp phần vào sự phát triển quan hệ hai nước Việt Nam và Lào nói chung, Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng nói riêng trong 50 năm qua. Trên cơ sở đánh giá những kết quả đạt được bài viết nêu lên một số nhận định, kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng hợp tác trong lĩnh vực này hiện nay và trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Hợp tác, đào tạo, Việt Nam, Lào.

**52. Nhìn lại chính sách Biển Đông của Chính quyền Tổng thống Donal Trump**/ Nguyễn Ngọc Hùng// Châu Mỹ ngày nay .- 2018 .- Số 03 (240) .- Tr. 25-33.

**Nội dung:** Phân tích chính sách của Chính quyền Obama trong vấn đề Biển Đông, qua đó rút ra những nhận xét cần thiết về tính tích cực, cũng như những hạn chế của chính sách này.

**Từ khóa**: Chính quyền Obama, chính sách, Biển Đông.

**53. Nhìn lại quan hệ Việt Nam – Trung Quốc năm 2017**/ TS. Nguyễn Thị Phương Hoa, TS. Đặng Thị Thúy Hà, ThS. Nguyễn Mạnh Cường// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2018 .- Số 06 (208) .- Tr. 10-20.

**Nội dung**: Nhìn lại và đánh giá những điểm nổi bật trong quan hệ Việt – Trung năm 2017, phân tích nguyên nhân và xu hướng hợp tác giữa Việt Nam và Trung Quốc trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Quan hệ Việt – Trung, thương mại Việt – Trung, tranh chấp Biển Đông.

54. **Nhìn lại tác động của quan hệ Việt – Trung về tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông giai đoạn 2003-2013**/ Trương Công Vĩnh khanh// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2018 .- Số 4 .- Tr. 47-53.

**Nội dung:** Thông qua phân tích sự thay đổi trong nhận thức của Trung Quốc và ASEAN, bài viết phân tích tác động của mối quan hệ này đến quan hệ Việt – Trung về tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông giai đoạn 2003 – 2013. Từ đó làm cơ sở cho việc đánh giá chính sách đối ngoại của Trung Quốc đối với các nước ASEAN trong những năm sắp tới.

**Từ khóa**: Quan hệ ASEAN – Trung Quốc, quan hệ Việt – Trung, tranh chấp Biển Đông.

55. **Những đặc điểm mới trong quan hệ Trung – Mỹ thời Donald Trump**/ TS. Hoàng Huệ Anh// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2018 .- Số 4 (200) .- Tr. 43-53.

**Nội dung**: Phân tích đặc điểm cá nhân của Tổng thống Mỹ Donal Trump như kinh nghiệm chính trường; sự điều chỉnh thứ tự ưu tiên trong lợi ích cốt lõi của Trung Quốc và Mỹ, sự đối lập trong “quốc tế quan” giữa chính quyền Tập Cận Bình và chính quyền Trump để đưa ra nhận định: cọ sát kinh tế có chiều hướng gia tăng trong cạnh tranh Trung – Mỹ, đồng thời đây sẽ là cơ hội “vàng” để Trung Quốc dành được tiếng nói nhiều hơn trong nền quản trị toàn cầu.

**Từ khóa**: Quan hệ Trung – Mỹ, Donal Trump, lợi ích dân tộc, “Một vành đai, một con đường”

**56. Những điều chỉnh trong chính sách nhập cư của chính quyền Trump và tác động tới cộng đồng người Việt tại Mỹ**/ Đỗ Thị Diệu Ngọc// Châu Mỹ ngày nay .- 2018 .- Số 05 (242) .- Tr. 12-18.

**Nội dung**: Bằng việc phân tích một số điều khoản trong một thỏa thuận về việc nhận lại người Việt Nam hồi hương đã được ký kết giữa hai nước vào năm 2008, bài viết sẽ đưa ra những nhận định về nguy cơ có thể bị trục xuất đối với người Việt tị nạn phạm tội. Phần cuối của bài viết sẽ tìm hiểu một số điều khoản trong Hiến pháp Mỹ liên quan đến việc bảo vệ người nhập cư nói chung và người tị nạn phạm tội nói riêng, từ đó đánh giá những tác động có thể có của nó đến các đối tượng trực tiếp liên quan.

**Từ khóa**: Chính sách nhập cư, người Việt tị nạn, thỏa thuận hồi hương, bắt giữ, trục xuất, hiến pháp Mỹ, bảo vệ

**57. Những điều kiện thuận lợi đưa quan hệ hợp tác Việt Nam – Hàn Quốc trở thành trọng tâm của hợp tác Hàn Quốc - Mê Kông**/ TS. Nguyễn Thị Thắm// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2018 .- Số 7 (209) .- Tr. 3-12.

**Nội dung**: Tìm hiểu những điều kiện thuận lợi trong việc đưa quan hệ hợp tác song phương Việt Nam – Hàn Quốc trở thành hợp tác trọng tâm mang tầm khu vực. Sự bổ sung cho nhau về lợi thế cạnh tranh, sự đồng điệu trong mong muốn hợp tác phát triển, những thành quả to lớn trong hợp tác kinh tế, sự đa dạng và hoàn thiện của các cơ chế hợp tác cũng như sự tham gia tích cực, đầy thiện chí của Việt Nam là những điều kiện thuận lợi tạo nền tảng phát triển và tạo hiệu ứng lan tỏa cho quan hệ hợp tác Việt Nam – Hàn Quốc và Hàn Quốc – Mê Kông trong tương lai.

**Từ khóa**: Hàn Quốc, chính sách phương Nam mới, hợp tác Hàn Quốc – Mê Kông, hợp tác Việt Nam – Hàn Quốc

**58. Những tiến triển trong quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Trung Quốc – Campuchia**/ Đỗ Mạnh Hà// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2018 .- Số 7 (203) .- Tr. 29-37.

**Nội dung**: Phân tích cơ sở thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Trung Quốc – Campuchia; Những tiến triển trong quan hệ chính trị - ngoại giao Trung Quốc – Campuchia; Những tiến triển trong quan hệ kinh tế, quốc phòng – an nin và trong các lĩnh vực khác.

**Từ khóa**: Trung Quốc, Campuchia, quan hệ đối tác chiến lược toàn diện

**59. Phi hạt nhân hóa: Lý thuyết, thực tiễn và hàm ý chính sách đối với Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Triều Tiên**// Trần Thanh Hải, Nguyễn Thị Toan// Nghiên cứu Quốc tế .- 2018 .- Số 2 (113) .- Tr. 138-158.

**Nội dung**: Phân tích một số mô hình lý thuyết về phổ biến vũ khí hạt nhân và ứng dụng vào thực tế trường hợp Nam Phi, từ đó rút ra hàm ý chính sách đối với vấn đề phi hạt nhân hóa Triều Tiên.

**Từ khóa**: Vũ khí hạt nhân, phi hạt nhân hóa, chống phổ biến, Triều Tiên.

**60. Quan điểm của Jean-Jacques Rousseau về chiến tranh và trạng thái chiến tranh từ góc nhìn quan hệ quốc tế**/ Huỳnh Tâm Sáng// Nghiên cứu Châu Âu .- 2018 .- Số 06 (213) .- Tr. 50-61.

**Nội dung**: Trình bày quan điểm của Rousseau về chiến tranh và trạng thái chiến tranh, một số phê pháp đối với quan điểm này.

**Từ khóa**: Rousseau, con người, quốc gia, chiến tranh, quan hệ quốc tế

**61. Quan hệ an ninh – quân sự Việt Nam – Hoa Kỳ dưới thời Tổng thống Barack Obama (2009-2016)**/ Dương Quang Hiệp, Huỳnh Ngọc Quốc// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2018 .- Số 07 (68) .- Tr. 26-31.

**Nội dung**: Làm rõ những thành tựu cơ bản trong quan hệ an ninh – quân sự Việt Nam – Hoa Kỳ trong tám năm cầm quyền của Tống thống B. Obama, qua đó cho thấy sự cần thiết của việc hợp tác an ninh – quân sự với Hoa Kỳ của Việt Nam trong bối cảnh tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông đang có những diễn biến phức tạp.

**Từ khóa**: An ninh – quân sự, quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ

**62. Quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào: Tiếp cận từ góc độ lợi ích quốc gia – dân tộc**/ Đặng Quý Bình// Nghiên cứu Quốc tế .- 2018 .- Số 2 (113) .- Tr. 7-21.

**Nội dung**: Quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào có nguồn gốc từ sự trùng hợp lợi ích chiến lược và sự tương đồng về ý thức hệ . Qua thời gian, quan hệ này không ngừng được xây dựng và vun đắp trên tất cả các lĩnh vực. Tuy nhiên, trong tình hình mới hiện nay, giữa Việt Nam và Lào đã xuất hiện sự khác biệt lợi ích trên một số vấn đề. Điều này dẫn tới nhu cầu nhận thức lại tính chất “đặc biệt” của quan hệ Việt – Lào. Dựa trên cách tiếp cận lợi ích quốc gia – dân tộc, bài báo đề xuất việc xem xét quan hệ Việt – Lào dưới ba góc độ và kiến nghị năm biện pháp để củng cố tính đặc biệt của quan hệ Việt – Lào.

**Từ khóa**: Quan hệ Việt Nam – Lào, đặc biệt, lợi ích quốc gia – dân tộc.

**63. Quan hệ Iran – Trung Quốc dưới thời Tổng thống Ahmadianejad**/ Nguyễn Lê Thy Hương// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2018 .- Số 5 (201) .- Tr. 39-51.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng quan hệ Iran – Trung Quốc dưới thời Tổng thống Ahmadianejad trên các phương diện chính: chính trị đối ngoại, hợp tác về kinh tế, an ninh quân sự và đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng. Bài viết cũng phân tích những yếu tố tác động đến mối quan hệ này, làm rõ những trở ngại chính mà hai nước gặp phải trong quá trình hợp tác, từ đó lý giải tại sao quan hệ hai nước phát triển nhanh chóng những vẫn chưa đạt được như kỳ vọng của chính quyền Ahmadianejad.

**Từ khóa**: Iran, Trung Quốc, quan hệ Iran – Trung Quốc, Ahmadianejad

**64. Quan hệ kinh tế Việt Nam - Cu Ba trong giai đoạn 1960-1975** / Đặng Thị Hồng Vân// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 519 tháng 06 .- Tr. 13-15.

**Nội dung**: Trình bày hợp tác nông nghiệp, quan hệ thương mại, hợp tác khoa học kỹ thuật và kết luận.

**Từ khoá**: Quan hệ kinh tế ,Việt Nam - Cu Ba

**65. Quan hệ Mỹ - Nhật Bản - Ấn Độ - Australia trong năm 2017**/ Nguyễn Văn Lịch, Đồng Văn Đạt// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2018 .- Số 7 (68) .- Tr. 1-10.

**Nội dung**: Ý tưởng liên minh Mỹ - Nhật - Ấn – Australia đã có từ lâu, nhưng năm 2017 ý tưởng này được làm sống lại trong cuộc gặp của bốn nước này tại Philipine. Mặc dù có nhiều cố gắng, nhưng hợp tác bốn bên còn không ít trở ngại. Một hiệp ước an ninh giữa bốn nước khó xảy ra. Quan hệ chủ yếu giữa các nước vẫn là “ba bên” hoặc song phương. Đáng chú ý, Trung Quốc luôn là nhân tố quan trọng tác động đến quan hệ giữa các nước này.

**Từ khóa**: Bốn bên, Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, Mỹ - Nhật - Ấn – Australia

66. **Quan hệ Mỹ - Nhật Bản sau chuyến thăm chính thức Châu Á của Tổng thống Donal Trump tháng 11/2017**/ TS. Bùi Hải Đăng, ThS. Lục Minh Tuấn// Châu Mỹ ngày nay .- 2018 .- Số 02 .- Tr. 16-25.

**Nội dung**: Phân tích những lợi thế của Mỹ trước chuyến thăm Nhật Bản. Nhật Bản trở thành trọng tâm kinh tế - thương mại – công nghệ trong “trục xoay Đông Á mới” của Mỹ. Từ chính sách với Nhật Bản nhìn về sự điều chỉnh chính sách với khu vực Châu Á – Thái Bình Dương của Tổng thống Donal Trump.

**Từ khóa**: Quan hệ Nhật – Mỹ, Tổng thống Donal Trump, quan hệ quốc tế, Đông Bắc Á.

**67. Quan hệ Mỹ - Trung – Nga theo góc nhìn tam giác chiến lược**/ Hoàng Oanh, Trì Trung// Nghiên cứu Quốc tế .- 2018 .- Số 02 (113) .- Tr. 204-229.

**Nội dung**: Nghiên cứu này sử dụng lý thuyết tam giác chiến lược của Lowell Dittmer vào mối quan hệ tay ba Mỹ - Trung – Nga, qua đó cho thấy đây là một công cụ phân tích có ích, có tính giải thích và dự đoán tương đối cao. Nhưng lý thuyết này vẫn còn nhiều hạn chế do cách tiếp cận cấu trúc và duy lí. Nghiên cứu này cho rằng để dự đoán hành vi của các nước trong một quan hệ ba bên, ngoài việc áp dụng mô hình tam giác chiến lược, chúng ta cần tính đến các nhân tố tác động khác như chính trị nội bộ ý thức hệ, các tác nhân bên ngoài tam giác, các cuộc khủng hoảng bất ngờ.

**Từ khóa**: Tam giác chiến lược, quan hệ Mỹ - Trung – Nga, lý thuyết quan hệ quốc tế.

**68. Quan hệ Mỹ - Trung về chính trị - an ninh những năm đầu thế kỷ XXI và tác động đối với khu vực Châu Á - Thái Bình Dương**/ Nguyễn Hoàng Hải// Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 512 tháng 03 .- Tr. 10-12.

**Nội dung**: Trình bày những đồng thuận, những bất đồng, một số tác động đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

**Từ khoá:** Quan hệ Mỹ - Trung, Chính trị - an ninh, Châu Á - Thái Bình Dương

**69. Quan hệ Nga – Iran – Thỗ Nhĩ Kỳ bên lề Hội nghị Astana về hòa bình ở Syria**/ TS. Phan Thị Thanh Huyền, NCS. Nguyễn Thị Kim Thanh// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2018 .- Số 05 (153) .- Tr. 23-29.

**Nội dung**: Phân tích những “góc khuất “ trong quan hệ Nga – Iran – Thỗ Nhĩ Kỳ bên lề Hội nghị Astana để giải quyết vấn đề hòa bình ở Syria, từ đó phần nào đánh giá rõ ràng hơn về tương lai hòa bình cho người dân ở Syria – quốc gia được coi là điểm nóng của Trung Đông hiện nay.

**Từ khóa**: Quan hệ Nga – Iran – Thổ Nhĩ Kỳ, Hội nghị Astana, Syria, hòa bình.

**70. Quan hệ Nga – Trung, thực trạng và triển vọng**/ Nguyễn Thị Ánh Thuận// Nghiên cứu Châu Âu .- 2018 .- Số 3 (210) .- Tr. 32-44.

**Nội dung**: Điểm lại những dấu mốc quan trọng trong lịch sử quan hệ ngoại giao Xô – Trung trước kia và Nga – Trung hiện nay và thực trạng phát triển quan hệ kinh tế giữa Xô – Trung trước kia và Nga – Trung hiện nay và thực trạng phát triển quan hệ kinh tế giữa hai nước, từ đó đưa ra những nhận xét về mối quan hệ kinh tế giữa hai cường quốc này.

**Từ khóa**: Quan hệ Nga – Trung, quan hệ kinh tế.

**71. Quan hệ Nhật Bản – Trung Quốc từ Minh Trị duy tân đến Chiến tranh thế giới thứ hai**/ TS. Hoàng Minh Lợi// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2018 .- Số 7 (203) .- Tr. 50-58.

**Nội dung**: Từ sau cạch mạng Minh Trị đến Chiến tranh thế giới thứ hai, quan hệ giữa Nhật Bản và Trung Quốc trải qua những thăng trầm, nhiều biến động, do đó, tác động lớn tới tiến trình phát triển của mỗi quốc gia ở giai đoạn này. Không chỉ vậy, những diễn biến phức tạp trong quan hệ hai nước còn biểu hiện qua các cuộc chiến tranh (Nhật – Thanh, Trung – Nhật) đầy khốc liệt, song cùng với đó quan hệ về chính trị, quân sự và kinh tế vẫn được triển khai như một sự tất yếu. Rõ ràng, đó còn là những nhân tố quan trọng có ảnh hưởng không nhỏ tới chính sách đối ngoại của Nhật Bản và Trung Quốc cũng như quan hệ giữa hai quốc gia ở mỗi thời kỳ, giai đoạn lịch sử tiếp sau.

**Từ khóa**: Quan hệ Nhật Bản – Trung Quốc, Minh Trị duy tân, Chiến tranh thế giới thứ hai

72. **Quan hệ tam giác Mỹ - Trung – Australia trong vấn đề Biển Đông trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI**/ Huỳnh Tâm Sáng// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2018 .- Số 4 .- Tr. 32-38.

**Nội dung**: Phân tích sự vận động trong chính sách của Australia đối với Mỹ và Trung Quốc trong vấn đề Biển Đông trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI. Trên cơ sở xem xét lợi ích và vị thế của Australia, chuyển biến trong quan hệ song phương giữa Australia với Trung Quốc và Mỹ, bài viết làm rõ tính chất các cặp quan hệ và khẳng định rằng Australia đang phát triển chiến lược “cân bằng động” với Mỹ và Trung Quốc. Trước thách thức an ninh tại Biển Đông và tính phức tạp trong quan hệ tam giác giữa Mỹ - Trung – Australia, tác giả nhận định Australia rất linh hoạt trong triển khai chính sách đối ngoại cường quốc tầm trung.

**Từ khóa**: Australia, Biển Đông, cân bằng động, quan hệ tam giác Mỹ - Trung – Australia.

**73. Quan hệ thương mại giữa Việt Nam với các nước Mỹ Latinh là thành viên APEC**/ TS. Trần Đức Vui// Châu Mỹ ngày nay .- 2018 .- Số 03 (240) .- Tr. 42-47.

**Nội dung**: Đề cập đến triển vọng mở rộng thương mại của Việt Nam với ba nước Chle, Peru và Mexico, khi APEC hướng tới xây dựng cộng đồng kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương năng động và gắn kết trong tương lai.

**Từ khóa:** Quan hệ thương mại, Việt Nam, Chile, Peru, Mexico.

**74. Quan hệ thương mại hàng hóa giữa Việt nam và Niu Di- Lân giai đoạn 2010-2016** / Nguyễn Hà Phương// Nghiên cứu Kinh tế .- 2018 .- Số 4(479) tháng 04 .- Tr. 76-85.

**Nội dung**: Phân tích đánh giá quan hệ thương mại hàng hóa giữa Việt nam và Niu Di- Lân giai đoạn 2010-2016, bài viết đưa ra những dự đoán triển vọng hợp tác hai bên đến năm 2020 khi Niu Di- Lân cam kết loại bỏ hoàn toàn thuế quan cho hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam.

**Từ khoá**: Quan hệ thương mại hàng hóa, Kim ngạch thương mại, Việt Nam và Niu Di- Lân

**75. Quan hệ thương mại Việt – Trung năm 2017-2018**/ TS. Nguyễn Xuân Cường, ThS. Phùng Thị Vân Kiều// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2018 .- Số 5 (207) .- Tr. 19-30.

**Nội dung**: Đề cập thực trạng và một số vấn đề đặt ra trong quan hệ thương mại Việt – Trung thời gian gần đây và một số giải pháp khắc phục.

**Từ khóa**: Việt Nam, Trung Quốc, quan hệ thương mại.

**76. Quan hệ thương mại Việt Nam – Kuwait: Thực trạng và triển vọng**/ ThS. Đinh Thị Phương Thảo// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2018 .- Số 03 (151) .- Tr. 41-46.

**Nội dung**: Phân tích tổng quan nền kinh tế và tình hình thương mại quốc tế của Kuwait; thực trạng quan hệ thương mại giữa Kuwait và Việt Nam trong thời gian qua và đề xuất các giải pháp thúc đẩy hợp tác thương mại song phương trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Quan hệ thương mại, Việt Nam với Kuwait

**77. Quan hệ Trung – Mỹ: Hiện tình và triển vọng**/ Trường Lưu// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2018 .- Số 6 (202) .- Tr. 33-45.

**Nội dung**: Phân tích đánh giá quan hệ Trung – Mỹ trong lĩnh vực kinh tế - thương mại và chính trị an ninh tại khu vực Đông Á (chủ yếu trong vấn đề hạt nhân Triều Tiên và vấn đề Biển Đông). Do tác động phức tạp của những nhân tố quốc tế, khu vực và song phương, sau một năm rưỡi kể từ khi Tổng thống Donal Trump lên cầm quyền, quan hệ Trung – Mỹ chưa thể tái định hình và tiềm ẩn nguy cơ căng thẳng gia tăng. Tuy nhiên, sớm muộn quan hệ Trung – Mỹ cũng sẽ phải quay lại quỹ đạo “vừa hợp tác, vừa cạnh tranh”.

**Từ khóa**: Quan hệ Trung – Mỹ, kinh tế - thương mại, chính trị - an ninh

**78. Quan hệ Trung Quốc – Liên minh Châu Âu: Thực trạng và triển vọng**/ TS. Nguyễn Thị Thúy Hằng// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2018 .- Số 4 (200) .- Tr. 54-61.

**Nội dung**: Nghiên cứu đánh giá tình hình quan hệ song phương giữa Trung Quốc và Liên minh Châu Âu từ sau chiến tranh Lạnh đến nay. Tập trung trên ba lĩnh vực là chính trị, kinh tế và nhân quyền, bài viết phân tích hai mặt hợp tác, cạnh tranh và dự báo về xu hướng trong quan hệ Liên minh Châu Âu và Trung Quốc trong tương lai.

**Từ khóa**: Trung Quốc, Liên minh Châu Âu, kinh tế, chính trị, nhân quyền.

**79. Quan hệ Trung Quốc với các quốc gia Nam Á: Hiện trạng và xu thế vận động**/ PGS. TS. Trần Thọ Quang, ThS. Nguyễn Thu Hà// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2018 .- Số 8 (204) .- Tr. 43-53.

**Nội dung**: Trong hơn một thập kỷ gần đây, hợp tác kinh tế và thương mại giữa Trung Quốc và các nước láng giềng phía Nam đã phát triển theo hướng thắt chặt hơn và triển vọng khá tích cực, nhất là trong bối cảnh sáng kiến “Vành đai và Con đường” (BRI) đang được Trung Quốc thúc đẩy mạnh mẽ. Trung Quốc coi Nam Á là một trong những trọng tâm quan trọng hàng đầu trong BRI và mong muốn thông qua sáng kiến này để thúc đẩy các lợi ích và giành ưu thế chiến lược trong cạnh tranh với Ấn Độ tại khu vực.

**Từ khóa**: Trung Quốc, Nam Á, Vành đai và Con đường

**80. Quyền lực cứng của Mỹ và hàm ý cho Việt Nam**/ Nguyễn Thị Thúy Hằng// Châu Mỹ ngày nay .- 2018 .- Số 06 (243) .- Tr. 12-19.

**Nội dung**: Tìm hiểu quá trình xây dựng và phát triển quyền lực cứng của Mỹ từ năm 2000 đến nay và phân tích những thay đổi lớn trong sự vận động của quyền lực cứng của Mỹ từ đó đưa ra những hàm ý cho Việt Nam trong quan hệ với Mỹ.

**Từ khóa**: Quyền lực cứng, Mỹ, Trump, Obama, sức mạnh

**81. Quyền lực chuẩn tắc của EU trong đàm phán Brexit giai đoạn I**/ ThS. Vũ Đoàn Kết, Trần Mai Phương Hồng Ngọc// Nghiên cứu Châu Âu .- 2018 .- Số 5 (212) .- Tr. 10-20.

**Nội dung**: Giới thiệu về khái niệm quyền lực chuẩn tắc trong nghiên cứu EU và việc EU đã áp dụng thành công quyền lực chuẩn tắc trong đàm phán Brexit giai đoạn I với Anh từ tháng 6 đến 12/2017.

**Từ khóa**: EU, quyền lực chuẩn tắc, normative power, Brexit

**82. Sự tiến triển trong quan hệ chính trị - ngoại giao giữa Ấn Độ và Myanmar giai đoạn 1992-2011**/ ThS. Nguyễn Tuấn Bình// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2018 .- Số 3 (216) .- Tr. 28-35.

**Nội dung**: Đề cập về mối quan hệ hai nước Ấn Độ và Myanmar từ năm 1992 đến năm 2011 và đưa ra một số nhận xét, đánh giá; qua đó giúp người đọc hiểu rõ hơn về chính sách đối ngoại của Ấn Độ - Myanmar trong giai đoạn nghiên cứu.

**Từ khóa**: Ấn Độ, Myanmar, chính trị, ngoại giao, quan hệ.

**83. Sự tham gia của Lào và Sáng kiến liên kết ASEAN về thu hẹp khoảng cách phát triển trong Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN**/ Keophalyvanh Xaysetha// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2018 .- Số 4 (217) .- Tr. 66-74.

**Nội dung**: Sáng kiến Liên kết ASEAN (IAI) là một sang kiến hợp tác khu vực tập trung tang cường phát triển kinh tế xã hội thông qua các chiến lược nhằm thúc đẩy phát triển cân bằng, giảm nghèo và khắc phục sự chênh lệch trong phát triển, đặc biệt là giữa nhóm các nước ASEAN kém phát triển hơn. Mục đích này phù hợp với các mục tiêu của Lào để rút ngắn khoảng cách phát triển với các nước khác trong khu vực ASEAN. Chính vì vậy, Sáng kiến IAI được Lào đặc biệt quan tâm trong quá trình xây dựng Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN. Bài báo này sẽ tập trung phân tích quan điểm và sự tham gia của Lào vào quá trình triển khai Sáng kiến IAI trong Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN.

**Từ khóa**: ASEAN, Lào, liên kết, thu hẹp khoảng cách phát triển.

**84**. **Tác động của nhân tố Mỹ đến quan hệ Ấn Độ - Nga từ năm 2000 đến năm 2010**/ Hoàng Xuân Trường// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2018 .- Số 4 .- Tr. 8-14.

**Nội dung**: Kể từ khi tuyên bố thiết lập quan hệ đối tác chiến lược vào tháng 10/2000, quan hệ Ấn Độ - Nga đã và đang vận động với những sắc thái mới dưới sự tác động của nhiều nhân tố khách quan và chủ quan. Một trong những nhân tố quan trọng tác động liên tục, xuyên suốt và sâu sắc đến quan hệ Ấn Độ - Nga qua từng thời điểm chính là từ phía Mỹ. Có thể nói tác động của nhân tố Mỹ đến quan hệ Ấn Độ - Nga mang tính hai mặt: vừa thúc đẩy hai nước gắn kết nhau, vừa gây trở ngại cho mối quan hệ này.

**Từ khóa**: Ấn Độ, Nga, Mỹ, quan hệ, đối tác chiến lược.

**85. Tăng cường hợp tác an ninh Nhật – Mỹ và khả năng tác động đến Việt Nam**/ TS. Phan Cao Nhật Anh// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2018 .- Số 9 (211) .- Tr. 27-35.

**Nội dung**: Kể từ khi ông Donald Trump chính thức trở thành Tổng thống Mỹ vào đầu năm 2017 đến nay, xu hướng đáng chú ý trong quan hệ Nhật – Mỹ là củng cố hợp tác an ninh. Đặc biệt, chiến lược Ấn Độ - Thái Bình Dương của Mỹ mới công bố tại hội nghị APEC 2017 có sự tương đồng với tư tưởng của Nhật Bản từng đề ra trước đó. Bài viết này sẽ phân tích, đánh giá hợp tác an ninh Nhật – Mỹ và những khả năng tác động đến Việt Nam.

**Từ khóa**: Ngoại giao Nhật – Mỹ, hợp tác an ninh, Thủ tướng Abe, Tổng thống Donald Trump, Ấn Độ - Thái Bình Dương

**86. Thông điệp Liên bang của Tổng thống Nga năm 2018**/ GS. TS. Vũ Dương Huân// Nghiên cứu Châu Âu .- 2018 .- Số 7 (214) .- Tr. 3-13.

**Nội dung**: Phân tích sự khác biệt của Thông điệp Liên bang 2018, nội dung chủ yếu của Thông điệp Liên bang 2018 – một nhân tố góp phần quan trọng trong chiến thắng ngoạn mục của V. Putin trong cuộc bầu cử tổng thống ngày 18/3/2018.

**Từ khóa**: Thông điệp Liên bang 2018, bầu cử tổng thống, chương trình tranh cử, V. Putin.

**87. Thực trạng và triển vọng hợp tác quốc phòng Việt Nam - Ấn Độ**/ Trần Hoàng Long// Nghiên cứu Ấn Độ và Chấu Á .- 2018 .- Số 5 (66) .- Tr. 23-30.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng hợp tác quốc phòng giữa hai nước Việt Nam - Ấn Độ, qua đó đánh giá triển vọng hợp tác của hai nước trong lĩnh vực này trong giai đoạn tiếp theo.

**Từ khóa**: Việt Nam, Ấn Độ, quan hệ, hợp tác, quốc phòng.

88**. Thương mại Việt Nam – Chile sau Hiệp định Thương mại Tự d**o/ Lê Thị Thu Trang// Châu Mỹ ngày nay .- 2018 .- Số 03 (240) .- Tr. 48-57.

**Nội dung**: Việt Nam – Chile đã đặt nền móng quan hệ từ rất sớm nhưng trao đổi kinh tế thương mại giữa hai nước bắt đầu khởi sắc từ khi Việt Nam gia nhập WTO vào năm 2007. Đặc biệt sau khi Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Chile có hiệu lực vào năm 2014, Việt Nam luôn đạt thặng dư thương mại với Chile…

**Từ khóa**: Quan hệ Việt Nam – Chile, Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – Chile, thương mại hàng hóa.

 **89. Thương mại Việt Nam – Hàn Quốc nhìn từ sự phức tạp của hàng hóa**/ Trương Quang Hoàn// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2018 .- Số 3 (216) .- Tr. 36-44.

**Nội dung**: Khái quát thương mại hàng hóa Việt Nam – Hàn Quốc những năm gần đây. Mức độ phức tạp của thương mại hàng hóa Việt Nam – Hàn Quốc. Một vài nhận định và kết luận.

**Từ khóa**: Hàm lượng công nghệ, Hàn Quốc, thương mại, Việt Nam, yếu tố sản xuất.

**90. Trung Quốc trong tương tác quyền lực trên biển ở khu vực Đông Á: Một cái nhìn lịch sử**/ PGS. TS. Dương Văn Huy// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2018 .- Số 4 (206) .- Tr. 3-15.

**Nội dung**: Phân tích quá trình lịch sử tương tác của Trung Quốc với biển ở khu vực Đông Á qua các triều đại Trung Quốc. Trong đó, bài viết phân tích việc các triều đại Trung Quốc thực hiện chính sách “hải cấm”, tác động đến sự tương tác của Trung Quốc với biển…

**Từ khóa**: Trung Quốc, Đông Á, Biển Đông, Biển Hoa Đông, quyền lực biển

**91. Trung Quốc với an ninh khu vực Tây Nam Á từ sau Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc tới nay**/ TS. Lê Văn Mỹ, TS. Đỗ Minh Cao// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2018 .- Số 5 (201) .- Tr. 60-74.

**Nội dung**: Tây Nam Á là địa bàn quan trọng góp phần đảm bảo an ninh kinh tế cho Trung Quốc, nhưng đây cũng là khu vực bất ổn, dễ đem đến những nguy cơ về an ninh đối với Trung Quốc. Hiện nay, với chiến lược “Vành đai, con đường”, Trung Quốc có vai trò tăng cường đảm bảo an ninh cho khu vực nhưng đồng thời cũng là nhân tố góp phần làm gia tăng bất ổn tại đây…

**Từ khóa**: Trung Quốc, Tây Nam Á, Con đường tơ lụa, an ninh

**92. Vai trò của Nhật Bản đối với CPTPP**/ ThS. Đỗ Thị Ánh// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2018 .- Số 5(207) .- Tr. 31-39.

**Nội dung**: Sau khi Mỹ rút khỏi Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), thỏa thuận thương mại thế kỷ này dường như đã mất đi động lực. Thế nhưng gần đây, hiệp định này đã lấy lại được sự chú ý đặc biệt khi 11 thành viên còn lại, đi đầu là Nhật Bản nỗ lực tiến tới ký kết một thỏa thuận mới có tên gọi là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Bài viết sẽ làm rõ vai trò của Nhật Bản đối với sự ra đời của hiệp định này.

**Từ khóa**: TPP, CPTPP, Nhật Bản, vai trò, Hiệp định thương mại đa phương.

**93. Văn hóa Đông Sơn trong mối quan hệ với các văn hóa kim khí ở Đông Nam Á lục địa**/ PGS. TS. Trình Năng Chung// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2018 .- Số 4 (217) .- Tr. 3-11.

**Nội dung**: Tìm hiểu mối quan hệ giữa Văn hóa Đông Sơn với các nền văn hóa kim khí ở Campuchia, Lào và Thái Lan.

**Từ khóa**: Văn hóa Đông Sơn, mối quan hệ, văn hóa kim khí, Campuchia, Lào, Thái Lan.

**94. Vấn đề phụ nữ mua vui trong quan hệ chính trị của Hàn Quốc và Nhật Bản (1990-2017)**/ Cao Nguyễn Khánh Huyền// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2018 .- Số 8 (210) .- Tr. 23-29.

**Nội dung**: Nghiên cứu về lịch sử hình thành của vấn đề phụ nữ mua vui trong quan hệ Hàn Quốc – Nhật Bản, những động thái và quan điểm của chính phủ hai bên nhằm giải quyết mâu thuẫn này, đồng thời chỉ ra một số ảnh hưởng của vấn đề nói trên đến quan hệ chính trị giữa hai quốc gia này từ năm 1990 đến năm 2017.

**Từ khóa**: Hàn Quốc, Nhật Bản, vấn đề phụ nữ mua vui

**95. Vị trí của Việt Nam trong chính sách hướng vào Châu Á của Đài Loan**/ TS. Trần Xuân Hiệp, Trần Hoàng Nhung// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2018 .- Số 7 (209) .- Tr. 13-22.

**Nội dung**: Sự gia tăng ảnh hưởng tại Châu Á của các cường quốc trên thế giới trong thế kỷ XXI đã thúc đẩy Đài Loan đổi mới tư duy chiến lược để thích nghi với cục diện mới. Với mục tiêu tăng cường vị trí cũng như vai trò trong sự phát triển của khu vực Châu Á, Đài Bắc đã đề ra “Chính sách hướng Nam mới” với nhiều mối quan tâm hơn cho khu vực Đông Nam Á và sáu nước Nam Á. Nhận thức rõ chính sách của Đài Loan, Việt Nam cần giữ vai trò cầu nối tin cậy và hòa bình để Đài Loan hội nhập vào Châu Á, góp phần thúc đẩy mối quan hệ hợp tác giữa hai bên đạt được các thành tựu trên nhiều lĩnh vực.

**Từ khóa**: Đài Loan, chính sách hướng Nam mới, Châu Á

**96. Việt Nam trong cạnh tranh chiến lược của các nước lớn ở khu vực Đông Nam Á những năm gần đây: Cơ hội và thách thức**/ Hoàng Thị Minh Hoa, Dương Thị Thúy Hiền// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2018 .- Số 4 .- Tr. 54-60.

**Nội dung**: Khái quát sự cạnh tranh ảnh hưởng của các nước lớn ở Đông Nam Á, nhu cầu tăng cường quan hệ với Việt Nam của các nước này những năm gần đây cũng như đối sách, cơ hội và thách thức của Việt Nam trước sự gia tăng cạnh tranh chiến lược lớn tại khu vực.

**Từ khóa**: Cạnh tranh chiến lược, khu vực Đông Nam Á, Việt Nam.

**97. Xung đột tôn giáo, sắc tộc ở khu vực Châu Phi – Trung Đông hiện nay**/ PGS. TS. Trần Thị Lan Hương// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2018 .- Số 05 (153) .- Tr. 3-15.

**Nội dung**: Nhận diện các loại tôn giáo và sắc tộc ở Châu Phi và Trung Đông; xung đột tôn giáo, sắc tộc ở Châu Phi – Trung Đông và nguyên nhân xung đột.

**Từ khóa**: Xung đột tôn giáo, xung đột sắc tộc, Châu Phi, Trung Đông

**PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

**1. An ninh tài chính ở một số quốc gia trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam/** Lê Thị Mai Hương// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 518 tháng 06 .- Tr. 19-21.

**Nội dung**: Tình hình an ninh tài chính ở Việt Nam; Kinh nghiệm đảm bảo an ninh tài chính ở một số quốc gia; hàm ý cho Việt Nam.

**Từ khoá**: Tình hình an ninh tài chính ở Việt Nam; Kinh nghiệm đảm bảo an ninh tài chính ở một số quốc gia; hàm ý cho Việt Nam.

**2. Ảnh hưởng của tham nhũng đến thu hút dòng vốn FDI ở các nước Châu Á**/ Lê Thị Phương Vy, Lê Văn Hòa, Đặng Văn Cường// Kinh tế & phát triển.- 2018 .- Số 252 tháng 06 .- Tr. 11-21.

**Nội dung**: Bài nghiên cứu nhằm đánh giá ảnh hưởng của tham nhũng và chênh lệch tham nhũng đến việc thu hút dòng vốn FDI của 31 nước Châu Á từ 2005 – 2014. Bài viết đã sử dụng các phương pháp ước lượng dành cho dữ liệu bảng như là POLS, FEM, REM. Bên cạnh đó, bài viết cũng sử dụng phương pháp ước lượng GMM để kiểm tra tính vững của mô hình. Kết quả thực nghiệm cho thấy tham nhũng gây cản trở tới việc thu hút dòng vốn FDI. Hơn nữa, đối với các nước tiếp nhận vốn FDI nếu có mức độ tham nhũng cao hơn so với các nước đầu tư sẽ dẫn đến dòng vốn FDI giảm xuống, tuy nhiên, kết quả thực nghiệm cũng chưa cung cấp minh chứng rõ ràng về việc khi tham nhũng ở nước tiếp nhận thấp hơn nước đầu tư thì dòng vốn FDI vào sẽ tăng lên hay không.

**Từ khoá**: FDI, tham nhũng, chênh lệch tham nhũng

**3. ASOSAI và những đóng góp quan trọng cho nền kinh tế châu Á**/ PGS.TS. Đặng Văn Thanh// Kiểm toán.- 2018 .- Số 72 tháng 06 .- Tr. 14-17.

**Nội dung**: Lịch sử hình thành, phát triển và vai trò của ASOSAI và ý nghĩa, tầm quan trọng và những đóng góp của ASOSAI với nền kinh tế châu Á.

**Từ khoá**: ASOSAI, Nền kinh tế châu Á

**4. Bài học kinh nghiệm trong xây dựng quỹ phát triển cộng đồng ở Việt Nam**/ TS. Hoàng Vũ Quang// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2018 .- Số 04 (152) .- Tr. 41-47.

**Nội dung:** Tổng kết lại những bài học kinh nghiệm hay trong xây dựng và vận hành quỹ phát triển cộng đồng tại một số tỉnh trên các khía cạnh môi trường thể chế, tổ chức bộ máy quản lý, nội dung và cơ chế hoạt động, nguồn vốn của quỹ và nâng cao năng lực quản lý. Những bài học này có thể giúp ích cho việc phát triển quỹ xây dựng nông thôn mới.

**Từ khóa**: Quỹ, phát triển cộng đồng, nông thôn

**5. Biến đổi quan hệ đất đai ở vùng dân tộc và miền núi trong thời kỳ đổi mới**/ Trương Minh Đức, Lê Minh Nghĩa, Trương Thị Hạnh// Nghiên cứu Kinh tế .- 2018 .- Số 4(479) tháng 04 .- Tr.60-69.

**Nội dung**: Trình bày các yếu tố khách quan và chủ quan tác động đến biến đổi quan hệ đất đai ở vùng dân tộc và miền núi, đánh giá sự biến đổi quan hệ đất đai và tác động nó đến biến đổi quan hệ dân tộc ở vùng dân tộc thiểu số.

**Từ khoá**: Quan hệ đất đai, Biến đổi quan hệ đất đai, Vùng dân tộc và miền núi

**6. Các yếu tố ảnh hưởng tới lao động trong các hộ gia đình ở Việt Nam**/ Nguyễn Chiến Thắng, Lê Văn Hùng// Nghiên cứu Kinh tế .- 2018 .- Số 480 tháng 05 .- Tr. 77-87.

**Nội dung**: Bài viết mô tả các kết quả điều tra về các yếu tố ảnh hưởng tới lao động hộ gia đình VN theo hai nhóm: nhóm các yếu tố bao gồm yacs động của quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, hội nhập, chính sách dân số; Nhóm các yếu tố vi mô liên quan đến khía cạnh giới tính, dân tộc, mức độ giàu nghèo, vùng miền ...

**Từ khoá**: Lao động, Hộ gia đình, Công nghiệp hóa, Hội nhập

**7. Cách mạng công nghiệp 4.0 với thị trường lao động Việt Nam**/ TS. Phan Thế Công, ThS. Hồ Thị Mai Sương// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2018 .- Số 04 (152) .- Tr. 27-40.

**Nội dung**: Bài viết sử dụng phương pháp phân tích định tính bằng cách thu thập số liệu thứ cấp nhằm trả lời câu hỏi liệu công nghiệp 4.0 có tác động đến nguồn lao động và nó sẽ tạo ra những cơ hội và thách thức gì cho phát triển lao động Việt Nam hiện nay.Từ đó, nhóm tác giả đưa ra một số gợi ý định hướng phát triển cho nguồn nhân lực Việt Nam trong điều kiện công nghiệp 4.0.

**Từ khóa**: Cách mạng Công nghiệp, công nghiệp 4.0, lao động, kỹ năng, việc làm, thị trường lao động Việt Nam.

**8. Chính sách bảo hộ thương mại dưới thời Tổng thống Donal Trump và tác động tới Việt Nam**/ ThS. Trần Thị Mai Thành// Châu Mỹ ngày nay .- 2018 .- Số 04 (241) .- Tr. 41-51.

**Nội dung**: Trình bày về chính sách bảo hộ trong lịch sử thương mại Hoa Kỳ. Chính sách bảo hộ thương mại của Hoa Kỳ dưới thời Tổng thống Donal Trump. Đánh giá tác động tới Việt Nam và một số gợi mở chính sách.

**Từ khóa**: Bảo hộ thương mại, thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ, Donal Trump

**9. Chính sách khoa học và công nghệ của Nhật Bản giai đoạn 1973-1991**/ ThS. Đỗ Thị Thu Hà, Đỗ Gia Hùng// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2018 .- Số 8 (210) .- Tr. 41-50.

**Nội dung**: Trình bày tình hình khoa học và công nghệ Nhật Bản sau Chiến tranh Thế giới thứ hai, chính sách khoa học và công nghệ của Nhật Bản giai đoạn 1973-1991, bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

**Từ khóa**: Nhật Bản, chính sách, khoa học và công nghệ

**10. Chính sách phát triển các Đặc khu kinh tế ở Hàn Quốc và một số vấn đề đặt ra**/ TS. Võ Hải Thanh// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2018 .- Số 9 (211) .- Tr. 44-53.

**Nội dung**: Tìm hiểu tình hình phát triển các đặc khu kinh tế ở Hàn Quốc, các chính sách phát triển hỗ trợ chủ yếu của chính phủ, từ đó chỉ ra những yếu tố dẫn tới thành công cũng như những mặt hạn chế, thách thức cần khắc phục giải quyết.

**Từ khóa**: Hàn Quốc, Đặc khu kinh tế, chính sách

**11. Cơ chế cải thiện khả năng thu hút vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam**/ ThS. Nguyễn Thị Kim Cung// Tài chính - Kỳ 1.- 2018 .- Số 680 tháng 06 .- Tr. 42-44.

Nội dung: Trình bày nhiều kết quả tích cực; Nỗ lực tháo gỡ nhưng vấn còn vướng mắc; Định hướng sửa đổi cơ chế.

**Từ khoá:** Thu hút đầu tư, Đầu tư gián tiếp nước ngoài, Thị trường chứng khoán, Nhà đầu tư

**12. Cơ chế chia sẻ rủi ro trong các dự án PPP: nhìn từ một số nền kinh tế thành viên APEC**/ TS. Vũ Nhữ Thăng, ThS. Nguyễn Đăng Khoa// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 682 tháng 06 .- Tr. 24-26.

**Nội dung**: Trình bày nhu cầu về đầu tư cơ sở hạ tầng trong các nền kinh tế APEC, cơ chế chia sẽ rủi ro trong các dự án PPP, một số gợi ý cho Việt Nam.

**Từ khoá:** Tăng trưởng kinh tế, đầu tư cơ sở hạ tầng, ASEAN, APEC

**13. Cơ sở lý luận và thực tiễn phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam**/ ThS. Nguyễn Văn Tuân// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 684 tháng 07 .- Tr. 48-50.

**Nội dung**: Khẳng định vai trò, vị trí quan trọng của kinh tế tư nhân; Để kinh tế tư nhân thực sự trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế cần phải có sự hỗ trợ đồng bộ và thống nhất của các bộ, ngành liên quan cụ thể ….

**Từ khoá:** Kinh tế tư nhân, Kinh tế xã hội, Ngân sách Nhà nước, Môi trường kinh doanh

**24. Dấu ấn của mô hình nhà nước phúc lợi Đông Á trong quá trình phát triển hệ thống phúc lợi xã hội ở Đài Loan**/ PGS. TS. Phạm Thị Hồng Diệp// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2018 .- Số 7 (203) .- Tr. 59-69.

**Nội dung**: Khái quát một số đặc điểm của mô hình nhà nước phúc lợi Đông Á, xem xét biểu hiện của mô hình nhà nước phúc lợi Đông Á trong quá trình hình thành và phát triển hệ thống phúc lợi xã hội tại Đài Loan, đồng thời lý giải những nhân tố ảnh hưởng tới quá trình phát triển và hiện đại hóa hệ thống phúc lợi xã hội Đài Loan.

**Từ khóa**: Đài Loan, Đông Á, nhà nước phúc lợi, phúc lợi xã hội

**15. Đánh giá ảnh hưởng giảm tốc kinh tế của Trung Quốc tới ASEAN**/ PGS. TS. Phạm Thị Thanh Bình, ThS. Vũ Thị Phương Dung// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2018 .- Số 8 (204) .- Tr. 3-13.

**Nội dung**: Tìm hiểu thực trạng giảm tốc kinh tế của Trung Quốc (từ sau năm 2014), phân tích nguyên nhân giảm tốc kinh tế của Trung Quốc và những tác động của giảm tốc kinh tế Trung Quốc tới các nước ASEAN như thế nào? Để có sự đánh giá chính xác mức độ ảnh hưởng giảm tốc kinh tế của Trung Quốc tới các nước ASEAN cần phải xem xét một cách tổng quát cả vấn đề chiều rộng và chiều sâu. Cuối cùng, bài viết đề cập đến một số tồn tại, hạn chế tới hoạt động kinh tế thương mại Trung Quốc – ASEAN.

**Từ khóa**: Kinh tế Trung Quốc, ASEAN, giảm tốc kinh tế

**16. Đánh giá tác động của tăng thuế gián thu đến nền kinh tế**/ Tô Trung Thành, Nguyễn Thị Thanh Huyền, Nguyễn Việt Phong, Bùi Trinh// Nghiên cứu Kinh tế .- 2018 .- Số 480 tháng 05 .- Tr. 3-14.

**Nội dung:** Trong bối cảnh ngân sách nhà nước hụt thu do chi tiêu thương xuyên lớn, đầu tư không hiệu quả và lộ trình giảm thuế nhập khẩu khi tham gia hội nhập sâu với thế giới, dẫn tới những đề xuất tăng thuế, trong đó có thuế gián thu ( thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế môi trường) lên một số sản phẩm. Nghiên cứu này đánh giá tác động của việc tăng thuế gián thu một số mặt hàng đến các ngành còn lại, từ đó ảnh hưởng đến toàn nền kinh tế qua chỉ số giá sản xuất, tổng gia tăng.

**Từ khoá**: Nợ, Thuế gián thu, Chi phí trung gian, Giá trị sản suất

**17. Đẩy mạnh chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Nghệ An giai đoạn 2017-2020**/ Lê Thị Mỹ Tâm, Bành Thị Vũ Hằng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 517 tháng 05 .- Tr.7-9.

**Nội dung**: Khái quát về chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Nghệ An giai đoạn hiện nay; Đánh giá về thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Nghệ An; Một số giải pháp chủ yếu thực hiện chương trình.

**Từ khoá**: Xây dựng nông thôn mới, Nghệ An

**18. Dịch vụ y tế: tác động của các loại kỹ năng giao tiếp của bác sĩ đối với giá trị cảm nhận của bệnh nhân**/ Lê Nguyễn Hậu, Nguyễn Thị Bích Trâm, Lâm Hiếu Minh// Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á- Jabes.- 2018 .- Số 29(3) tháng 3 .- Tr. 5-22.

**Nội dung**: Thông thường, các nghiên cứu về khách hàng dịch vụ được thực hiện trong bối cảnh khách hàng ở trạng thái tâm lý và thể chất bình thường. Tuy nhiên, trong dịch vụ y tế, hầu hết khách hàng khi đi khám chữa bệnh đều ở trạng thái không tốt. Điều đó ảnh hưởng đến quá trình giao tiếp với bác sĩ và cảm nhận về dịch vụ. Nghiên cứu này nhằm xác định vai trò của cảm nhận của bệnh nhân về hai loại kỹ năng giao tiếp của bác sĩ đến hai dạng giá trị dịch vụ y tế. Với dữ liệu khảo sát từ 262 bệnh nhân, phân tích cho thấy giao tiếp của bác sĩ không đơn thuần là trao đổi thông tin cần thiết cho nghiệp vụ y tế. Nó còn giúp phát triển mối quan hệ xã hội, một điều kiện quan trọng giúp bệnh nhân có trải nghiệm quá trình tốt hơn, dẫn đến kết quả điều trị tốt hơn. Hơn nữa, mặc dù kết quả sức khỏe tốt hơn mới là điều bệnh nhân mong muốn, quá trình dịch vụ là rất quan trọng vì nó có tác động mạnh đến kết quả dịch vụ. Nghiên cứu này còn chỉ ra rằng kỹ năng lắng nghe và kỹ năng tư vấn có ảnh hưởng mạnh như nhau đến giá trị quá trình, nhưng không ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị kết quả của dịch vụ khám chữa bệnh.

**Từ khoá**: Kỹ năng giao tiếp, lắng nghe, tư vấn, giá trị quá trình, giá trị kết quả, dịch vụ y tế

**19. Đo lường mức độ hiệu quả thông tin trên thị trường chứng khoán các nước Đông Nam Á bằng Shannon Entropy**/ Trần Thị Tuấn Anh// Kinh tế & phát triển.- 2018 .- Số 252 tháng 06 .- Tr. 22-29.

**Nội dung**: Bài viết sử dụng giá đóng cửa hàng ngày để tính toán tỷ suất sinh lợi theo ngày của thị trường chứng khoán sáu quốc gia Đông Nam Á gồm Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Thái Lan và Việt Nam. Chuỗi tỷ suất sinh lợi được ký hiệu hóa và tính toán Shannon entropy để tìm bằng chứng cho vấn đề tính hiệu quả thông tin trên các thị trường chứng khoán tương ứng. Kết quả cho thấy thị trường chứng khoán của sáu quốc gia này đều không đạt được trạng thái hiệu quả thông tin, nghĩa là bác bỏ giả thuyết thị trường hiệu quả dạng yếu. Theo đó, Indonesia là quốc gia có mức độ hiệu quả thông tin cao nhất trong khi Việt Nam đứng ở vị trí cuối cùng khi xét trên toàn bộ chuỗi số liệu từ tháng 1 năm 2001 đến tháng 12 năm 2016, cũng như khi xét trong giai đoạn trước khủng hoảng và sau khủng hoảng kinh tế. Trong khi đó, Singapore là quốc gia có mức độ hiệu quả thông tin ổn định nhất ở cả ba giai đoạn trước, trong và sau khủng hoảng.

**Từ khoá**: Shannon entropy, giả thuyết thị trường hiệu quả, thị trường hiệu quả dạng yếu, chuỗi tỷ suất sinh lợi ký hiệu hóa

**20. Đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ**/ Trần Quang Tiến// Nghiên cứu Kinh tế .- 2018 .- Số 480 tháng 05 .- Tr. 88-95.

**Nội dung**: Nghiên cứu các quan điểm khác nhau về đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp, đánh giá hoạt động đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, chỉ ra những vấn đề mà cả Chính phủ và bản thân doanh nghiệp phải khắc phục để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp chỏ và vừa do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Đổi mới sáng tạo, Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Phụ nữ làm chủ

**21. Giải pháp nào để giảm sự lệ thuộc vào thị trường Trung Quốc của nông sản Việt Nam**/ Đoàn Thị Diệp Uyển// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 517 tháng 05 .- Tr.102,101.

**Nội dung**: Trung Quốc là thị trường lớn của nông sản Việt Nam; Giải pháp làm giảm sự lệ thuộc của nông sản Việt Nam vào thị trường Trung Quốc.

**Từ khoá**: Thị trường Trung Quốc, Nông sản Việt Nam

**22. Hàng nông sản Việt Nam trong cuộc chiến với rào cản thương mại quốc tế : thực trạng và giải pháp**/ Phạm Vĩnh Thắng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 518 tháng 06 .- Tr. 7-9.

**Nội dung**: Trình bày thực tiễn và những vấn đề đặt ra; Giải pháp cho thời gian tới.

**Từ khoá**: Hàng nông sản Việt Nam, Rào cản thương mại quốc tế

**23. Hiệu quả kỹ thuật trong khai thác thủy sản: Trường hợp nghề câu xa bờ tại Tỉnh Khánh Hòa**/ Lê Kim Long, Nguyễn Đăng Đức// Kinh tế & Phát triển .- 2018 .- Số 254 tháng 08 .- Tr. 31-39.

**Nội dung**: Chính phủ Việt Nam đã và đang giành nhiều hỗ trợ, như hỗ trợ dầu và tín dụng đóng mới/ hoán cải tàu công suất lớn, để phát triển các nghề cá xa bờ. Nghiên cứu này sử dụng cách tiếp cận DEA (Data Envelopment Analysis) để tính toán hiệu quả kỹ thuật (Technical efficiency - TE) theo định hướng đầu vào của nghề câu xa bờ của tỉnh Khánh Hòa trong năm sản xuất 2015-2016. Kết quả cho thấy bình quân các đầu vào của sản xuất của nghề cá (công suất máy, dầu, số ngày lao động trên biển) hiện đang lãng phí ở mức 12,2%. Hoạt động của nghề câu xa bờ Khánh Hòa cho thấy yếu tố quy mô tàu đang có ảnh hưởng ngược chiều đến hiệu quả kỹ thuật. Hơn nữa, trình độ ngư dân là tương đối thấp. Để hướng đến một nghề cá xa bờ hiện đại và bền vững, các chính sách hỗ trợ hiện tại cần được rà soát lại thận trọng và đồng thời, các chính sách khuyến khích hợp tác trong sản xuất, đào tạo nguồn nhân lực, điều tra về nguồn lợi và tiếp cận tín dụng chính thức cho chi phí vận hành sản xuất của nghề cá xa bờ cũng cần được chú trọng.

**Từ khoá**: Hiệu quả kỹ thuật, nghề câu xa bờ, DEA

**24. Hội nhập quốc tế về khoa học xã hội: Kinh nghiệm Đông Á, Trung Quốc và gợi mở cho Việt Nam**/ GS. TS. Đặng Nguyên Anh// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2018 .- Số 8 (204) .- Tr. 34-42.

**Nội dung**: Khái quát về sự phát triển và hội nhập của khoa học xã hội ở khu vực Đông Á. Tìm hiểu kinh nghiệm quốc tế về phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực khoa học xã hội ở khu vực Đông Á như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan và một số gợi mở cho Việt Nam.

**Từ khóa**: Khoa học xã hội, hội nhập, Đông Á, Trung Quốc, Việt Nam

**25. Hội nhập kinh tế quốc tế tại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay**/ Trần Mạnh Hùng, Trần Đăng Quân// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 517 tháng 05 .- Tr. 91-93.

**Nội dung**: Bản chất của hội nhập kinh tế quốc tế; Đường lối, chủ trương của Đảng về Hội nhập kinh tế quốc tế; Tình hình Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay; Tác động của Hội nhập kinh tế quốc tế đến kinh tế VN.

**Từ khoá**: Hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam

**26. Kinh nghiệm của Nhật Bản và Trung Quốc trong quản lý hoạt động khai thác hải sản và một số hàm ý chính sách cho Việt Nam**/ TS. Hoàng Hồng Hiệp, ThS. Vũ Thái Hạnh// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2018 .- Số 6 (208) .- Tr. 38-47.

**Nội dung**: Phân tích thực tiễn hoạt động quản lý và phát triển ngành khai thác hải sản của Trung Quốc và Nhật Bản – 2 quốc gia Châu Á có đặc điểm ngư trường khá tương đồng với Việt Nam, có ngành đánh bắt hải sản phát triển, nhất là Trung Quốc hiện đang sở hữu đội tàu xa bờ hùng hậu đang trực tiếp cạnh tranh khai thác tại ngư trường Biển Đông. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đúc rút một số bài học kinh nghiệm quan trọng nhằm hoàn thiện chính sách phát triển bền vững ngành hải sản Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Trung Quốc, Nhật Bản, thủy sản, đánh bắt xa bờ, kinh nghiệm

**27. Khoảng cách thu nhập theo giới của lao động làm công ăn lương tại Việt Nam giai đoạn 2012-2014**/ Nguyễn Hoàng Oanh, Hoàng Thu Hằng// Kinh tế & Phát triển .- 2018 .- Số 254 tháng 08 .- Tr. 10-20.

**Nội dung**: Hiện nay, tình trạng chênh lệch thu nhập theo giới còn rất phổ biến, đặc biệt ở những nền kinh tế đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Điều này dẫn tới tình trạng các nguồn lực và các lợi ích phát triển được phân phối một cách phi hiệu quả và không công bằng, gây cản trở tăng trưởng bền vững. Bài viết này sử dụng phương pháp phân rã Blinder-Oaxaca dựa trên bộ số liệu Điều tra mức sống hộ gia đình để tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến khoảng cách thu nhập theo giới của nhóm lao động làm công ăn lương ở Việt Nam giai đoạn 2012- 2014. Kết quả thực nghiệm cho thấy có sự chênh lệch thu nhập giữa lao động nữ và nam; các yếu tố làm giảm khoảng cách thu nhập theo giới gồm khu vực thành thị − nông thôn, trình độ học vấn, ngành, nghề, hình thức sở hữu,…; các yếu tố làm gia tăng khoảng cách thu nhập theo giới gồm dân tộc, tình trạng hôn nhân và các yếu tố không quan sát được như định kiến giới và nhận thức hạn chế về bình đẳng giới của xã hội.

**Từ khoá**: Phương pháp Blinder-Oaxaca, bình đẳng giới, khoảng cách thu nhập theo giới, chênh lệch thu nhập

**28. Kiểm chứng tác động của kiều hối tới tăng trưởng kinh tế Việt Nam dựa trên mô hình ARDL**/ Phạm Thị Hoàng Anh, Phạm Đức Anh// Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á- Jabes.- 2018 .- Số 29(2) tháng 2 .- Tr. 24-39.

**Nội dung**: Nghiên cứu thực hiện kiểm chứng tác động của dòng kiều hối tới tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam. Thông qua việc sử dụng mô hình ARDL cho chuỗi dữ liệu theo quý trong giai đoạn 1996–2016, nghiên cứu tìm thấy mối quan hệ phi tuyến dạng chữ U ngược trong dài hạn giữa kiều hối và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam. Cụ thể, dòng kiều hối chảy vào ở một ngưỡng nhất định có thể kích thích tăng trưởng thông qua tăng cường vốn đầu tư và nhân lực, mở rộng hoạt động trung gian tài chính và thúc đẩy tiêu dùng. Tuy nhiên, nếu dòng kiều hối chảy vào vượt qua điểm ngưỡng đó, tác động trên sẽ chuyển hướng tiêu cực do có thể gây ra tâm lý ỷ lại và những hệ lụy của căn bệnh Hà Lan. Ngoài ra, nghiên cứu không tìm thấy bằng chứng về vai trò xúc tác của phát triển tài chính trong mối quan hệ giữa kiều hối và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Kiều hối; Tăng trưởng kinh tế; Phát triển tài chính; Việt Nam; ARDL

**29. Kinh tế phi chính thức ở Việt nam và một số khuyến nghị**/ ThS. Đinh Thi Luyện// Tài chính - Kỳ 2.- 2018 .- Số 681 tháng 05 .- Tr. 3-7.

**Nội dung**: Khái niệm về kinh tế phi chính thức; Vài nét về kinh tế phi chính thức ở Việt Nam; Một số kiến nghị

**Từ khoá**: Kinh tế phi chính thức, Doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội

**30. Lựa chọn sinh kế và phúc lợi của người dân bị thu hồi đất nông nghiệp: nghiên cứu tại khu vực ven đô Hà Nội**/ Nguyễn văn Công, Nguyễn Việt Hưng// Nghiên cứu Kinh tế .- 2018 .- Số 480 tháng 05 .- Tr. 55-64.

**Nội dung**: Xem xét tác động của việc thu hồi đất nông nghiệp lên người dân, bao gồm cả sinh kế và mức sống của họ tại 4 xã ven đô Hà Nội, nơi có diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi là tương đối lớn.

**Từ khoá**: Đất nông nghiệp, Thu hồi đất, Sinh kế, Phúc lợi

**31. Mô hình hợp tác công - tư và thực tiễn áp dụng tại Việt Nam**/ TS. Đinh Trọng Thắng, TS. Trần Tiến Dũng// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 682 tháng 06 .- Tr. 9-12.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng thu hút dự án PPP, kết quả và những rào cản đặt ra, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần giải quyết, tháo gỡ những rào cản, thu hút nhiều hơn nhữa những dự án PPP tại Việt Nam trong thời gian tới, đáp ứng nhu cần phát triển cơ sở hạ tầng của đất nước.

**Từ khoá**: Mô hình PPP, Hợp tác công - tư, Cơ sở hạ tầng, Chính sách, Ngân sách nhà nước

**32. Mô hình quản lý sự phát triển xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay**/ Nguyễn Quang Thuấn// Nghiên cứu Kinh tế .- 2018 .- Số 4(479) tháng 04 .- Tr.3-16.

**Nội dung**: Bài viết luận giải những nội hàm của quản lý sự phát triển xã hội nhằm thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; trên cơ sở đề xuất các hành động chính sách quản lý sự phát triển xã hội ở Việt Nam.

**Từ khoá:** Phát triển xã hội, Quản lý sự phát triển xã hội, Chính sách phát triển

**33. Mối quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế Việt Nam : Nghiên cứu giai đoạn 2001-2017**/ Bùi Thị Điệp, Mai Bình Dương// Tài chính - Kỳ 1.- 2018 .- Số 680 tháng 06 .- Tr. 39-41.

**Nội dung**: Trình bày các nghiên cứu mối quan hệ giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế; Mô hình, phương pháp và dữ liệu nghiên cứu; Hàm phản ứng và kết luận.

**Từ khoá**: Lạm phát, Tăng trưởng kinh tế, Mối quan hệ, Mô hình VAR

**34. Mối quan hệ giữa lạm phát với thất nghiệp và thực tế nghiên cứu tại Việt Nam**/ ThS. Lê Thị Xoan// Tài chính - Kỳ 2.- 2018 .- Số 681 tháng 05 .- Tr. 8-10.

**Nội dung**: Nghiên cứu về mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp; Thực tế nghiên cứu tại Việt Nam; Kết luận.

**Từ khoá**: Thất nghiệp, Lạm phát, Mối quan hệ đánh đổi, Điều tiết vĩ mô

**35. Một số giải pháp quản lý kinh tế trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của tỉnh Thái Nguyên**/ Phùng Thị Thu Hà, Đỗ Thị Bắc, Nguyễn Quang Thị, Ngọc Linh Trang// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 517 tháng 05 .- Tr.63-65.

**Nội dung**: Bài viết tập trung vào một số giải pháp quản lý kinh tế trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của tỉnh Thái Nguyên.

**Từ khoá**: Quản lý kinh tế, Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất

**36. Một số giải pháp thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam**/ Phạm Hương Thanh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 518 tháng 06 .- Tr. 92-93.

**Nội dung**: Thực trạng hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam; Một số hạn chế và đề xuất; Giải pháp đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế.

**Từ khoá**: Hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam

**37. Một số nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế nhanh và bền vững của Việt Nam**/ TS. Võ Thị Minh Lệ, PGS. TS. Bùi Quang Tuấn/ Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2018 .- Số 03 (151) .- Tr. 47-56.

**Nội dung**: Phân tích một số nhân tố ảnh hưởng đến phát triển nhanh và bền vững của Việt Nam trong thời gian qua, tập trung vào các vấn đề chủ yếu như chất lượng tăng trưởng kinh tế, cán cân thương mại, năng lực cạnh tranh, vấn đề xã hội, môi trường, từ đó đề xuất một số giải pháp.

**Từ khóa**: Các nhân tố ảnh hưởng, phát triển kinh tế nhanh, bền vững, Việt Nam.

**38. Năng lực cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam/** ThS. Hà Thị Liên// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2018 .- Số 04 (152) .- Tr. 48-57.

**Nội dung**: Nghiên cứu tình hình xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam thời gian qua, năng lực cạnh tranh của hàng may mặc Việt Nam, các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh hàng may mặc xuất khẩu.

**Từ khóa**: Xuất khẩu dệt may, hàng may mặc xuất khẩu, năng lực cạnh tranh, nhân tố ảnh hưởng, Việt Nam.

**39. Nghiên cứu cơ sở khoa học hoàn thiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam**/ Đặng Nguyên Anh, Nghiêm Thị Thủy// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 518 tháng 06 .- Tr. 22-25.

**Nội dung**: Tập trung nghiên cứu cơ sở khoa học hoàn thiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Chính sách an sinh xã hội, Việt Nam

**40. Nhận thức và sự thích ứng với biến đổi khí hậu của người dân tộc thiểu số vùng núi Đông Bắc Việt Nam**/ Bùi Thị Minh Hằng// Kinh tế & Phát triển .- 2018 .- Số 254 tháng 08 .- Tr. 21-30.

**Nội dung**: Bài viết phân tích nhận thức về biến đổi khí hậu của các hộ dân tộc thiểu số và những biện pháp mà các hộ áp dụng nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu. Số liệu thu thập thông qua điều tra phỏng vấn 108 hộ dân tộc Kinh và 182 hộ dân tộc thiểu số tại Bắc Kạn và Tuyên Quang. Trên cơ sở so sánh với các hộ dân tộc Kinh, nghiên cứu chỉ ra những hạn chế về nguồn lực, nhận thức và sự thích ứng của các hộ dân tộc thiểu số. Cả hai nhóm hộ đều áp dụng nhiều biện pháp thích ứng khác nhau. Các biện pháp thích ứng phổ biến trong sản xuất nông nghiệp gồm thay đổi lịch canh tác, đa dạng hóa cây trồng, chuyển đổi sang cây trồng mới có khả năng thích nghi tốt hơn. Ngoài những đặc điểm kinh tế - xã hội, khả năng tiếp cận dịch vụ khuyến nông và mức độ nhận thức về biến đổi khí hậu là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến việc áp dụng các biện pháp thích ứng của các hộ dân tộc thiểu số.

**Từ khoá**: Thích ứng, biến đổi khí hậu, dân tộc thiểu số, nông dân, nhận thức

**41. Nhân tố ảnh hưởng đến giải quyết việc làm cho lao động nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa trong quá trình đô thị hóa**/ NCS. Đỗ Minh Tuấn// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 517 tháng 05 .- Tr.26-28.

**Nội dung**: Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến giải quyết việc làm cho lao động nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa trong quá trình đô thị hóa, từ đó đưa ra những giải pháp giải quyết việc làm cho lao động nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Giải quyết việc làm cho lao động nông nghiệp, Thanh Hóa, Quá trình đô thị hóa

**42. Phản ứng của giá cổ phiếu đối với biến động chính sách kinh tế thế giới và chính sách tiền tệ tại Việt Nam**/ Lê Hồ An Châu, Nam Sy Nam// Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á- Jabes.- 2018 .- Số 29(3) tháng 3 .- Tr. 5-22.

**Nội dung**: phân tích thực nghiệm về phản ứng của giá cổ phiếu trước các cú sốc về biến động chính sách kinh tế thế giới và thay đổi trong chính sách tiền tệ tại Việt Nam. Sử dụng mô hình tự hồi quy vector dạng cấu trúc (SVAR) với các ràng buộc trong ngắn hạn và dữ liệu tháng trong giai đoạn từ 01/2008 đến 12/2017, nghiên cứu tìm thấy rằng chỉ số VN-Index phản ứng nhanh và tức thời đối với biến động trong chính sách kinh tế thế giới; cụ thể sự gia tăng trong biến động chính sách làm cho giá chứng khoán biến động mạnh, giảm ngay tức thời sau đó lại tăng lại do những thay đổi trong tâm lý nhà đầu tư và sự can thiệp trong chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước. Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng chính sách tiền tệ mở rộng đại diện bởi sự gia tăng trong cung tiền và tỷ giá làm cho giá cổ phiếu tăng, trong khi phản ứng với sự thay đổi của lãi suất ngắn hạn không có ý nghĩa thống kê. Ngoài ra, một cú sốc giá dầu thế giới cũng dẫn đến một sự giảm tạm thời trong giá cổ phiếu.

**Từ khoá**: Giá cổ phiếu; biến động chính sách kinh tế; chính sách tiền tệ; thị trường chứng khoán; SVAR; Việt Nam

**43. Phát triển cảng cá và dịch vụ nghề cá phục vụ đánh bắt xa bờ tỉnh Quảng Ninh**/ Đào Xuân Thắng, Nguyễn Phượng Lê, Nguyễn Hữu Đạt// Nghiên cứu Kinh tế .- 2018 .- Số 480 tháng 05 .- Tr.65-76

**Nội dung**: Phân tích thực trạng cảng cá và dịch vụ nghề cá phục vụ đánh bắt xa bờ tỉnh Quảng Ninh, chỉ ra nguyên nhân hạn chế, yếu kém và đề xuất các giải pháp khắc phục nhằm thúc đẩy hoạt động đánh bắt xa bờ, góp phần giữ vững chủ quyền biển đảo và phát triển ngành thủy sản tỉnh Quảng Ninh.

**Từ khoá**: Phát triển cảng cá, Dịch vụ nghề cá, Đánh bắt xa bờ, Quảng Ninh

**44. Phát triển kinh tế tư nhân nhằm thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội**/ ThS. Đỗ Lâm Hoàng Trang// Tài chính - Kỳ 2.- 2018 .- Số 679 tháng 05 .- Tr. 11-14.

**Nội dung**: Quá trình đổi mới tư duy của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân; Thực trạng phát triển kinh tế tư nhân ở nước ta; Một số giải pháp phát triển kinh tế tư nhân.

**Từ khoá**: Kinh tế tư nhân, Kinh tế thị trường, Chính sách

**45. Rào cản chống bán phá giá của Hoa Kỳ và tác động đối với hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam**/ Trần Minh Nguyệt// Châu Mỹ ngày nay .- 2018 .- Số 07 (244) .- Tr. 15-24.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng sử dụng biện pháp chống bán phá giá của Hoa Kỳ đối với hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam. Qua đó đánh giá tác động, cũng như chỉ ra những nhân tố hạn chế khả năng ứng phó với rào cản này của ngành thủy sản Việt Nam. Việc xác định chính xác những nhân tố trên chính là căn cứ hết sức quan trọng để nâng cao năng lực ứng phó với rào cản chống bán phá giá tại thị trường Hoa Kỳ của ngành thủy sản Việt Nam.

**Từ khóa**: Chống bán phá giá, thủy sản, xuất khẩu, Việt Nam, Hoa Kỳ

**46. Sự phực hồi và phát triển kinh tế Mỹ sau khủng hoảng tài chính 2008-2009**/ Nguyễn Thanh Quý// Châu Mỹ ngày nay .- 2018 .- Số 06 (243) .- Tr. 41-50.

**Nội dung**: Trên cơ sở điểm lại nguyên nhân, diễn biến và các chính sách ứng phó khủng hoảng của Chính phủ Mỹ, bài viết đánh giá sự phục hồi và phát triển của kinh tế Mỹ trên một số lĩnh vực vốn chịu tác động nặng nề nhất trong cuộc khủng hoảng là: nhà đất, lao động, chứng khoán, công nghiệp ô tô.

**Từ khóa**: Chính phủ Mỹ, khủng hoảng tài chính kinh tế, TARP, ARRA, kinh tế Mỹ

**47. Sự trỗi dậy của Trung Quốc trong nền kinh tế toàn cầu và hệ quả đến các quốc gia ASEAN-6**/ Huỳnh Thái Huy// Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á- Jabes.- 2018 .- Số 29(3) tháng 3 .- Tr. 56-84.

**Nội dung**: Toàn cầu hóa cùng sự trỗi dậy của Trung Quốc trong ba thập kỷ qua đã làm thay đổi sâu sắc cấu trúc kinh tế thế giới. Các thay đổi trong liên kết thương mại giữa Trung Quốc, Mỹ cùng các quốc gia ASEAN-6 ảnh hưởng cơ chế truyền dẫn chu kỳ kinh doanh quốc tế đến ASEAN-6. Để đánh giá tác động, tác giả sử dụng mô hình GVAR với ba thiết lập tỷ trọng thương mại nhằm nắm bắt các thay đổi trong liên kết thương mại thế giới. Các kết quả chỉ ra rằng, tác động dài hạn của cú sốc GDP Trung Quốc lên GDP ASEAN-6 (ngoại trừ Thái Lan) năm 2016 mạnh hơn so với cú sốc năm 2000. Đồng thời, tác động của cú sốc GDP Mỹ năm 2008 lên GDP ASEAN-6 (ngoại trừ Indonesia) thấp hơn so với năm 2000. Các phát hiện giúp giải thích vì sao các quốc gia khu vực ASEAN hồi phục nhanh chóng sau cuộc khủng hoảng toàn cầu 2008

**Từ khoá**: Mô hình kinh tế vĩ mô toàn cầu, GVAR, liên kết thương mại, chu kỳ kinh doanh quốc tế

**48. Tác động của giá dầu tế giới đến các yếu tố vĩ mô tại Việt Nam**/ Nguyễn Ngọc Tú Vân, Đào Tuyết Lan// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 682 tháng 06 .- Tr. 59-61.

**Nội dung**: Triình bày các nghiên cứu thực nghiệm; Mô hình, phương pháp và dữ liệu nghiên cứu; kết quả nghiên cứu; Hàm ý chính sách và một số đề xuất.

**Từ khoá**: Chính sách tiền tệ, lạm phát, GDP, Giá dầu thế giới

**49. Tác động của sự nâng cao năng suất nhân tố tổng hợp và các nhân tố hợp thành đối với tăng trưởng kinh tế của Hàn Quốc trong những thập kỷ gần đây**/ TS. Dương Minh Tuấn// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2018 .- Số 9 (211) .- Tr. 54-60.

**Nội dung**: Khảo sát các nhân tố về cải tiến kỹ thuật và hiệu quả của kỹ thuật, sự nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cũng như sự tác động của các nhân tố này đối với sự gia tăng năng suất nhân tố tổng hợp và tăng trưởng kinh tế của Hàn Quốc trong vài thập kỷ trở lại đây.

**Từ khóa**: Hàn Quốc, tăng trưởng kinh tế, năng suất nhân tố tổng hợp (TFP), tiến bộ công nghệ, nguồn vốn nhân lực

**50. Tác động của phát triển kinh tế thị trường đến kinh tế - xã hội Việt Nam sau đổi mới**/ TS. Tạ Thị Đoàn// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 682 tháng 06 .- Tr. 47-50.

**Nội dung**: Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam;Những tồn tại, hạn chế; Một số giải pháp và khuyến nghị.

**Từ khoá**: Hội nhập, kinh tế - xã hội, kinh tế thị trường, thương mại, hàng hóa

**51. Tác động của vốn FDI đên năng suất doanh nghiệp ngành công nghiệp chế tạo kim loại**/ ThS. Lê Phương Thảo// Tài chính - Kỳ 2.- 2018 .- Số 681 tháng 05 .- Tr. 35-37.

**Nội dung**: Cơ sở lý thuyết và khung phân tích; Ước lượng mô hình hồi quy tác động của FDI đến TFP phối hợp đặc trưng doanh nghiệp; Kết luận và gợi ý về chính sách.

**Từ khoá:** FDI, TFP, Ngành công nghiệp chế tạo kim loại

**52. Tác động lan tỏa năng suất từ doanh nghiệp FDI sang doanh nghiệp trong nước ở thành phố Hồ Chí Minh**/ Phạm Đình Long, Huỳnh Quốc Vũ, Phạm Thị Bích Ngọc// Nghiên cứu Kinh tế .- 2018 .- Số 4(479) tháng 04 .- Tr. 70-75.

**Nội dung:** Xem xét tác động lan tỏa năng suất từ doanh nghiệp FDI sang doanh nghiệp trong nước ở thành phố Hồ Chí Minh theo liên kết ngang, liên kết xuôi và liên kết ngược với dữ liệu khảo sát doanh nghiệp VN 2011-2015. Kết quả cho thấy: 1. FDI tạo ra tác động lan tỏa tích cực mạnh mẽ lên năng suất của DN trong nước thông qua liên kết ngược và xuôi, tác động tiêu cực với liên kết ngang; 2. Doanh nghiệp trong nước với nguồn lực con người cao, pahs triển tài chính, có khoảng cách công nghệ thấp có được nhiều lợi ích và năng suất cao từ lan tỏa FDI.

**Từ khoá**: Lan tỏa năng suất, Doanh nghiệp FDI, Doanh nghiệp trong nước, Hồ Chí Minh

**53. Thể chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức của Trung Quốc – Gợi mở cho Việt Nam**/ TS. Nguyễn Thị Ngọc Mai// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2018 .- Số 8 (204) .- Tr. 24-33.

**Nội dung**: Giới thiệu về việc Trung Quốc đã xây dựng hoàn thiện thể chế quản lý, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức và những kết quả đã đạt được nhằm gợi mở cho Việt Nam trong việc đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

**Từ khóa**: Thể chế, đào tạo, bồi dưỡng, cán bộ, công chức, Trung Quốc

**54. Thực trạng và giải pháp phát triển thị trường bất động sản tại thành phố Hồ Chí Minh**/ Phan Đình Nguyên, Tô Thị Nhật Minh, Nguyễn Thị Bích Hồng// Kinh tế & phát triển.- 2018 .- Số 252 tháng 06 .- Tr. 30-38.

**Nội dung**: Bài viết này nghiên cứu thực trạng thị trường bất động sản tại Thành phố Hồ Chí Minh nhằm tìm ra các yếu tố làm bất ổn thị trường và từ đó đề xuất các giải pháp pháp triển thị trường bất động sản. Kết quả nghiên cứu cho thấy nhân tố thể hiện sự bất ổn thị trường chính là sự biến động về giá bất động sản. Nguyên nhân sự bất ổn này có nhiều nhưng chủ yếu do sự thiếu minh bạch về thông tin, chính sách quy hoạch và quản lý thị trường chưa tốt. Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng tốc độ tăng trưởng GDP, chỉ số giá tiêu dùng, dư nợ cho vay bất động sản, chỉ số giá vàng là các yếu tố gây nên sự biến động về giá bất động sản.

**Từ khoá**: Thị trường, Bất động sản, Thành phố Hồ Chí Minh

**55. Tốc độ tăng năng suất lao động của Việt Nam và những tác động tới thu hút vốn FDI**/ TS. Nguyễn Thị Ngọc Loan// Tài chính - Kỳ 2.- 2018 .- Số 681 tháng 05 .- Tr. 32-34.

**Nội dung**: Tốc độ tăng năng suất lao động của Việt Nam hiện nau; Tác động qua lại giữa tăng năng suất lao động với thu hút vốn FDI; Những vấn đề đặt ra trong tăng năng suất lao động và thu hút FDI.

**Từ khoá**: Năng suất lao động, FDI, Công nghiệp, Nông nghiệp, Dịch vụ

**56. Truyền thông xã hội: Dự báo các xu hướng phát triển và một số khuyến nghị đối với doanh nghiệp Việt Nam**/ TS. Nguyễn Trần Hưng// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2018 .- Số 05 (153) .- Tr. 46-57.

**Nội dung**: Trình bày tổng quát các xu hướng phát triển chủ yếu của truyền thông xã hội trong thời gian tới dựa trên những nghiên cứu và nhận định của các tổ chức nghiên cứu thị trường trên thế giới. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số khuyến nghị với các doanh nghiệp Việt Nam nhằm tận dụng tốt nhất các xu hướng này.

**Từ khóa**: Truyền thông xã hội, mạng xã hội, Việt Nam

**57. Ứng dụng phân loại các quốc gia vào nghiên cứu kinh tế**/ TS. Hoàng Khắc Lịch// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2018 .- Số 06 (154) .- Tr. 35-42.

**Nội dung**: Đưa ra bức tranh tổng thể về các hệ thống phân loại quốc gia đang được sử dụng trên thế giới và ưu nhược điểm của chúng, từ đó đưa ra khả năng ứng dụng của các hệ thống phân loại này vào trong quá trình nghiên cứu kinh tế.

**Từ khóa**: Phân loại các quốc gia, ứng dụng, nghiên cứu khoa học, kinh tế

**58. Ước lượng cầu sản phẩm cá cho trường hợp Việt Nam: Sự thay đổi trong kiểu hình tiêu dùng qua thời gian**/ Phạm Đình Long, Huỳnh Công Toại// Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á- Jabes.- 2018 .- Số 29(2) tháng 2 .- Tr. 84-96.

**Nội dung**: Trình bày kết quả phân tích nhu cầu tiêu dùng thịt cá của hộ gia đình Việt Nam bằng mô hình LA/AIDS (Linear Approximated Almost Ideal Demand System). Nghiên cứu không chỉ dừng lại ở việc đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến kiểu hình tiêu dùng thịt cá, mà còn phản ánh tính động trong khuynh hướng tiêu dùng qua thời gian. Kết quả ước lượng được thực hiện bằng phương pháp SUR qua thủ tục kiểm duyệt hai bước Heckman từ bộ dữ liệu chéo VHLSS năm 2010, 2012 và 2014. Các ràng buộc về tính đồng nhất và tính đối xứng được áp đặt trong mô hình ước lượng. Kết quả cho thấy thịt cá đã trở thành mặt hàng tiêu dùng thiết yếu và phổ biến nhưng cầu lại co giãn nhiều hơn theo thu nhập. Tiêu dùng thịt cá ở thành thị có phần phản ứng nhạy cảm hơn trước sự biến động về giá so với khu vực nông thôn do khác biệt mặt bằng chung về giá. Các hộ gia đình thuộc nhóm giàu nhất bị tác động bởi sự thay đổi về giá mạnh hơn so với nhóm hộ thu nhập thấp.

**Từ khoá**: Cầu thịt cá, hệ thống hàm cầu LA/AIDS, tác động giá cả, tác động thu nhập, ước lượng SUR

**59. Vai trò của cộng đồng doanh nghiệp trong thực hiện an sinh xã hội, phát triển bền vững**/ TS. Nguyễn Thị Lan Hương// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 684 tháng 07 .- Tr. 94-96.

**Nội dung**: Tổng quát về vai trò và lợi ích của doanh nghiệp trong thực hiện trách nhiệm an sinh xã hội và giải pháp phát huy hiệu quả trách nhiệm xã hội của cộng đồng doanh nghiệp.

**Từ khoá:** An ninh xã hội, Doanh nghiệp, Kinh tế xã hội, Tăng trưởng xanh

**60. Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường Mỹ và bài học kinh nghiệm**/ Phạm Thị Thanh Bình// Châu Mỹ ngày nay .- 2018 .- Số 07 (244) .- Tr. 3-14.

**Nội dung**: Phân tích vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường Mỹ và đề cập đến những thất bại cơ bản của thị trường, đồng thời nhấn mạnh, cần tránh lặp lại sai lầm gắn dưới nhãn mác phi điều tiết khi bàn về vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường. Cuộc khủng hoảng tài chính Mỹ năm 2008 là minh chứng cho sự bất lực của nhà nước, chứ không phải là phi điều tiết. Bên cạnh đó, bài viết còn đưa ra những đánh giá chung cho hoạt động của nhà nước đối với nền kinh tế Mỹ và rút ra một số bài học kinh nghiệm.

**Từ khóa**: Vai trò nhà nước, thị trường, vai trò, kinh tế mỹ

**61. Vai trò của nhà nước trong quá trình thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường ở Việt Nam**/ Phạm Thị Linh, Vũ Thị Thái Hà// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 518 tháng 06 .- Tr. 13-15.

**Nội dung**: Trình bày thực trạng, vai trò của Nhà nước trong quá trình thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường ở Việt Nam.

**Từ khoá:** Vai trò của nhà nước, Thị trường hóa chi trả dịch vụ môi trường, Việt Nam

**62. Vai trò của tài chính vi mô trong hỗ trợ giảm nghèo tại Thanh Hóa**/ TS. Đỗ Thị Hà Thương// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 684 tháng 07 .- Tr.88-90.

**Nội dung**: Đánh giá thực tế hoạt động của tổ chức tài chính vi mô Thanh Hóa trong việc giảm nghèo đối với phụ nữ và đưa ra một số khuyến nghị nhằm phát huy hiệu quả của tổ chức này trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Tài chính vi mô, Xóa đói giảm nghèo, Phát triển kinh tế phụ nữ

**63. Về mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam từ sau khủng hoảng kinh tế toàn cầu đến nay/** Đặng Thành Chung// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 518 tháng 06 .- Tr. 16-18.

**Nội dung**: Những khiếm khuyết của mô hình tăng trưởng kinh tế VN dưới sự tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu; Vài suy nghĩ về triển vọng mô hình tăng trưởng kinh tế VN trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Tăng trưởng kinh tế, Khủng hoảng kinh tế toàn cầu

**64. Vị thế xã hội, văn hóa và hối lộ của người dân Việt Nam**/ Lê Quang Cảnh// Kinh tế & phát triển.- 2018 .- Số 252 tháng 06 .- Tr. 2-10.

**Nội dung**: Bài viết này nghiên cứu liệu người dân có vị thế xã hội và sống ở khu vực khác nhau có ảnh hưởng tới việc đưa hối lộ khi sử dụng dịch vụ công. Sử dụng số liệu từ Khảo sát Phong vũ biểu tham nhũng toàn cầu Việt Nam, nghiên cứu chỉ rõ những người có địa vị xã hội thấp như có thu nhập thấp, người thuộc nhóm thiểu số có xác suất đưa hối lộ cao hơn, và người dân có khoảng tự do quyết định lớn hơn lại gắn chặt hơn với việc đưa hối lộ. Nghiên cứu cũng phát hiện những người dân sống ở khu vực nông thôn nơi văn hóa làng xã, họ hàng đan xen, những người sống ở nơi chấp nhận việc tố cáo tham nhũng thì có xác suất đưa hối lộ thấp hơn; trong khi người dân sống ở địa phương có khoảng tự do chính sách lớn thì đưa hối lộ nhiều hơn. Kết quả nghiên cứu cung cấp những dẫn chứng thực nghiệm phục vụ cho việc xây dựng và thực hiện chính sách chống tham nhũng ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Hối lộ, người dân, văn hóa, vị thế xã hội

**65. Xác lập quyền sở hữu công nghiệp ở Việt Nam : thực trạng và giải pháp**/ Khổng Quốc Minh// Nghiên cứu Kinh tế .- 2018 .- Số 4(479) tháng 04 .- Tr.42-49.

**Nội dung**: Trình bày việc Xác lập quyền sở hữu công nghiệp; Vai trò của xác lập quyền sở hữu công nghiệptrong phát triển kinh tế xã hội; Một số vấn đề đặt ra đối với hoạt xác lập quyền sở hữu công nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế; Thực trạng hoạt động xác lập quyền sở hữu công nghiệp ở Việt Nam; Một số giải pháp nâng cao hoạt động xác lập quyền sở hữu công nghiệp ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Quyền sở hữu công nghiệp, Xác lập quyền sở hữu công nghiệp, Việt Nam

**66. Xây dựng chính phủ kiến tạo ở Trung Quốc và gợi mở đối với Việt Nam**/ TS. Vũ Kiều Oanh// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2018 .- Số 5 (201) .- Tr. 24-38.

**Nội dung**: Trình bày về quá trình hình thành chính phủ kiến tạo địa phương ở Trung Quốc, giới thiệu một số ví dụ thực tiễn điển hình, đồng thời đánh giá về những hạn chế và xu hướng phát triển của nó, từ đó đưa ra những gợi mở cho Việt Nam.

**Từ khóa**: Chính phủ kiến tạo, chính phủ kiến tạo địa phương, chính phủ kiến tạp phục vụ

**TÀI CHÍNH**

**1. Ảnh hưởng của các yếu tố đến thu nhập ngoài lãi của các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Vũ Xuân Dũng, Đoàn Việt Hùng// Kinh tế và Phát triển .- 2018 .- Số 253 tháng 7 .- Tr. 41-49.

**Nội dung**: Bài viết được thực hiện nhằm xác định các yếu tố nội tại ảnh hưởng đến thu nhập ngoài lãi của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Dữ liệu nghiên cứu từ báo cáo tài chính của 27 ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2005-2016. Nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, phân tích mô hình hồi quy với dữ liệu dạng bảng (Panel data) cùng với mô hình tác động cố định (FEM). Bài viết đã tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập ngoài lãi của các ngân hàng thương mại Việt Nam: Tiền gửi của ngân hàng, Tác động của rủi ro tín dụng, Thanh khoản và Tỷ lệ an toàn vốn. Bài viết đưa ra một số khuyến nghị giúp cải thiện thu nhập ngoài lãi của các ngân hàng thương mại Việt Nam.

**Từ khoá**: Ngân hàng, mô hình tác động cố định, thu nhập ngoài lãi, dữ liệu dạng bảng

**2. Ảnh hưởng của cấu trúc sở hữu đến mức độ công bố thông tin tự nguyện của các công ty niêm yết tại Việt Nam**/ TS. Nguyễn Anh Hiếu, ThS. Lê Minh Duyên// Kế toán & Kiểm toán .- 2018 .- Số 177 tháng 6 .- Tr. 31-36.

**Nội dung**: Trình bày những bằng chứng cho thấy sự tác động ảnh hưởng của cấu trúc sở hữu đến mức độ công bố thông tin tự nguyện của các công ty niêm yết tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Cấu trúc sở hữu, Báo cáo thường niên, Thị trường chứng khoán

**3. Bàn về quản lý vốn của doanh nghiệp vừa và nhỏ**/ Đặng Thị Dung// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 519 tháng 06 .- Tr.16-18.

**Nội dung**: Các kênh dẫn vốn đặc trưng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ; Thực trạng trong quản lý vốn của doanh nghiệp vừa và nhỏ; Giải pháp quản lý vốn hiệu quả.

**Từ khoá**: Quản lý vốn, Doanh nghiệp vừa và nhỏ

**4. Bảo lãnh trong bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai**/ TS. Bùi Đức Giang// Ngân hàng .- 2018 .- Số 13 tháng 06.- Tr. 7-10.

**Nội dung**: Trình bày việc xác lập bảo lãnh và một số khia cạnh khác.

**Từ khoá**: Bảo lãnh trong bán, Cho thuê mua nhà ở

**5. Bội chi ngân sách tỉnh Nghệ An : thực trạng và giải pháp**/ Trịnh Thị Hằng, Đặng Thành Cương// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 517 tháng 05 .- Tr. 16-18.

**Nội dung**: Thực trạng bội chi ngân sáchnhà nước tỉnh Nghệ An trong những năm gần đây; Nguyên nhân bội chi ngân sách tỉnh Nghệ An trong thời gian qua; Giải pháp cải thiện bội chi ngân sáchnhà nước tỉnh Nghệ An trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Bội chi ngân sách, Nghệ An

**6. Các quy định về tiền mã hóa : góc nhìn quốc tế**/ PGS.TS. Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thái Linh// Chứng khoán Việt Nam .- 2018 .- Số 236 tháng 06 .- Tr. 7-11.

**Nội dung**: Bài viết hướng tới các khía cạnh khác nhau của tiền mã hóa, thách thức và rủi ro, cơ hội cũng như triển vọng tương lai của tiễn mã hóa (TMH). Kinh nghiệm quốc tế ban hành Quy định điều chỉnh các hoạt động TMH nhằm đảm bảo nền kinh tế ổn định và phát triển.

**Từ khoá:** Các qui định, Tiền mã hóa

**7. Các yếu tố ảnh hưởng đến phân cấp quản lý ngân sách nhà nước tỉnh Yên Bái**/Phạm Thị Ngọc Vân// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 517 tháng 05 .- Tr. 34-36.

**Nội dung**: Thực trạng phân cấp quản lý nguồn thu và nhiệm vụ chi NSNN; Thực trạng phân cấp trong giám sát, thanh tra, kiểm toán NSNN; Các yếu tố ảnh hưởng đến phân cấp quản lý NSNN trên địa bàn tỉnh Yên Bái; Những kết quả và thành tựu đạt được trong phân cấp quanr lý NSNN ở tỉnh Yến Bái.

**Từ khoá**: Ngân sách nhà nước, Phân cấp quản lý

**8. Chính sách đầu tư cho R&D : kinh nghiệm của một số nước và bài học cho Việt Nam**/ Đỗ Thành Long// Nghiên cứu Kinh tế .- 2018 .- Số 480 tháng 05 .- Tr. 33-45.

**Nội dung**: Trình bày thực trạng đầu tư cho R&D của các quốc gia trên thế giới, phân tích nguồn vốn đầu tư, chính sách tài khóa và các chính sách khuyến khích đầu tư cho R&D.

**Từ khoá**: R&D, Chính sách đầu tư, Chính sách khoa học công nghệ

**9. Chính sách tài khóa thúc đẩy doanh nghiệp phát triển**/ TS. Nguyễn Viết Lợi// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 684 tháng 07 .- Tr. 4-8.

**Nội dung**: Trình bày năng lực doanh nghiepj và môi trường kinh doanh của Việt Nam; Những hỗ trợ từ chính sách tài khóa; Một số khuyến nghị.

**Từ khoá**: Chính sách tài khóa, Doanh nghiệp, Chính phủ, Sản xuất kinh doanh

**10. Chính sách thu hút đầu tư vào giáo dục ngoài công lập khối mầm non và phổ thông: Từ góc nhìn của nhà đầu tư**/ Vũ Minh Đức, Phạm Thị Huyền// Kinh tế và Phát triển .- 2018 .- Số 253 tháng 7 .- Tr. 20-29.

**Nội dung**: Phát triển giáo dục ngoài công lập là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước. Nghiên cứu cho thấy, khung pháp lý cho việc thành lập và vận hành các cơ sở giáo dục khối mầm non và phổ thông ngoài công lập cũng như chính sách thu hút đầu tư vào khu vực này đã sớm được xây dựng và hiệu chỉnh dần từ hơn hai thập kỷ trước. Tuy nhiên, kết quả đạt được đến nay còn rất xa so với mục tiêu. Theo đánh giá của các nhà đầu tư, mặc dù đã có nhiều chính sách được ban hành nhưng chưa nhất quán và thiếu hướng dẫn thực hiện. Các chính sách thu hút đầu tư vào giáo dục chưa thực sự hấp dẫn, còn nhiều rào cản, vướng mắc, đặc biệt sự phân biệt với khu vực công lập, ảnh hưởng rất lớn tới sự phát triển bền vững của khu vực ngoài công lập… Dựa trên ý kiến của các nhà đầu tư và trên cơ sở phân tích thực tiễn, nhóm tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm thay đổi căn bản chính sách thuế, đất đai và quản lý, tạo sự bình đẳng giữa công lập và ngoài công lập, nhằm thu hút đầu tư vào khu vực giáo dục ngoài công lập một cách hiệu quả hơn.

**Từ khoá**: Chính sách thu hút đầu tư; giáo dục ngoài công lập; hệ thống chính sách; nhà đầu tư

**11. Chính sách tiền tệ trong bối cảnh hiện nay**/ TS. Nguyễn Thị Kim Thanh// Chứng khoán Việt Nam .- 2018 .- Số 236 tháng 06 .- Tr. 44-46.

**Nội dung**: Nêu lên những thành tựu đạt được của chính sách tiền tệ (CSTT) trong thời gian qua, đồng thời làm rõ những thuận lợi và khó khăn mà CSTT phải đối mặt trong thời gian tới, từ đó đề xuất những giải pháp CSTT phù hợp với bối cảnh đan xen thuận lợi và khó khăn.

**Từ khoá**: Chính sách tiền tệ

**12. Cơ chế truyền dẫn và những lưu ý trong điều hành chính sách an toàn vĩ mô**/ ThS. Nguyễn Trung Hậu// Ngân hàng .- 2018 .- Số 11 tháng 6 .- Tr. 48-55.

**Nội dung**: Trình bày khái niệm, đặc điểm và mục tiêu của chính sách an toàn vĩ mô; Công cụ của chính sách an toàn vĩ mô; Cơ chế truyền dẫn của chính sách an toàn vĩ mô.

**Từ khoá**: Cơ chế truyền dẫn, Điều hành chính sách an toàn vĩ mô

**13. DANAHARTA mô hình xử lý nợ xấu thành công của Malaysia**/ Bình Nguyên// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2018 .- Số 11 (500) .- Tr. 42-44.

**Nội dung**: Trình bày mô hình tổ chức, chức năng nhiệm vụ, quá trình hoạt động và kết quả đạt được của công ty DANAHARTA.

**Từ khoá**: DANAHARTA, mô hình xử lý nợ xấu, Malaysia

**14. Đẩy mạnh phổ cập tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Thúy Phượng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 517 tháng 05 .- Tr. 97-99.

**Nội dung**: Thực trạng phổ cập tài chính của SMEs tại Việt Nam; Giải pháp đẩy mạnh phổ cập tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Tài chính, Doanh nghiệp nhỏ và vừa

**15. Dịch vụ tài chính nông nghiệp : kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam**/ ThS. Lê Thị Ngọc Phượng//Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 684 tháng 07 .- Tr. 72-74.

**Nội dung**: Trình bày khái niệm tài chính nông nghiệp trong sự phân biệt với tài chính nông thôn, các loại hình tài chính nông nghiệp, đặc biệt hệ thống lại vai trò tài chính nông nghiệp và việc sử dụng tài chính nông nghiệp ở một số nước thông qua các nghiên cứu trên thế giới. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp cho Việt Nam gồm: quản trị tốt và khung pháp lý phù hợp; Phát huy tài trợ trong chuỗi giá trị; xây dựng cơ sở dữ liệu và phát triển sản phẩm chia sẻ rủi ro.

**Từ khoá**: Tài chính nông thôn, Dịch vụ tài chính

**16. Đo lường ổn định tài chính các quốc gia - kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam**/ Vũ Hải Yến// Ngân hàng .- 2018 .- Số 13 tháng 7 .- Tr. 49-56.

**Nội dung**: Giới thiệu một số vấn đề cơ bản về ổn định tài chính và kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc : lựa chọn cơ quan chịu trách nhiệm đo lường và thực thi mục tiêu ổn định tài chính; phương pháp đo lường ổn định tài chính; các tiêu chí lựa chọn chỉ số đo lường ổn định tài chính.

**Từ khoá**: Đo lường ổn định tài chính, các quốc gia, Kinh nghiệm quốc tế, bài học cho Việt Nam

**17. Đổi mới cơ chế đầu tư tài chính cho khoa học xã hội hướng tới nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm**/ Đỗ Diệu Hương// Nghiên cứu Kinh tế .- 2018 .- Số 480 tháng 05 .- Tr. 24-32.

**Nội dung**: Qua phân tích các số liệu đầu tư từ ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ nói chung, cho khoa học xã hội nói riêng trong 10 năm qua, bài viết hướng tới việc nhận diện những mặt được chỉ ra những bất cập và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế đầu tư tài chính theo hướng tự chủ để nâng cao hiệu quả của hoạt động khoa học xã hội vì sự phát triển đất nước trong giai đoạn tới.

**Từ khoá:** Cơ chế tự chủ tài chính, Đầu tư tài chính, Ngân sách nhà nước

**18. Động thái chính sách tiền tệ của Trung Quốc hiện nay và tác động đến nền kinh tế Trung Quốc**/ TS. Đặng Thu Thủy// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2018 .- Số 6 (202) .- Tr. 8-19.

**Nội dung**: Phân tích các chính sách tài chính của Trung Quốc sau Quy hoạch 5 năm lần thứ XIII. Hướng tác động từ chính sách tiền tệ đối với kinh tế Trung Quốc thời gian tới.

**Từ khóa**: Kinh tế, chính sách tiền tệ, Trung Quốc, Quy hoạch 5 năm lần thứ XIII

**19. Giải pháp hoàn thiện khung pháp lý áp dụng cho dự án PPP**/ Nguyễn Đăng Trương// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 682 tháng 06 .- Tr. 17-20.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng các quy định hiện hành, thực tiễn triển khai dự án PPP, nêu rõ các khó khăn và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện khung pháp lý về PPP ở Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khoá**: PPP, dự án đầu tư công, ngân sách Nhà nước, nhà đầu tư

**20. Giải pháp tín dụng hình thành chuỗi giá trị liên kết trong sản xuất lúa gạo xuất khẩu khép kín** / TS. Nguyễn Thị Trúc Phương// Ngân hàng .- 2018 .- Số 11 tháng 6 .- Tr. 33-35.

**Nội dung**: Trình bày thực trạng và giải pháp tín dụng hình thành chuỗi giá trị liên kết trong sản xuất lúa gạo xuất khẩu khép kín.

**Từ khoá**: Tín dụng, Chuỗi giá trị, lSản xuất lúa gạo xuất khẩu khép kín

**21. Giảm lãi suất : một nhiệm vụ của năm 2018**/ TS. Đỗ Quang Trị// Ngân hàng .- 2018 .- Số 11 tháng 6 .- Tr. 9-11.

**Nội dung:** Trình bày tình hình thực hiện trong năm 2017, dự báo năm 2018 và các biện pháp cơ bản về Giảm lãi suất.

**Từ khoá**: Giảm lãi suất, Lãi suất

**22. Giáo dục tài chính cho trẻ em hướng tới phổ cập tài chính quốc gia**/ TS. Trịnh Thị Phan Lan// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2018 .- Số 14 (503) .- Tr. 31-34.

**Nội dung**: Thảo luận về tầm quang trọng và lợi ích của việc giáo dục tài chính từ sớm cho trẻ; đồng thời nhấn mạnh vai trò đồng hành của nhà trường và bố mẹ trong giáo dục tài chính tại gia đình.

**Từ khoá**: Giáo dục tài chính, Tài chính toàn diện

**23. Hạn chế tài chính và cấu trúc kỳ hạn nợ tại các doanh nghiệp Việt Nam**/ Nguyễn Thanh Liêm, Nguyễn Thị Cành, Nguyễn Công Thành// Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á- Jabes.- 2018 .- Số 29(2) tháng 2 .- Tr. 5-23.

**Nội dung**: Nghiên cứu phân tích cấu trúc kỳ hạn nợ của doanh nghiệp với các mức hạn chế tài chính khác nhau tại Việt Nam. Sử dụng phương pháp hồi quy phân vị, kết quả nghiên cứu cho thấy các biến có dấu và ý nghĩa thống kê thay đổi tùy thuộc phân vị của biến cấu trúc kỳ hạn nợ. Ngoài ra, doanh nghiệp có mức hạn chế tài chính chịu ảnh hưởng của rủi ro thanh khoản và bất cân xứng thông tin nhiều hơn, trong khi các doanh nghiệp không có mức hạn chế tài chính (với sức khỏe tài chính tốt hơn) có điều kiện để khắc phục hai yếu tố bất hoàn hảo này trên thị trường. Cả hai nhóm có và không có mức hạn chế tài chính đều thể hiện nhu cầu xử lý chi phí người đại diện cao khi doanh nghiệp đang có nhiều nợ dài hạn. Kết quả nghiên cứu cho thấy tại thị trường đang phát triển như Việt Nam, các doanh nghiệp không có nhiều mức hạn chế tài chính là các doanh nghiệp có phản ứng phù hợp để tận dụng những ích lợi của cấu trúc kỳ hạn nợ. Sử dụng phương pháp phân rã Oaxaca - Blinder, nghiên cứu còn cho thấy chênh lệch của cấu trúc kỳ hạn nợ trung bình của hai nhóm có và không có mức hạn chế tài chính chủ yếu do yếu tố tài sản hữu hình, chất lượng tín dụng và thuế.

**Từ khoá:** Cấu trúc kỳ hạn nợ; Hồi quy phân vị; Phân rã Oaxaca - Blinder

**24. Hiện tượng quá lớn để sụp đổ trong lĩnh vực ngân hàng tại Trung Quốc và một số đề xuất đối với Việt Nam**/ TS. Hà Công Bảo Anh// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2018 .- Số 5 (201) .- Tr. 13-23.

**Nội dung**: Quá lớn để sụp đổ là một hiện tượng chính phủ sẽ cứu trợ những ngân hàng lớn khi chúng bị sụp đổ vì sợ ảnh hưởng đến hệ thống tài chính của quốc gia. Hiện tượng này đã và đang tồn tại tại Trung Quốc khi chính phủ nước này thường xuyên có những gói cứu trợ cho các ngân hàng. Tuy nhiên, Trung Quốc đã có những giải pháp để giảm thiểu những rủi ro trong hệ thống ngân hàng nhằm hướng tới loại bỏ hiện tượng quá lớn để sụp đổ. Bài viết này nghiên cứu hiện tượng này ở Trung Quốc và đưa ra một số đề xuất cho hệ thống ngân hàng Việt Nam.

**Từ khóa**: Quá lớn đế sụp đổ, ngân hàng, phá sản, cứu trợ, bảo hiểm tiền gửi, Trung Quốc, Việt Nam

**25. Hiệu suất sinh lời của giáo dục sau phổ thông và vai trò phát tín hiệu của giáo dục sử dụng phương pháp Lewbels - nghiên cứu thực nghiệm tại Việt Nam**/ Lê Thái Sơn, Nguyễn Thị Minh// Kinh tế và Phát triển .- 2018 .- Số 253 tháng 7 .- Tr. 10-19.

**Nội dung**: Bài viết này nhằm ước lượng suất sinh lời của giáo dục sau phổ thông tại Việt Nam, trong đó có tính đến vai trò phát tín hiệu của giáo dục. Ngoài ra bài viết cũng giải quyết vấn đề biến nội sinh trong ước lượng bằng phương pháp hiện đại của Lewbels (2012). Kết quả ước lượng cho thấy vai trò phát tín hiệu của giáo dục sau phổ thông ở Việt Nam là khá lớn so với vai trò tổng thể của giáo dục – chiếm tới 31.6% cho những người có trình độ đại học và từ 1-5 năm kinh nghiệm, và còn lớn hơn cho người học cao đẳng. Đây là các bằng chứng thực nghiệm để cảnh báo về sự cần đổi mới nội dung tại hệ thống giáo dục sau phổ thông cũng như đưa ra các ước lượng chính xác hơn về suất sinh lời thực sự của giáo dục tại Việt Nam, làm cơ sở cho việc đưa ra các chính sách về đầu tư cho giáo dục.

**Từ khoá**: Hiệu suất sinh lời của giáo dục, phương pháp Lewbels, vai trò phát tín hiệu

**26. Hoàn thiện và phát triển nghiệp vụ thị trường mở trong điều hành chính sách tiền tệ**/ TS. Lê Văn Hải// Ngân hàng .- 2018 .- Số 15 tháng 8 .- Tr. 2-6.

**Nội dung**: Trình bày hoạt động nghiệp thị trường mở trong giai đoạn khủng hoảng thanh khoản của các tổ chức tín dụng; hoạt động nghiệp thị trường mở trong giai đoạn giảm mạnh và ổn định lãi suất trong nền kinh tế; Bài học rút ra từ điều hành hoạt động nghiệp vụ thị trường mở.

**Từ khoá**: Phát triển nghiệp vụ thị trường mở, Điều hành chính sách tiền tệ

**27. Hoạt động và phát triển các công ty Fintech tại Việt Nam**/ TS. Hà Văn Dương, Hà Phạm Diễm Trang // Ngân hàng .- 2018 .- Số 13 tháng 7.- Tr. 36-43.

**Nội dung**: Cơ sở lý luận về hoạt động của các công ty Fintech; Thực tiễn hoạt động và phát triển các công ty Fintech tại Việt Nam; Những đề xuất phatst riển các công ty Fintech tại VN; Kết luận.

**Từ khoá**: Hoạt động và phát triển các công ty Fintech, Việt Nam

**28. Huy động nguồn lực tài chính phát triển giáo dục nghề nghiệp công lập ở Việt Nam**/ ThS. Trần Thế Lữ// Tài chính - Kỳ 1.- 2018 .- Số 680 tháng 05 .- Tr. 45-47.

**Nội dung**: Trình bày chất lượng giáo dục với yêu cầu phát triển và hội nhập; Giải pháp huy động nguồn lực tài chính phát triển giáo dục nghề nghiệp công lập ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Giáo dục nghề nghiệp, Nguồn tài chính, Cơ chế tự chủ

**29. Khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của doanh nghiệp nhỏ và vừa**/ Trịnh Đức Chiều// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 684 tháng 07 .- Tr. 65-68.

**Nội dung**: Tổng quan về tiếp cận tín dụng chính thức của doanh nghiệp nhỏ và vừa, đưa ra luận điểm và hàm ý về chính sách, giúp khu vực doanh nghiệp này tiếp cận tín dụng ngân hàng dễ dàng hơn.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Sản xuất kinh doanh, Tín dụng, Ngân hàng

**30. Kinh nghiệm đầu tư công để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế dài hạn ở EU**/Lê Văn Thu// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 517 tháng 05 .- Tr.107-108,110.

**Nội dung**: Vai trò của đầu tư công; các chính sách và sáng kiến của EU; Thảo luận về SGP và đầu tư công; Kế hoạch đầu tư cho Châu Âu; Lợi ích của một số dự án do EU tài trợ.

**Từ khoá**: Đầu tư công, Tăng trưởng kinh tế, EU

**31. Kinh nghiệm quản lý đầu tư công của một số quốc gia**/ ThS. Đào Thị Hồ Hương// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 682 tháng 06 .- Tr. 93-95.

**Nội dung**: Trình bày quản lý đầu tư công của một số quốc gia và một số bài học cho Việt Nam.

**Từ khoá**: Đầu tư công, phát triển kinh tế, hạ tầng giao thông

**32. Kinh nghiệm quốc tế về phát triển tài chính toàn diện**/ ThS. Nguyễn Mạnh Hùng, ThS. Hoàng Thị Hương Giang//Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 684 tháng 07 .- Tr. 69-71.

**Nội dung**: Trình bày kinh nghiệm quốc tế về tài chính toàn diện của 2 quốc gia như Papua New Guinea và Tazania; từ đó đưa ra khuyên nghị chính sách phát triển tài chính toàn diện ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Tài chính toàn diện, Dịch vụ tài chính, Tổ chức tài chính, Tín dụng

**33. Kinh nghiệm quốc tế về phương thức chi trả tiền gửi được bảo hiệm và khuyến nghị đối với Việt Nam**/ Phương Mai// Ngân hàng .- 2018 .- Số 15 tháng 8 .- Tr. 53-55.

**Nội dung**: Trình bày các phương thức chi trả tiền bảo hiểm, giới thiệu kinh nghiệm thực tiễn về phương thức chi trả tiền bảo hiểm tại một số nước trên thế giới và đưa ra một số khuyến nghị đối với Việt Nam.

**Từ khoá**: Phương thức chi trả tiền bảo hiểm, Kinh nghiệm quốc tế, Việt Nam

**34. Kinh nghiệm quốc tế về quản lý rủi ro dự án PPP**/ ThS. Võ Thanh Trà// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 682 tháng 06 .- Tr. 27-30.

**Nội dung**: Đề cấp tới vấn đề cơ bản về quản lý rủi ro dự án PPP, kinh nghiệm của một số quốc gia và đề xuất khuyến nghị trong việc quản lý các dự án PPP tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Quản lý rủi ro, Dự án PPP, dịch vụ công, ngân sách

**35. Kinh nghiệm quốc tế về quản lý rủi ro tài khóa từ các dự án PPP**/ Nguyễn Thị Lệ Thu// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 682 tháng 06 .- Tr. 21-23.

**Nội dung**: Đưa ra các dự án PPP và mối liên hệ với rủi ro tài khóa, kinh nghiệm các nước trong quản lý rủi ro tài khóa từ các dự án PPP, một số gợi ý cho Việt Nam.

**Từ khoá**: Tài khóa, rủi ro tài khóa, mô hình hợp tác công tư, PPP, cơ sở hạ tầng

**36. Kinh nghiệm xử lý tài sản bảo đảm tại một số nước và bài học cho Việt Nam**/ TS. Đỗ Giang Nam// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2018 .- Số 11 (500) .- Tr. 38-41.

**Nội dung**: Trình bày kinh nghiệm xử lý tài sản bảo đảm (TSBĐ) tại các quốc gia theo hệ thống pháp luật Civil law; Kinh nghiệm xử lý tài sản bảo đảm (TSBĐ) tại các quốc gia theo hệ thống pháp luật Common law; Bài học rút ra trong việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về xử lý TSBĐ tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Kinh nghiệm, Xử lý tài sản bảo đảm, Việt Nam

**37. Lượng hóa nhân tố cơ bản ảnh hưởng đến tiền mặt trong lưu thông tại Việt Nam**/ TS. Tô Huy Vũ, ThS. Đặng Ngọc Hà, ThS. Hoàng Việt Phương, ThS. Trần Thanh Hoa// Ngân hàng .- 2018 .- Số 13 tháng 06.- Tr. 2-6.

**Nội dung**: Sử dụng phương pháp phân tích nhân quả Granger và ước lượng bình phương nhỏ nhất thông thường (OLS) để lượng hóa các nguyên nhân cơ bản làm gia tăng tiền mặt lưu thông trong giai đoạn 2009-2017.

**Từ khoá**: Lượng tố nhân tố, Tiền mặt

**38. Mô hình IS-LM và sự phối hợp chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ**/ TS. Lê Mai Trang// Ngân hàng .- 2018 .- Số 11 tháng 6 .- Tr. 2-8.

**Nội dung**: Trình bày cơ sở lý thuyết về phối hợp chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ trên mô hình IS-LM; Thực trạng phối hợp CSTK và tiền tệ; Kết quả của sự phối hợp CSTK và CSTT.

**Từ khoá**: Mô hình IS-LM, Chính sách tài khóa, Chính sách tiền tệ

**39. Một số gợi ý về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay**/ Trần Thị Thanh Hương// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 518 tháng 06 .- Tr. 104-105

**Nội dung**: Bản chất của ngân sách nhà nước (NSNN); Một số gợi ý về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

**Từ khoá**: Ngân sách nhà nước, Phân cấp quản lý

**40. Một số khó khăn, vướng mắc trong hoạt động mua, bán và xử lý nợ : đề xuất tháo gỡ**/ TS. Đoàn Văn Thắng// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2018 .- Số 11 (500) .- Tr. 13-17.

**Nội dung**: Trình bày khó khăn, vướng mắc trong hoạt động xử lý nợ trước khi có nghị quyết 42 và tiền đề cho sự ra đời nghị quyết 42 của quốc hội; Nghị quyết 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 về thí điểm xử lý nợ xấu và chuyển biến trong hoạt động của VAMC; Một số khó khăn, tồn tại chưa được giải quyết; Đề xuất của VAMC nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động xử lý nợ xấu.

**Từ khoá:** Tài chính, Xử lý nợ xấu

**41. Nâng cao hiệu quả đầu tư các dự án PPP: nhìn từ góc độ chia sẻ lợi ích**/ ThS. Lê Anh Tuấn// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 682 tháng 06 .- Tr. 13-16.

**Nội dung**: Nhận diện lợi ích các bên trong mối quan hệ PPP, thách thức đối với các dự án PPP hiện nay, một số đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư các dự án PPP.

**Từ khoá:** Nhà nước, PPP, phát triển hạ tầng, quản lý chi phí đầu tư

**42. Nâng cao khả năng tiếp cận tài chính cho cá nhân tại Việt Nam**/ TS. Đỗ Thị Hà Thương// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2018 .- Số 14 (503) .- Tr. 28-30.

**Nội dung**: Trình bày khái niệm tiếp cận tài chính toanf diện; Rào cản tài chính toàn diện tại Việt Nam; Hàm ý chính sách.

**Từ khoá:** Tài chính toàn diện, Tiếp cận tài chính

**43. Nâng cao tính chuyển đổi của Việt Nam đồng và một số khuyến nghị**/ PGS.TS. Đào Minh Phúc, ThS. Nguyễn Hữu mạnh, Trần Xuân Hoàng// Ngân hàng .- 2018 .- Số 16 tháng 8 .- Tr. 2-5.

**Nội dung**: Trình bày cơ sở để đồng tiền có khả năng chuyển đổi; Những lợi thế và thách thức của quốc gia có đồng tiền có tính chuyển đổi rộng rãi; Chính sách của Nhà nước trong việc nâng cao vị thế và tính chuyển đổi chuyển đổi của Việt Nam đồng; Một số giải pháp và khuyến nghị chính sách.

**Từ khoá**: Tính chuyển đổi, Việt Nam đồng, Tiền tệ

**44. Năng lực cạnh tranh của các công ty chứng khoán trong điều kiện hiện nay**/ Lê Đức Tố// Tài chính - Kỳ 1.- 2018 .- Số 680 tháng 05 .- Tr. 48-50.

**Nội dung**: Đánh giá thực trạng hoạt động của các công ty chứng khoán hiện nay tại Việt Nam và đưa ra một số kiến nghị nhằm nâng cao sức cạnh tranh của các công ty trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Thị trường chứng khoán, Tình hình tài chính, Nghiệp vụ chứng khoán

**45. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ vay của hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**/ Trương Công Trứ, PGS. TS. Bùi Văn Trịnh// Ngân hàng .- 2018 .- Số 15 tháng 8 .- Tr. 18-24.

**Nội dung**: Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ vay của hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng được thực hiện qua 300 quat sát trên địa bàn, từ đó đưa ra các kết quả, kết luận và giải pháp.

**Từ khoá**: Khả năng trả nợ vay, Hộ nghèo, Tỉnh Só Trăng

**46. Phân tích những rào cản tiếp cận tín dụng của nông hộ VAC tại huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc**/ Đỗ Xuân Luận, Vũ Thị Thúy// Kinh tế và Phát triển .- 2018 .- Số 253 tháng 7 .- Tr. 80-90.

**Nội dung**: Phân tích những rào cản tiếp cận tín dụng của mô hình VAC dựa trên số liệu khảo sát từ 90 hộ VAC, được tiến hành năm 2017 trên địa bàn huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Thống kê mô tả và mô hình logit được sử dụng nhằm so sánh sự khác biệt về doanh thu, chi phí, lợi nhuận giữa các hộ VAC vay và không vay vốn, đồng thời phân tích rào cản tiếp cận tín dụng của các hộ VAC. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng các nông hộ VAC có nhu cầu lớn về tín dụng. Lợi nhuận từ những mô hình VAC có vay vốn cao hơn 1,8 lần so với mô hình VAC không vay vốn. Rào cản chủ yếu trong tiếp cận tín dụng của nông hộ VAC là thiếu tài sản thế chấp, quy mô diện tích nhỏ lẻ và mức thu nhập thấp. Dựa trên kết quả phân tích, nghiên cứu đề xuất cần đẩy mạnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để nông hộ có thể sử dụng thế chấp ngân hàng, khuyến khích tích tụ ruộng đất và công nhận tài sản trên đất làm tài sản thế chấp để mở rộng lượng vốn cho vay phát triển kinh tế VAC.

**Từ khoá**: Tín dụng, rào cản, nông hộ VAC, Tam Dương, Vĩnh Phúc

**47. Phát hiện sai sót và gian lận thông tin trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp : nghiên cứu tại Việt Nam**/ PGS.TS. Nguyễn Thị Laon, ThS. Nguyễn Việt Hồng Anh// Ngân hàng.- 2018 .- Số 14 tháng 07 .- Tr. 34-41.

**Nội dung**: Giới thiệu, cơ sở lý thuyết và tổng quan các nghiên cứu trước, phương pháp nghiên cứu và mô hình nghiên cứu thực nghiệm, kết quả nghiên cứu thực nghiệm, kết luận và khuyến nghị.

**Từ khoá**: Gian lận thông tin, Báo cáo tài chính, Doanh nghiệp

**48. Phát triển bền vững thị trường tín dụng nông thôn**/ TS. Nguyễn Thị Việt Nga// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 684 tháng 07 .- Tr. 84-87.

**Nội dung:** Trình bày vai trò của tín dụng nông nghiệp; đề ra một số giải pháp đồng bộ và mạnh mẽ để tạo động lực thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững thị trường tín dụng nông nghiệp, nông thôn.

**Từ khoá**: Thị trường tín dụng, Tín dụng nông thôn, Phát triển bền vững

**49. Phát triển tài chính toàn diện tại Việt Nam trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0**/ TS. Nguyễn Thị Tuyết Nga//Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 684 tháng 07 .- Tr. 75-77.

**Nội dung**: Bài viết làm rõ vai trò quan trọng, những đóng góp của phát triển tài chính taonf diện trong xu thế hội nhập quốc tế nagyf càng sâu rộng hiện nay; đồng thời, nhận diện những hạn chế để đề xuất giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện hơn hoạt động tài chính tại Việt Nam trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0.

**Từ khoá**: Tài chính toàn diện, Cách mạng, công nghiệp 4.0, Hội nhập

**50. Quản lý sử dụng ngoại tệ trên lãnh thổ Việt Nam : thực trạng và giải pháp**/ TS. Nguyễn Văn Phương// Ngân hàng.- 2018 .- Số 09 tháng 05 .- Tr. 6-9.

**Nội dung**: Trình bày cơ sở lý thuyết và kinh nghiệm quốc tế về việc sử dụng ngoại tệ trong lãnh thổ của một quốc gia; Thực trạng sử dụng ngoại tệ trên lãnh thổ Việt Nam; Giải pháp khắc phục căn bản tình trạng sử dụng ngoại tệ trên lãnh thổ Việt Nam giai đoạn 2015-2030.

**Từ khoá:** Quản lý sử dụng ngoại tệ, Việt Nam

**51. Quản trị rủi ro tài khóa ở Việt Nam: những vấn đề đặt ra**/ Trương Bá Tuấn// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 682 tháng 06 .- Tr. 4-8.

**Nội dung**: Tổng quan chung về rủi ro tài khóa, nhận diện rủi ro tài khóa ở Việt Nam, những vấn đề cần lưu ý, mottj số giải pháp và khuyến nghị.

**Từ khoá**: Tài khóa, Tài chính, Rủi ro tài khóa, Ngân sách, Nợ công

**52. Quốc tế hóa đồng Nhân dân tệ trong chiến lược toàn cầu của Trung Quốc**/ TS. Tô Thị Ánh Dương// Ngân hàng .- 2018 .- Số 15 tháng 8 .- Tr. 47-52.

**Nội dung**: Mục tiêu quốc tế hóa đồng Nhân dân tệ (RMB), thực tiễn quốc tế hóa đồng RMB,các biện pháp quốc tế hóa đồng RMB, Một số giải pháp của Việt Nam trước xu thế đẩy mạnh quốc tế hóa đồng RMB của Trung Quốc.

**Từ khoá**: Quốc tế hóa đồng RMB, Chiến lược toàn cầu, Trung Quốc

**53. SCIC và hoạt động tái cấu trúc tài chính các doanh nghiệp nhà nước**/ Trần Xuân Tú// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 682 tháng 06 .- Tr. 62-65.

**Nội dung**: Kết quả hoạt động tái cấu trúc tài chính các doanh nghiệp nhà nước của SCIC, một số đánh giá chung, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

**Từ khoá**: Tái cấu trúc tài chính, doanh nghiệp nhà nước

**54. Sử dụng công cụ tài chính nâng cao khả năng cạnh tranh xuất khẩu hàng hóa ở Thái Lan**/ ThS. Hà Thị Liên// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2018 .- Số 03 (151) .- Tr. 31-40.

**Nội dung**: Phân tích việc sử dụng các công cụ tài chính này ở Thái Lan trong thúc đẩy xuất khẩu và nâng cao khả năng xuất khẩu hàng hóa, rút ra một số bài học kinh nghiệm cho các nước đang phát triển.

**Từ khóa**: Công cụ tài chính, khả năng cạnh tranh, xuất khẩu, Thái Lan

**55. Sự phát triển của khu vực tài chính, ngân hàng và bảo hiểm Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế**/ TS. Nguyễn Phú Hà// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2018 .- Số 05 (153) .- Tr. 41-45.

**Nội dung**: Dựa trên số liệu chính thức do Tổng Cục thống kê công bố giai đoạn 2011-2015 và Ngân hàng thế giới công bố giai đoạn 2011-2016, bài viết tập trung làm rõ các khía cạnh phát triển tài chính, ngân hàng, bảo hiểm của Việt Nam trên các nội dung: Sự phát triển của khu vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm Việt Nam thời gian qua; so sánh một số chỉ tiêu phát triển tài chính, ngân hàng Việt Nam với các quốc gia khác; đánh giá chung và kết luận về thực trạng phát triển của khu vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm nhằm thúc đẩy tầm quan trọng và vai trò của khu vực này trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

**Từ khóa**: Tài chính, bảo hiểm, ngân hàng Việt Nam.

**56. Tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 đến thị trường tài chính Việt Nam**/ ThS. Trần Thị Lương// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 684 tháng 07 .- Tr. 58-61.

**Nội dung**: Trình bày những tác động trên phương diện cơ hội lẫn thách thức của cách mạng công nghiệp 4.0 đến thị trường tài chính Việt Nam, từ đó đưa ra một số đề xuất để năm bắt cơ hội trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Cách mạng công nghiệp 4.0, Thị trường tài chính, Số hóa

**57. Tác động của cấu trúc sở hữu đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp cổ phần hóa niêm yết ở Việt Nam và một số khuyến nghị**/ TS. Đoàn Ngọc Phúc// Ngân hàng .- 2018 .- Số 15 tháng 8 .- Tr. 32-37.

**Nội dung**: Phân tích thực nghiệm để kiểm tra tác động của cấu trúc sở hữu đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp cổ phần hóa niêm yết trên 2 sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM và Hà Nội, từ đó đưa ra một số khuyến nghị.

**Từ khoá**: Cấu trúc sở hữu , Hiệu quả hoạt động kinh doanh, Doanh nghiệp cổ phần hóa

**58. Tác động của hội nhập tài chính đến phát hành trái phiếu chính phủ**/ NCS. Trần Thị Thu Hương// Tài chính - Kỳ 1.- 2018 .- Số 680 tháng 05 .- Tr. 55-57.

**Nội dung**: Tổng quan về hội nhập tài chính; Một số tác động của hội nhập tài chính đến phát hành trái phiếu chính phủ; Đề xuất và khuyến nghị.

**Từ khoá**: Hội nhập tài chính, Trái phiếu chính phủ, Thị trường, Nhà đầu tư

**59. Tài chính vi mô với mục tiêu giảm nghèo tại Việt Nam**/ Bùi Văn Trịnh, Đoàn Thị Thanh Hòa// Kinh tế & Phát triển .- 2018 .- Số 254 tháng 08 .- Tr. 2-9.

**Nội dung**: Khu vực tài chính vi mô có vai trò ngày càng quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế nói chung và công cuộc xóa đói, giảm nghèo nói riêng. Tuy nhiên, thành công trong quá trình hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau. Thời gian qua, dưới tác động của nhiều yếu tố như quy định chưa phù hợp, rủi ro cao, khả năng sinh lợi thấp, năng lực quản lý hạn chế,… đã dẫn đến hoạt động của khu vực này còn gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, cùng với sự quan tâm, hỗ trợ từ Chính phủ để giải quyết các vấn đề xã hội như nghèo đói; chênh lệch mức sống giữa thành thị và nông thôn;… đã và đang mở ra lối đi mới cho sự phát triển của khu vực này tại Việt Nam. Vì thế, bài viết này nhằm phác họa những đóng góp của khu vực tài chính vi mô vào mục tiêu giảm nghèo bền vững tại Việt Nam, từ đó đề xuất một số giải pháp để các tổ chức này ngày càng phát triển ổn định hơn.

**Từ khoá**: Giảm nghèo; Tài chính vi mô; Việt Nam

**60. Tái cơ cấu ngân sách nhà nước ở Việt Nam và những vấn đề đặt ra**/ ThS. Đào Mai Phương// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 682 tháng 06 .- Tr. 55-58.

**Nội dung**: Đinh hướng tái cơ cấu ngân sách nhà nước; thực trạng tái cơ cấu thu - chi ngân sách nhà nước; một số thách thức đặt ra đối với thu, chi ngân sách nhà nước; cơ cấu thu - chi ngân sách nhà nước bền vững trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Ngân sách nhà nước, nợ công, định hướng tái cơ cấu

**61. Thu hút FDI vào Việt Nam : một số vấn đề đặt ra**/ Trần Song Thương// Ngân hàng .- 2018 .- Số 684 tháng 7 .- Tr. 62-64.

**Nội dung**: Đánh giá khách quan về kết quả và những tồn tại để có phương hướng đề xuất nhằm phát huy hiệu quả hơn nữa vai trò của khu vực kinh tế FDI trong thời gian tới.

**Từ khoá**: FDI, Doanh nghiệp, Môi trường kinh doanh

**62. Thực trạng phổ cập tài chính ở Việt Nam**/ ThS. Nguyễn Đặng Hải Yến// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2018 .- Số 14 (503) .- Tr. 24-27.

**Nội dung**: Trình bày các phương pháp xác định phổ cập tài chính, từ đó đưa ra một số giải pháp như mở rộng mạng lưới phục vụ khách hàng, đầu tư trang thiết bị, máy móc, giáo dục tài chính cho người dân để cải thiện tỷ lệ này trong tương lai.

**Từ khoá**: Phổ cập tài chính, Chỉ số, Global Findex

**63. Thực trạng và một số kiến nghị nhằm phát triển thị trường ngoại hối tại Việt Nam**/ Lê Hải Hà// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 517 tháng 05 .- Tr. 103-104,106.

**Nội dung**: Thực trạng phát triển thị trường ngoại hối tại Việt Nam và một số kiến nghị nhằm phát triển thị trường ngoại hối tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Thị trường ngoại hối

**64. Tiền ảo và an ninh tài chính quốc gia**/ NCS.ThS. Nguyễn Văn Tuấn, TS. Nguyễn Thanh Huyền// Chứng khoán Việt Nam .- 2018 .- Số 236 tháng 06 .- Tr. 18-23.

**Nội dung**: Trình bày tiền ảo và blockchain, tội phạm tài chính và tiền ảo, phòng chống tội phạm tài chính, vấn đề gợi mở.

**Từ khoá**: Tiền ảo, An ninh tài chính quốc gia

**65. Tổ chức tín dụng ở Việt Nam hoạt động an toàn và phát triển vững chắc theo đúng định hướng trong xu thế hội nhập quốc tế**/ TS. Hồ Thị Sáu// Ngân hàng .- 2018 .- Số 16 tháng 8 .- Tr. 29-33.

**Nội dung**: Trình bày những chỉ tiêu cơ bản của toàn ngành ngân hàng; Những chỉ tiêu cơ bản về hoạt động của tổ chức tín dụng; Hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng thương mại cổ phần niêm yết; Tăng cường phát hành trái phiếu đề đảm bảo hệ số an toàn vốn và mở rộng cho vay trung dài hạn; Tăng cường đầu tư cho nguồn nhân lực và cơ cấu lại hoạt động liên ngân hàng; Thực hiện chiến lược kinh doanh hướng đến nhóm khách hàng an toàn và hiệu quả.

**Từ khoá**: Tổ chức tín dụng, Việt Nam, Phát triển vững chắc, Hội nhập quốc tế

**66. Tổng quan về tiền mã hóa trên thế giới và thực trạng tại Việt Nam**/ThS. Phạm Tiến Mạnh, Trần Thị Phương Thảo, Đinh Lan Hương// Chứng khoán Việt Nam .- 2018 .- Số 236 tháng 06 .- Tr.12-17.

**Nội dung**: Tiền mã hóa (TMH) xuất hiện trên thế giới từ những năm 2009, cho đến nay, mặc dù sự tồn tại của nó mang nhiều tranh cãi, nhưng nhiều tổ chức tài chính, nhà đầu tư đẽ chấp nhận TMH như là một xu hướng của tương lai. Tại Việt Nam, các quy định về pháp luật đối với TMH còn thiếu và chưa đồng bộ, trong khi hoạt động đầu tư vào loại hàng hóa này khá phổ biến trong cộng đồng đầu tư.

**Từ khoá**: Tiền mã hóa

**67. Vai trò của tài chính vi mô trong hỗ trợ phụ nữ nông thôn giảm nghèo**/ TS. Đỗ Thị Hà Thương, TS. Tôn Hoàng Thanh Huế// Ngân hàng .- 2018 .- Số 16 tháng 8 .- Tr. 37-41.

**Nội dung**: Tổng quan về tài chính vi mô trong hỗ trợ phụ nữ nông thôn giảm nghèo; Thực tiễn hoạt động hỗ trợ phụ nữ nông thôn giảm nghèo của tổ chức tài chính vi mô.

**Từ khoá**: Tài chính vi mô, Hỗ trợ phụ nữ nông thôn giảm nghèo

**NGÂN HÀNG**

**1. Bàn về vấn đề nguồn nhân lực sau M&A trong lĩnh vực ngân hàng**/ ThS. Nguyễn Thị Vân// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2018 .- Số 12 (501) .- Tr. 26-28.

**Nội dung**: Trình bày những vấn đề nhân sự ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của ngân hàng sau M&A cùng một số giải pháp tháo gỡ.

**Từ khoá**: M&A, Ngân hàng, Nhân lực

**2. Bảo hiểm tiền gửi thúc đẩy ngân hàng đáp ứng tốt hơn trách nhiệm xã hội**/ Nguyễn Ngọc Trâm, TS. Nguyễn Thị Kim Oanh// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2018 .- Số 13 (502) .- Tr. 30-32.

**Nội dung**: Trình bày công cụ thúc đẩy ngân hàng đáp ứng tốt hơn trách nhiệm xã hội; Tính trách nhiệm của chính sách bảo hiểm tiền gởi tùy thuộc vào mức độ khởi xướng, phát triển và vai trò được thiết kế của công cụ này ở mỗi quốc gia.

**Từ khoá**: Bảo hiểm tiền gửi, Trách nhiệm xã hội

**3. Các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi hỗ trợ thương hiệu của nhân viên trong hệ thống ngân hàng Thương mại**/ TS. Nguyễn Quốc Nghi// Ngân hàng .- 2018 .- Số 11 tháng 6 .- Tr. 27-32.

**Nội dung**: Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi hỗ trợ thượng hiệu của nhân viên trong hệ thống ngân hàng Thương mại, từ đó đưa ra một số hàm ý nhằm nâng cao hành vi hỗ trợ thương hiệu của nhân viên trong hệ thống ngân hàng Thương mại.

**Từ khoá**: Các nhân tố ảnh hưởng, Hành vi hỗ trợ thượng hiệu, Nhân viên, Hệ thống ngân hàng Thương mại

**4. Các nhân tố tác động đến tín dụng ngân hàng: Bằng chứng thực nghiệm tại các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Nguyễn Thanh Hà, Bùi Huy Tùng// Kinh tế & Phát triển .- 2018 .- Số 254 tháng 08 .- Tr. 61-70.

**Nội dung**: Bài viết phân tích các yếu tố tác động đến tín dụng ngân hàng của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2007 – 2015. Khác với các nghiên cứu trước cùng chủ đề sử dụng phương pháp hồi quy gộp, ở nghiên cứu này, tác giả kết hợp các mô hình ước lượng với dữ liệu bảng là hồi quy gộp (Pooled Regression), hiệu ứng cố định FEM, hiệu ứng ngẫu nhiên REM, mô men tổng quát dạng sai phân DGMM. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm cho thấy cả yếu tố đặc thù và vĩ mô đều tác động đến tín dụng của ngân hàng trong đó, quy mô tài sản, vốn chủ sở hữu, tốc độ tăng trưởng GDP tác động cùng chiều còn tỷ lệ lạm phát tác động ngược chiều. Từ đó, tác giả đưa ra một số đề xuất đến ngân hàng và các nhà hoạch định chính sách liên quan chủ đề này.

**Từ khoá**: Tín dụng ngân hàng, yếu tố đặc thù, yếu tố vĩ mô

**5. Các yếu tố tác động đến ý định sử dụng Internet banking ở Việt Nam**/ ThS. Lê Văn Hinh, ThS. Nguyễn Trọng Chung// Ngân hàng .- 2018 .- Số 15 tháng 8 .- Tr. 18-24.

**Nội dung**: Trình bày khái niệm về Internet banking, những rào cản đối với Internet banking, sự tin tưởng và Internet banking, một số mô hình về công nghệ và Internet banking; Các phương pháp nghiên cứu và kết quả nghiên cứu; Kết luận và khuyến nghị.

**Từ khoá**: Internet banking

**6. Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 : cơ hội và thách thức đối với ngành ngân hàng**/ Phạm Văn Hiếu// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2018 .- Số 12 (501) .- Tr. 7-14.

**Nội dung**: Trình bày một số cơ hội và thách thức đối với ngành ngân hàng, từ đó đưa ra một số khuyến nghị, đề xuất nhằm nâng cao năng luwcjh của ngành Ngân hàng, hạn chế các khó khăn, thách thức, đồng thời khai thác/ tận dụng tốt các cơ hội từ CMCN 4.0 trong thời gian tới phù hợp với thực tiễn Việt Nam và các cam kết quốc tế.

**Từ khoá**: Cách mạng công nghiệp 4.0, Công nghệ, Ngân hàng

**7. Cải thiện chất lượng sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thông qua nâng cao năng lực các ban quản lý dự án**/ TS. Phạm Minh Tú, ThS. Phạm Tiến Dũng// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2018 .- Số 13 (502) .- Tr. 37-41.

**Nội dung**: Tổng quan về dự án ODA và vốn vay ưu đãi tại Việt nam; Thực trạng năng lực hoạt động của các ban quản lý dự án sử dụng ODA và vốn vay ưu đãi; Thực trạng hoạt động đào tạo dành cho các BQLDA sử dụng ODA và vốn vay ưu đãi; Giải pháp cải thiện công tác đào tạo ở các BQLDA sử dụng ODA và vốn vay ưu đãi.

**Từ khoá**: Vốn ODA, Vốn vay ưu đãi, Ban quản lý dự án

**8. Cấu trúc sở hữu và rủi ro thanh khoản của các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ ThS. Trương Nguyễn Tường Vy, ThS. Mai Thị Phương Thùy// Tài chính - Kỳ 2.- 2018 .- Số 681 tháng 05 .- Tr. 60-62.

**Nội dung**: Nghiên cứu về cấu trúc sở hữu có tác động đến khả năng thanh khoản của các ngân hàng, từ đó đưa ra các hàm ý chính sách nhằm nâng cao công tác quản trị rủi ro tại các ngân hàng thương mại trong thời giaqn tới.

**Từ khoá**: Ngân hàng thương mại, cấu trúc sở hữu, rủi ro thanh khoản, Lãi suất

**9. Cho vay ngang hàng : kinh nghiệm quốc tế và quy định pháp lý**/ TS. Tô Huy Vũ, ThS. Đoàn Mạnh Tú// Ngân hàng .- 2018 .- Số 15 tháng 8 .- Tr. 43-47.

**Nội dung:** Sơ lược về cho vay ngang hàng;Các rào cản tác động đến phát triển cho vay ngang hàng; Quy định pháp lý đối với dịch vụ cho vay ngang hàng; Cho vay ngang hàng ở Việt Nam.

**Từ khoá:** Cho vay ngang hàng, Quy định pháp lý, Kinh nghiệm quốc tế

**10. Đa dạng hóa danh mục cho vay và vấn đề đặt ra với lợi nhuận của các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ PGS.TS. Đặng Văn Dân, Huỳnh Japan// Ngân hàng .- 2018 .- Số 16 tháng 8 .- Tr. 17-22.

**Nội dung:** Tập trung vào việc phân tích những nội dung cơ bản nhất liên quan đến danh mục cho vay của ngân hàng, qua đó cho thấy được vai trò của việc đa dạng hóa danh mục cho vay đến lợi nhuận hoạt động của ngân hàng. Thực trạng kinh doanh cùng với xu hướng đa dạng hóa danh mục cho vay của hệ thống ngân hàng VN, từ đó tạo cơ sở để đưa ra các định hướng xây dựng danh mục cho vay trong tương lai.

**Từ khoá**: Danh mục cho vay, Lợi nhuận, Ngân hàng thương mại

**11. Đánh giá cơ chế truyền tải chính sách tiền tệ của ngân hàng Nhà nước Việt Nam thời gian qua**/ Vũ Mai Chi// Ngân hàng .- 2018 .- Số 16 tháng 8 .- Tr. 10-16.

**Nội dung**: Tổng quan về cơ chế truyền tài chính sách tiền tệ; Đánh giá cơ chế truyền tải chính sách tiền tệ của ngân hàng Nhà nước Việt Nam thời gian qua;Một số khuyến nghị.

**Từ khoá**: Chính sách tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước

**12. Đầu tư vốn tín dụng ngân hàng cho phát triển bền vững kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng theo tinh thần các nghị quyết của Đảng**/ ThS. Trương Vũ Tuấn Tú// Ngân hàng .- 2018 .- Số 15 tháng 8 .- Tr. 43-46.

**Nội dung**: Đề cập đến phát triển mạng lưới cung ứng vốn tín dụng cho đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội và cung ứng dịch vụ ngân hàng; kết quả cung ứng vốn tín dụng cho đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững; Các biện pháp tổ chức thực hiện cung ứng vốn tín dụng ngân hàng cho phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững tại Lâm Đồng; Định hướng giải pháp.

**Từ khoá**: Đầu tư vốn tín dụng ngân hàng, Phát triển bền vững kinh tế - xã hội, tỉnh Lâm Đồng, Nghị quyết của Đảng

**13. Đo lường rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng - yêu cầu của Basel và khuyến nghị cho Việt Nam**/ ThS. Nguyễn Thị Thu Trang, ThS. Vũ Thị Hải Yến// Ngân hàng.- 2018 .- Số 14 tháng 07 .- Tr. 15-22.

**Nội dung**: Giới thiệu về rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng; Đo lường rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng (IRRBB); Thực tế triển khai ở một số nước và khuyến nghị cho Việt Nam.

**Từ khoá**: Đo lường rủi ro, Rủi ro lãi suất, Sổ ngân hàng

**14. Giải pháp đảm bảo an toàn hoạt động cho vay bất động sản của các tổ chức tín dụng ở Việt Nam**/ TS. Nguyễn Hoàng Vĩnh Lộc// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2018 .- Số 13 (502) .- Tr. 26-29.

**Nội dung**: Các khái niệm và quy định về hoạt động cho vay bất động sản;Khuyến nghị, đề xuất để kiểm soát chặt chẽ hoạt động cho vay bất động sản.

**Từ khoá**: Hoạt động cho vay, Bất động sản, Tín dụng

**15. Giải pháp phòng ngừa rủi ro trong thực thi nghiệp vụ ngân hàng**/ TS. Nguyễn Thị Kim Oanh// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2018 .- Số 14 (503) .- Tr. 22-23.

**Nội dung**: Chia sẻ một số rủi ro đối với nhân sự ngân hàng, các cách thức kiểm soát rủi ro và nêu lên một số hàm ý chính sách về vấn đề này.

**Từ khoá:** Nhân sự, Nghiệp vụ ngân hàng, rủi ro

**16. Hoàn thiện công tác thanh tra, giám sát của hệ thống ngân hàng nhà nước đối với hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Đặng Văn Dân// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 519 tháng 06 .- Tr. 65-67.

**Nội dung**: Trình bày công tác thanh tra, giám sát ngân hàng; Thực trạng thanh tra, giám sát ngân hàng tại Việt Nam; Những khó khăn cho công tác thanh tra, giám sát ngân hàng; Một số đề xuất để hoàn thiện.

**Từ khoá**: Công tác thanh tra, Giám sát của hệ thống ngân hàng nhà nước, Hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam

**17. Hoàn thiện quy trình : thủ tục giám sát các tổ chức tín dụng nhằm đảm bảo an toàn hệ thống**// Ngân hàng .- 2018 .- Số 11 tháng 6 .- Tr. 12-15.

**Nội dung**: Chương 1. Cơ sở lý thuyết về quy trình, thủ tục giám sát ngân hàng; Chương 2. Thực trạng quy trình, thủ tục giám sát ngân hàng tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Chương 3. Phương hướng và giải pháp hoàn thiện quy trình, thủ tục giám sát ngân hàng tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

**Từ khoá**: Thủ tục giám sát, Tổ chức tín dụng, Quy trình

**18. Hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại Việt Nam chuyển biến tích cực và phát triển ổn định**/ TS. Bùi Hồng Điệp// Ngân hàng .- 2018 .- Số 11 tháng 6 .- Tr. 19-26.

**Nội dung**: Trình bày sự phát triển của hệ thống ngân hàng VN năm 2017 và những năm đầu năm 2018; Những chuyển năm 2018 và triển vọng thời gian tới.

**Từ khoá**: Hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thương mại, Việt Nam

**19. Hoạt động ngân hàng trong bối cảnh thực thi CPTPP**/ TS. Nguyễn Minh Phong// Ngân hàng .- 2018 .- Số 16 tháng 8 .- Tr. 6-9.

**Nội dung**: Trình bày những cam kết của Việt Nam trong CPTPP về hoạt động ngân hàng và một số giải pháp.

**Từ khoá**: Hoạt động ngân hàng, Thực thi CPTPP

**20. Kiểm soát nội bộ hoạt động tín dụng tại các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ TS. Lê Đào Kiều Oanh, NCS. Trương Nguyễn Tường Vy// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2018 .- Số 13 (502) .- Tr. 20-22.

**Nội dung**: Tổng quan về kiểm soát nội bộ hoạt động tín dụng; Thực trạng kiểm soát nội bộ hoạt động tín dụng tại các ngân hàng thương mại Việt Nam; Khuyến nghị nhằm nâng cao tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ hoạt động tín dụng tại các ngân hàng thương mại Việt Nam.

**Từ khoá**: Kiểm soát nội bộ, Hoạt động tín dụng

**21. Lựa chọn tiết kiệm hay đầu tư trong trạng thái thặng dư cán cân vãng lai tại Việt nam trong thời gian qua**/ TS.Nguyễn Tường Vân, Đặng Thế Tùng, ThS. Trần Hữu Tuyến// Ngân hàng .- 2018 .- Số 12 tháng 06.- Tr. 2-8.

**Nội dung**: Mối quan hệ giữa tiết kiệm, đầu tư và tài khoản vãng lai; Mối quan hệ giữa tiết kiệm đầu tư và tài khoản vãng lai ở một số quốc gia, khu vực; Thực trạng cán cân vãng lai của Việt Nam giai đoạn 2011-2017; Mối quan hệ giữa cán cân vãng lai, tiết kiệm và đầu tư ở Việt Nam; Khuyến nghị chính sách.

**Từ khoá**: Lựa chọn tiết kiệm, Đầu tư, Cán cân vãng lai

**22. Một số nội dung chuyển đổi căn bản của hệ thống ngân hàng Việt Nam trước tác động của cách mạng công nghệp 4.0**/ ThS. Đào Mỹ Hằng, ThS. Trần Hải Yến, ThS. Phạm Thị Hoàng Yến// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2018 .- Số 12 (501) .- Tr. 15-20.

**Nội dung**: Cách mạng công nghiệp 4.0 (CMCN 4.0) trên bốn lĩnh vực công nghệ số, vật lý, công nghệ sinh học và năng lượng tái tạo đang làm thay đổi cơ bản mô thức sản xuất trên toàn thế giới, trong đó có Việt Nam. Với vai trò là một lĩnh vực quan trọng trong nền kinh tế, ngành Ngân hàng không nằm ngoài xu thế đó. bài viết đề xuất một số nội dung chuyển đổi các ngân hàng tại Việt Nam cần thực hiện nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững trước tác động của cuộc CMCN 4.0.

**Từ khoá**: Cách mạng công nghiệp 4.0, Chuyển đổi, Ngân hàng

**23. Mua bán và sáp nhập ngân hàng : xu thế tất yếu trong hội nhập kinh tế quốc tế**/ Trần Châu Giang// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2018 .- Số 12 (501) .- Tr. 21-25.

**Nội dung**: Điểm lại một số kết quả đạt được từ hoạt động M&A, phân tích những rào cản từ cơ chế, chính sách và đưa ra các đề xuất để cải thiện môi trường pháp lý nhằm thúc đẩy hoạt động M&A tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Hoạt động M&A, Tái cấu trúc, Ngân hàng

**24. Nâng cao chất lượng thẩm định tài chính dự án đầu tư tại các ngân hàng thương mại hiện nay**/ Trần Thị Thanh Hương// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 519 tháng 06 .- Tr. 38-39.

**Nội dung**: Trình bày một số giải giải pháp nhằm nâng cao chất lượng thẩm định tài chính dự án đầu tư tại các ngân hàng thương mại hiện nay.

**Từ khoá**: Chất lượng thẩm định tài chính dự án đầu tư, Ngân hàng thương mại

**25. Nâng cao vai trò của thành viên độc lập hội đồng quản trị trong các ngân hàng thương mại cổ phần ở Việt Nam**/ TS.Nguyễn Văn Phương // Ngân hàng .- 2018 .- Số 12 tháng 06.- Tr. 15-20.

**Nội dung:** Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên độc lập hhoij đồng quản trị (HĐQT) trong các ngân hàng TMCP; Cơ cấu HĐQT và các ủy ban giúp việc thuộc HĐQT trong ngân hàng TMCP; Vai trò của thành viên độc lập HĐQT trong quản trị, điều hành của ngân hàng TMCP; Một số kiến nghị.

**Từ khoá**: Hội đồng quản trị, Ngân hàng thương mại cổ phần, Việt Nam

**26. Ngân hàng di động : thực tiễn phát triển ở một số quốc gia và bài học cho các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Nguyễn Trần Hưng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 519 tháng 06 .- Tr. 71-73.

**Nội dung**: Khái quát một số nét cơ bản của dịch vụ ngân hàng di động và đúc rút các bài học cho các ngân hàng thương mại Việt Nam từ kinh nghiệm phát triển dịch vụ ngân hàng di động ở một số quốc gia trên thế giới.

**Từ khoá:** Ngân hàng di động, Ngân hàng thương mại, Ngan hàng ddiieenj tử, Điện thoại di động

**27. Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ ngân hàng điện tử tại SCB/** Lê Ngọc Cường// Tài chính - Kỳ 1.- 2018 .- Số 680 tháng 05 .- Tr. 103-105.

**Nội dung**: Trình bày mô hình sử dụng và phương pháp lấy mẫu; Kết quả nghiên cứu; Một số kiến nghị.

**Từ khoá**: Ngân hàng điện tử, Chất lượng dịch vụ

**28. Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của ngân hàng thương mại Việt Nam/** Tôn Thất Viên// Kinh tế & phát triển.- 2018 .- Số 252 tháng 06 .- Tr. 39-46.

**Nội dung**: Nghiên cứu kiểm định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến lợi nhuận với mẫu gồm 140 quan sát từ 20 ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Phương pháp nghiên cứu là phân tích hồi quy và phương trình hồi quy với tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA), tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sỡ hữu (ROE), tỷ lệ thu nhập lãi cận biên (NIM). Với mô hình dữ liệu bảng, việc kiểm định nhằm lựa chọn mô hình phù hợp thông qua kiểm định F-test và Hausman Test; từ đó, lựa chọn Pooled, mô hình hiệu ứng cố định (FEM), mô hình hiệu ứng ngẫu nhiên (REM). Kết quả cho thấy có 7 nhân tố tác động đến kết quả lợi nhuận của ngân hàng thương mại. Các nhân tố quan trọng nhất có ảnh hưởng đến lợi nhuận của ngân hàng thương mại Việt Nam là hoạt động quản trị rủi ro ngân hàng, chính sách và biện pháp quản trị thanh khoản, huy động vốn của ngân hàng, mở rộng quy mô, đa dạng hóa sản phẩm ngân hàng.

**Từ khoá**: Quản trị rủi ro ngân hàng, ngân hàng thương mại, lợi nhuận

**29. Nghiên cứu sự hài lòng của khách hàng sử dụng thẻ tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển chi nhánh Trà Vinh**/ TS. Nguyễn Hồng Hà, Nguyễn Thị Trúc Vi// Ngân hàng.- 2018 .- Số 14 tháng 07 .- Tr. 30-33.

**Nội dung**: Nghiên cứu và phân tích sự hài lòng của khách hàng sử dụng thẻ tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển chi nhánh Trà Vinh.

**Từ khoá**: Sự hài lòng của khách hàng, Sử dụng thẻ ngân hàng

**30. Nhân tố tác động đến phát triển dịch vụ phí tín dụng của các ngân hàng TMCP tại Hà Nội**/ Lê Thị Kim Liên//Tài chính - Kỳ 2.- 2018 .- Số 681 tháng 05 .- Tr. 66-69.

**Nội dung**: Phát triển dịch vụ phi tín dụng trong hoạt động của ngân hàng; từ đó đưa ra một số gợi ý cho các ngân hàng thương mại cổ phần trong việc phát triển dịch vụ tín dụng nhằm tăng thu nhập từ hoạt động này cho ngân hàng trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Dịch vụ phi tín dụng, Ngân hàng thương mại, Hoạt động marketing

**31. Nợ xấu và hiệu quả chi phí, mô hình PVAR và phân tích quan hệ nhân quả Granger tại hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam**/ ThS. Châu Đình Linh// Ngân hàng .- 2018 .- Số 12 tháng 06.- Tr. 26-31.

**Nội dung**: Nghiên cứu mối quan hệ giữa nợ xấu và hiệu quả chi phí tại hệ thống NHTM Việt Nam qua mô hình PVAR tìm thấy: Nợ xấu và hiệu quả chi phí có mối quan hệ nhân quả Granger hai chiều; Tỷ lệ nợ xấu là nguyên nahn trực tiếp gây ra sự thay đổi của hiệu quả chi phí và mức độ giải thích lên tới hơn 28%. ...

**Từ khoá**: Nợ xấu và hiệu quả chi phí, mô hình PVAR

**32. Phân chia thẩm quyền, trách nhiệm trong quản trị ngân hàng thương mại cổ phần : các vấn đề lý luận và thực tiễn tại Việt Nam**/ ThS. Nguyễn Thị Hòa, ThS. Trần Thị Thanh Hòa// Ngân hàng .- 2018 .- Số 16 tháng 8 .- Tr. 23-28.

**Nội dung:** Đề cập đến quản trị ngân hàng thương mại và các nguyên tắc trong quản trị NHTM; Pháp luật về phân chia thẩm quyền, trách nhiệm trong quản trị ngân hàng thương mại cổ phần tại VN và những vấn đề đặt ra trong việc thực thi tại Việt Nam; Một số khuyến nghị.

**Từ khoá:** Phân chia thẩm quyền, Trách nhiệm, Quản trị ngân hàng thương mại cổ phần

**33. Phát huy vai trò của ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam trong xây dựng nông thôn mới theo Nghị quyết XII của Đảng**/ TS. Trần Thị Ngọc Trâm// Ngân hàng .- 2018 .- Số 12 tháng 06.- Tr. 40-46.

**Nội dung:** Quan điểm của Đảng trong nghị quyết Đại hội XII về xây dựng nông thôn mới; Chính sách triển khai của Chính phủ về xây dựng nông thôn mới; Thực trạng vai trò của Ngân hàng hành chính sách xã hội Việt Nam trong thực hiện xây dựng nông thôn mới theo Nghị quyết XII của Đảng và mục tiêu của Chính phủ; Một số khuyến nghị góp phần tiếp tục phát huy vai trò của Ngân hàng chính sách Xã hội VN trong xây dựng nông thôn mới thời gian tới.

**Từ khoá**: Ngân hàng chính sách, Xây dựng nông thôn mới, Nghị quyết XII của Đảng

**34. Phát triển hình thức cho vay ngang hàng tại Trung Quốc và kinh nghiệm cho Việt Nam/** Trần Thu Phương// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 682 tháng 06 .- Tr. 90-92.

**Nội dung**: Đánh giá thực trạng phát triển hình thức cho vay ngang hàng tại Trung Quốc, rút ra một số bài học kinh nghiệm cho việc phát triển nghiệp vụ này tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Cho vay ngang hàng, tín dụng ngân hàng, cấp vốn

**35. Quản lý chặt chẽ tín dụng ngân hàng cho bất động sản vì phát triển bền vững của thị trường**/ ThS. Thân Ngọc Minh// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2018 .- Số 13 (502) .- Tr. 23-25.

**Nội dung**: Tín dụng bất động sản tăng chậm lại và giảm tỷ trọng;Biên pháp điều hành và quản lý tín dụng đối với lĩnh vực bất động sản; Phân tích tín dụng bất động sản của một số ngân hàng thương mại.

**Từ khoá**: Tín dụng ngân hàng, Phát triển bền vững, Ngân hàng thương mại

**36. Tác động của rủi ro tín dụng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các Ngân hàng Thương mại Việt Nam**/ Phạm Thị Kiều Khanh, Phạm Thị Bích Duyên// Kinh tế & Phát triển .- 2018 .- Số 254 tháng 08 .- Tr. 71-80.

**Nội dung**: Bài viết nghiên cứu tác động của rủi ro tín dụng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam. Nhóm tác giả sử dụng dữ liệu bảng không cân đối của 27 ngân hàng thương mại trong giai đoạn 2004 – 2016 và tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) làm biến phụ thuộc đại diện cho hiệu quả hoạt động kinh doanh ngân hàng. Các phương pháp hồi quy được sử dụng bao gồm: phương pháp bình phương bé nhất (OLS), mô hình hiệu ứng cố định (FEM), mô hình hiệu ứng ngẫu nhiên (REM) và phương pháp bình phương tối thiểu tổng quát (GLS) cho ra kết quả rủi ro tín dụng và cụ thể là tỷ lệ nợ xấu và tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng có tác động tiêu cực đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Ngoài ra, bài viết còn sử dụng biến tương tác giữa rủi ro tín dụng và việc thành lập Công ty quản lý tài sản (VAMC), mục đích để đánh giá sự khác biệt trong tác động của rủi ro tín dụng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh trước và sau khi thành lập VAMC.

**Từ khoá:** Hiệu quả hoạt động kinh doanh, ngân hàng thương mại, rủi ro tín dụng, Việt Nam

**37. Tăng cường giám sát ngân hàng thương mại cho vay vốn các lĩnh vực có nhiều rủi ro/** TS. Đặng Công Thức// Ngân hàng .- 2018 .- Số 12 tháng 06.- Tr. 21-25.

**Nội dung**: Tổng quan vị trí nhóm ngân hàng thương mại trên thị trường chứng khoán Việt nam hiện nay; Chiến lược kinh doanh của ngân hàng thương mại và biến động cổ phiếu.

**Từ khoá:** Ngân hàng thương mại, Cho vay vốn, Rủi ro

**38. Tăng trưởng tín dụng ngân hàng : bài học kinh nghiệm nào cho Việt Nam**/ Lê Thị Mai Hương// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 519 tháng 06 .- Tr. 40-42.

**Nội dung**: Trình bày một số vấn đề lý luận về tăng trưởng tín dụng; Thực trạng tăng trưởng tín dụng ở Việt Nam; bài học kinh nghiệm góp phần ổn định tăng trưởng tín dụng.

**Từ khoá**: Tăng trưởng tín dụng, Ngân hàng

**39. Thực trạng và giải pháp phát triển ngân hàng số tại Việt Nam**/ ThS. Nguyễn Văn Chương//Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 684 tháng 07 .- Tr. 81-83.

**Nội dung**: Trình bày những lợi ích từ ngân hàng,xu hướng phát triển ngân hàng số tại Việt Nam, những rào cản đặt ra và một số kiến nghị giải pháp.

**Từ khoá:** Ngân hàng số, an ninh mạng, Dịch vụ ngân hàng

**40. Tín dụng ngân hàng trong thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam**/ Bùi Thanh Sơn// Ngân hàng.- 2018 .- Số 10 tháng 05 .- Tr. 39-43.

**Nội dung**: Tập trung đề cập và làm rõ sự cần thiết khách quan của việc xây dựng nông thôn mới, bên cạnh đó, sẽ đề cập và phân tích để làm rõ tầm quan trọng của vốn tín dụng đối với vấn đề xây dựng nông thôn mới cũng như thực trạng cho vay hộ gia đình nhằm góp phần xây dựng nông thôn mới của các NHTM, từ đó sẽ đưa ra một số vấn đề cũng như các khuyến nghị chính sách nhằm nâng cao hiệu quả tín dụng nói chung, trong đó đặc biệt là tín dụng ngân hàng trong xây dựng và phát triển nông thôn mới của nước ta thời gian tới.

Từ khoá: Tín dụng ngân hàng, Chương trình mục tiêu quốc gia, Xây dựng nông thôn mới, Việt Nam

**41. Ứng dụng các mô hình, công cụ định lượng phục vụ hoạt động thanh tra, giám sát trên cơ sở rủi ro tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**/ ThS. Nguyễn Thị Hòa// Ngân hàng .- 2018 .- Số 12 tháng 06.- Tr. 9-14.

**Nội dung:** Sơ lược về các phương pháp phân tích trong giám sát và điều kiện ứng dụng các mô hình, công cụ định lượng phục vụ thanh tra, giám sát trên cơ sở rủi ro; Một số mô hình, công cụ định lượng sử dụng trong thanh tra, giám sát trên cơ sở rủi ro đã và đang được nghiên cứu, ứng dụng tại Việt Nam; Đánh giá khái quát về thực trạng ứng dụng các mô hình, công cụ định lượng phục vụ hoạt động thanh tra, giám sát trên cơ sở rủi ro tại NHNH Việt Nam; Một số khuyến nghị.

**Từ khoá**: Ứng dụng các mô hình, Công cụ định lượng, Thanh tra, Giám sát, Rủi ro, Ngân hàng Nhà nước, Việt Nam

**42. Ứng dụng camel đánh giá hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam/** ThS. Bùi Khắc Hoài Phương, ThS. Lê Khắc Hoài Thanh// Ngân hàng .- 2018 .- Số 13 tháng 06.- Tr. 11-14.

**Nội dung**: Trình bày ba phương pháp hồi quy với dữ liệu bảng: phương pháp random effect (REM), phương pháp fixed effects (FEM), phương pháp pooled OLS nhằm đo lường các nhân tố tác động đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam.

**Từ khoá**: Ứng dụng camel, Ngân hàng thương mại

**43. Vai trò, trách nhiệm của hội đồng quản trị trong ngân hàng thương mại và thực tiễn ở Việt Nam**/ PGS. TS. Trần Thị Thanh Tú, ThS. Đào Phương Đông// Ngân hàng .- 2018 .- Số 15 tháng 8 .- Tr. 12-17.

**Nội dung**: Trình bày vai trò, trách nhiệm của Hội đồng quản trị (HĐQT)trong Ngân hàng Thương mại (NHTM) và Kết quả nghiên cứu về vài trò, trách nhiệm của HĐQT tại một số NHTM tại Việt Nam; Kết luận và khuyến nghị

**Từ khoá**: Hội đồng quản trị, Ngân hàng thương mại

**44. Về tăng trưởng lợi nhuận của các ngân hàng thương mại giai đoạn 2016-2017**/ ThS. Nguyễn Hà Thương, ThS. Nguyễn Thị Thanh Mai// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 682 tháng 06 .- Tr. 83-85.

**Nội dung**: Phân tích những yếu tố tích cực và giải pháp gia tăng lợi nhuận của hệ thống ngành ngân hàng thương mại.

**Từ khoá**: Lợi nhuận, ngân hàng thương mại, ROE, ROA

**45. Xu hướng hợp tác giữa các ngân hàng và công ty công nghệ tài chính tại Việt Nam/** ThS. Nguyễn Hữu Quý//Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 684 tháng 07 .- Tr. 78-80.

**Nội dung:** Trình bày xu hướng hợp tác giữa các ngân hàng và công ty công Fintech tại Việt Nam; Lợi ích và rủi ro của Fintech đối với hệ thống ngân hàng; Một số kiến nghị.

**Từ khoá**: Ngân hàng số, Dịch vụ tài chính, Công nghệ tài chính, Fintech

**46. Yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro thanh khoản của các ngân hàng thương mại Việt Nam/** ThS. Mai Thị Phương Thùy, ThS. Bùi Thị Điệp//Tài chính - Kỳ 2.- 2018 .- Số 681 tháng 05 .- Tr. 63-65.

**Nội dung**: Nghiên cứu về các yếu tố tác động đến rủi ro thanh khoản ngân hàng; Mô hình và phương pháp nghiên cứu; Kết quả nghiên cứu; Một số khuyến nghị.

**Từ khoá**: Ngân hàng thương mại, Rủi ro thanh khoản, Sở hữu nước ngoài, Vốn chủ sở hữu

**LUẬT**

**1. Áp dụng nguyên tắc phòng ngừa nhằm kiểm soát nhập khẩu sinh vật ngoại lai trong bối cảnh tự do hóa thương mại**/ Nguyễn Thị Thu Thảo // Khoa học pháp lý .- 2018 .- Số 5 (117) .- Tr. 54 – 58.

**Nội dung:** Bài viết xem xét nguyên tắc phòng ngừa theo quy định của luật quốc tế và pháp luật Việt Nam đối với kiểm soát sinh vật ngoại lai trong bối cảnh toàn cầu hóa. Bài viết tập trung phân tích 3 vấn đề: Vai trò của nguyên tắc phòng ngừa trong kiểm soát sinh vật ngoại lai, áp dụng nguyên tắc phòng ngừa theo quy định WTO nhằm kiểm soát nhập khẩu sinh vật ngoại lai; thực trạng và kiến nghị giải pháp áp dụng nguyên tắc phòng ngừa trong kiểm soát sinh vật ngoại lai tại Việt Nam trong bối cảnh tự do hóa thương mại.

**Từ khóa:** sinh vật ngoại lai, nguyên tắc phòng ngừa, tự do hóa thương mại

**2. Bàn về miễn trách nhiệm hình sự theo Luật hình sự Việt Nam trên nền tảng của nguyên tắc suy đoán vô tội**/ Hoàng Thị Tuệ Phương // Khoa học pháp lý .- 2018 .- Số 4 (116) .- Tr. 47 – 54.

**Nội dung:** Bài viết chỉ ra những vướng mắc về mặt lý luận cũng như thực tiễn xoay quanh chế định miễn trách nhiệm hình sự theo luật hình sự Việt Nam, đặc biệt sau khi Hiến pháp năm 2013 chính thức ghi nhận suy đoán vô tội là một nguyên tắc. Dựa trên những phân tích này, bài viết đưa ra những đề xuất cho sự thay đổi đối với các quy định về miễn trách nhiệm hình sự trong Bộ luật Hình sự năm 2015

**Từ khóa:** Miễn trách nhiệm hình sự, trách nhiệm hình sự, suy đoán vô tội, luật hình sự Việt Nam

**3. Bảo vệ cổ đông thiểu số thông qua kiểm soát giao dịch giữa công ty với người có liên quan**/ Đặng Hoa Trang, Danh Phạm Mỹ Duyên // Nhà nước và Pháp luật .- 2018 .- Số 8 (364) .- Tr. 28 – 36.

**Nội dung:** Bài viết phân tích cách thức bảo vệ cổ đông thiểu số thông qua quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014 về kiểm soát giao dịch giữa công ty với người có liên quan; đồng thời đưa ra một số kiến nghị.

**Từ khóa:** Cổ đông thiểu số, công ty, cổ đông

**4. Bình luận bản án: Hành vi xâm phạm quyền tác giả**/ Nguyễn Phương Thảo // Khoa học pháp lý .- 2018 .- Số 5 (117) .- Tr. 74 – 80.

**Nội dung:** Bài viết bình luận bản án về hành vi xâm phạm quyền tác giả với điểm đặc biệt là các bộ phận trong tác phẩm được bảo hộ có nguồn gốc từ tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian. Những vấn đề bình luận chính bao gồm: loại hình tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả, căn cứ xác lập quyền và xác định hành vi xâm phạm.

**Từ khóa:** Quyền tác giả, hành vi xâm phạm, tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian

**5. Các nguyên tắc cưỡng chế thu hồi đất ở Việt Nam** / Phan Trung Hiền, Huỳnh Thanh Toàn // Luật học .- 2018 .- Số 5 .- Tr. 12 – 25.

**Nội dung:** Phân tích khái niệm, sự cần thiết phải xây dựng và hoàn thiện nguyên tắc cưỡng chế trong trường hợp thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Thông qua việc làm rõ nội dung, các yếu tố bảo đảm nguyên tắc cưỡng chế, tác giả đưa ra một số kiến nghị nhằm thực thi có hiệu quả các nguyên tắc cưỡng chế thu hồi đất ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Cưỡng chế, nguyên tắc, thu hồi đất

**6. Chất lượng của pháp luật trong nhà nước pháp quyền** / Nguyễn Văn Quân // Khoa học pháp lý .- 2018 .- Số 5 (117) .- Tr. 3 – 9.

**Nội dung:** Trong mô hình nhà nước pháp quyền, vai trò của pháp luật được đề cao như là phương tiện bảo vệ quyền và tự do cơ bản của cá nhân, hạn chế sự tùy tiện, lạm quyền của nhà nước. Tuy nhiên, việc đề cao vai trò của pháp luật lại dẫn tới xu hướng lạm phát pháp luật, ảnh hưởng tiêu cực tới an toàn pháp lý của các chủ thể trong xã hội. Các tiêu chuẩn về chất lượng pháp luật được đặt ra nhằm giải quyết những hệ quả của lạm phát pháp luật.

**Từ khóa:** Nhà nước pháp quyền, lạm phát pháp luật, an toàn pháp lý, chất lượng pháp luật

**7. Chế định mặc cả nhận tội theo pháp luật tố tụng hình sự Hoa Kỳ và kinh nghiệm cho Việt Nam**/ Lê Huỳnh Tấn Duy // Khoa học pháp lý .- 2018 .- Số 5 (117) .- Tr. 45 – 53.

**Nội dung:** Phân tích những vấn đề xoay quanh chế định mặc cả nhận tội theo pháp luật Hoa Kỳ như: Nguồn gốc ra đời, khái niệm, đặc điểm, hình thức và thủ tục; các yêu cầu để một thỏa thuận nhận tội được chấp nhận: ưu và nhược điểm. Trên cơ sở đó, tác giả đua ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

**Từ khóa:** Mặc cả nhận tội, tố tụng hình sự Hoa Kỳ, tố tụng hình sự Việt Nam, nguồn gốc, khái niệm, đặc điểm

**8. Chứng minh tổn thất về tinh thần khi tài sản bị xâm phạm theo pháp luật Hoa Kỳ - Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam** / Nguyễn Tấn Hoàng Hải // Khoa học pháp lý .- 2018 .- Số 5 (117) .- Tr. 32 – 37.

**Nội dung:** Trước khi xác định mức bồi thường thiệt hại là bao nhiêu, nguyên đơn phải cung cấp bằng chứng để chứng minh cho yêu cầu bồi thường thiệt hại do tổn thất về tinh thần là có cơ sở và phù hợp với số tiền bồi thường mà nguyên đơn yêu cầu được hưởng. Bởi lẽ, tổn thất về tinh thần có thể là một trong những vấn đề khó khăn nhất để chứng minh vì chủ yếu là liên quan đến tâm lý. Cách hiệu quả nhất để chứng minh tổn thất về tinh thần của người bị xâm phạm là xem xét các biểu hiện của nó.

**Từ khóa:** Tổn thất về tinh thần, thương tổn về thể chất, người hợp lý

**9. Cơ sở cho việc hoán đổi nợ xấu của ngân hàng thương mại thành vốn góp doanh nghiệp để xử lý nợ xấu**/ Nguyễn Hải Yến, Nguyễn Minh Hằng // Nhà nước và Pháp luật .- 2018 .- Số 7 (363) .- Tr. 43 – 51.

**Nội dung:** Nghiên cứu khái quát về việc hoán đổi nợ xấu thành vốn góp doanh nghiệp để xử lý nợ xấu của ngân hàng thương mại, đồng thời phân tích các cơ sở cho việc hoán đổi nợ xấu của ngân hàng thương mại thành vốn góp trong quá trình xử lý nợ xấu, từ đó đưa ra một số nhận xét và kiến nghị pháp lý nhằm thúc đẩy quá trình xử lý nợ xấu của các ngân hàng thương mại, góp phần lành mạnh hóa hệ thống các tổ chức tín dụng và ổn định nền kinh tế.

**Từ khóa:** Nợ xấu, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp

**10. Cơ sở pháp lý và vai trò của tự quản địa phương trong quản lý phát triển xã hội bền vững ở Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế**/ ThS. Đào Bảo Ngọc// Nghiên cứu Châu Âu .- 2018 .- Số 06 (213) .- Tr. 82-92.

**Nội dung**: Hiện nay, ở nhiều quốc gia, chính quyền địa phương ngày càng được trao thêm nhiều quyền năng mà vốn trước đây thường do chính quyền trung ương đảm nhiệm; từ đó tự quản địa phương đang ngày càng được coi là nguyên tắc mang tính phổ biến, được chấp nhận rộng rãi. Qua nghiên cứu về chế độ tự quản địa phương ở một số quốc gia Châu Âu như Đức, Pháp, trong khuôn khổ thể chế chính trị và Hiến pháp 2013 hiện hành, Việt Nam có thể xem xét tiếp thu một số yếu tố tự quản địa phương cho chính quyền địa phương, nhất là chính quyền ở đô thị và chính quyền xã, thị trấn, nhằm gia tăng hiệu quả quản lý phát triển xã hội và quản trị quốc gia ở nước ta.

**Từ khóa**: Chính quyền địa phương, phân quyền, quản lý phát triển xã hội, kiểm soát quyền lực, kinh tế tế thị trường, hội nhập quốc tế

11**. Công nhận giao dịch dân sự không tuân thủ quy định về hình thức**/ Lý Văn Toàn, Nguyễn Thị Kim Lan // Nhà nước và Pháp luật .- 2018 .- Số 7 (363) .- Tr. 12 – 18.

**Nội dung:** Hiện nay, có những giao dịch mặc dù vi phạm về hình thức, nhưng không bị tuyên bố vô hiệu.Trong phạm vi bài viết này tác giảtập trung phân tích về những hợp đồng vi phạm về hình thức nhưng không bị tuyên bố vô hiệu này.

**Từ khóa:** Hợp đồng giao dịch, vô hiệu, hình thức

**12. Công ty hợp danh tại một số quốc gia Châu Âu và Việt Nam – Dưới góc độ so sánh**/ TS. Nguyễn Vinh Hưng// Nghiên cứu Châu Âu .- 2018 .- Số 7 (214) .- Tr. 68-79.

**Nội dung**: Nghiên cứu các vấn đề pháp lý của công ty hợp danh tại một số quốc gia Châu Âu và có sự so sánh với quy định tại Việt Nam, để từ đó tìm ra những hạn chế, bất cập trong các quy định về công ty hợp danh và đề xuất một số kiến nghị góp phần hoàn thiện các quy định pháp luật về loại hình công ty hợp danh trong lần sửa đổi, bổ sung sắp tới của Luật Doanh nghiệp.

**Từ khóa**: Công ty hợp danh, công ty hợp vốn đơn giản, thành viên hợp danh, thành viên góp vốn, Luật Doanh nghiệp

**13. Đặc điểm của điền khoản thỏa thuận trọng tài thương mại quốc tế và kinh nghiệm cho các bên kí kết** / Nông Quốc Bình // Luật học .- 2018 .- Số 5 .- Tr. 3 – 11.

**Nội dung:** Phân tích một số đặc điểm của điều khoản thỏa thuận trọng tài, rút ra những kinh nghiệm cho các bên chủ thể của hợp đồng thương mại quốc tế trong quá trình xác lập điều khoản thỏa thuận trọng tài.

**Từ khóa:** Các bên kí kết, đặc điểm, điều khoản, kinh nghiệm, thảo thuận trọng tài, thương mại quốc tế

**14. Đánh bắt cá bất hợp pháp, không báo cáo, không tuân thủ quy định và biện pháp hạn chế, thương mại của Liên minh Châu Âu**/ Nguyễn Thị Hồng Yến, Mai Ngân Hà // Nhà nước và Pháp luật .- 2018 .- Số 7 (363) .- Tr. 62 – 72.

**Nội dung:** Tập trung giới thiệu một số vấn đề chung về đánh bắt cá bất hợp pháp, không báo cáo, không tuân thủ quy định ( IUU) và các biện pháp hạn chế thương mại của Liên minh Châu Âu (EU) áp dụng đối với các quốc gia bị đánh giá là “ thiếu tích cực trong phòng chống IUU”.

**Từ khóa:** Đánh bắt cá, Liên hợp quốc, Liên minh Châu Âu, thương mại

**15. Đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương trong giai đoạn hiện nay – Bài học từ nghiên cứu lịch sử và so sánh kinh nghiệm một số quốc gia châu Âu** / Đào Bảo Ngọc // Khoa học pháp lý .- 2018 .- Số 5 (117) .- Tr. 17 – 24.

**Nội dung:** Sau cách mạng tháng Tám năm 1945 và sau khi Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa ra đời đến nay, trong suốt các thời kỳ phát triển của đất nước, Đảng và Nhà nước ta đã luôn luôn coi trọng vấn đề quản lý địa phương, tổ chức chính quyền địa phương. Nhiều chính sách, chủ trương, biện pháp cải tổ hành chính địa phương đã từng được áp dụng, thể nghiệm, hoặc ngược lại, được bãi bỏ, điều chỉnh lại nhằm hướng tới một phương thức quản lý thích ứng và được coi là có hiệu quả trong từng thời kỳ phát triển của đất nước.

**Từ khóa:** Chính quyền địa phương, châu Âu, phân quyền

**16. Giải quyết tranh chấp hành chính theo quy định của pháp luật Trung Quốc**/ Nguyễn Văn Quang // Luật học .- 2018 .- Số 5 .- Tr. 89 – 100.

**Nội dung:** Bài viết tập trung phân tích khái quát về các phương thức giải quyết tranh chấp hành chính theo quy định của pháp luật Trung Quốc, trong đó phân tích sâu một số điểm mới của mô hình thí điểm đối với phương thức xem xét lại hành chính ở Trung Quốc và liên hệ với thực tiễn hiện nay ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Giải quyết, tranh chấp hành chính, pháp luật Trung Quốc

**17. Giao dịch tư lợi trong ngân hàng thương mại cổ phần**/ Nguyễn Thị Thương // Nhà nước và Pháp luật .- 2018 .- Số 7 (363) .- Tr. 34 – 42.

**Nội dung:** Bài viết phân tích quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn về các giao dịch tư lợi trong ngân hàng thương mại cổ phần, bao gồm hai nhóm giao dịch: Các giao dịch tư lợi bị cấm thực hiện; Các giao dịch tư lợi bị hạn chế thực hiện; Đồng thời đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện.

**Từ khóa:** Giao dịch tư lợi,ngân hàng thương mại cổ phần

**18. Hệ thống ủy ban giám sát trong Hiến pháp Trung Quốc sửa đổi năm 2018**/ Đậu Công Hiệp // Nhà nước và Pháp luật .- 2018 .- Số 7 (363) .- Tr. 73 – 77.

**Nội dung:** Bài viết thông tin và bình luận về hệ thống Ủy ban giám sát có chức năng phòng, chống tham nhũng mới được quy định trong Hiếp pháp Trung Quốc sửa đổi năm 2018; qua đó, liên hệ và hàm ý đối với Việt Nam.

**Từ khóa:** Hiến pháp Trung Quốc, Ủy ban giám sát, 2018

**19. Hình phạt trục xuất trong Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017): Một số bất cập và kiến nghị hoàn thiện**/ Nguyễn Nhật Khanh, Nguyễn Phương Thảo, Trần Văn Thượng // Nhà nước và Pháp luật .- 2018 .- Số 8 (364) .- Tr. 19 – 27,36.

**Nội dung:** Trục xuất là một trong các hình thức được quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đây là một hình thức đặc biệt áp dụng đối với người phạm tội là người nước ngoài, buộc họ phải rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bài viết phân tích những bất cập trong các quy định của pháp luật về hình phạt trục xuất, đồng thời đề xuất kiến nghị hoàn thiện.

**Từ khóa:** Bộ luật hình sự, trục xuất, lãnh thổ

**20. Hoàn thiện các quy định về rút khiếu nại và khiếu nại lại trong Luật khiếu nại năm 2011**/ Võ Tấn Đào // Nhà nước và Pháp luật .- 2018 .- Số 8 (364) .- Tr. 10 – 18.

**Nội dung:** Bài viết phân tích, bình luận những quy định của Luật Khiếu nại năm 2011 về rút khiếu nại, khiếu nại lại, đồng thời chỉ ra một số điểm bất cập trong thực tiễn thực hiện các quy định này, từ đó đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện.

**Từ khóa:** Luật khiếu nại, quy định, kiến nghị

**21. Hoàn thiện cơ chế tổ chức theo dõi thi hành pháp luật ở Việt Nam hiện nay**/ Nguyễn Văn Năm // Luật học .- 2018 .- Số 5 .- Tr. 59 – 74.

**Nội dung:** Theo dõi thi hành pháp luật là hoạt động không thể thiếu trong quá trình tổ chức thi hành pháp luật. Tuy đã được coi trọng nhưng một số thành tố trong cơ chế tổ chức theo dõi thi hành pháp luật vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế. Bài viết phân tích những khái niệm khoa học, đánh giá tình hình thực tiễn, đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế tổ chức theo dõi thi hành pháp luật ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** Cơ chế tổ chức, hoàn thiện, theo dõi, thi hành pháp luật

**22. Hoàn thiện pháp luật về chấn dứt hợp đồng thử việc**/ Nguyễn Văn Tố Hữu // Luật học .- 2018 .- Số 5 .- Tr. 38 – 46.

**Nội dung:** Bộ luật lao động năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành tuy chưa có nhiều quy định về chấm dứt hợp đồng thử việc nhưng việc áp dụng pháp luật về vấn đề này đã có những hạn chế nhất định. Bài viết phân tích pháp luật hiện hành, chỉ rõ những hạn chế, đưa ra giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật về chấm dứt hợp đồng thử việc.

**Từ khóa:** Chấm dứt, hoàn thiện, hợp đồng thử việc, pháp luật

**23. Khái niệm công bằng trong nguyên tắc công bằng hợp lý khi sử dụng tài nguyên xuyên quốc gia**/ Lê Minh Nhựt // Khoa học pháp lý .- 2018 .- Số 5 (117) .- Tr. 66 – 73.

**Nội dung:** Bài viết phân tích khái niệm công bằng trong nguyên tắc công bằng, hợp lý khi sử dụng nguồn tài nguyên xuyên quốc gia, chứng minh nguyên tắc trên như một nguồn tập quán khi các quốc gia liên quan chưa ký kết các điều ước quốc tế, để từ đó đưa ra các kiến nghị tương ứng.

**Từ khóa:** Nguyên tắc công bằng hợp lý, nguồn nước quốc tế, ô nhiễm không khí xuyên biên giới

**24. Luật an ninh mạng - sự cần thiết và công tác tuyên truyền tạo đồng thuận xã hội/** TS. Nguyễn Minh Phong, ThS. Nguyễn Trần Minh Trí// Ngân hàng.- 2018 .- Số 14 tháng 07 .- Tr. 2-6.

**Nội dung**: Trình bày thực tiễn kiểm soát an ninh mạng trên thế giới; Thực tê và Luật An ninh mạng ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Luật An ninh mạng

**25. Mâu thuẫn giữa Luật xây dựng và Luật đấu thầu trong cấc quy định về đầu tư xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn nhà nước: Nhận diện và giải pháp**/ Trần Vũ Hải, Nguyễn Ngọc Yến // Nhà nước và Pháp luật .- 2018 .- Số 8 (364) .- Tr. 37 – 45.

**Nội dung:** Nhận diện và phân tích những điểm mâu thuẩn trong các quy định giữa hai Luật với nhau và các văn bản dưới luật có liên quan về phạm vi điều chỉnh, vốn nhà nước, hợp đồng…Trên cơ sở đó, các tác giả đề xuất một số giải pháp hoàn thiện các quy định để tăng cường hiệu quả điều chỉnh trên thực tế trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn nhà nước.

**Từ khóa:** Luật xây dựng, Luật đấu thầu, vốn nhà nước, xây dựng cơ bản

**26. Mô hình và thực tiễn hoạt động trợ giúp pháp lý trên thế giới**/ TS. Đinh Ngọc Thắng// Nghiên cứu Châu Âu .- 2018 .- Số 7 (214) .- Tr. 23-31.

**Nội dung**: Tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý của các nước trên thế giới rất phong phú và đa dạng nhưng nhìn chung đều hàm chứa tính chất chung là hoạt động mang tính kinh tế, pháp lý, xã hội và nhân đạo. Bài viết tìm hiểu mô hình thực tiễn trợ giúp pháp lý của một số nước trên thế giới.

**Từ khóa**: Trợ giúp pháp lý, mô hình trợ giúp pháp lý

**27. Mối quan hệ giữa nguyên thủ quốc gia với cơ quan hành pháp ở Việt Nam**/ Phạm Thị Phương Thảo // Khoa học pháp lý .- 2018 .- Số 4 (116) .- Tr. 10 – 17.

**Nội dung:** Quan hệ giữa nguyên thủ quốc gia và cơ quan hành pháp không chỉ phản ánh mối quan hệ giữa hai chế định độc lập và quan trọng trong bộ máy nhà nước mà còn phản ánh vị trí, vai trò, nhiệm vụ và quyền hạn của nguyên thủ quốc gia trong hoạt động của cơ quan hành pháp, đặc biệt là vai trò của nguyên thủ quốc gia trong việc giám sát và kiểm soát quyền lực của cơ quan quyền hành pháp.

**Từ khóa:** Nguyên thủ quốc gia, mối quan hệ, cơ quan hành pháp, hiến pháp

**28. Mối quan hệ giữa quyền tiếp cận thông tin và quyền giám sát của nhân dân**/ Đinh Thanh Phương // Luật học .- 2018 .- Số 5 .- Tr. 75 – 88.

**Nội dung:** Bài viết phân tích những vấn đề lí luận chung về quyền tiếp cận thông tin và quyền giám sát của nhân dân đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước, chỉ ra mối quan hệ tương hỗ giữa hai quyền cơ bản này; Phân tích các quy định trong Luật tiếp cận thông tin năm 2016, chỉ ra những điểm còn hạn chế của Luật đối với quyền giám sát của nhân dân; đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật về quyền tiếp cận thông tin, nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của nhân dân.

**Từ khóa:** Nhân dân, mối quan hệ, quyền giám sát, tiếp cận thông tin

**29. Mối quan hệ nhân quả và vấn đề giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong pháp luật thương mại**/ Nguyễn Thị Thanh Huyền // Khoa học pháp lý .- 2018 .- Số 4 (116) .- Tr. 25 – 34.

**Nội dung:** Nghiên cứu mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm và thiệt hại thực tế - một căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại – từ góc độ là một phương pháp giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong pháp luật thương mại. Theo đó, bài viết phân tích, đánh giá quy định của pháp luật thương mại Việt Nam về mối quan hệ nhân quả đặt trong bối cảnh nghiên cứu sự phát triển của các học thuyết pháp lý chủ yếu về vấn đề này.

**Từ khóa:** Quan hệ nhân quả, nguyên nhân trực tiếp, nguyên nhân can thiệp, bồi thường thiệt hại

**30. Một số bình luận về Điều 420 Bộ Luật Dân sự năm 2015: Thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản**/ Đàm Thị Diễm Hạnh, Lê Thị Kim Oanh // Nhà nước và Pháp luật .- 2018 .- Số 7 (363) .- Tr. 19 – 23.

**Nội dung:** Phân tích, bình luận các quy định tại Điều 420 Bộ luật Dân sự năm 2015 về thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản; từ đó, đưa ra các đề xuất hoàn thiện.

**Từ khóa:** Điều 420 Bộ luật Dân sự, hợp đồng

**31. Một số quy tắc giải thích pháp luật thành văn của Úc và gợi mở cho Việt Nam**/ Huỳnh Thị Sinh Hiền // Nhà nước và Pháp luật .- 2018 .- Số 7 (363) .- Tr. 3 – 11.

**Nội dung:** Giới thiệu các phương pháp giải thích pháp luật thành văn ở Úc. Các phương pháp này có thể được xem như là công cụ khoa học hỗ trợ các thẩm phán Việt Nam hiểu ý chí của nhà lập pháp đối với các quy định, góp phần nâng cao tính chính xác và thống nhất của hoạt động áp dụng pháp luật trong xét xử.

**Từ khóa:** Pháp luật thành văn, Úc, thẩm phán, xét xử

**32. Một số vấn đề chính trị Mỹ trong năm cầm quyền đầu tiên của Tổng thống Donald Trump**/ Lê Thị Thu// Châu Mỹ ngày nay .- 2018 .- Số 05 (242) .- Tr. 19-26.

**Nội dung**: Đề cập một số vấn đề chính trị trong năm cầm quyền đầu tiên của Tổng thống Donal Trump thông qua phân tích các mặt: biến động trong nội các, vấn đề chia rẻ đảng phái, và phối hợp thiếu hiệu quả trong hệ thống chính trị Mỹ.

**Từ khóa**: Chính trị, đảng Cộng hòa, đảng Dân chủ, Tổng thống, Donal Trump

**33. Một số vướng mắc pháp lý hiện hành về các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự**/ Phạm Văn Hiếu// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2018 .- Số 13 (502) .- Tr. 33-36.

**Nội dung**: Tổng hợp một số khó khăn, vướng mắc của tổ chức tín dụng trong quá trình hoạt động được nêu ra tại tạo đàm Đánh giá việc thực hiện quy định pháp luật hiện hành về các biện pháp đảm bảo thực hiện nghĩa vụ do Hiệp hội Ngân hàng Việt nam phối hợp cùng Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC) tổ chức.

**Từ khoá:** Tổ chức tín dụng, Các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, Vướng mắc

**34. Một số vướng mắc, bất cập trong quy trình xây dựng, ban hành nghị định của chính phủ, quyết định của Thủ tướng chính phủ**/ Nguyễn Phước Thọ // Nhà nước và Pháp luật .- 2018 .- Số 8 (364) .- Tr. 3 – 9.

**Nội dung:** Bài viết phân tích, đánh giá một số vướng mắc, bất cập về trình tự, thủ tục ảnh hưởng đến chất lượng và tiến độ, tính kịp thời trong xây dựng, ban hành nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

**Từ khóa:** Nghị định, bất cập

**35. Một số ý kiến góp ý cho dự thảo nghị định về Họ, Hụi, Biêu, Phường** / Trần Văn Biên // Nhà nước và Pháp luật .- 2018 .- Số 8 (364) .- Tr. 63 – 71.

**Nội dung:** Bài viết đưa ra một số ý kiến góp ý cho dự thảo Nghị định về họ, hụi, biêu, phường nhằm góp phần hoàn thiện dự thảo Nghị định này trước khi trunhf Chính phủ ban hành.

**Từ khóa:** Dự thảo, Nghị định

**36. Mua bán quyền phát thải khí nhà kính – Các khía cạnh pháp lý và thực tiễn triển khai**/ Hồ Thúy Ngọc // Khoa học pháp lý .- 2018 .- Số 5 (117) .- Tr. 59 – 65.

**Nội dung:** Mua bán quyền phát thải khí nhà kính được nhiều quốc gia xem là một trong các giải pháp góp phần phát triển bền vững. Tuy nhiên, xét về bản chất, đây là hoạt động giúp các quốc gia thực hiện đúng cam kết quốc tế nhưng không giảm khí thải trong thực tế. Liệu đây có nên là sự lựa chọn của Việt Nam trong quá trình phát triển bền vững nền kinh tế hay không? Bài viết sẽ phân tích các khía cạnh pháp lý và thực tiễn của hoạt động này.

**Từ khóa:** Khí nhà kính, quyền phát thải khí, thuế

**37. Nguyên tắc trung thực tuyệt đối trong bảo hiểm hàng hải theo quy định của pháp luật Anh**/ Nguyễn Thị Bích Ngọc, Trần Ngọc Hà // Khoa học pháp lý .- 2018 .- Số 4 (116) .- Tr. 66 – 73.

**Nội dung:** Nội dung cốt lõi của nguyên tắc này quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin của các bên khi giao kết hợp đồng bảo hiểm hàng hải, đặc biệt là nghĩa vụ của bên được bảo hiểm vì hợp đồng bảo hiểm hàng hải là hợp đồng mang tính chất suy đoán được xác lập chủ yếu dựa vào việc đánh giá các thông tin mà bên được bảo hiễm cung cấp.

**Từ khóa:** Nguyên tắc trung thực tuyệt đối, nghĩa vụ cung cấp thông tin, bảo hiểm hàng hải

**38. Những thay đổi quan trọng trong quy định pháp luật của Liên minh Châu Âu về nhãn hiệu**/ Nguyễn Hồ Bích Hằng // Khoa học pháp lý .- 2018 .- Số 4 (116) .- Tr. 55 – 59.

**Nội dung:** Giới thiệu và phân tích những thay đổi trong quy định của pháp luật Liên minh châu Âu về các loại nhãn hiệu phi truyền thống mới được ghi nhận như nhãn hiệu đa phương tiện, nhãn hiệu hình ảnh động, nhãn hiệu ảnh ba chiều. Ngoài ra, bài viết này cũng phân tích các quy định về nhãn hiệu chứng nhận lần đầu tiên được ghi nhận ở cấp độ châu Âu.

**Từ khóa:** Nhãn hiệu phi truyền thống, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu ảnh ba chiều, nhãn hiệu đa phương tiện, nhãn hiệu hình ảnh động

**39. Những vấn đề pháp lí phát sinh từ việc một bên vợ hoặc chồng bị tuyên bố mất tích, tuyên bố là đã chết**/ Nguyễn Thị Lan // Luật học .- 2018 .- Số 5 .- Tr. 47 – 58.

**Nội dung:** Phân tích pháp luật thực định, thực tiễn thi hành pháp luật, chỉ rõ những điểm hợp lí, vướng mắc, bất cập, đưa ra kiến nghị hoàn thiện pháp luật nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của vợ, chồng và các chủ thể liên quan.

**Từ khóa:** Chết, vợ hoặc chồng, tuyên bố mất tích, vấn đề pháp lí

**40. Pháp luật và đạo đức xã hội**/ Nguyễn Thị Ngọc Mai // Khoa học pháp lý .- 2018 .- Số 4 (116) .- Tr. 18 – 24.

**Nội dung:** Để tạo sự ổn định, trật tự giữa các thành viên riêng rẽ trong xã hội theo những mục tiêu nhất định, con người đã biết sử dụng rất nhiều các công cụ điều chỉnh khác nhau, trong đó quan trọng nhất là pháp luật và đạo đức xã hội. Bài viết trình bày những vấn đề cơ bản nhất về hai hiện tượng này, chỉ ra những điểm tương đồng, sự khác biệt cũng như mối quan hệ giữa chúng.

**Từ khóa:** Pháp luật, đạo đức xã hội, quy phạm, quan hệ xã hội, công cụ điều chỉnh

**41. Pháp luật về hòa giải thương mại của Cộng hòa Liên bang Đức và một số gợi mở cho Việt Nam**/ Lê Hương Giang // Nhà nước và Pháp luật .- 2018 .- Số 7 (363) .- Tr. 24 – 33.

**Nội dung:** Nêu và phân tích bối cảnh về việc sử dụng hòa giải thương mại ở Đức cũng như Luật Hòa giải Đức năm 2012, từ đó đưa ra một số khuyến nghị cho Việt Nam.

**Từ khóa:** Pháp luật, Luật Thương mại, Liên bang Đức, Việt Nam

**42. Phương pháp học tiếng Anh và tiếng Anh chuyên ngành pháp lý cho sinh viên Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh**/ Lê Hà Huy Phát, Võ Thị Cẩm Giang // Khoa học pháp lý .- 2018 .- Số 4 (116) .- Tr. 74 – 80.

**Nội dung:** Phân tích thực trạng cũng như đề xuất liên quan đến phương pháp học hiệu quả, lộ trình bài bản và tài liệu hữu ích cho việc học tiếng Anh phổ thông nói chung và tiếng Anh chuyên ngành pháp lý nói riếng cho sinh viên Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

**Từ khóa:** Anh văn pháp lý, học tập, Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

**43. Quan điểm của tòa án công lý châu Âu ngày 16/5/2017 về hiệp định thương mại tự do giữa Liên minh châu Âu và Singapore: Nội dung chính và các tác động**/ Nguyễn Hồ Bích Hằng // Khoa học pháp lý .- 2018 .- Số 4 (116) .- Tr. 60 – 65.

**Nội dung:** Phân tích nội dung quan điểm của Tòa án Công lý châu Âu ngày 16/5/2017 về thẩm quyền riêng biệt của Liên minh châu Âu ( EU ), thẩm quyền chung của EU và các quốc gia thành viên, cũng như thẩm quyền riêng biệt của các quốc gia thành viên EU trong việc ký kết Hiệp định thương mại tự do với Singapore. Bài viết đánh giá các tác động của quan điểm này đối với các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà EU đang đàm phán hoặc đã đàm phán xong nhưng chưa thông qua cũng như các chính sách thương mại của EU trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Thẩm quyền riêng biệt của EU, EVFTA

**44. Quản lí lao động nước ngoài thông qua cơ chế cấp thị thực lao động tại một số quốc gia vùng vịnh**/ Nguyễn Thị Kim Cúc// Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông .- 2018 .- Số 04 (152) .- Tr. 20-26.

**Nội dung**: Lao động nhập cư là một chủ đề không còn xa lạ đối với các quốc gia vùng Vịnh và họ chủ yếu đến từ các quốc gia châu Á, trong đó có Việt Nam. Trước tình hình lao động nhập cư ngày càng gia tăng mạnh mẽ, các quốc gia vùng Vịnh đã có những cơ chế quản lý phù hợp, hiệu quả, trong đó có cơ chế cập thị thực cho người lao động. Bài viết sẽ tập trung nghiên cứu những quy định cơ bản về cơ chế cấp thị thực lao động tại một số quốc gia vùng Vịnh, cụ thể là Bahrain, Kuwait và Oman.

**Từ khóa**: Lao động nước ngoài, thị thực lao động, vùng Vịnh.

**45. Quản trị địa phương ở một số Quốc gia Châu Âu: Góc nhìn lịch sử, lý luận và tham chiếu với Việt Nam**/ Đào Bảo Ngọc // Nhà nước và Pháp luật .- 2018 .- Số 7 (363) .- Tr. 78 – 84.

**Nội dung:** Nghiên cứu nguồn gốc lịch sử và cơ sở lý luận về quản trị địa phương ở một số quốc gia châu Âu, qua đó đưa ra cái nhìn tham chiếu đối với Việt Nam.

**Từ khóa:** Quản trị địa phương, châu Âu, Việt Nam

**46. Quyền làm việc và điều khoản không cạnh tranh/ bảo vệ bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ trong hợp đồng lao động theo pháp luật pháp, gợi mở cho Việt Nam**/ Nguyễn Võ Linh Giang // Nhà nước và Pháp luật .- 2018 .- Số 8 (364) .- Tr. 46 – 53,62.

**Nội dung:** Trình bày các vấn đề liên quan đến điều khoản không cạnh tranh bảo vệ bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ theo pháp luật Pháp như điều kiện có hiệu lực, biện pháp áp dụng khi vi phạm điều khoản và từ đó kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam nhằm bảo đảm, bảo vệ được quyền làm việc của người lao động và bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ của người sử dụng lao động.

**Từ khóa:** Bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, hợp đồng lao động

**47. Quyền phản tố của nhà nước trong giải quyết tranh chấp với nhà đầu tư nước ngoài tại trọng tài quốc tế** / Đào Kim Anh // Nhà nước và Pháp luật .- 2018 .- Số 8 (364) .- Tr. 72 – 84.

**Nội dung:** Nghiên cứu về quyền phản tố của Nhà nước trong giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và Nhà nước tại trọng tài quốc tế theo quy định của các hiệp định đầu tư, Công ước Washington năm 1965 về giải quyết các tranh chấp đầu tư giữa Nhà nước và công dân quốc gia khác (ICSID) và một số quy tắc trọng tài đầu tư phổ biến

**Từ khóa:** Giải quyết tranh chấp, trọng tài quốc tế

**48. Quyền sửa án của hội đồng xét xử giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự Việt Nam – Kinh nghiệm từ một số quốc gia**/ Đinh Bá Trung, Huỳnh Quang Thuận // Khoa học pháp lý .- 2018 .- Số 5 (117) .- Tr. 38 – 44.

**Nội dung:** Quyền sửa một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật của Hội đồng xét xử Giám đốc thẩm là một trong những bổ sung hết sức quan trọng của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thông qua bài viết này, tác giả sẽ trình bày các quan điểm trái chiều xoay quanh việc cho phép Hội đồng xét xử Giám đốc thẩm được quyền sửa án, tham khảo kinh nghiệm một số quốc gia trên thế giới và từ đó đưa ra quan điểm cá nhân đối với vấn đề này.

**Từ khóa:** Sửa án, giám đốc thẩm, hội đồng xét xử giám đốc thẩm, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

**49. Sự cần thiết ghi nhận quyền động vật và phác thảo Luật bảo vệ quyền động vật tại Việt Nam** / Lê Hà Huy Phát, Đặng Nguyễn Nhật Minh // Khoa học pháp lý .- 2018 .- Số 5 (117) .- Tr. 25 – 31.

**Nội dung:** Ở Việt Nam, quyền động vật chưa được quan tâm đúng mức. Trong khi đó, pháp luật về quyền động vật ở các quốc gia trên thế giới đang ngày càng hoàn thiện. Trong phạm vi bài viết này, tác giả trình bày hai vấn đề: Sự cần thiết ghi nhận và thiết lập công cụ pháp lý bảo vệ quyền động vật ở Việt Nam; phác thảo một số nội dung cơ bản của Luật về Động vật ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Quyền động vật, Việt Nam, phúc lợi Động vật, nghiên cứu lập pháp

**50. Tác động của việc xây dựng thủy điện trên sông MeKong đến an ninh môi trường của Việt Nam – Một số vấn đề pháp lý đặt ra**/ Võ Trung Tín, Ngô Gia Hoàng // Khoa học pháp lý .- 2018 .- Số 4 (116) .- Tr. 35 – 46.

**Nội dung:** Việc xây dựng các đập thủy điện trên dòng chính sông Mekong đã gây ra những hệ quả tiêu cực về môi trường, đặc biệt là đối với các nước vùng hạ lưu, trong đó có Việt Nam.Phân tích khung pháp lý cho vấn đề kiểm soát việc khai thác nguồn nước sông MeKong quốc tế ( MRC ) và Thủ tục thông báo, tham vấn trước và thỏa thuận.

**Từ khóa:** Môi trường, tranh chấp môi trường, sông Mekong, hiệp định Mekong

**51. Thẩm quyền tư vấn pháp luật của tòa án công lý quốc tế**/ Ngô Hữu Phước // Nhà nước và Pháp luật .- 2018 .- Số 7 (363) .- Tr. 52 – 61.

**Nội dung:** Bài viết phân tích, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về thẩm quyền tư vấn pháp luật của Tòa án công lý quốc tế, qua đó làm nổi bật vai trò của Tòa án công lý quốc tế đối với quá trình phát triển, tuân thủ và thực thi luật pháp quốc tế.

**Từ khóa:** Tòa án công lý quốc tế, pháp luật, thẩm quyền

**52. Thực trạng pháp luật đất đai tại Việt Nam hiện nay dưới góc nhìn tham chiếu với hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương** / Nguyễn Quang Tuyến, Trần Tuấn Sơn // Nhà nước và Pháp luật .- 2018 .- Số 8 (364) .- Tr. 54 – 62.

**Nội dung:** Rà soát, đánh giá hệ thống pháp luật đất đai, qua đó phát hiện ra những điểm mâu thuẩn, bất tương thích và đưa ra các giải pháp khắc phục nhằm đáp ứng các yêu cầu của Hiệp định.

**Từ khóa:** Luật đất đai, hiệp định đối tác, Thái Bình Dương

**53. Trường hợp phạm nhiều tội và trường hợp trùng Luật từ lí thuyết đến sự thể hiện trong Bộ Luật hình sự Việt Nam**/ Nguyễn Ngọc Hòa // Luật học .- 2018 .- Số 5 .- Tr. 26 – 37.

**Nội dung:** Phân tích các trường hợp phạm nhiều tội để phân biệt với trường hợp không phải là trường hợp phạm nhiều tội mà chỉ là trường hợp “ trùng luật”. Trong đó, tác giả làm rõ các trường hợp tuy thỏa mãn nhiều cấu thành tội phạm nhưng vẫn chỉ là trường hợp phạm một tội do các cấu thành tội phạm này hoặc do các hành vi đã thực hiện có quan hệ đặc biệt với nhau. Bài viết đánh giá những nội dung được và chưa được của các Bộ luật hình sự, đặc biệt là Bộ luật hình sự năm 2015 trong việc thể hiện lí thuyết về “ phạm nhiều tội” và “ trùng luật”.

**Từ khóa:** Bộ luật hình sự, lí thuyết, phạm nhiều tội, sự thể hiện, trường hợp trùng luật

**54. Vai trò của cơ quan quản lý bầu cử trong nhà nước pháp quyền** / Trần Thị Thu Hà // Khoa học pháp lý .- 2018 .- Số 5 (117) .- Tr. 10 – 16.

**Nội dung:** Xây dựng nhà nước pháp quyền là một yêu cầu tất yếu, khách quan và phù hợp với xu thế phát triển của thời đại bởi nhà nước pháp quyền là một giá trị chung của nhân loại. Trong đó, có thể khẳng định bầu cử là một trong những điều kiện và động lực tiên quyết để xây dựng nhà nước pháp quyền. Mặc khác, bầu cử còn là phương thức thể hiện quyền của nhân dân, là biểu hiện quan trọng của nền dân chủ. Bài viết nghiên cứu về các vai trò nổi bật của cơ quan quản lý bầu cử trong nhà nước pháp quyền hiện nay.

**Từ khóa:** Cơ quan quản lý bầu cử, khách quan, chuyên nghiệp, công bằng, hội nhập quốc tế

**55. Vị trí và tính chất pháp lý của đơn vị hành chính – Kinh tế đặc biệt theo Hiến pháp năm 2013 và các văn bản có liên quan**/ Lê Thị Hồng Nhung // Khoa học pháp lý .- 2018 .- Số 4 (116) .- Tr. 3 – 9.

**Nội dung:** Bài viết xác định vị trí và tính chất pháp lý của Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt, trên cơ sở đó, bài viết đưa ra một số gợi mở cho việc ban hành quy chế pháp lý đối với Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt trong tương lai.

**Từ khóa:** Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt, chính quyền địa phương

**56. Xu hướng liên kết, liên minh chính trị an ninh của một số quốc gia trên thế giới từ năm 2009 đến nay**/ Phạm Tiến, Nghiêm Tuấn Hùng// Châu Mỹ ngày nay .- 2018 .- Số 07 (244) .- Tr. 25-35.

**Nội dung**: Khái quát lại những nét cơ bản trong việc lựa chọn xu hướng liên minh, liên kết của một số quốc gia và khu vực chủ chốt trên thế giới từ năm 2009 đến nay.

**Từ khóa**: Liên minh, liên kết, điều chỉnh chính sách

**CHỨNG KHOÁN**

**1. Bằng chứng mới về tác động bất đối xứng của thay đổi tỷ giá hối đoái lên giá chứng khoán Việt Nam**/ Huỳnh Thái Huy// Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á- Jabes.- 2018 .- Số 29(2) tháng 2 .- Tr. 40-62.

**Nội dung**: Hầu hết các nghiên cứu trước đây về mối quan hệ giữa tỷ giá hối đoái và giá chứng khoán thường giả định sự điều chỉnh đối xứng giữa hai biến số. Mục đích nghiên cứu này nhằm kiểm chứng sự hiện diện tác động bất đối xứng của thay đổi tỷ giá hối đoái lên giá chứng khoán tại VN, sử dụng dữ liệu theo tháng giai đoạn 2001M01–2017M01 và phương pháp NARDL, phát triển bởi Shin và cộng sự (2014). Kết quả từ mô hình NARDL khẳng định sự tồn tại quan hệ đồng liên kết giữa các biến số, gồm giá chứng khoán, thành phần dương và âm của tỷ giá hối đoái, cung tiền và lạm phát. Thêm vào đó, các kết quả cũng chỉ ra giá chứng khoán phản ứng bất đối xứng trước sự tăng giá và giảm giá nội tệ; trong dài hạn, tác động của sự tăng giá nội tệ lên giá chứng khoán mạnh hơn tác động của sự giảm giá nội tệ.

**Từ khoá:** Thị trường chứng khoán; thị trường ngoại hối; bất đối xứng; NARDL

**2. Chỉ tiêu hoạt động môi giới tại công ty Chứng khoán/** Phạm Quang Khánh// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 682 tháng 06 .- Tr. 73-75.

**Nội dung**: Nghiên cứu tổng quát về vai trò, đặc điểm của nghiệp vụ môi giới chứng khoán, để định hình nên những nhóm chỉ tiêu ( gồm cả định tính và định lượng), qua đó phản ánh cụ thể về hoạt động này tại các công ty chứng khoán hiện nay.

**Từ khoá:** Thị trường chứng khoán, công ty chứng khoán, môi giới chứng khoán

**3. Giám sát trên cơ sở rủi ro đối với các tổ chức trung gian trên thị trường chứng khoán/** TS. Nguyễn Thanh Huyền, ThS. Triệu Linh Giang// Chứng khoán Việt Nam.- 2018 .- Số 237 tháng 7 .- Tr. 16-20.

**Nội dung**: Giới thiệu về giám sát trên cơ sở rủi ro, cách thức thực hiện giám sát trên cơ sở rủi ro (GSTCSRR), kinh nghiệm áp dụng GSTCSRR tại một số nước, thách thức đặt ra.

**Từ khoá**: Giám sát trên cơ sở rủi ro, Thị trường chứng khoán

**4. Lợi nhuận và khả năng sinh lời của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam từ năm 2014 đến nay**/ TS. Lê Thị lan Hương, ThS. Trương Thị Thu Hương// Ngân hàng .- 2018 .- Số 12 tháng 06.- Tr. 32-36.

**Nội dung**: Tập trung phân tích tình hình lợi nhuận và khả năng sinh lời của các công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2017, từ đó tác giả rút ra những đặc điểm chung về hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp Việt Nam sau giai đoạn suy thoái kinh tế.

**Từ khoá:** Lợi nhuận, Khả năng sinh lời, Thị trường chứng khoán, Việt Nam

**5. Mối quan hệ giữa đặc tính công ty và mức độ công bố thông tin bắt buộc thông tin phi tài chính của các doanh nghiệp niêm yết tại sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**/ PGS.TS. Hà Xuân Thạch, ThS. Dương Hoàng Ngọc Khuê// Kế toán & Kiểm toán .- 2018 .- Số 177 tháng 6 .- Tr.r. 15-18.

**Nội dung**: Trình bày mối quan hệ giữa đặc tính công ty và mức độ công bố thông tin bắt buộc thông tin phi tài chính của các doanh nghiệp niêm yết tại sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

**Từ khoá:** Công bố thông tin, Thông tin phi tài chính, Công bố bắt buộc

**6. Nâng cao hiệu quả quản lý thị trường chứng khoán trong tiếp cận cuộc cách mạng 4.0/** Trịnh Hồng Hà// Chứng khoán Việt Nam.- 2018 .- Số 237 tháng 7 .- Tr. 21-25.

**Nội dung**: Trình bày hiện trạng và khả năng tiếp cận, ứng dụng khoa học và công nghệ trong lĩnh vực chứng khoán; Các giải pháp tăng cường năng lực tiếp cận, ứng dụng khoa học và công nghệ trong lĩnh vực chứng khoán.

**Từ khoá**: Hiệu quả quản lý, Thị trường chứng khoán, Cuộc cách mạng 4.0

**7. Nhân tố ảnh hưởng đến công bố thông tin báo cáo tài chính của các doanh nghiệp niêm yết trên HOSE**/ TS. Phạm Xuân Thành, ThS. Đặng Thanh Hương, ThS. Trần Việt Hùng, ThS. Trần Minh Tân, Nguyễn Thị Kim Chi// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 682 tháng 06 .- Tr. 79-82.

**Nội dung**: Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến công bố thông tin báo cáo tài chính của các doanh nghiệp niêm yết trên HOSE, chủ yếu thực hiện phương pháp nghiên cứu định lượng làm rõ giả thuyết: công ty có quy mô lớn thì mức độ công bố thông tin nhiều hơn công ty có quy mô nhỏ; công ty có lợi nhuận tốt sẵn sàng công bố thông tin hơn công ty có lợi nhuận thấp; ... từ đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện việc công bố thông tin báo cáo tài chính các doanh nghiệp niêm yết trên HOSE.

**Từ khoá**: Công bố thông tin, báo cáo tài chính, doanh nghiệp niêm yết

**8. Phát triển hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở tại Việt Nam**/ TS. Lê Đình Hạc// Ngân hàng .- 2018 .- Số 13 tháng 06.- Tr. 27-34.

**Nội dung**: Thực trạng hoạt động của các quỹ đầu tư và công ty quản lý quỹ trên thị trường chứng khoán Việt Nam; Khuyến nghị giải pháp.

**Từ khoá:** Quỹ đầu tư chứng khoán

**9. Tác động của các yếu tố vĩ mô lên VN - Index thông qua mô hình hiệu chỉnh sai số**/ ThS. Đàm Thị Ngọc Vân// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 682 tháng 06 .- Tr. 69-72.

**Nội dung**: Nghiên cứu tác động của các yếu tố vĩ mô lên VN - Index thông qua mô hình hiệu chỉnh sai số theo véc tơ (VECM) nhằm giúp các nhà lãnh đạo, quản lý và hoạch định chính sách có thêm những thông tin hữu ích trong việc ra quyết định đầu tư.

**Từ khoá**: Thị trường chứng khoán, VN-Index, mô hình chỉnh sai số, chính sách, HNX, HOSE

**10. Thị trường chứng khoán phái sinh Việt Nam : mối liên hệ với thị trường cơ sở và khuyến nghị cho các nhà đầu tư**/ Nguyễn Hồng Nhung// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 517 tháng 05 .- Tr. 37-39.

**Nội dung**: Phân tích hoạt động của Thị trường chứng khoán phái sinh VN từ khi ra mắt cho tới nay và xem xét mối liên hệ giữa hai thị trường, đồng thời, đưa ra những khuyến nghị cho các nhà đầu tư khi tham gia vào thị trường mới mẻ này.

**Từ khoá**: Thị trường chứng khoán phái sinh, Việt Nam

**GIÁO DỤC**

**1. Đại học nghiên cứu tại Việt Nam: Nổ lực đúng cách sẽ dẫn đến thành công**/ GS. Trần Văn Đoàn// Khoa học & Công nghệ Việt Nam (A) .- 2018 .- Số 8( 713) .- Tr. 14 – 17.

**Nội dung**: Trao đổi về cách tiếp cận của một số trường đại học lớn, qua đó gợi ý cho việc triển khai thực hiện mô hình đại học nghiên cứu ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Đại học nghiên cứu, Việt Nam

**2. Giáo dục đại học trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0**/ Hoàng Phương// Thông tin và Truyền thông .- 2018 .- Số 558 (748) .- Tr.58 – 60.

**Nội dung:** Phân tích những tác động đột phá của cách mạng công nghiệp 4.0 tron giáo dục đại học, giáo dục 4.0 và đào tạo nguồn nhân lực có khả năng thích ứng với cuộc CMCN 4.0 tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Giáo dục đại học, cách mạng công nghiệp 4.0

**3. Nâng cao năng lực quản lý KH&CN trong các cơ sở giáo dục đại học/** Nguyễn Thị Hương Quỳnh, Phạm Thu Hà// Khoa học & Công nghệ Việt Nam (A) .- 2018 .- Số 8( 713) .- Tr.18 – 21.

**Nội dung:** Xem xét và đánh giá những vấn đề bất cập trong quản lý khoa học và công nghệ ở các trường địa học Việt Nam hiện nay, từ đó đưa ra một số kiến nghị nhằm cải thiện động lực và chất lượng của hoạt đọng nghiên cứu khoa học, xứng đáng là nền tảng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong tương lai.

**Từ khóa:** Năng lực quản lý, giáo dục đại học

**4. Tăng cường giá trị thương hiệu của trường đại học**/ PGS.TS. Phạm Thị Huyền, TS. Nguyễn Tiến Dũng// Khoa học & Công nghệ Việt Nam (A) .- 2018 .- Số 8( 713) .- Tr.22 - 24.

**Nội dung**: Phân tích các khía cạnh của giá trị thương hiệu và nhận diện thương hiệu của trường Đại học và đưa ra một số khuyến nghị.

**Từ khóa:** Giá trị thương hiệu, trường đại học

**5. Xây dựng nguồn nhân lực giáo dục nghề nghiệp phục vụ hội nhập**/ TS. Lê Kim Dung// Khoa học & Công nghệ Việt Nam (A) .- 2018 .- Số 8( 713) .- Tr.25 – 27.

**Nội dung:** Chỉ ra một số hạn chế của giáo dục nghề nghiệp làm ảnh hưởng tới chất lượng nguồn nhân lực, những cơ hội cũng như thách thức, qua đó gợi mở một số giải pháp cho giáo dục nghề nghiệp và chính sách việc làm ở nước ta trong giai đoạn tới.

**Từ khóa**: Nguồn nhân lực, giáo dục, hội nhập

**NGOẠI THƯƠNG**

**1. Ảnh hưởng của công nghệ thông tin đến xuất khẩu và xu hướng vận dụng tại Việt Nam/** ThS. Phùng Tuấn Anh// Tài chính - Kỳ 1.- 2018 .- Số 680 tháng 05 .- Tr. 51-54.

**Nội dung**: Trình bày ảnh hưởng của năng lực công nghệ thông tin đến kết quả xuất khẩu của các doanh nghiệp đã được nghiên cứu tương đối phổ quát ở các nước trên thế giới, đồng thời định hướng việc vận dụng một mô hình đánh giá năng lực công nghệ thông tin phù hợp với doanh nghiệp Việt Nam.

**Từ khoá**: Công nghệ thông tin, Xuất khẩu, Kinh doanh, Cạnh tranh, Chuỗi giá trị

**2. Các yếu tố tác động đến kết quả xuất khẩu của các doanh nghiệp thủy sản tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long**/ Nguyễn Viết Bằng, Lê Tấn Bửu// Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á- Jabes.- 2018 .- Số 29(3) tháng 3 .- Tr. 23-41.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định và đo lường những yếu tố tác động đến kết quả xuất khẩu của các doanh nghiệp thủy sản tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long bằng phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp định lượng. Nghiên cứu định tính được thực hiện thông qua thảo luận nhóm cùng 10 nhà quản lý doanh nghiệp, nghiên cứu định lượng được thực hiện thông qua phỏng vấn trực tiếp 187 nhà quản lý doanh nghiệp trong lĩnh vực xuất khẩu thủy sản. Nghiên cứu cho thấy kết quả xuất khẩu của các doanh nghiệp thủy sản chịu tác động trực tiếp bởi 7 yếu tố: (1) Chiến lược marketing xuất khẩu, (2) đặc điểm và năng lực của doanh nghiệp, (3) đặc điểm ngành, (4) đặc điểm quản lý, (5) đặc điểm thị trường trong nước, (6) đặc điểm thị trường nước ngoài, và (7) rào cản xuất khẩu.

**Từ khoá**: Kết quả xuất khẩu; Xuất khẩu thủy sản; Thủy sản; Rào cản xuất khẩu

**3. Giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu nông sản trong năm 2018**/ Nông Mai Thanh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 518 tháng 06 .- Tr. 89-90.

**Nội dung**: Trình bày những trở ngại khi xuất khẩu nông sản ra nước ngoài và giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu nông sản.

**Từ khoá**: Xuất khẩu nông sản

**4. Một số vấn đề về hàng rào kỹ thuật đối với hàng nông sản Việt Nam xuất khẩu vào thị trường Mỹ/** Lưu Khánh Cường// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 518 tháng 06 .- Tr. 74-76.

**Nội dung**: Hàng rào kỹ thuật thương mại của Mỹ đối với hàng nông sản và khuyên nghị đối với Việt Nam.

**Từ khoá**: Hàng rào kỹ thuật, Hàng nông sản Việt Nam, Xuất khẩu, Thị trường Mỹ

**5. Những thách thức trong xuất khẩu nông sản của Việt Nam/** Nguyễn Văn Hưngh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 519 tháng 06 .- Tr. 33-34.

**Nội dung**: Trình bày các mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực cuarVieetj Nam; Vị thế của các ngành nông sản Việt Nam trên thị trường; Giải pháp thúc ddaayrxuaats khẩu sản phẩm nông sản chủ lực của Việt Nam.

**Từ khoá**: Xuất khẩu nông sản, Việt Nam

**6. Phát triển hoạt động tài trợ ngoại thương tại các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ ThS. Vũ Thị Thu Hòa, TS. Nguyễn Thị Thanh Phương// Kế toán & kiểm toán .- 2018 .- Số 176 tháng 05 .- Tr. 22-25.

**Nội dung**: Sự cần thiết phát triển hoạt động tài trợ ngoại thương; Khái quát về hoạt động tài trợ ngoại thương tại các ngân hàng thương mại; Thực trạng hoạt động tài trợ ngoại thương tại các ngân hàng thương mại; Một số đề xuất nhằm phát triển hoạt động tài trợ ngoại thương tại các ngân hàng thương mại Việt Nam.

**Từ khoá**: Tài trợ ngoại thương, Thương mại quốc tế, Xuất nhập khẩu

**MÔI TRƯỜNG**

**1. Ảnh hưởng của độ cứng trong nước sông Đồng Nai đến độc tính của niken lên dc/dl/ Mai Quang Tuấn//** Tài nguyên và Môi trường .- 2018 .- Số 15 (293) .- Tr. 25 – 27.

**Nội dung:** Trình bày ảnh hưởng của độ cứng đến độc tính của kim loại nặng, quy trình thí nghiệm và chất lượng nước sông Đồng Nai, kết quả về ảnh hưởng của độ cứng của nước sông Đồng Nai.

**Từ khóa**: Kim loại, chất lượng nước, sông Đồng Nai

**2. Ảnh hưởng của một số loại chế phẩm sinh học đến sinh trưởng, phát triển, năng suất cà chua vụ hè thu năm 2017 tại Sơn La/** Nguyễn Thị Thu Hiền, Phạm Thị Thanh Tú// Tài nguyên & Môi trường .- 2018 .- Số 11 (289) .- Tr. 26 – 27.

**Nội dung**: Hiện nay, một số kỹ thuật mới áp dụng vào sản xuất nhằm làm tăng năng suất, chất lượng cà chua cũng như giảm thiểu tác động xấu đến môi trường đất, không khí như canh tác giống mới chống chịu lại một số loại sâu bệnh hai, dùng các loại phân hữu cơ hoặc sử dụng một số chế phẩm sinh học. Bài viết ảnh hưởng của một số loại chế phẩm sinh học đến sinh trưởng, phát triển, năng suất cà chua vụ hè thu năm 2017 tại Sơn La.

**Từ khóa:** Chế phẩm sinh học, sinh trưởng, phát triển, cà chua, Sơn La

**3. Các giai đoạn thay đổi mực nước biển trong kỷ đệ và quy luật chu kỳ trầm tích tại đồng bằng ven biển Quảng Nam/** Hoàng Ngô Tự Do, Đỗ Quang Thiên, Đặng Quốc Tiến// Tài nguyên môi trường .- 2018 .- Số 13 (291) .- Tr.20 – 22.

**Nội dung**: Phân tích sự dao động mực nước biển trong Đệ tứ ở khu vực đồng bằng Quảng Nam, và quy luật chu kỳ trầm tích Đệ tứ tại đồng bằng ven biển tỉnh Quảng Nam và rút ra các kết luận.

**Từ khóa**: Mực nước biển, chu kỳ trầm tích, đồng bằng ven biển, Quảng Nam

**4. Đánh giá chất lượng nước và tác động xâm nhập mặn đến sản xuất nông nghiệp ở Kiên Giang**/ NCS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, GS.TS. Nguyễn Tất Đắc// Tài nguyên môi trường .- 2018 .- Số 13 (291) .- Tr.13 – 15.

**Nội dung**: Phân tích diễn biến xâm nhập mặn ở Kiên Giang và đánh giá chất lượng nước và tác động xâm nhập mặn đến sản xuất nông nghiệp ở Kiên Giang.

**Từ khóa:** Xâm nhập mặn,ô nhiễm nguồn nước, xử lý nước ngập mặn, Kiên Giang

**5. Đánh giá khả năng cung cấp lân của đất áp dụng phương pháp khuếch tán qua màng trên một số vùng đất canh tác lúa tại ĐBSCL**/ Vũ Văn Long, Nguyễn Hoàng Kim, Châu Minh Khôi// Khoa học & Công nghệ Việt Nam (B) .- 2018 .- Số 7( Tập 60) .- Tr.42 – 47.

**Nội dung**: Đánh giá khả năng cung cấp lân của đất đối với hấp thu lân của cây trồng áp dụng phương pháp khuếch tán qua màng (DGT – Deffusive Gradient in Thin Films), đánh giá khả tương quan giữa hàm lượng P hấp thụ phân tích bằng phương pháp DGT với P hữu dụng trong đất và P hòa tan trong dung dịch tại đất tại Bạc Liêu Cần Thơ.

**Từ khóa:** Khuếch tán qua màng, lần hòa tan, lân hữu dụng, tốc độ cung cấp lân

**6. Đánh giá khả năng xử lý ion Ni2+ trong nước bằng đá nhân tạo/ Lê Thị Xuân Thùy, Lê Thị Sương, Nguyễn Thị Sao Mai, Kunihiko Kato**// Khoa học & Công nghệ Việt Nam (B) .- 2018 .- Số 6 (Tập 60) .- Tr. 59 – 63.

**Nội dung:** Trình bày kết quả đánh giá khả năng xử lý ion Ni2+ trong nước bằng đá nhân tạo. Từ kết quả nghiên cứu cho thấy, đá nhân tạo có khả năng hấp phụ tốt ion Ni2+ trong môi trường nước. Khả năng hấp thụ tối đa của vật liệu 5mg/g với thời gian tiếp xúc khoảng 15 phút. Bên cạnh đó, vật liệu này còn hấp phụ ion H+ trong dung dịch nên có khả năng đưa môi trường axit (pH<7) về môi trường trung tính (pH=7)

**Từ khóa:** Đá nhân tạo, kim loại nặng, niken, vật liệu thân thiện với môi trường, xử lý nước

**7. Đánh giá phân mảnh cảnh quan rừng ngập mặn huyện Ngọc Hiển tỉnh Cà Mau gia đoạn 2000 – 2015**/ Huỳnh Song Nhật, Nguyễn An Bình, Nguyễn Ngọc Ẩn, Trần Anh Phương// Tài nguyên môi trường .- 2018 .- Số 13 (291) .- Tr.26 – 28.

**Nội dung**: Phân tích và đánh giá quá trình phân mảnh rừng ngập mặn giai đoạn 2000 – 2015 sử dụng nền tảng đám mây Google Engine và phương pháp hình thái không gian MSPA. Kết quả cho thấy có sự thay đổi trong phân bố của các đối tượng phân mảnh rừng, điển hình là sự suy giảm của vùng rững lõi (Core) đối lập với biến động tăng tổng diện tích rừng ngập mặn trong giai đoạn nghiên cứu.

**Từ khóa:** Rừng ngập mặn, phân mảnh cảnh quan, Cà Mau

**8. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính: Kinh nghiệm của quốc tế và đề xuất cho Việt Nam**/ TS. Trương Đức Trí// Tài nguyên môi trường .- 2018 .- Số 13 (291) .- Tr.53 – 54.

**Nội dung**: Giới thiệu kinh nghiệm của một số quốc gia phát triển và đang phát triển trong triển khai mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đã được cam kết trong đóng góp do quốc gia tự quyết định.

**Từ khóa:** Phát thải khí nhà kính, kinh nghiệm quốc tế, Việt Nam

**9. Giải pháp lưu giữ và khai thác nước trong một số thành tạo bở rời khu vực Tây Nguyên/ Nguyễn Vũ Việt, Nguyễn Huy Vượng, Trần Văn Quang, Phạm Văn Minh//** Khoa học & Công nghệ Việt Nam (B) .- 2018 .- Số 6 (Tập 60) .- Tr.50 – 54.

**Nội dung**: Trên cơ sở phân tích đặc điểm địa chất thủy văn của các thành tạo bở rời và sự tồn tại của các thành tạo này trong không gian địa chất, bài báo giới thiệu giải pháp công trình lưu trữ và khai thác nước trong các thành tạo bở rời khu vực Tây Nguyên.

**Từ khóa:** Địa chất thủy văn, khai thác, lưu trữ, Tây Nguyên, thành tạo bở rời

**10. Giải pháp xử lý phế liệu nhập khẩu tồn đọng tại các cảng biển**/ Chu Thành// Tài nguyên và Môi trường .- 2018 .- Số 15 (293) .- Tr. 31 – 32.

**Nội dung:** Phân tích tình hình và nguyên nhân tình trạng tồn đọng phế liệu và triển khai các giải pháp.

**Từ khóa**: Xử lý phế liệu, cảng biển

**11. Giải pháp Web Gis trong chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan quản lý nhà nước của tỉnh Vĩnh Long**/ Lê Minh Trung, Đào Minh Tâm// Tài nguyên và Môi trường .- 2018 .- Số 15 (293) .- Tr. 22 - 24.

**Nội dung:** Phát triển hệ thống thông tin đại lý Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đã hình thành Web Gis dể chia sẻ dữ liệu địa hình và chuyên đề để dùng chung của khu vực ĐBSCL. Bài báo nhằm giới thiệu giải pháp Web Gis trong chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

**Từ khóa:** Web Gis, hệ thống thông tin quản lý, Vĩnh Long

**12. Khảo sát ảnh hưởng của pH đến khả năng xử lý TDS và độ mặn của nước biển giả định bằng màng lọc UF và RO**/ Nguyễn Xuân Dũ// Tài nguyên và Môi trường .- 2018 .- Số 14 (292) .- Tr.20 – 21.

**Nội dung**: Khảo sát ảnh hưởng của pH đến khả năng xử lý TDS và độ mặn của nước biển giả định bằng màng lọc UF và RO nhằm cung cấp nước sạch cho người dân để giảm được tình trạng xâm nhập mặn.

**Từ khóa:** Xử lý nước mặn, xâm nhập mặn

**13. Khảo sát khả năng phân giải sinh học màu thuốc nhuộm CongoRed của chủng Aspergillus Niger**/ Nguyễn Thị Hồng Nhung, Nguyễn Hồ Cát Dung, Thạch Thanh Bình,…// Tài nguyên & Môi trường .- 2018 .- Số 11 (289) .- Tr.31 – 33.

**Nội dung:** Nghiên cứu này khảo sát khả năng phân giải màu nhuộm CongoRed thuộc nhóm màu nhuộm phổ biến diazo bằng chủng Aspergillus Niger được phân lập và tuyển chọn nguồn nước thải dệt nhuộm.

**Từ khóa:** Thuốc nhuộm, phân giải sinh học, phân giải màu nhuộm, Aspergillus Niger

**14. Khảo sát nhiệt độ và nồng độ bồ hóng trong ngọn lửa đốt gas và dầu**/ PGS. TS.Lê Văn Lữ, KS. Nguyễn Minh Phương// Tài nguyên & Môi trường .- 2018 .- Số 11 (289) .- Tr.17 – 19.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu về nhiệt độ cháy và nồng độ bồ hóng phát sinh trong ngọn lửa khi đót hai loại nhiên liệu dầu Diesel và gas LPG nhằm xác lập kỹ thuật chuyển đổi nhiên liệu cho các lò công nghiệp.

**Từ khóa**: Nồng độ bồ hóng, gas, dầu, chuyển đổi nhiên liệu, đốt nhiên liệu

**15. Mối quan hệ giữa phổ phản xạ và hàm lượng độ đục (NTU) nước mặt khu vực, đầm Hà Nội từ dữ liệu ảnh vệ tinh VNREDSat – 1A ngày 20/10/2016 sau khi hiệu chỉnh khí quyển**/ Đinh Thị Thu Hiền, Lê Thanh Toàn// Tài nguyên môi trường .- 2018 .- Số 13 (291) .- Tr.16 – 17.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu thực nghiệm mối quan hệ giữa phổ phản xạ và hàm lượng độ đục (NTU) nước mặt khu vực, đầm Hà Nội từ dữ liệu ảnh vệ tinh VNREDSat – 1A ngày 20/10/2016 sau khi hiệu chỉnh khí quyển. Có thể sử dụng kết quả để đánh giá ô nhiễm nước mặt khu vực hồ, đầm Hà Nội.

**Từ khóa:** Phổ phản xạ, hàm lượng độ đục, nước mặt, ô nhiễm nước mặt

**16. 5 chính sách quan trọng đối với công tác quản lý cát, sỏi lòng sông**/ TS. Lại Hồng Thanh// Tài nguyên và Môi trường .- 2018 .- Số 14 (292) .- Tr.13 -15.

**Nội dung**: Trình bày 5 chính sách quan trọng đối với công tác quản lý cát, sỏi lòng sông của NGhị quyết số 46/NQ\_CP ngày 09/6/2017.

**Từ khóa**: Môi trường, quản lý khoáng sản

**17. Nâng cao hiệu quả chính sách khai thác thác khoáng sản trong hội nhập kinh tế quốc tế: Nhìn từ cộng đồng kinh tế Asean**/ CN. Nguyễn Hữu Đạt, TS. Lại Văn Mạnh// Tài nguyên & Môi trường .- 2018 .- Số 11 (289) .- Tr.28 – 30.

**Nội dung**: Trình bày vấn đề hợp tác khoáng sản Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế, cường hợp tác khoáng sản trong AEC, chính sách khai khoáng ở Việt nam và khả năng thích ứng với hội nhập AEC và đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả chính sách khai thác khoáng sản.

**Từ khóa:** Khai thác khoáng sản, hội nhập kinh tế quốc tế, Asean

**18. Nghiên cứu, chế tạo vật liệu hấp phụ xử lý chì trong các nguồn nước bị ô nhiễm từ vỏ trấu**/ Dương Thị Hậu// Tài nguyên môi trường .- 2018 .- Số 13 (291) .- Tr.18 – 19.

**Nội dung**: Những năm trở lại đây, sản lượng gạo của nước ta đang có xu thế tăng, cứ mỗi tấn lúa sẽ tạo ra khoảng 200 kg vỏ trấu, nếu không có biện pháp để xử lý hiệu quả lượng vỏ trấu này thì sẽ gây ra các vấn đề môi trường nghiêm trọng. Do vậy, việc nghiên cứu sử dụng vỏ trấu để làm vật liệu hấp phụ các ion kim loại trong nước có ý nghĩa khoa học, thực tiễn, mở ra xu hướng mới trong việc sử dụng hiệu quả nguồn vỏ trấu, giảm khả năng gây ô nhiễm môi trường, tạo ra một loại vật liệu rẻ tiền.

**Từ khóa:** Xử lý ô nhiễm nước, vỏ trấu, vật liệu hấp phụ xử lý chì

**19. Nghiên cứu đánh giá khả năng khí hóa chất thải rắn sinh hoạt làm nhiên liệu thay thế/** Lê Cao Chiến, Nguyễn Thị Tâm, Trần Quốc Huy,…// Khoa học & Công nghệ Việt Nam (B) .- 2018 .- Số 6 (Tập 60) .- Tr. 37 – 43.

**Nội dung**: Đánh giá tìm năng ứng dụng công nghệ khí hóa phục vụ công tác xử lý CTR, giúp tạo ra năng lượng và các sản phẩm cần thiết góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

**Từ khóa**: Chất thải rắn, công nghệ khí hóa, nhiên liệu thay thế, xử lý

**20. Nghiên cứu đánh giá ô nhiễm môi trường từ pin và ắc quy thải phát sinh từ các hộ dân trên địa bàn trên quận Bắc Từ Liêm**/ TS. Nguyễn Thu Huyền, ThS. Lương Thanh Tâm// // Tài nguyên và Môi trường .- 2018 .- Số 15 (293) .- Tr. 16 – 18.

**Nội dung**: Đánh giá hiện trạng phát sinh, quản lý các loại chất thải nguy hại gồm pin, ắc quy tại các hộ gia đình cũng như từ các hộ gia đình trên địa bàn Từ Liêm từ đó đề xuất biện pháp khắc phục.

**Từ khóa**: Ô nhiễm môi trường, pin, ắc quy

**21. Nghiên cứu đề xuất xây dựng chỉ tiêu về khí thải phương tiện giao thông đường sắt của Việt Nam**/ TS. Đặng Việt Hà// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 4 .- Tr.113 – 116.

**Nội dung**: Trình bày kết quả của đề tài nghiê cứu khoa học công nghệ cấp Bộ GTVT, mã số DT164043 đã được nghiệm thu năm 2017 về phương pháp, tiêu chuẩn, chỉ tiêu đánh giá khí thải đối với đầu máy diesel và toa xe phát điện đang sử dụng trên đường sắt quốc gia Việt Nam. Sản phẩm nghiên cứu của đề tài là cơ sở để xây dựng và ban hành tiêu chuẩn khí thải đối với PTGTDS tại Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Khí thải, phương tiện giao thông đường sắt.

**22. Nghiên cứu hạn hán dựa vào chỉ số lượng mưa tiêu chuẩn SPI**/ Phạm Thị Thanh Hòa, Vũ Ngọc Quang// Tài nguyên & Môi trường .- 2018 .- Số 11 (289) .- Tr. 14 – 16.

**Nội dung:** Để phát hiện nhanh hiện tượng hạn hán, chỉ số lượng mưa tiêu chuẩn SPI là công cụ được sử dụng khá phổ biến hiện nay. Trong nghiên cứu này, SPI được tính toán trên cơ sở lượng mưa nhiều năm trong khu vực tỉnh Đăk Nông, kết hợp với công nghệ GIS, thành lập bản đồ phân vùng hạn hán.

**Từ khóa:** Hạn hán, chỉ số SPI, chỉ số lượng mưa

**23. Nghiên cứu loại bỏ chất tan hữu cơ mang điện tích bằng lọc nano**/ Nguyễn Phương Tú, Nguyễn Thị Hoài Thương// Tài nguyên và Môi trường .- 2018 .- Số 14 (292) .- Tr. 24 – 26.

**Nội dung:** Trình bày kết quả nghiên cứu loại bỏ chất tan hữu cơ mang điện tích trong nước bằng màng lọc nano thông qua thí nghiệm với màng lọc nano NF-270 và muối natri salicylat tại cac giá trị pH khác nhau.

**Từ khóa:** Màng lọc nano, xử lý nước cấp

**24. Nghiên cứu sử dụng poly aliminium chloride để xử lý nước thải chăn nuôi lợn sau biogas**/ Dương Thị Hậu, Phạm Thị Trang// Tài nguyên và Môi trường .- 2018 .- Số 15 (293) .- Tr.14 – 15.

**Nội dung**: Trong thực tiễn hiện nay xử lý chất thải trang trại chăn nuôi lợn bằng hầm biogas là giảm thiểu nhất nhằm giảm thiểu khí methane và sản xuất năng lượng sạch. Tuy nhiên, với quy mô trang trại với số lượng nuôi khá lớn khả năng xử lý của bể biogas bị suy giảm không được xử lý triệt để. Do vậy, việc nghiên cứu sử dụng poly aliminium chloride (PAC) để xử lý nước thải chăn nuôi lợn sau biogas có ý nghĩa nghĩa khoa học, thực tiễn để bảo vệ môi trường và đảm bảo phát triển ngành chăn nuôi một cách bền vững.

**Từ khóa:** Xử lý nước thải chăn nuôi, biogas, poly aliminium chloride

**25. Nghiên cứu ứng dụng GIS trong nâng cao hiệu quả quản lý hệ thống thu gom chất thải rắn tại quận Ba Đình**/ TS. Nguyễn Thu Huyền, ThS. Lương Thanh Tâm, Đỗ Trọng Hiếu//Tài nguyên và Môi trường .- 2018 .- Số 15 (293) .- Tr.11 – 13.

**Nội dung:** Trình bày tổng quát về rác thải, đánh giá hiệu quả hệ thống thu gom rác thải đang triển khai trên địa bàn, phân tích rõ nét ưu và nhược điểm từ đó đề ra các biện pháp khắc phục kịp thời của việc ứng dụng GIS trong quản lý hệ thống thu gom chất thải rắn tại quận Ba Đình.

**Từ khóa:** Ứng dụng GIS, quản lý hệ thống thu gom chất thải rắn

**26. Nghiên cứu ứng dụng mô hình tuyển nổi trong xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa các phương tiện giao thông**/ ThS. Thân Thị Hải Yến// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 4 .- Tr. 131 – 134.

**Nội dung:** Trình bày một số kết quả thí nghiệm bước đầu về tách bỏ chất bẩn có trong nước thải rửa xe từ trạm bảo dưỡng sửa chữa bằng hình tuyển nổi có sục khí. Kết quả phân tích mẫu cho thấy nồng độ dầu khoán trong nước thải rửa xe không cao (2.6 – 6.7 mg/l), hàm lượng cặn lơ lửng dao động từ 158-1473 mg/l, hàm lượng chất cơ hữu (BOD 5, COD) lớn. Tuyển nổi có sục khí trong thời gian 20 phút kết hợp bổ sung chất keo tụ giúp hiệu suất loại bỏ TSS, BOD5 COD đạt lần lượt 93%, 74%, 78 %.

**Từ khóa:** Bể tuyển nổi, nước thải, trạm sửa chữa bảo dưỡng, keo tụ

**27. Nghiên cứu việc sử dụng thực vật thân gỗ trong việc xử lý không khí ô nhiễm ở khu vực đô thị**/ Trần Anh Tuấn// Tài nguyên & Môi trường .- 2018 .- Số 11 (289) .- Tr.23 – 25.

**Nội dung**: Kết quả nghiên cứu ban đầu của tác giả về “ Khả năng sử dụng thực vật giám sát ô nhiễm không khí”, triển khai từ năm 2011, trên cây xanh và cây keo lá tràm đã xác định khả năng sử dụng thực vật thân gỗ thanh lọc các khí ô nhiễm Nox, SO2, là các khí ô nhiễm đặc trưng của các hoạt động giao thông và hoạt động công nghiệp. Kết quả nghiên cứu đã xây dựng được mô hình thực nghiệm khảo sát đánh giá khả năng sử dụng thực vật thân gỗ trong thanh lọc các khí ô nhiễm nói trên. Kết quả nghiên cứu này, mở ra khả năng giải quyết vấn đề ô nhiễm không khí do giao thông đô thị bằng việc chọn lựa các giống cây có khả năng thanh lọc khí ô nhiễm để phát triển hệ thống cây xanh đô thị.

**Từ khóa:** Ô nhiễm không khí, đô thị, thân gỗ

**28. Nghiên cứu xây dựng hệ số phát thải và chất rắn trong ngành chế biến hạt điều trên địa bàn tỉnh Bình Phước**// Đinh Minh Thùy, PGS.TS. Tôn Thất Lãng// Tài nguyên và Môi trường .- 2018 .- Số 14 (292) .- Tr.27 – 29.

**Nội dung**: Nghiên cứu xây dựng hệ số phát thải và chất rắn trong ngành chế biến hạt điều trên địa bàn tỉnh Bình Phước với hai loại hình công nghệ sản xuất hấp điều và công nghệ chao điều.

**Từ khóa:** Hệ số phát thải, chất rắn, chế biến hạt điều, Bình Phước

**29. Phân chia nhóm mỏ và định hướng mạng lưới thăm dò than dưới mức -300m khu mỏ Hà Ráng, Quảng Ninh**/ Lương Quang Khang, Bùi Thanh Tịnh// Tài nguyên & Môi trường .- 2018 .- Số 11 (289) .- Tr.20 – 22.

**Nội dung:** Trên cơ sở các số liệu thu nhận được từ công tác điều tra, thăm dò, khai thác các vỉa than hiện tại của khu mỏ Hà Ráng. Bài báo trình bày kết quả nghiên cứu đánh giá các thông số công nghiệp vỉa than dưới mức -300m làm cơ sở cho việc xác lập nhóm mở thăm dò và định hướng mạng lới thăm dò than dưới mức -300m khu mỏ Hà Ráng.

**Từ khóa:** Khai thác mỏ than

**30. Quản lý nhà nước đối với tài nguyên cát, sỏi, lòng sông**/ TS. Ngô Văn Minh// Tài nguyên và Môi trường .- 2018 .- Số 15 (293) .- Tr. 33 – 35.

**Nội dung**: Trình bày một số bất cập trong khai thác, sỏi lòng sông và đưa ra giải pháp đối với tình trạng khai thác cát sỏi lòng sông.

**Từ khóa**: Quản lý nhà nước, cát, sỏi

**31. Tăng cường kiểm soát chất nhựa trên biển**/ ThS. Tống Thị Thu Hòa// Tài nguyên & Môi trường .- 2018 .- Số 11 (289) .- Tr.54 – 55.

**Nội dung:** Hiện nay, ô nhiễm rác thải nhựa đang đe dọa hệ sinh thái biển trên phạm vi toàn cầu. Đến năm 2050, khối lượng rác thải nhựa trên biển sẽ bằng 1/3 khối lượng cá trên khắp các đại dương nếu tốc độ gia tăng vẫn “chóng mặt” như hiện nay. Việt Nam được đánh giá là quốc gia đứng thứ 4 trong nhóm những quốc gia thải nhiều rác thải nhựa ra biển nhất.

**Từ khóa:** Chất thải nhựa, hệ sinh thái biển

**32. Thiết bị giám sát và cảnh báo ngã cho người già sử dụng cảm biến gia tốc 3 trục (3-DOF)**/ PGS.TS. Trần Đức Tân, NCS. Phạm Văn Thành// Tự động hóa ngày nay .- 2018 .- Số 210 .- Tr.20 – 21.

**Nội dung**: Già hóa dân số đang đặt ra nhiều thách thức đối với sự phát triển của thế giới và Việt Nam. Theo thống kê của tổ chức y tế thế giới, hằng năm có khoảng 30% người già từ 65 tuổi trở lên bị các tai nạn sự cố như ngã, đột quỵ,… tỷ lệ này 40% đối với người già từ 70 tuổi trở lên. Theo thống kê của tổ chức quỹ Dân số Liên hợp Quốc, đến năm 2049 tại Việt Nam, số người trong nhóm tuổi từ 60 trở lên chiếm 26,1% dân số. Do đó, việc phát triển các hệ thống/ trang thiết bị nhằm hỗ trợ người già là bài toán cấp bách và cần thiết nhằm đảm bảo sức khỏe và tính mạng, đặc biệt là người già neo đơn.

**Từ khóa:** Thiết bị giám sát, cảnh báo ngã, người già

**33. Ứng dụng Gis thành lập bản đồ hiện trạng kim loại nặng kẽm (Zn) trong tầng đất mặt vùng đông bắc huyện Hóc Môn**/ Lưu Hải Tùng, Trần Quang Tuấn, Nguyễn Văn Đệ,…// Tài nguyên môi trường .- 2018 .- Số 13 (291) .- Tr.23 – 25.

**Nội dung:** Vùng Đông-Bắc huyện Hóc Môn gồm hai xã Đông Thạnh và Nhị Bình môi trường đất ở đây bị ô nhiễm do phải gánh chịu những tác động từ các hoạtđộng của nội ô. Những hoạt động đó phát thải ra những hoạt động đó phát thải ra những chất gây ô nhiễm và kim loại nặng trong đó có Zn. Chính vì thế, việc ứng dụng GIS thành lập bản đồ hiện trạng hàm lượng Zn có trong tầng đất mặn vùng Đông Bắc Hóc Môn là việc làm cần thiết.

**Từ khóa**: GIS, ô nhiễm đất, kim loại nặng, đất mặt, vùng đông bắc Hóc Môn

**34. Ứng dụng ảnh viễn thám kết hợp mô hình thủy văn trong nghiên cứu dòng chảy lũ lưu vực sông Vệ Quảng Ngãi**/ Nguyễn Thị Thu Huyền// Khoa học & Công nghệ Việt Nam (B) .- 2018 .- Số 6 (Tập 60) .- Tr. 44 – 49.

**Nội dung:** Tập trung vào việc sử dụng ảnh viễn thám để phân tích, đánh giá sự thay đổi thảm phủ trên lưu vực sông Vệ và nghiên cứu điều chỉnh các thông số mô hình thủy văn cho lưu vực sông Vệ dựa vào dữ liệu phân tích từ ảnh viễn thám.

**Từ khóa:** Ảnh viễn thám, lưu vực sông Vệ, mô hình thủy văn

**35. Ứng dụng viễn thám trong phân tích xu thế thay đổi phủ mặt đất của tỉnh An Giang**/ Lê Văn Trung, Nguyễn Nguyên Vũ// Tài nguyên và Môi trường .- 2018 .- Số 15 (293) .- Tr.19 – 21.

**Nội dung**: Giới thiệu phương pháp tạo ra bản đồ lớp phủ trong gia đoạn từ 1997 đến 2016 sử dụng ảnh LandSat và áp dụng dữ liệu web Gis của An Giang để phân tích lớp phủ.

**Từ khóa**: Lớp phủ mặt đất, ứng dụng viễn thám, LandSat, An Giang

**36. Xây dựng hệ thống IoT cho trạm xử lý nước thải**/ Vương Huy Hoàng, Phạm Ngọc Minh, Trần Vĩnh Phú// Tự động hóa ngày nay .- 2018 .- Số 210 .- Tr. 17 – 19.

**Nội dung:** Giới thiệu công nghệ xử lý nước thải MBR, quy trình xử lý nước thải ứng dụng công nghệ MBR, xây dựng hệ thống IoT cho trạm xử lý nước thải.

**Từ khóa**: IoT, xử lý nước thải

**KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

**1. Biểu hiện hoạt động động đất kích thích tại một số hồ thủy điện ở Việt Nam/ Cao Đình Trọng, Thái Anh Tuấn, Cao Đình Triều,…** // Khoa học & Công nghệ Việt Nam (B) .- 2018 .- Số 6 (Tập 60) .- Tr.25 – 31.

**Nội dung**: Tiến hành nghiên cứu đặc điểm động đất tại các hồ Hòa Bình, Sông Tranh 2 và Sơn La, nơi đây đã xảy ra các động đất kích thích có cấp độ mạnh lớn hơn 4,0.

**Từ khóa:** Động đất kích thích, hồ thủy điện, Việt Nam

**2. Đánh giá mức tiêu thụ năng lượng riêng cho băng tải mỏ hầm lò có một cụm dẫn động sử dụng hộp giảm tốc bánh răng côn trụ**/ Lê Văn Đạt, Nguyễn Ngọc Linh, Nguyễn Văn Kựu// Khoa học & Công nghệ Việt Nam (B) .- 2018 .- Số 6 (Tập 60) .- Tr.55 – 58.

**Nội dung**: Trong bài báo này, mức tiêu thụ năng lượng riêng và công suất dẫn động được xem xét là hàm xấp xỉ của khối lượng tải chất trên băng tải. Quan hệ giữa mức tiêu thụ năng lượng riêng với khối lượng tải được thiết lập dưới dạng giải tích. Tiếp theo, mức tiêu thụ năng lượng riêng được áp dụng để phân tích hiệu quả về năng lượng cho dạng băng tải mỏ hầm lò có một cụm dẫn động sử dụng hộp giảm tốc bánh răng côn trụ với một số sơ đồ dẫn dẫn động khác nhau. Kết quả của nghiên cứu có thể áp dụng cho bài toán phân tích tối ưu hóa năng lượng tiêu chụ của các băng tải mỏ hầm lò.

**Từ khóa:** Băng tải mỏ hầm lò, hộp giảm tốc bánh răng côn trụ, mức tiêu thụ năng lượng riêng

**3. Khả năng chống oxi hóa của phân đoạn dịch chiết từ gạo mầm và gạo lức/** Đỗ Tấn Khang, Trần Nhân Dũng, Trần Đăng Xuân/**/** Khoa học & Công nghệ Việt Nam (B) .- 2018 .- Số 6 (Tập 60) .- Tr. 70 – 72.

**Nội dung:** Trong bài báo này, khả năng chống oxy hóa của các chiến dịch chiết phân đoạn đã được so sánh. Kết quả cho thấy, hàm lượng polyphenol trổng trong phân đoạn H2) của gạo lức cao hơn 4 lần so với gạo mầm. Trong khi hàm lượng polyphenol tổng trong các phân đoạn hexane và chloroform giữa hai mẫu gạo khác biệt không có ý nghĩa thống kê (p<0,05).

**Từ khóa:** Chống oxy hóa, flavonoid, gạo lức, gạo mầm, polyphenol

**4. Nghiên cứu chuyển hóa gellan thành gellan khử acyl/** Nguyễn Thị Hồng Hà, Trần Thị Mai, Lê Khánh Linh, Nguyễn Thị Xuân Sâm/**/** Khoa học & Công nghệ Việt Nam (B) .- 2018 .- Số 6 (Tập 60) .- Tr. 64 – 69.

**Nội dung**: Xây dựng quy trình chuyển hóa và thu nhận gellan khử acyl, xác định các điều kiện bảo quản và đánh giá chất lượng sản phẩm.

**Từ khóa:** Gellan, gellan khử acyl, mức độ deacyl, chuyển hóa

**5. Nghiên cứu bộ lọc quang học bậc cao dựa trên sự ghép nối tiếp của nhiều cộng hưởng qua khe dẫn sóng hẹp trong cấu trúc tinh thể quan tử hai chiều/ Hoàng Thu Trang, Ngô Quang Minh//** Khoa học & Công nghệ Việt Nam (B) .- 2018 .- Số 6 (Tập 60) .- Tr. 5- 8.

**Nội dung**: Trình bày các kết quả lý thuyết và tính toán mô phỏng của bộ lọc quang học bậc cao sử dụng cấu trúc khe dẫn sóng hẹp trong tinh thể quang tử hai chiều kết hợp với dãy hốc vi cộng hưởng nối tiếp. Sự dẫn sóng trong khe hẹp được thiết kế để tăng khả năng giam giữ và cường độ điện – từ trường bên trong vùng điện môi có chiết xuất thấp, điều này làm gia tăng tỷ số Q/V của bộ cộng hưởng được thiết kế từ các khe hẹp đó. Việc ghép nối tiếp nhiều cộng hưởng được phân tích dựa vào phương pháp lý thuyết ghép các mode cộng hưởng trong miền thời gian.

**Từ khóa**: Bộ lọc quang học, phương pháp đạo hàm hữu hạn trong miền thời gian, tinh thể quang tử

**6. Nghiên cứu trạng thái electron của các cluster VGe 0 n (n -1-2) băng phương pháp CASCF/CASPT2/** Nguyễn Minh Thảo, Trần Thanh Tuấn, Bùi Thọ Thanh,… //Khoa học & Công nghệ Việt Nam (B) .- 2018 .- Số 6 (Tập 60) .- Tr. 14 – 19.

**Nội dung**: Các trạng thái electron cơ bản và kích thích của các cluster VGe 0 n (n -1-2) được nghiên cứu bằng phương pháp tính đa cấu hình CASSCF/CASPT2. Cấu hình của các trạng thái electron của các cluster VGe 0 n (n -1-2) được xác định dựa vào hàm sóng tính được theo phương pháp CASSCF. Năng lượng của các trạng thái electron được tính bằng phương pháp CASPT2. Các thông số cáu trúc hình học và năng lượng tương đối của các trạng thái electron cơ bản và kích thích được xác định. Năng lượng tách electron ADE và VDE của các quá trình tách electron ra khỏi cluster anion được báo cáo.

**Từ khóa**: Cấu trúc electron, năng lượng tách electron, phương pháp CASSCF/CASPT2, cluster VGe 0 n (n -1-2)

**7. Phân lập các chủng vi sinh vật có khả năng phân giải cellulose mạnh phục vụ sản xuất chế phẩm phân hủy rơm rạ/** Trần Hoàng Dũng, Huỳnh Văn Hiếu, Trần Duy Dương, Nguyễn Thành Công //Khoa học & Công nghệ Việt Nam (B) .- 2018 .- Số 6 (Tập 60) .- Tr.32 – 36.

**Nội dung**: Tập trung phân lập các chủng nấm, xạ khuẩn và vi khuẩn tại tỉnh Vĩnh Long, sau đó khảo sát hoạt tính phân giải cellulose của các chủng VSV trên rơm rạ.

**Từ khóa**: Cellulose, nấm, vi khuẩn, vi sinh vật, xạ khuẩn

**8. Sự thay đổi của một số thành phần hóa học và hợp chất có hoạt tính siêu học trong tép tỏi (Allium sativum L.) trong quá trình tồn trữ**/ Nguyễn Ái Thạch// Khoa học & Công nghệ Việt Nam (B) .- 2018 .- Số 6 (Tập 60) .- Tr. 20 – 24.

**Nội dung**: Tiến hành đánh giá ảnh hưởng của quá trình tồn trữ tép tỏi đến một số thành phần hóa học (hàm lượng polyphenol, flavonoid tổng số, hàm lượng thiosulfinate và khả năng chống oxy hóa) trong tỏi. Hoạt tính chống oxy hóa được đánh giá bằng cách sử dụng loại bỏ gốc từ do DPPH (2,2-diphenyl-1-picrylhydrazyl). Kết quả nghiên cứu cho thấy thành phần hóa học và hàm lượng các hợp chất có hoạt tính sinh học trong tép tỏi đều bị ảnh hưởng đáng kể bởi quá trình tồn trữ.

**Từ khóa:** DPPH, khả năng chống oxy hóa, polyphenols, tép tỏi, thiosulfinate

**DƯỢC HỌC**

**1. β-Glucosidase từ vi sinh vật, ứng dụng trong công nghệ dược phẩm**/ Lê Thị Tú Anh, Nguyễn Khắc Tiệp, Đàm Thanh Xuân// Dược học .- 2018 .- Số 2(Số 502 năm 58) .- Tr. 3- 6.

**Nội dung:** Tập trung phân tích cơ chế ánh xạ của các ẩn dụ ý niệm “kinh tế” thu thập được từ 15 bài nghiên cứu được in trên các tạp chí chuyên ngành kinh tế. Tất cả các bài viết đều được xuất bản năm 2016. Việc nghiên cứu cơ chế ánh xạ này sẽ giúp hiểu rõ hơn quy trình ý niệm hóa các hoạt động kinh tế, suy nghĩ của các nhà kinh tế học về ý niệm “kinh tế”.

**Từ khóa:** ẩn dụ ý niệm, ánh xạ ý niệm, kinh tế, kinh tế học

**2**. **Bán tổng hợp và thử hoạt tính ức chế acetylcholinesterase của một số dẫn chất của huperzinin/** Phan Trọng Đạt, Lý Minh Huy, Nguyễn Ngọc Chương, Trương Ngọc Tuyền// Dược học .- 2018 .- Số 2 (Số 502 năm 58) .- Tr. 55- 59.

**Nội dung:** Đưa ra một số phương pháp bán tổng hợp các dẫn chất từ huperzinin và so sánh hoạt tính ức chế acetylcholinesterase của các dẫn chất tổng hợp được với huperzinin.

**Từ khóa:** bán tổng hợp, hoạt tính ức chế, chế acetylcholinesterase

**3**. **Các hợp chất flavonoid từ phần trên mặt đất loài ban lá dính ( Hypericum sampsonii Hance )** Nguyễn Việt Dũng, Nguyễn Duy Thuần, Phạm Thị Vân Anh, Lê Cảnh Việt Cường, Hà Xuân Anh, Lê Thị Liên, Hoàng lê Tuấn Anh, Nguyễn Phan Hằng // Dược học .- 2018 .- Số 3 (Số 503 năm 58) .- Tr. 67 - 71.

**Nội dung:** Trình bày kết quả phân lập và xác định cấu trúc hóa học của 3 hợp chất flavonoid từ phần trên mặt đất của loài ban lá dính ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Ban lá dính, thành phần, cấu trúc hóa học

**4**. **Chiếc xuất, phân lập một số saponin từ thân rễ cây nần nghệ ( Dioscorea collettii Hook.f., Dioscoreace) thu hái tại Sơn La**/ Nguyễn Thị Minh Hạnh, Nguyễn Hoàng Tuấn, Đỗ Thị Nguyệt Quế, Nguyễn Thị Duyên// Dược học .- 2018 .- Số 2(Số 502 năm 58).- Tr. 28- 32.

**Nội dung:** Nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu chiếc xuất, phân lập và xác định cấu trúc một số saponin từ cây nần nghệ thu hái tại Sơn La, Việt Nam.

**Từ khóa:** cây nần nghệ, phân lập, chiếc xuất, Sơn La

**5**. **Đặc điểm vi học và thành phần hóa học của lá ngọc nữ biển ( Clerodendrum inerme ( L.) Gaertn.) thu hái tại Phú Quốc ( tỉnh Kiên Giang)/** Lý Hải Triều, Bùi Minh Quang, Lê Đức Thanh, Nguyễn Thị Thu Hương, Hà Văn Long, Lê Văn Minh // Dược học .- 2018 .- Số 4 (Số 504 năm 58) .- Tr. 27 – 31,43.

**Nội dung:** Công bố các kết quả về khảo sát đặc điểm vi học, sơ bộ thành phần hóa thực vật, định tính và định lượng nhóm hợp chất chính trong lá ngọc nữ biển thu hái tại Phú Quốc (tỉnh Kiên Giang)

**Từ khóa:** thành phần hóa học, lá ngọc nữ biển, vi học, Phú Quốc

**6**. **Đánh giá độc tính trên tim của PEG liposom doxorubicin so với doxorubicin trên mô hình in vivo và in vitro/** Bùi Bá Minh, Nguyễn Thị Lập // Dược học .- 2018 .- Số 4 (Số 504 năm 58) .- Tr. 11 - 14.

**Nội dung:** Cung cấp thêm bằng chứng về độc tính của Dox đối với tế bào cơ tim và cho thấy chế phẩm PEG liposom Dox có khả năng làm giảm độc tính, sự suy giảm này có thể do giảm khả năng sinh ra các gốc tự do (ROS)

**Từ khóa:** Độc tính, doxorubicin, ROS, tế bào cơ tim

**7**. **Đánh giá việc lựa chọn kháng sinh ban đầu trên bệnh nhi nội trú mắc viêm phổi cộng đồng tại Bênh viện Nhi Trung ương/** Phạm Thu Hà, Nguyễn Thị Hồng Hà, Trần Minh Điển, Nguyễn Thị Lan Hương // Dược học .- 2018 .- Số 4 (Số 504 năm 58) .- Tr. 2 - 6.

**Nội dung:** Mô tả thực trạng lựa chọn kháng sinh ban đầu và phân tích tính phù hợp của thực hành kê đơn so với các khuyến cáo trong viêm phổi cộng đồng.

**Từ khóa:** Kháng sinh ban đầu, bệnh nhi, viêm phổi, bệnh viện Nhi Trung ương

**8**. **Định lượng telmisartan trong huyết tương người bằng phương pháp sắc ký lỏng siêu hiệu năng ghép nối với detector khối phổ/** Tạ Mạnh Hùng, Phạm Thanh Huyền, Cao Ngọc Cương // Dược học .- 2018 .- Số 5 (Số 505 năm 58) .- Tr. 21 - 25.

**Nội dung:** Dựa trên nguyên lý hoạt động của phương pháp sắc ký lỏng – khối phổ, các phương pháp chiết tách và tham khảo tài liệu, bài viết nghiên cứu xây dựng phương pháp sắc ký lỏng siêu hiệu năng ghép nối với detector khối phổ kiểu tứ cực chập ba ( UPLC-MS/MS) có đủ độ nhạy, đặc hiệu, chính xác, định lượng được telmisartan trong các mẫu huyết tương người.

**Từ khóa:** Huyết tương người, sắc ký lỏng, phương pháp chiết tách

**9**. **Định lượng tobramycin trong thuốc mỡ tra mắt bằng điện di mao quản với detector đo độ dẫn không tiếp xúc/** Lê Đình Chi, Nguyễn Tuấn Minh, Nguyễn Thị Ánh Hường, Phạm Thị Ngọc Mai// Dược học .- 2018 .- Số 3 (Số 503 năm 58) .- Tr. 6 - 8.

**Nội dung:** Một phương pháp phân tích đơn giản và hiệu quả sử dụng kỹ thuật CE-CD đã được xây dựng để định lượng tobramycin trong thuốc mỡ tra mắt. Kết quả thẩm định phương pháp cho thấy phương pháp phù hợp và tin cậy cho ứng dụng dự kiến. Qui trình đã được áp dụng để định lượng tobramycin trong thuốc mỡ tra mắt Tobrex.

**Từ khóa:** Thuốc mỡ tra mắt, định lượng tobramycin

**10**. **Góp phần xây dựng tiêu chuẩn cơ sở dược liệu bảy lá một hoa ( Paris polyphylla var. chinensis ( Franchet) H. Hara, Trilliaceae) ở Việt Nam/** Vũ Thị Diệp, Cao Ngọc Anh, Trần Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Thu, Nguyễn Hoàng Tuấn, Nguyễn Tiến Dũng, Đỗ Thị Hà // Dược học .- 2018 .- Số 4 (Số 504 năm 58) .- Tr. 63 – 67.

**Nội dung:** Phân tích rõ hơn về hình thái thực vật, vi phẫu lá, thân, thân rễ, thân rễ nhỏ, góp phần tạo cơ sở cho việc xây dựng bộ tiêu chuẩn cơ sở dược liệu bảy lá một hoa trong tương lai.

**Từ khóa:** Dược liệu, cây bảy lá một hoa, hình thái thực vật

 **11**. **Hai dẫn xuất α-truxillic acid và sulphated flavonoids được phân lập từ cao dichloromethan của cây an xoa ( Helicteres hirsuta Lour.)/** Nguyễn Văn Ky, Nguyễn Hữu Duyên, Lê Thanh Phước // Dược học .- 2018 .- Số 5 (Số 505 năm 58) .- Tr. 57 - 60.

**Nội dung:** Nghiên cứu thành phần hóa học của cây an xoa nhằm góp phần giải thích rõ ràng hơn công dụng chữa bệnh của loài thảo dược này.

**Từ khóa:** Cây an xoa, thảo dược, Helicteres hirsuta Lour.

**12**. **Khảo sát ảnh hưởng của tá dược tới độ hòa tan của viên nén cefpodoxim proxetil/** Hà Thị Nhàn, Võ Xuân Minh, Nguyễn Thị Hoa, Lê Văn Lớ// Dược học .- 2018 .- Số 2 (Số 502 năm 58) .- Tr. 45- 47.

**Nội dung:** Đánh giá được ảnh hưởng của tá dược đến giải phóng dược chất từ viên nén cefpodoxim proxetil 200 mg. Xây dựng được công thức viên nén cefpodoxim proxetil có độ hòa tan dược chất đạt yêu cầu của Dược điển Mỹ 32.

**Từ khóa:** viên nén cefpodoxim proxetil, tá dược

**13**. **Khảo sát ảnh hưởng của thức ăn trên sinh khả dụng của viên kết hợp metoprolol-amlodipin 50/5 mg và xác định tương đương sinh học so với viên cùng hoạt chất SelomaxTM 50/5**/ Nguyễn Thị Linh Tuyền, Nguyễn Đức Tuấn, Lê Quan Nghiệm// Dược học .- 2018 .- Số 2(502) .- Tr. 17- 19.

**Nội dung**: Kết quả thu được sẽ cung cấp dữ liệu về sinh khả dụng cho dạng phóng thích kéo dài và tương đương sinh học cho dạng kết hợp mới.

**Từ khóa:** sinh khả dụng, viên kết hợp metoprolol-amlodipin, sinh học, hoạt chất

**14**. **Khảo sát hàm lượng flavonoid trong vỏ hạt một số giống đậu xanh bằng phương pháp HPLC/** Nguyễn Đình Dũng, Nguyễn Thu Hằng, Nguyễn Duy Chí, Hứa Thùy Linh// Dược học .- 2018 .- Số 3 (Số 503 năm 58) .- Tr. 23 - 28.

**Nội dung:** Xây dựng phương pháp HPLC để định lượng đồng thời một số flavonoid trong vỏ hạt đậu xanh. Định lượng một số flavonoid trong vỏ hạt 10 giống đậu xanh, được thu thập và trồng ở Viện Nghiên cứu Ngô. Kết quả nghiên cứu là cơ sở bước đầu cho việc tạo nguồn nguyên liệu, tiêu chuẩn hóa và kiểm nghiệm dược liệu vỏ hạt đậu xanh.

**Từ khóa:** Vỏ hạt đậu xanh, flavonoid, dược liệu

**15**. **Một số hợp chất phân lập từ phân đoạn dịch chiết ethylacetat của lá cây dâu tằm ( Morus alba L.) thu hái tại tỉnh Thái Nguyên/** Vũ Đức Lợi, Nguyễn Thị Hường// Dược học .- 2018 .- Số 3 (Số 503 năm 58) .- Tr. 14 - 17.

**Nội dung:** Nhằm góp phần cung cấp những cơ sở tiền đề cho việc ứng dụng nguyên liệu lá dâu trong chăm sóc sức khỏe. Bài báo công bố một số thành phần hóa học được phân lập từ lá dâu tằm.

**Từ khóa:** Lá dâu tằm, chất phân lập, Thái Nguyên

**16**. **Một số hợp chất phân lập từ vỏ hạt cây ý dĩ ( Coix lacryma-jobi L.)/** Vũ Đức Lợi, Nguyễn Thị Hường // Dược học .- 2018 .- Số 4 (Số 504 năm 58) .- Tr. 40 – 43.

**Nội dung:** Trình bày một số kết quả nghiên cứu về thành phần hóa học góp phần bổ sung thêm dữ liệu về cây ý dĩ và hướng nghiên cứu tác dụng sinh học của cây này.

**Từ khóa:** cây ý dĩ, chất phân lập, hóa học

**17**. **Một số thiết bị và kỹ thuật phổ biến hiện đại sử dụng trong phân tích phát hiện thuốc giả tại hiện trường và trong phòng thí nghiệm**/ Trần Việt Hùng// Dược học .- 2018 .- Số 2(Số 502 năm 58) .- Tr. 7- 12.

**Nội dung**: Nêu lên những cách nhằm phân tích và phát hiện được các loại thuốc giả như: Phân tích tại phòng thí nghiệm; phân tích tại hiện trường; Sử dụng công nghệ nano, các thiết bị được phân tích và thiết kế dưới dạng cầm tay.

**Từ khóa:** thuốc giả, thiết bị, kỹ thuật phổ, phòng thí nghiệm

**18**. **Nghiên cứu bào chế fluconazol nano/** Nguyễn Thị Mai Anh, Trịnh Ngọc Dương, Đào Minh Huy // Dược học .- 2018 .- Số 5 (Số 505 năm 58) .- Tr. 50 - 54.

**Nội dung:** Với mong muốn bào chế một sản phẩm chưa fluconazol giải phóng kéo dài và tích tụ trên da, tập trung tác dụng trị nấm tại chỗ, nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu bào chế và đánh giá một số đặc tính của hệ tiêu phân nano polymer chứa fluconazol.

**Từ khóa:** Fluconazol, bào chế

**19**. **Nghiên cứu bào chế phytosome cao bạch quả/** Vũ Thị Thu Giang, Phạm Thị Minh Huệ, Nguyễn Thị Kim Thu // Dược học .- 2018 .- Số 4 (Số 504 năm 58) .- Tr. 44 – 48.

**Nội dung:** Bào chế được phytosome cao bạch quả bằng phương pháp bốc hơi dung môi đạt hiệu suất phytosome hóa cao và tăng hệ số phân bố dầu – nước của cao bạch quả tại các pH khác nhau.

**Từ khóa:** cao bạch quả, phytosome, phương pháp bốc hơi

**20**. **Nghiên cứu cao đặc phương thuốc Vị tràng an về tác dụng kháng khuẩn, chống viêm ở đại tràng thực nghiệm/** Bùi Hồng Cường, Phùng Hòa Bình, Phùng Bá Đức// Dược học .- 2018 .- Số 3 (Số 503 năm 58) .- Tr. 8 - 14.

**Nội dung:** Nghiên cứu tác dụng kháng khuẩn, chống viêm cấp và tác dụng chống viêm đại tràng trên chuột cống trắng của cao đặc Vị tràng an.

**Từ khóa:** Vị tràng an, kháng khuẩn, chống viêm, đại tràng

**21**. **Nghiên cứu đặc điểm hình thái, đặc điểm sinh trưởng, phát triển của một số giống đậu xanh và định tính thành phần hóa học của vỏ hạt đậu xanh/** Nguyễn Đình Dũng, Nguyễn Thu Hằng, Phùng Thị Hoa // Dược học .- 2018 .- Số 4 (Số 504 năm 58) .- Tr. 19 - 26.

**Nội dung:** Nghiên cứu đặc điểm hình thái, đặc điểm sinh trưởng của mười giống đậu xanh. Định tính thành phần hóa học vỏ hạt của mười giống đậu xanh. Kết quả nghiên cứu là cơ sở bước đầu cho việc tạo nguồn nguyên liệu, tiêu chuẩn hóa và kiểm nghiệm dược liệu vỏ hạt đậu xanh

**Từ khóa:** đậu xanh, định tính, thành phần hóa học

**22**. **Nghiên cứu đặc điểm thực vật của cây bù dẻ lá lớn thu hái tại Rừng Quốc gia Đền Hùng/** Nguyễn Mai Nam, Hà Quang Lợi, Phạm Quốc Tuấn, Nguyễn Đức Hùng, Lương Phong Văn, Phương Thiện Thương // Dược học .- 2018 .- Số 4 (Số 504 năm 58) .- Tr. 15 - 18.

**Nội dung:** Mô tả được đặc điểm hình thái bên ngoài và khẳng định tên khoa học của mẫu bù dẻ lá lớn thu hái tại Rừng quốc gia Đền Hùng. Đây là lần đầu tiên đặc điểm cấu tạo giải phẫu các bộ phận lá, thân, rễ của cây bù dẻ lá lớn tại Việt Nam được mô tả chi tiết, cụ thể.

**Từ khóa:** Thực vật, cây bù dẻ lá lớn, cấu tạo, rừng Quốc gia Đền Hùng

**23**. **Nghiên cứu đặc điểm thực vật một loài thuộc chi Stephania Lour. Thu hái tại Văn Chấn – Yên Bái/** Hoàng Văn Thủy, Nguyễn Quốc Huy, Phạm Thanh Kỳ, Lê Thiên Kim, Bùi Thị Phượng, Phạm Minh Hiếu // Dược học .- 2018 .- Số 5 (Số 505 năm 58) .- Tr. 34 - 39.

**Nội dung:** Mô tả đặc điểm thực vật và giám định tên khoa học một loài bình vôi mọc tại Yên Bái.

**Từ khóa:** Stephania Lour., cây bình vôi, thực vật

**24**. **Nghiên cứu đề xuất mô hình liên kết phát triển actisô trong cộng đồng dân tộc thiểu số thuộc huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai/** Nguyễn Huy Văn, Vũ Hương Thủy, Phạm Thanh Kỳ, Nguyễn Sơn Nam// Dược học .- 2018 .- Số 3 (Số 503 năm 58) .- Tr. 43 - 48.

**Nội dung:** Đánh giá thực trạng tình hình trồng actisô trên địa bàn hai xã Sa Pả và Tả Phìn huyện Sa Pa. Từ đó đề xuất mô hình liên kết phát triển bền vững actisô trong cộng đồng dân tộc thiểu số huyện Sa Pa.

**Từ khóa:** Cây actisô, dân tộc thiểu số, Sa Pa

**25**. **Nghiên cứu định lượng đồng thời acid salvianolic B và tanshinon IIA trong đan sâm bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao/** Trần Hùng Sơn, Nguyễn Văn Bạch, Cao Văn Ánh, Nguyễn Thị Thanh Phương, Trần Minh Ngọc, Đào Văn Đôn// Dược học .- 2018 .- Số 3 (Số 503 năm 58) .- Tr. 33 - 37.

**Nội dung:** Xây dựng được quy trình định lượng đồng thời acid salvianolic B và tanshinon IIA trong đan sâm.

**Từ khóa:** Đan sâm, định lượng, phương pháp sắc lỏng

**26**. **Nghiên cứu độc tính cấp của hai loài thuộc chi Gynostemma Blume tại Việt Nam/** Phạm Tuấn Anh, Phạm Thanh Kỳ, Lê Thị Hồng Hạnh // Dược học .- 2018 .- Số 5 (Số 505 năm 58) .- Tr. 54 - 56.

**Nội dung:** Đánh giá độc tính cấp của giảo cổ lam cuống quả dài và cồ yếm lá bóng để có những thông tin ban đầu về tính an toàn và là cơ sở để đánh giá các tác dụng sinh học khác.

**Từ khóa:** Độc tính, giảo cổ lam, Gynostemma

**27**. **Nghiên cứu mối liên quan nhân quả và tối ưu hóa công thức giá mang nano lipid chứa mangiferin/** Lê Đình Nguyên, Nguyễn Đức Hạnh, Đỗ Quang Dương // Dược học .- 2018 .- Số 5 (Số 505 năm 58) .- Tr. 44 - 49.

**Nội dung:** Nghiên cứu ảnh hưởng của tá dược lên tính chất của hệ MGF – NLC và tối ưu hóa công thức hệ MGF – NLC đóng vai trò quan trọng trong việc bào chế giá mang nano lipid, từ đó hướng tới mục tiêu nâng cao sinh khả dụng của MGF.

**Từ khóa:** Mangiferin, NLC, tối ưu hóa công thức, nhân quả

**28**. **Nghiên cứu phân lập andrographolid làm chất đối chiếu từ cây xuyên tâm liên ( Andrographis paniculata (Burm.f.) Nees)/** Lữ Thị Kim Chi, Huỳnh Tự Thuật, Nguyễn Ngọc Vinh// Dược học .- 2018 .- Số 3 (Số 503 năm 58) .- Tr. 49 - 52.

**Nội dung:** Trình bày các kết quả chiết xuất, phân lập và thiết lập chất chuẩn andrographolid từ cây xuyên tâm liên góp phần phục vụ công tác kiểm tra giám sát chất lượng thuốc.

**Từ khóa:** Cây xuyên tâm liên, Chiết xuất, phân lập, chất lượng thuốc

**29**. **Nghiên cứu tác dụng chống đông, chống kết tập tiểu cầu của các phân đoạn dịch chiết sâm vũ diệp in vitro/** Nguyễn Thị Tuyết Trinh, Lê Thị Tâm, Vũ Thị Thơm, Đinh Đoàn Long, Dương Thị Ly Hương // Dược học .- 2018 .- Số 5 (Số 505 năm 58) .- Tr. 6 - 11.

**Nội dung:** Nhằm mục tiêu đánh giá được tác dụng của các phân đoạn dịch chiết SVD trên các chỉ số: thời gian prothrombin (PT), thời gian thromboplastin từng phần được hoạt hóa (APTT) và % ngưng tập tiểu cầu tối đa (MPA)

**Từ khóa:** Sâm vũ diệp, chống đông, chống kết tập tiểu cầu

**30**. **Nghiên cứu tác dụng chống oxy hóa và bảo vệ gan của rong câu chỉ ( Gracilaria tenuistipitata Zhang et Xia) thu hái ở Hải Phòng/** Bùi Hồng Cường, Đàm Đức Tiến, Đinh Thị Quyên// Dược học .- 2018 .- Số 2 (Số 502 năm 58) .- Tr. 63- 67.

**Nội dung:** Bước đầu đánh giá tác dụng chống oxy hóa in vitro và tác dụng bảo vệ gan in vivo của rong câu chỉ thu hái ở Hải Phòng.

**Từ khóa:** oxy hóa, gan, rong câu chỉ, Hải Phòng

**31**. **Nghiên cứu tác dụng kích thích miễn dịch của Immunepath-IP trên động vật thực nghiệm/** Đinh Thị Thu Hằng, Phạm Thị Vân Anh, Đỗ Hoàng Quân, Trần Quốc Tuấn // Dược học .- 2018 .- Số 5 (Số 505 năm 58) .- Tr. 30 - 33.

**Nội dung:** Đánh giá tác dụng kích thích miễn dịch của Immunepath-IP trên chuột nhắt trắng bị gây suy giảm miễn dịch bằng cyclophosphamid.

**Từ khóa:** Suy giảm miễn dịch, động vật thực nghiệm

**32**. **Nghiên cứu tổng hợp natri 2- mercaptoethansulfonat qua trung gian thioester/** Đào Nguyệt Sương Huyền, Nguyễn Văn Hải, Nguyễn Thị Dung, Nguyễn Văn Hân, Nguyễn Đình Luyện // Dược học .- 2018 .- Số 5 (Số 505 năm 58) .- Tr. 26 - 30.

**Nội dung:** Đề cập phương pháp tổng hợp mesna qua trung gian thioester từ 1,2-dicloroethan với mục tiêu tổng hợp được mesna ở quy mô phòng thí nghiệm và khảo sát được các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu suất của quá trình tổng hợp.

**Từ khóa:** Mesna, sodium 2, phương pháp tổng hợp

**33**. **Nghiên cứu xây dựng qui trình phân tích dư lượng một số thuốc trừ sâu nhóm carbamat thường dùng trong hoa quả bằng phương pháp UPLC – MS/MS/** Nguyễn Văn Ky, Nguyễn Hữu Duyên, Lê Thanh Phước // Dược học .- 2018 .- Số 5 (Số 505 năm 58) .- Tr. 60 - 65.

**Nội dung:** Xây dựng thành công quy trình định tính, định lượng đồng thời dư lượng 5 thuốc trừ sau nhóm carbamat thường sử dụng trên hoa quả bằng phương pháp UPLC – MS/MS.

**Từ khóa:** Thuốc trừ sâu, hoa quả, phương pháp UPLC – MS/MS

**34**. **Nghiên cứu xây dựng qui trình phân tích một số glucocorticoid ngụy tạo trong mỹ phẩm điều trị mụn, làm trắng da bằng phương pháp LC-MS-MS/** Nguyễn Quốc Tuấn, Đỗ Châu Minh Vĩnh Thọ// Dược học .- 2018 .- Số 2 (Số 502 năm 58) .- Tr. 67 - 72.

**Nội dung:** Công bố một quy trình định tính và định lượng đồng thời dexamethason acetat (DXA), bethamethason (BM) prednisolon (PR) và triamcinolon (TCA), ngụy tạo trong mỹ phẩm trị mụn, làm trắng da bằng phương pháp sắc ký lỏng ghép nối với đầu dò khối phổ ba lần tứ cực (LC-MS-MS) cho độ nhạy, tính đặc hiệu, độ chính xác và tin cậy cao.

**Từ khóa:** mỹ phẩm điều trị mụn, làm trắng da, số glucocorticoid**,** LC-MS-MS

**35**. **Nghiên cứu xây phương pháp HPLC định lượng acid rosmarinic và luteolin trong cao đặc tía tô/** Phan Nguyễn Trường Thắng, Vưu Thanh Tú Quyên, Huỳnh Ngọc Trinh, Hà Minh Hiển// Dược học .- 2018 .- Số 3 (Số 503 năm 58) .- Tr. 2 - 5.

**Nội dung:** Định lượng thành phần trong hợp chất acid rosmarinic và luteolin trong cao chiết thành phần từ lá tía tô, từ đó làm cơ sở xây dựng tiêu chuẩn cho cao chiết để có thể sử dụng trong các thử nghiệm đánh giá hoạt tính kháng ung thư của lá tía tô.

**Từ khóa:** Phương pháp HPL, lá tía tô, ung thư

**36**. **Phân lập và xác định cấu trúc hóa học các alkaloid của loài Stephania viridiflavens H. S. Lo et M. Yang mọc ở Yên Bái/** Hoàng Văn Thủy, Nguyễn Quốc Huy, Phạm Thanh Kỳ, Lê Thiên Kim // Dược học .- 2018 .- Số 5 (Số 505 năm 58) .- Tr. 11 - 16.

**Nội dung:** Thông báo về kết quả phân lập và xác định cấu trúc hóa học của 5 alkaloid gồm roemerin (1), thaicanin (2), stepharin (3), palmatin (4), tetrahydropalmatin (5) từ dịch chiết BuOH của củ loài stephania viridiflavens thu hái tại huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

**Từ khóa:** Stephania viridiflavens, cấu trúc hóa học, alkaloid

**37**. **Phân tích ABC – VEN danh mục thuốc sử dụng tại Viện Y học cổ truyền Quân đội năm 2015/** Hà Văn Thúy, Nguyễn Văn Cường // Dược học .- 2018 .- Số 4 (Số 504 năm 58) .- Tr. 48 – 51.

**Nội dung:** Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Viện Y học cổ truyền Quân đội, năm 2015 theo phương pháp ABC - VEN

**Từ khóa:** Y học cổ truyền, phân tích ABC – VEN, thuốc

**38**. **Phân tích ABC – VEN thuốc sử dụng tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 năm 2017/** Nguyễn Sơn Nam, Nguyễn Trung Hà, Nguyễn Quỳnh Hoa// Dược học .- 2018 .- Số 3 (Số 503 năm 58) .- Tr. 53 - 56.

**Nội dung:** Tư vấn cho Hội đồng Thuốc và điều trị Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 trong quản lý, kiểm soát mua và sử dụng một số chủng loại thuốc tại Bệnh viện.

**Từ khóa:** Bệnh viện Trung ương Quân đội, Thuốc, quản lý

**39**. **Phân tích ABC và VEN danh mục thuốc sử dụng trong điều trị nội trú tại Bệnh viện Da liễu Trung ương năm 2016/** Nguyễn Thị Kim Thu, Nguyễn Thị Thanh Hương// Dược học .- 2018 .- Số 2(Số 502 năm 58) .- Tr. 38- 40.

**Nội dung:** Phân tích cơ cấu danh mục thuốc sử dụng trong điều trị nội trú tại Bệnh viện Da liễu Trung ương năm 2016 bằng phương pháp ABC/VEN từ đó chỉ ra tính hợp lý và chưa hợp lý trong sử dụng thuốc tại Bệnh viện.

**Từ khóa:** danh mục thuốc, điều trị nội trú, Bệnh viện Da liễu Trung ương, phương pháp ABC/VEN

**40**. **Phân tích cơ cấu thuốc điều trị ung thư sử dụng tại bệnh viện K năm 2016**/ Nguyễn Quỳnh Hoa, Nguyễn Trung Hà, Nguyễn Sơn Nam// Dược học .- 2018 .- Số 2(502) .- Tr. 12- 16.

**Nội dung**: Với mục đích cung cấp bằng chứng về tình hình sử dụng thuốc điều trị ung thư, nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh với chi phí hợp lý. Bài viết phân tích cơ cấu danh mục và chi phí hóa chất điều trị ung thư sử dụng tại Bệnh viện K năm 2016.

**Từ khóa:** cơ cấu thuốc, ung thư, bệnh viện K

**41**. **Phân tích cơ cấu thuốc điều trị ung thư tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 năm 2015 - 2017/** Nguyễn Sơn Nam, Nguyễn Trung Hà, Nguyễn Quỳnh Hoa // Dược học .- 2018 .- Số 5 (Số 505 năm 58) .- Tr. 66 - 71.

**Nội dung:** Giúp các nhà quản lý Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 có bằng chứng về tình hình sử dụng thuốc ung thư giai đoạn 2015 – 2017 từ đó góp phần quản lý chi phí thuốc hợp lý, mang lại hiệu quả điều trị cho bệnh nhân ung thư.

**Từ khóa:** Thuốc điều trị ung thư, Bệnh viện Quân đội 108

**42**. **Phân tích danh mục thuốc đấu thầu năm 2018 tại Bệnh viện Trung ương quân đội 108/** Nguyễn Sơn Nam, Nguyễn Trung Hà, Nguyễn Quỳnh Hoa // Dược học .- 2018 .- Số 4 (Số 504 năm 58) .- Tr. 52 – 56.

**Nội dung:** Phân tích cơ cấu thuốc thuộc kế hoạch đấu thầu năm 2018 tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108. Phân tích các kết quả đấu thầu thuốc năm 2018 tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108.

**Từ khóa:** Danh mục thuốc, Bệnh viện Trung ương quân đội 108, đấu thầu

**43**. **Phân tích việc sử dụng colistin tại Trung tâm gây mê và Hồi sức ngoại khoa Bệnh viện Việt Đức/** Vũ Hồng Khánh, Nguyễn Thanh Hiền, Vũ Đình Hòa // Dược học .- 2018 .- Số 4 (Số 504 năm 58) .- Tr. 7 - 10.

**Nội dung:** Khảo sát mức độ tiêu thụ, khả năng đề kháng của vi khuẩn và đặc điểm sử dụng của colistin cũng như độc tính trên thận của bệnh nhân điều trị tại Trung tâm gây mê hồi sức ngoại khoa Bệnh viện Việt Đức.

**Từ khóa:** Colistin, đề kháng, vi khuẩn, Bệnh viện Việt Đức

**44**. **Phát hiện tân dược nhóm ức chế enzym phosphodiesterase-5 trộn trái phép trong thuốc đông dược và thực phẩm chức năng bằng kỹ thuật vân tay cộng hưởng từ hạt nhân ( H-NMR fingerprint)/** Đào Thị Thanh Hiền, Nguyễn Lâm Hồng, Trần Việt Hùng// Dược học .- 2018 .- Số 3 (Số 503 năm 58) .- Tr. 56 - 61.

**Nội dung:** Giới thiệu phương pháp phân tích, phát hiện thuốc trộn trái phép trong nhiều thuốc đông dược và thực phẩm chức năng và thuốc đông dược bằng vân tay cộng hưởng từ proton ( 1H-NMR fingerprint )

**Từ khóa:** Bệnh viện Trung ương Quân đội, Thuốc, quản lý

**45**. **Thẩm định phương pháp phân tích định lượng famotidin trong huyết tương thỏ**/ Phan Thị Huyền Vy, Bùi Minh Thy, Phùng Thị Kim Huệ, Nguyễn Xuân Thành, Triệu Nguyên Trung// Dược học .- 2018 .- Số 2(Số 502 năm 58) .- Tr. 32- 38.

**Nội dung:** Xây dựng phương pháp định lượng famotidin trong huyết tương bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) có tính đặc hiệu và chọn lọc cao, phù hợp với điều kiện Việt Nam để phục vụ đánh giá sinh khả dụng của thuốc trong các chế phẩm.

**Từ khóa:** định lượng famotidin, huyết tương thỏ, sinh khả dụng

**46**. **Thành phần hóa học của cặn chiết dicloromethan thân cây nụ đinh ( Luculia pinceana Hook.)/** Trần Thanh Hà, Nguyễn Văn Đậu, Nguyễn Hoàng Mai, Phạm Hùng Việt, Dương Hồng Anh // Dược học .- 2018 .- Số 3 (Số 503 năm 58) .- Tr. 61 - 66.

**Nội dung:** Thông báo kết quả phân lập và khảo sát cấu trúc của 5 hợp chất từ phần thân rễ của loài Luculia pinceana Hook. Mọc ở Việt Nam, cũng như kết quả thử hoạt tính gây độc tế bào (HepG2) của hỗn hợp các đồng phân E/Z-mappianin E.

**Từ khóa:** Cây nụ đinh, thành phần hóa học

**47**. **Thành phần hóa học phân đoạn dịch tiết nước của lá cây gan heo ( Dicliptera chinensis (L.) Nees)/** Vũ Đức Lợi, Nguyễn Thị Hường// Dược học .- 2018 .- Số 2 (Số 502 năm 58) .- Tr. 48- 51.

**Nội dung:** Công bố một số hợp chất chiết xuất phân lập từ phân đoạn dịch chiết nước của lá cây gan heo. Tại Việt Nam, cây gan heo có mọc tại nhiều tỉnh ở khu cực phía Bắc nước ta. Cây này có thể sử dụng làm nguyên liệu làm thuốc, nếu được nghiên cứu đầy đủ về thành phần hóa học, tác dụng sinh học.

**Từ khóa:** Thành phần hóa học, phân đoạn dịch tiết nước, cây gan heo, nguyên liệu làm thuốc

**48**. **Thực trạng tiêu thụ kháng sinh trong điều kiện nội trú tại Bệnh viện Chấn thương – Chỉnh hình Nghệ An năm 2016/** Hà Văn Thúy, Hoàng Thị Khánh // Dược học .- 2018 .- Số 5 (Số 505 năm 58) .- Tr. 2 - 6.

**Nội dung:** Nhằm mục tiêu xác định tiêu thụ kháng sinh trong điều trị nội trú tại Bệnh viện Chấn thương – Chỉnh hình Nghệ An năm 2016.

**Từ khóa:** Kháng sinh, DDD, bệnh viện

**49**. **Tổng hợp và nghiên cứu ảnh hưởng cấu trúc tới hoạt tính của các dẫn xuất acetoxychavicol acetat/** Nguyễn Thị Kim Thu, Mạc Đình Hùng// Dược học .- 2018 .- Số 2 (Số 502 năm 58) .- Tr. 51- 54.

**Nội dung:** Hướng tới việc tổng hợp các dẫn xuất mới của acetoxychavicol acetat bằng việc thêm một khung phenyl tại vị trí nối đôi cũng như thay đổi vị trí, số lượng các nhóm acetoxyl trên khung phenyl để đánh giá ảnh hưởng của hoạt tính tới cấu trúc nhằm tìm ra hợp chất mới có hoạt tính cao hơn.

**Từ khóa:** cấu trúc, hoạt tính, dẫn xuất, cacetoxychavicol acetat, phenyl

**50**. **Tổng hợp và thử hoạt tính kháng khuẩn, kháng nấm của các dẫn chất imin-thioure/** Ngô Duy Túy Hà, Hà Văn Huỳnh Anh, Trương Đỗ Quyên, Trương Phương// Dược học .- 2018 .- Số 3 (Số 503 năm 58) .- Tr. 38 - 42

**Nội dung:** Bước đầu cho thấy khả năng kháng nấm tốt đặc biệt trên các chủng Candida thử nghiệm là những vi nấm cơ hội thường làm nặng thêm nhiều bệnh. Điều này mở ra hướng trong nghiên cứu tổng hợp các dẫn chất có tác dụng kháng Candida góp phần cho công tác phòng chữa bệnh nhiễm nấm nhiễm khuẩn.

**Từ khóa:** Kháng khuẩn, kháng nấm

**51**. **Tổng hợp và thử tác dụng ức chế enzym glutaminyl cyclase của một số dẫn chất piperazin/piperidin của N-(4-methoxy-3-aminoalkyloxy-phenyl) thiourea mới/** Trần Phương Thảo, Hoàng Văn Hải, Trần Thị Thu Hiền // Dược học .- 2018 .- Số 4 (Số 504 năm 58) .- Tr. 67 – 71.

**Nội dung:** Nêu chi tiết cách tiến hành chung và kết quả tổng hợp các chất mục tiêu 24-29 qua 4 hoặc 5 bước được trình bày cụ thể.

**Từ khóa:** Dẫn chất piperazin, piperidin, bệnh Alzheimer

**52**. **Tổng hợp, hoạt tính kháng khuẩn và kháng nấm của dẫn chất N – thế acid anthranilic/** Phan Cường Huy, Phạm Cảnh Em, Đỗ Thị Thúy, Trương Ngọc Tuyền// Dược học .- 2018 .- Số 3 (Số 503 năm 58) .- Tr. 29 - 32.

**Nội dung:** Các dẫn chất N – thế acid anthranilic khác nhau sẽ được tổng hợp và đánh giá hoạt tính kháng khuẩn và kháng nấm in vitro.

**Từ khóa:** Dẫn chất, kháng khuẩn, kháng nấm

**53**. **Tổng quan về lớp chất flavonoid phân lập từ chi Dalbergia, họ Đậu ( Fabaceae)/** Ngũ Trường Nhân, Nguyễn Mạnh Cường, Đỗ Hữu Nghị // Dược học .- 2018 .- Số 5 (Số 505 năm 58) .- Tr. 16 - 21.

**Nội dung:** Cập nhật thông tin về nhóm chất flavonoid, một trong những nhóm hợp chất chính của chi Dalbergia mà chưa được mô tả cụ thể các dạng khung của lớp chất này.

**Từ khóa:** Chất flavonoid, cây họ Đậu

**54**. **Xác định thành phần acid uric có trong sỏi niệu quản bằng phương pháp UPLC-MS/MS/** Lê THị Trầm, Đỗ Châu Minh Vĩnh Thọ // Dược học .- 2018 .- Số 5 (Số 505 năm 58) .- Tr. 39 - 43.

**Nội dung:** Công bố quy trình phân tích thành phần acid uric có trong mẫu sỏi niệu quản thu thập tại Khoa Ngoại, Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ bằng phương pháp sắc ký lỏng siêu hiệu năng ghép nối với đầu dò khối phổ ba lần tứ cực ( UPLC-MS/MS) cho độ nhạy, độ chính xác, độ hiệu và tin cậy cao.

**Từ khóa:** Acid uric, sỏi niệu quản, phương pháp UPLC-MS/MS

**55**. **Xây dựng phương pháp định lượng ginsenosid Rb3 trong lá tam thất ( Panax notoginseng) trồng tại Việt Nam/** Bùi Lan Phương, Trần Kiều Duyên, Đoàn Thị Ngọc Diệp, Nguyễn Thị Kiều Anh // Dược học .- 2018 .- Số 4 (Số 504 năm 58) .- Tr. 32 – 35.

**Nội dung:** Xây dựng và thẩm định phương pháp HPLC với độ đặc hiệu, độ đúng và độ chính xác cao để định lượng ginsenosid Rb3 trong lá tam thất ( Panax notoginseng) trồng tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Lá tam thất, HPLC, độ đặc hiệu, độ đúng

**56**. **Xây dựng phương pháp phân tích một số paraben bị cấm dùng trong mỹ phẩm/** Võ Trần Ngọc Hùng, Nguyễn Thị Việt Ái, Lê Thị Hường Hoa, Thái Nguyễn Hùng Thu // Dược học .- 2018 .- Số 4 (Số 504 năm 58) .- Tr. 57 – 62.

**Nội dung:** Xây dựng được phương pháp cho phép phân tích các paraben cấm bằng HPLC. Kết quả thẩm định trên 2 nền mẫu là sữa rửa mặt và nước xúc miệng cho thấy phương pháp có độ lặp lại cao, độ đúng tốt, khoảng tuyến tính khá rộng và có giới hạn phát hiện với cả 5 paraben bị cẫm là IPP, PheP, BzP, IBP và PeP đều dưới 0,05 mg/ml

**Từ khóa:** mỹ phẩm, paraben, sữa rửa mặt, nước xúc miệng

**57**. **Xây dựng phương pháp phát hiện đồng thời một số thuốc giảm đau, kháng viêm trộn trái phép trong chế phẩm đông dược bằng LC-MS/MS/** Đào Thị Cẩm Minh, Thái Khoa Bảo Châu, Trần Tuấn Phong, Nguyễn Phúc Khánh Nhi, Trần Hữu Dũng, Phạm Thị Thanh Hà, Nguyễn Thị Kiều Anh// Dược học .- 2018 .- Số 3 (Số 503 năm 58) .- Tr. 18 - 22.

**Nội dung:** Xây dựng quy trình định tính, định lượng đồng thời 9 chất thuộc nhóm giảm đau và chống viêm: paracetamol, piroxicam, indomethason, ketoprofen, betamethason, dexamethason acetat, hydrocortison acetat, prednisolon và prednison trộn lẫn trong chế phẩm đông dược bằng phương pháp LC/MS và ưng dụng phương pháp trên 30 chế phẩm đông dược thu thập trên thị trường.

**Từ khóa:** Thuốc giảm đau, thuốc kháng viêm, đông dược

**58**. **Xây dựng phương pháp phát hiện paracetamol trộn trái phép trong chế phẩm Đông dược bằng sắc ký lớp mỏng kết hợp tán xạ Raman tăng cường bề mặt (TLC-SERS)**/ Đào Thị Cẩm Minh, Lê Văn Vũ, Nguyễn Thị Kiều Anh, Phạm Thị Thanh Hà// Dược học .- 2018 .- Số 2(Số 502 năm 58) .- Tr. 23- 27.

**Nội dung**: Phương pháp định tính paracetamoltrộn lẫn trong chế phẩm Đông dược bằng TLC-SERS đã được xây dựng và ứng dụng trên 14 chế phẩm Đông dược được thu thập trên thị trường. Đây cũng là nghiên cứu đầu tiên ở Việt Nam sử dụng kỹ thuật phối hợp này trong lĩnh vực kiểm nghiệm dược phẩm.

**Từ khóa:** paracetamol, chế phẩm Đông dược, tán xạ Raman

**59**. **Xây dựng quy trình phân tích một số glucocorticoid ngụy tạo trong chế phẩm dược liệu bằng phương pháp UHPLC-UV-Vis/** Trần Ngọc Luân, Đỗ Châu Minh Vĩnh Thọ, Nguyễn Đức Tuấn// Dược học .- 2018 .- Số 2 (Số 502 năm 58) .- Tr. 41- 44.

**Nội dung:** Công bố một quy trình định tính và định lượng đồng thời prednisolon (PR), methylprednisolon (MPR), bethamethason (BM) và dexamethason acetat (DXA) ngụy tạo trong chế phẩm dược liệu bằng phương pháp sắc ký lỏng siêu hiệu năng (UHPLC) với đầu dò UV-Vis.

**Từ khóa:** định tính, định lượng, chế phẩm dược, quy trình, phương pháp UHPLC-UV-Vis

**60**. **Xây dựng và thẩm định phương pháp định lượng acid chlorogenic trong viên nang mềm Bổ gan bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao/** Nguyễn Thị Mai, Nguyễn Thị Kiều Anh // Dược học .- 2018 .- Số 4 (Số 504 năm 58) .- Tr. 35 – 39.

**Nội dung:** Xây dựng và thẩm định phương pháp định lượng acid chlorogenic trong viên nang mềm Bổ gan bằng HPLC, từ đó ứng dụng định lượng acid chlorogenic trong một số chế phẩm viên nang mềm chứa 3 thành phần này.

**Từ khóa:** thuốc bổ gan, sắc ký lỏng, HPLC

**ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG**

**1. Bản quyền truyền hình – những thức và giải pháp/** Đỗ Hữu Trí// Thông tin và Truyền thông .- 2018 .- Số 558 (748) .- Tr.46 – 49.

**Nội dung**: Phân tích vấn đề vi phạm bản quyền truyền hình, vai trò chức năng của bộ thông tin và truyền thông trong việc bảo vệ bản quyền truyền hình, và một số cơ chế chính sách để ngăn chặn tình trạng vi phạm bản quyền truyền hình, một số giải pháp để ngăn chặn tình trạng vi phạm bản quyền trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Bản quyền truyền hình

**2. Công nghệ giám sát tĩnh trạng thái hoạt động cảm biến phát hiện tàu/** TS. Nguyễn Quang Tuấn, ThS. Nguyễn Anh Tuấn// Tự động hóa ngày nay .- 2018 .- Số 209 .- Tr.46 – 50.

**Nội dung**: Giới thiệu khái quát về hệ thống thiết bị tín hiệu đường ngang và nêu ra nguyên lý hoạt động của cảm biến phát hiện tàu, xây dựng giải pháp giám sát.

**Từ khóa**: Cảm biến, hệ thống thiết bị tín hiệu đường ngang

**3. Điều khiển động cơ một chiều không chổi than trong điều kiện thời gian thực/ Phạm Tâm Thành//** Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 4 .- Tr.122 – 124.

**Nội dung:** Đề xuất hệ thống thực nghiệm hệ truyền động điện cơ điện một chiều không chổi than (MCKCT). Cấu trúc sử dụng vi xử lý tín hiệu số DSP họ C2000 của Texas Instruments. Với hệ thống thực nghiệm này cho phép triển khai các bài thí nghiệm các cấu trúc điều kiển động cơ MCKCT và cho phép phát triển các cấu trúc điều khiển hiện đại cho loại hoạt động cơ điện này.

**Từ khóa**: DSP, hệ truyền động điện, điều khiên động cơ một chiều không chổi than

**4. Khảo sát chi phí khai thác bình quân ngày tàu container tại khu vực cảng Hải Phòng: Ứng dụng của lý thuyết bất định**/ TS. Nguyễn Minh Đức, TS. Đinh Gia Huy, ThS. Phan Văn Hưng// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 6 .- Tr. 136 - 138.

**Nội dung**: Bài báo áp dụng lý thuyết bất định để khảo sát chi phí bình quân ngày tàu container, bao gồm cả các hãng tàu trong và ngoài nước, ra vào các cảng container khu vực Hải Phòng. Kết quả nghiên cứu có thể áp dụng trong các nghiên cứu và cạnh tranh giữa các cảng địa phương.

**Từ khóa:** Chi phí khai thác bình quân, tàu container, cảng Hải Phòng, lý thuyết bất định

**5. Kỹ thuật định tuyến phân đoạn Ipv6 trong mạng 5G**/ Võ Văn Đông// Thông tin và Truyền thông .- 2018 .- Số 556 (744) .- Tr.21 – 24

**Nội dung:** Giới thiệu tổng quan về định tuyến phân đoạn, định tuyến phân đoạn tron ghạ tầng mạng Ipv6 – SRv6, SRv6 và tương lai mạng 5G.

**Từ khóa**: Định tuyến phân đoạn, mạng 5G

**6. Một số cải tiến phương pháp dụ báo thời gian hoàn thành dự án dựa trên kỹ thuật giá trị thu được áp dụng tại Việt Nam/** ThS.NCS. Nguyễn Thị Hậu, PGS.TS. Bùi Ngọc Toàn, ThS. Cao Phương Thảo**//** Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 7 .- Tr. 120 – 122.

**Nội dung**: Nghiên cứu một số cải tiến về phương pháp dự báo thời gian hoàn thành dự án dựa trên kỹ thuật giá trị thu được (EVM) áp dụng tại Việt Nam. Những cải tiến này một mặt đưa ra một cách tiếp cận mới về dự báo thời gian hoàn thành dự án phù hợp với các quy định của pháp luật và trình độ quản lý dự án tại Việt Nam, từ đó nâng cao độ chính xác và tin cậy cho các dự báo thời gian hoàn thành dự án.

**Từ khóa**: EVM, ES, cải tiến EVM, dự báo thời gian, hoàn thành EAC, SPI chỉ số thực hiện tiến độ

**7. Một số loại cảm biến được dùng để phát triển các ứng dụng IoT công nghiệp/ Lâm Quang Thái, Trịnh Lương Miên**// Tự động hóa ngày nay .- 2018 .- Số 209.- Tr. 46 – 50.

**Nội dung**: Trình bày một số loại cảm biến được dùng để phát triển các ứng dụng IoT công nghiệp như: cảm biến tiệm cận, cảm biến hồng ngoại, cảm biến Piezo, cảm biến nhiệt độ, cảm biến quang học, cảm biến hình ảnh.

**Từ khóa:** Cảm biến, ứng dụng IoT, công nghiệp

**8. Nâng cao chất lượng ổn định lắc ngang tàu thủy sử dụng phương pháp điều khiển thích nghi**/ TS. Nguyễn Khắc Nghiêm// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 7 .- Tr.110 – 112.

**Nội dung**: Đề cập đến vấn đề đưa ra mô hình toán phù hợp để tổng hợp bộ điều khiển ổn định trạng thái lắc ngang của tàu thủy. Trên cơ sở phương pháp thích nghi trực tiếp với mô hình chuẩn thiết kế bộ điều khiển trên miền không gian trạng thái trong điều kiện chưa xác định của một số tham số động học tàu thủy.

**Từ khóa**: Ổn định trạng thái lắc ngang tàu thủy, điều khiển thích nghi

**9. Nghiên cứu cấu trúc điều khiển scalar động cơ không đồng bộ rotor lồng sóc**/ TS. Phạm Tâm Thành, KS. Nguyễn Văn Khánh// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 8 .- Tr.103 – 107.

**Nội dung**: Nghiên cứu cấu trúc điều khiển vô hướng động cơ không đồng bộ rotor lồng sóc. Cấu trúc điều khiển này được mô phỏng và thực nghiệm trên tảng DSP TMSF28035 của Texas Instruments. Các kết quả thực nghiệm đã chứng tỏ tính đúng đắn và khả năng của cấu trúc điều khiển đã thiết kế.

**Từ khóa:** Động cơ không đồng bộ rotor lồng sóc, vi xử lý tính hiệu số, điều khiển vô hưởng

**10. Nghiên cứu chế tạo máy tạo sóng cho máng sóng/** PGS. TS. Đào Văn Tuấn**//** Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 7 .- Tr.89 – 91.

**Nội dung**: Trình bày thuật toán xác định quy luật chuyển động của cơ cấu tạo sóng theo dạng piston và cách điều khiển động cơ để chế tạo máy tạo sóng cho máng sóng.

**Từ khóa**: Máy tạo sóng, máng sóng, lý thuyết tạo sóng

**11. Nghiên cứu, đánh giá độ bền mỏi góc vành hợp kim nhẹ ô tô theo QCVN 78:2014/BGTVT**/ TS. Đặng Việt Hà, KS. Dương Hiệp Sỹ// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 7 .- Tr.84 – 88

**Nội dung**: Giới thiệu phương pháp thử độ mỏi uốn khi quay của vành sử dụng cho ô tô sản xuất lắp ráp tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Thử nghiệm độ mỏi kkhi uốn quay, vành ô tô

**12. Nghiên cứu thiết kế, chế tạo bộ hiển thị số cho máy đo Ốp-ti-met đứng/** ThS. Lê Văn Văn, ThS. Nguyễn Tài Hoài Thanh// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 7 .- Tr.117 – 119.

**Nội dung:** Nghiên cứu phương pháp thay thế bộ phận tiếp nhận, xử lý và hiện thị kết quả đo của máy đo Ốp-ti-met đứng từ nguyên lý quang – cơ sang nguyên lý hiển thị số. Từ kết quả của nghiên cứu tiến hành thiết kế và chế tạo các bộ phận đo cũng như hiện thị kết quả đo theo nguyên lý mới thay thế cho các bộ phận cũ, giúp tối ưu thao tác đo cũng như tăng độ chính xác của kết quả đo.

**Từ khóa**: Ốp-ti-met đứng, đo so sánh, hiển thị số

**13. Nghiên cứu thực nghiệm chế độ làm việc không đủ pha của động cơ không đồng bộ**/ Nguyễn Tiến Dũng// Tự động hóa ngày nay .- 2018 .- Số 210 .- Tr.24 – 25.

**Nội dung**: Đưa ra sự so sánh các khả năng làm việc của động cơ không đồng bộ, mà chúng được kết nối đủ pha hoặc không đủ pha; Các khả năng quá tải khác nhau của động cơ điện được chỉ ra trong chế độ làm việc nguy hiểm phục thuộc từ kết nối điểm trung tính của của cuộn dây stator với trung tính nguồn điện nuôi.

**Từ khóa**: Động cơ không đồng bộ, động cơ điện

**14. Nghiên cứu ứng dụng mô hình toán mô phỏng chuyển động một số loại tàu trên luồn hàng hải**/ ThS. Nguyễn Xuân Thịnh// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 6 .- Tr.61 – 63.

**Nội dung:** Giới thiệu ứng dụng mô hình toán học mô phỏng chuyển động của tàu, từ đó xác định được các hệ số phù hợp cho khả năng tự điều khiển tàu.

**Từ khóa:** Tàu, chuyển động, hàng hải, biến, toán mô hình K-T

**15. Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu cho hệ thống tự động nhận dạng (AIS) tại các trung tâm quản lý tàu (VTS)/** PGS.TS. Lê Quốc Tiến, ThS. Nguyễn Thanh Vân// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 7 .- Tr.100 – 102.

**Nội dung**: Xây dựng cơ sở riêng cho hệ thống AIS với mục đích hỗ trợ công tác quản lý các thông tin về tàu trong vùng quản lý của VTS và các thông tin sẽ được ghi lại trong datalog để có thống kê tự động cho từng tàu, hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý tàu của các trung tâm VTS, phục vụ cho múc đích an toàn hàng hải.

**Từ khóa** Cơ sở dữ liệu, hệ thống tự động nhận dạng, AIS, trung tâm quản lý tàu

**16. Nghiên cứu xây dựng cấu trúc bộ biến đổ DC/AC ứng dụng cho hệ thống pin năng lượng mặt trời trong phòng thí nghiệm/** TS. Phạm Tâm Thành, ThS. Trương Công Mỹ, TS. Hoàng Xuân Bình// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 7 .- Tr.113 – 116.

**Nội dung**: Nghiên cứu xây dựng cấu trúc bộ biến đổi DC/AC ứng dụng cho hệ thống pin năng lượng mặt trời. Hệ thống được xây dựng gồm cả cấu trúc phần cứng và phần mềm. Cấu trúc được kiểm chứng thông qua mô phỏng và thực nghiệm. Các kết quả thu được chứng tỏ bộ biến đổi đã xây dựng đáp ứng được yêu cầu.

**Từ khóa:** Năng lượng mặt trời, DC/AC, điều khiển số

**17. Nghiên cứu xây dựng hệ thống hỗ trợ điều khiển tốc độ đoàn tàu nhằm tối ưu hóa tiêu hao nhiên liệu và đảm bảo an toàn chạy tàu trên đường sắt Việt Nam**/ PGS.TS Nguyễn Thanh Hải, PGS.TS. Đỗ Việt Dũng, ThS. Nguyễn Văn Hải, ThS. Cồ Như Văn// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 4 .- Tr.37 – 40.

**Nội dung**: Đưa ra phương pháp xây dựng hệ thống hỗ trợ điều khiển lái tàu, đảm bảo công suất kéo tối ưu tương ứng với công lệnh tốc độ cho phép và trọng lượng đoàn tàu theo lý trình đã định để chỉ dẫn tài xé điều khiển công suất kéo của đầu máy tối ưu theo lý trình đã định để chỉ dẫn tài xế điều khiển công suất kéo của đầu máy tối ưu theo cùng cung đoạn trên toàn tuyến nhằm tiết kiệm nhiên liệu chạy tàu mà vẫn đảm bảo được yêu cầu về an toàn.

**Từ khóa:** Hỗ trợ lái tàu, công suất kéo tối ưu, tiết kiệm nhiên liệu

**18. Phân tích quỹ đạo hoạt động để đánh giá khả năng phối hợp chụp ảnh của các hệ thống vệ tinh nhỏ, thử nghiệm với vệ tinh VNRED Sat-1 và BKA**/ Bùi Doãn Cường, Chu Xuân Huy, Nguyễn Minh Ngọc,…// Khoa học & Công nghệ Việt Nam .- 2018 .- Số 6 (Tập 60) .- Tr. 9 – 13.

**Nội dung**: Phân tích khả năng phối hợp chụp ảnh của hai hệ thống vệ tinh có pha chụp ảnh ngược nhau, đồng thời đề xuất phương án phối hợp chụp cụ thể. Các kết quả thu được sẽ chứng minh tính khả thi của công tác phối hợp chụp ảnh giữa các hệ thống vệ tinh nhỏ.

**Từ khóa:** BKA, phối hợp chụp ảnh, vệ tinh nhỏ, VNRED Sat-1

**19. Phương pháp phân tích sóng điện áp vòi phun trong chẩn đoán hư hỏng liên quan đến vòi phun động c**ơ/ ThS. Nguyễn Đức Trung// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 6 .- Tr.130 – 132.

**Nội dung**: Trình bày phương pháp chẩn đoán hư hỏng liên quan đến vòi phun bằng phương pháp phân tích dạng sóng điện áp vòi phun, đây là phương pháp kiểm tra, chấn đoán rất phổ biến được sử dụng ở nước ngoài hiện nay.

**Từ khóa**: Dạng sóng vòi phun, đồ thị dạng sóng vòi phun nhiên liệu, máy hiện sóng

**20. Predicsis Al. predictionio và seldon: 3 nền tảng phân tích dựa trên các API dự đoán/ Vân Anh**// Tự động hóa ngày nay .- 2018 .- Số 209 .- Tr.45 – 50.

**Nội dung**: Giới thiệu 3 nền tảng sử dụng API để thu thập và quản lý lượng lớn dữ liệu tổng hợp dùng trong các mô hình dự đoán.

**Từ khóa**: Predicsis AI, Apache predictionio

**21. Thiết kế hệ thống điện mặt trời nối lưới sử dụng phương pháp điều trị trượt**/ Phùng Quang Khải, Nguyễn Thanh Nam, Nguyễn Văn Thuấn// Tự động hóa ngày nay .- 2018 .- Số 209 .- Tr. 38 – 42.

**Nội dung:** Nghiên cứu bài toán tổng hợp hệ thống trên theo hướng đơn giản và hiệu quả hơn, từ phương pháp nối lưới đến mô hình động học và phương pháp điều khiển.

**Từ khóa:** Thiết kế hệ thống điện, phương pháp nối lưới

**22. Thiết kế hệ thống scada các bộ khởi động động cơ điện xoay chiều 3 pha**/ TS. Nguyễn Khắc Khiêm// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 4 .- Tr. 117 – 121.

**Nội dung**: Trình bày về thiết kế hệ thống triển khai và giám sát từ xa các động cơ điện xoay chiều 3 pha ứng dụng công nghệ mạng FS485. Trong đó, công nghệ mạng phân tán được sử dụng , kết hợp thiết kế phần mềm giao diện trên máy tính bằng Visual C# kết hợp lập trình để điều khiển và giám sát từ xa các động cơ điện xoay chiều 3 pha.

**Từ khóa:** Động cơ điện xoay chiều 3 pha, hệ thống điều khiển giám sát từ xa

**23. Thực hiện điều khiển số động cơ điện một chiều**/ TS. Nguyễn Khắc Khiêm// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 6 .- Tr.133 – 135.

**Nội dung**: Thực hiện điều khiển thời gian thực động cơ diện một chiều. Cấu trúc điều khiển động cơ điện một chiều được mô hình hóa, các bội điều chỉnh được thiết kế trên miền thời gian gián đoạn. Các kết quả mô phỏng và thực nghiệm chứng tỏ tính đúng đắn của thuật toán điều khiển.

**Từ khóa**: Vi xử lý tín hiệu số, động cơ một chiều, điều khiển số

**24. Ứng dụng bộ lọc Kalman nhằm nâng cao độ chính xác trong định vị thiết bị khảo sát trên biển**/ Đức Lâm// Tự động hóa ngày nay .-2018 .- Số 208 .- Tr.20 – 21.

**Nội dung**: Đề cập đến phương pháp giảm các sai số đo lường sử dụng bộ lọc Kalman trong việc định vị dùng USBL. Phương pháp này dùng kết quả từ phương pháp định vị thủ công kết hợp các giá trị điều chỉnh từ bộ lọc để khắc phục những sai số khi hệ thống USBL bị gián đoạn.

**Từ khóa**: Bộ lọc Kalman, thiết bị định vị

**25. Ứng dụng mô hình K-T trong tự động hóa giám sát, điều hành giao thông thủy**/ ThS. Hoàng Hồng Giang// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 8 .- Tr.63 – 65.

**Nội dung**: Tự động hóa giám sát, điều hành giao thông thủy rất quan trọng trong việc phát triển giao thông đường thủy hiện tại. Cùng với xu thế phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, việc tự động hóa giám sát, điều hành sẽ góp phần nâng cao ATGT, giảm thiểu yếu tố con người. Mô hình toán học K-T là một trong những mô hình đơn giản, hiệu quả mô tả chuyển động của con tàu. Sử dụng mô hình toán học K-T giúp ta có thể nghiên cứu kỹ hơn về khả năng chuyển động của con tàu mà không cần phải tiến hành thử tàu nhiều lần ngoài thực địa hoặc thử với mô hình.

**Từ khóa:** An toàn, điều khiển tàu, giám sát giao thông thủy

**26. Ứng dụng phần mềm Dynaform phân tích biến dạng đàn hồi chi tiết thân vỏ ô tô sau gia công dập**/ TS. Nguyễn Quang Minh, TS. Nguyễn Thoại Anh// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 7 .- Tr.106 – 109.

**Nội dung**: Sử dụng phần mềm Dynaform để đưa ra phương pháp tính toán cho quá trình thiết kế chế tạo khuôn dập các chi tiết thân vỏ ô tô. Dựa trên các lý thuyết và phương pháp truyền thống đẻ nghiên cứu các quy luật của biến dạng đàn hồi các chi tiết thân vỏ ô tô sau quá trình gia công dập, từ đó có cơ sở điều chỉnh các thông số và kích thước của khuôn cũng như tấm vật liệu để đáp ứng được nhu cầu thực tiễn, đạt được hiệu quả cao và giảm thời gian, chi phí chế tạo.

**Từ khóa**: Đàn hồi, dập tấm, Dynaform, thân vỏ ô tô

**27. Vai trò của Watchdog Timer đối với thiết bị nhúng trong hệ thống giám sát công nghiệp**/ Đặng Mạnh Chính, Phạm Ngọc Minh, Đặng Thành Trung// Tự động hóa ngày nay .-2018 .- Số 208 .- Tr.22 – 24.

**Nội dung**: Trình bày hệ thống giám sát chất lượng tủ lạnh trước khi xuất xưởng được phát triển bên vi xử lý ATMEGA 8 bit, các cấn đề liên quan để đảm bảo độ tin cậy của hệ thống.

**Từ khóa**: Thiết bị nhúng, hệ thống giám sát công nghiệp

**28. Vũ khí chính xác cao**/ Nguyễn Tăng Cường// Tự động hóa ngày nay .- 2018 .- Số 209 .- Tr.43 – 44.

**Nội dung:** Vũ khí chính xác cao được biết đến nhiều trong các cuộc chiến tranh gần gây. Đặc điểm nổi bật của vũ khí chính xác cao là sự tích hợp các thành tựu của kỹ thuật và công nghệ thuộc lĩnh vực điều khiển, tự động hóa, xử lý tín hiệu để đạt lên đến khả năng tiêu diệt mục tiêu với độ chính xác cao. Bài viết này phân loại, phương pháp áp dụng và các dạng mục tiêu tấn công điển hình của các hệ thống chính xác cao.

**Từ khóa:** Vũ khí chính xác cao

**29. Xác định thông số kỹ thuật của ô tô bằng phương pháp tối ưu dựa trên mô hình dao động ½ ô tô/** PGS. TS. Nguyễn Tuấn Anh**//** Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 6 .- Tr.12 6 – 129.

**Nội dung**: Giới thiệu phương pháp xác định các thông số kỹ thuật của ô tô Huyndai HD29E3 được sản xuất, lắp ráp tại Việt Nam nhờ ứng dụng bài toán tối thiểu sai số giữa các kết quả thí nghiệm và mô phỏng dựa trên mô hình dao động của ô tô trong mặt phẳng dọc. Kết quả nghiên cứu cho thấy giá trị của các thông số được xác định từ bài toán tối ưu đảm bảo độ tin cậy.

**Từ khóa**: Xác định thông số, mô hình dao động ô tô, thí nghiệm, tối ưu

X**ÂY DỰNG**

**1. Ảnh hưởng của gỉ thép đến lực bám dính giữa cốt thép và bê tông/** ThS. Vũ Quang Trung, ThS. Lương Văn An**//** Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 6 .- Tr.114 – 117.

**Nội dung:** Tập trung giới thiệu và phân tích đánh giá ảnh hưởng của gỉ cốt thép đến lực dính bám giữa cốt thép và bê tông bằng phương pháp thực nghiệm, nhằm góp phần đề xuất cho quy trình thi công và nghiệm thu các kết cấu bê tông cốt thép ở nước ta.

**Từ khóa:** Gỉ cốt thép, lực bám dính, cốt thép, bê tông

**2. Ảnh hưởng của thời gian và nhiệt độ trộn dến độ ổn định Marshal của bê tông nhựa cao su theo phương pháp trộn khô/** TS. Nguyễn Mạnh Tuấn, KS. Trần Ngọc Vũ**//** Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 4 .- Tr. 41 – 44.

**Nội dung:** Tập trung nghiên cứu và đánh giá mức độ ảnh hưởng của thời gian và nhiệt độ trộn đến độ ổn định Marshall của bê tông nhựa cao su theo phương pháp trộn khô. Từ kết quả thí nghiệm thu được có thể làm cơ sở để áp dụng phương pháp trộn khô vào việc chế tạo hỗn hợp bê tông nhựa cao su làm mặt đường ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Bê tông nhựa cao su, cao su, nhựa cao su, độ ổn định Marshall, quá trình trộn khô

**3. Ảnh hưởng của phương pháp bôi trơn làm nguội đến chất lượng bề mặt gia công khi tiện tinh tốc độ cao/** ThS. Lê Văn Văn, TS. Đoàn Tất Khoa**//** Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 8 .- Tr.100 – 102.

**Nội dung**: Đề cập đề cập đến việc đánh giá độ nhám bề mặt gia công khi tiện tinh trên máy CNC thép C45 với vận tốc cắt cao (trên 120m/ph) đố với ba trường hợp gia công có sử dụng dung dịch trơn nguội, làm mát bằng khí và gia công khô.

**Từ khóa:** Tiện tinh, tiện cao tốc, bôi trơn làm nguội, nhám bề mặt

**4. Ảnh hưởng của tro bay đến các đặc trưng cường độ của lớp móng cấp phối đá dăm gia cố xi măng/** TS. Hồ Văn Quân, TS. Nguyễn Văn Tươi, ThS. Phạm Thái Uyết// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 4 .- Tr.45 – 49.

**Nội dung**: Trình bày kết quả thí nghiệm xác định cường độ nén và cường độ ép chẻ của các hỗn hợp cấp phối đá dăm gia cố (3-4)% xi măng kết hợp với tro bay thải Nhà máy Nhiệt điện Nông Sơn – Quảng Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng, cường độ nén và cường độ ép chẻ của các hỗn hợp cáp phối đá dâm gia cố xi măng – tro bay thải giảm xuống tỉ lệ nghịch với hàm lượng tro thải thay thế một phần xi măng và tăng lên tỉ lệ thuận với hàm lượng tro bay thải bổ sung thêm trong các hỗn hợp. Đồng thời, các hỗn hợp chi phối đá dâm gia cố xi măng – tro bay đáp ứng các yêu cầu của lớp móng chi phối đá dâm gia cố xi măng trong kết cấu áo đường.

**Từ khóa:** Cấp phối đá dâm, xi măng, tro bay, cấp phối xi măng đá dăm gia cố xi măng – tro bay, cường độ nén, cường độ ép chẻ

**5. Ảnh hưởng của xỉ thép lò điện hồ quang thay thế một phần cốt liệu thô đến chất lượng của bê tông nhựa chặt/ TS. Nguyễn Mạnh Thắng, Lê Anh Pha//** Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 4 .- Tr.100- 102.

**Nội dung:** Xỉ thép là vấn đề nóng ở Việt Nam trong những năm gần đây do rất nhiều xỉ thép được tạo ra từ quá trình sản xuất thép, trong đó xỉ thép lò điện hồ quang chiếm một tỷ trọng lớn. Nhằm tận dụng vật liệu phế phẩm này vào phục vụ ngành GTVT, đặc biệt là bê tông nhựa nóng, đề tài tìm hiểu thay thế một phần cốt liệu thô bằng xỉ thép lò điện hồ quang. Ba hàm lượng thay thế được sử dụng là 0, 50 và 100%. Các thí nghiệm được thực hiện trong đánh giá chất lượng bê tông nhựa có xỉ thép thay thế cốt liệu thô gồm độ ổn định Marshall, cường độ chịu kéo gián tiếp khi ép chẻ, độ mài mòn Cantabro và mô – đun đàn hồi

**Từ khóa:** Xỉ thép, xỉ lò điện hồ quang, bê tông nhựa, cốt liệu thô

**6. Bước đầu nghiên cứu loại hình ghi đường sắt tốc độ cao/** PGS.TS. Lê Hải Hà// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 4 .- Tr.34 – 36.

**Nội dung**: Các dự án đường sắt tốc độ cao tại Việt Nam thời gian tới sẽ được triển khai với sự hỗ trợ kỹ thuật của các đối tác có kinh nghiệm trong lĩnh vực này như Nhật Bản, Hàn Quốc… Tìm hiểu các loại hình ghi tốc độ của các nhà nước và dự kiến thông số hình học ghi tốc độ cao góp thêm thông tin cho ngành đường sắt Việt Nam trong lĩnh vực này.

**Từ khóa:** Đường sắt tốc độ cao, loại hình ghi

**7. Cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt ở Tp. Hà Nội**/ GS.TS. Từ Sỹ Sùa, ThS.NCS. Lê Hoài Phương, ThS.NCS. Nguyễn Việt Phương, TS. Nguyễn Mạnh Hùng// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 8 .- Tr.118 – 122.

**Nội dung**: Xuất phát từ phân tích nhu cầu đi lại và sự cung ứng của vận tải hành khách công cộng ở Tp. Hà Nội, các tác giả sẽ đánh giá thị phần mà xe buýt phải đảm nhận cũng như đề xuất các quan điểm để phát triển bên vững vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt tại Tp.Hà Nội.

**Từ khóa**: Xe buýt, vận tải hành khách công cộng, Hà Nội

**8. Cơ sở tính siêu cao ray lưng cho đường sắt đô thị/ ThS. Phạm Duy Hòa//** Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 4 .- Tr.50 – 52.

**Nội dung:** Đề cập các vấn đề liên quan đến cách thiết lập công thức tính siêu cao, siêu cao thừa, siêu cao thiếu, tỷ lệ siêu cao, từ đó kế thừa siêu cao cho đường sắt đô thị sao cho phù hợp.

**Từ khóa:** Đường sắt đô thị, siêu cao, kết cấu tầng trên

**9. Dự báo mô-đun phức động của hỗn hợp đá – nhựa chặt từ tính chất lưu biến của nhựa đường**/ ThS. Trần Danh Lợi// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 5 .- Tr. 57 – 60.

**Nội dung:** Giới thiệu về mô hình chuyển đổi SHStS dự báo mô-đun động của hỗn hợp Asphalt từ tính chất lưu biến của nhựa đường. Xác định các hằng số của phương trình chuyển đổi SHStS dự báo mô-đun phức động của hỗn hợp ĐNC.

**Từ khóa:** Mô hình dự báo mô-đun phức động của hỗn hợp asphalt, mô-đun phức động, mô-đun động, đá – nhựa chặt, đá – nhựa chặt mô-đun cao

**10. Đánh giá ảnh hưởng của việc điều tra, khảo sát xác định tổng số trục xe quy đổi đến thiết kế kết cấu áo đường mềm/** PGS. TS. Nguyễn Văn Hùng, TS. Nguyễn Văn Du, ThS. Nguyễn Sơn Đông, ThS. Phạm Hoàng Anh// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 9 .- Tr.41 – 44.

**Nội dung**: Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm, tiêu chuẩn của Nga, Bêlarus, Mỹ và thực tế điều tra, khảo sát dòng xe lưu thông trên QL60, bài báo làm rõ ảnh hưởng của việc điều tra, khảo sát xác định số trục xe quy đổi đến công tác thiết kế áo đường mềm và đề xuất giải pháp khắc phục.

**Từ khóa:** Ảnh hưởng, trục xe quy đổi, áo đường mềm

**11. Đánh giá các giải pháp tăng cường công trình cầu cũ và cầu yếu/** TS. Nguyễn Văn Hậu, KS. Lê Hồng Điệp**//** Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 7 .- Tr.65 – 69.

**Nội dung**: Tổng kết các giải pháp tăng cường kết cấu cầu cũ, cầu yếu trên đường bộ, phân tích các giải pháp về thiết kế, hiệu quả tăng cường tới năng lực công trình cầu, tuổi thọ của việc tăng cường, từ đó đưa ra những đánh giá khuyến nghị trong việc quản lý, thiết kế, thi công tăng cường các công trình cầu trên hệ thống đường bộ Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa**: Cầu cũ, cầu yếu, công nghệ tăng cường cầu, nâng cấp năng lực cầu

**12. Đánh giá khả năng sử dụng phần mềm Plaxis trong phân tích ổn định nền đường sắt/** ThS. NCS. Lê Quang Hưng// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 7 .- Tr.62 – 64.

**Nội dung**:Giới thiệu những phân tích so sánh hệ số ổn định xác định bằng Plaxis với hệ số ổn định xác định bằng phương pháp cân bằng giới hạn để đánh giá khả năng sử dụng phần mềm Plaxis trong phân tích ổn định mái dốc nền đường sắt.

**Từ khóa**: Phân tích ổn định nền đường sắt, hệ số ổn định cho phép, phương pháp cấn bằng giới hạn, phần mềm Plaxis

**13. Đánh giá lý thuyết tác động của nhiệt thủy hóa và co ngót trong thi công bê tông nghèo khối lớn**/ TS. Nguyễn Văn Hậu,ThS. Thẩm Quốc Thắng// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 5 .- Tr. 53 – 56.

**Nội dung:** Trình bày chi tiết về giải pháp thay đổi và tính toán các tham số kỹ thuật liên quan đến hiệu ứng co ngót và nhiệt thủy hóa xi măng nhằm đảm bảo sự thay đổi vẫn an toàn trong quá trình khai thác cũng như thi công đồng thời đẩy nhanh tiến độ công trình.

**Từ khóa:** Bê tông nghèo khối lớn, co ngót của bê tông, nhiệt thủy hóa của xi măng

**14. Đề xuất phương án tính toán ngưỡng phát thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đang lưu hành**/ PGS. Vũ Ngọc Khiêm, ThS. Trần Trọng Tuấn// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 5 .- Tr.103 – 106.

**Nội dung**: Trình bày các phương án xây dựng mức tiêu chuẩn khí thải dành cho phương tiện đang lưu hành, xe cơ giới đã qua sử dụng nhập khẩu vào Việt Nam. Quá trình tính toán dựa trên việc tham khảo học tập kinh nghiệm nước ngoài, thu thập ý kiến chuyên gia, tổ chức hội thảo…Số liệu phục vụ tính toán dược kết từ Trung tâm Tin học – Cục Đăng kiểm Việt Nam. Kết quả tính toán là cơ sở khoa học cho việc xây dựng lộ trình tiêu chuẩn khí thải cho phương tiện đang lưu hành, xe cơ giới đã qua sử dụng nhập khẩu vào Việt Nam.

**Từ khóa:** Kiểm định xe cơ giới

**15. Giải pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến tốc độ cao tốc Việt Nam**/ ThS. Nguyễn Phương Châm, ThS. Nguyễn Phương Vân// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 5 .- Tr.111 – 113.

**Nội dung**: Phân tích những nguyên nhân dẫn đến tình trạng mất an toàn giao thông trên các tuyến đường cao tốc của Việt Nam. Từ đó, đề xuất các giải pháp khắc phục nhằm đảm bảo an toàn cho người và phương tiện khi tham gia giao thông trên đường.

**Từ khóa:** Tai nạn giao thông, an toàn giao thông

**16. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng đường cao tốc ở Việt Nam/** ThS.NCS. Nguyễn Phương Châm, ThS. Phương Phương Vân// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 8 .- Tr.111- 114.

**Nội dung**: Dựa trên kết quả phân tích thực trạng công tác đấu thầu ở một số dự án xây dựng đường cao tốc, bài báo đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng đường cao ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Đấu thầu xây dựng, đường cao tốc

**17. Giám sát tốc độ quay ứng dụng phần mềm LabView**/ TS. Nguyễn Khắc Khiêm// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 8 .- Tr.80 – 82.

**Nội dung**: Nghiên cứu ứng dụng mô-đun thu thập dữ liệu đa năng USB 6008 và phần mềm LabView trong hệ thống giám sát tốc độ quay. Điều này cho phép linh hoạt hơn khi sử dụng tài nguyên phần cứng và phần mềm trong việc đo lường giám sát tốc độ quay.

**Từ khóa**: USB 6008, LabView, tốc độ quay, encoder

**18. Kinh nghiệm của một số nước về tổ chức chạy tàu trên đường sắt cao tốc/** TS. Lê Tuệ Khanh**//** Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 7 .- Tr. 74 – 77.

**Nội dung:** Tìm hiểu các yêu cầu chung về công tác tổ chức chạy tàu trên đường sắt cao tốc và thực tế triển khai của một số nước trên thế giới nhằm giúp cho ngành Đường sắt Việt Nam trong việc thực hiện các dự án đường sắt cao tốc theo chiến lược phát triển giao thông vận tải đường sắt đến năm 2050.

**Từ khóa:** Đường sắt cao tốc, tổ chức chạy tàu, biều đồ tàu chạy

**19. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm bước đầu về ảnh hưởng của áp lực áp tuyến đến khả năng kháng cắt trượt giữa hai lớp bê tông asphalt từ mẫu khoan hiện trường**/ ThS. NCS. Bùi Thị Quỳnh Anh, PGS.TS. Đào Văn Đông, KS. Vầy Văn Hồng, PGS. TS. Nguyễn Quang Phúc// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 6 .- Tr.100 – 105.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu thực nghiệm đánh giá ảnh hưởng của áp lực pháp tuyến đến khả năng chịu cắt trượt của hai lớp bê tông asphalt (BTAP) đối với các mẫu khoan hiện trường của dự án thực tế. Thí nghiệm được tiến hành trên bộ thiết bị cắt có lực dọc trục thiết kế theo mô hình LIST theo tiêu chuẩn AASHTO TP114-15 trong điều kiện thực tế tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Cường độ chịu cắt, áp lực pháp tuyến, bê tông asphalt

**20. Mô phỏng động lực học kéo ô tô sử dụng truyền lực vô cấp**/ ThS. Đỗ Khắc Sơn// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 8 .- Tr.86 – 88.

**Nội dung:**Trình bày việc xây dựng mô hình hệ thống truyền lực vô cấp và sử dụng phần mềm Matlab Simulink để mô phỏng động lực học kéo của ô tô với truyền lực vô cấp.

**Từ khóa:** Truyền lực vô cấp, động lực học, mô phỏng, ô tô, matlab simulink

**21. Mô phỏng xác định các thông số tiêu chuẩn ứng suất điểm PSC trong việc dự báo khả năng chịu lực của hình thức liên kết bằng keo dán với chiều dày lớp keo rất mỏng/** TS. Bùi Thanh Quang// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 7 .- Tr.44 – 46.

**Nội dung:** Liên kết bằng keo dán là một phương pháp được sử dụng trong các ngành công nghiệp như hàng không và ô tô do các ưu điểm đặc biệt khi so sánh với các hình thức liên kết truyền thống. Tiêu chuẩn ứng suất điểm PSC là một trong những tiêu chuẩn được sử dụng để dự báo khả năng chịu lực của hình thức liên kết này. Bài báo trình bày mô phỏng số xác định hai thông số của tiêu chuẩn PSC thông qua các kết quả thí nghiệm có được.

**Từ khóa:** Tiêu chuẩn nứt, liên kết bằng keo dán

**22. Một số bất cập trong tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức quan trắc biến dạng công trình ở Viêt Nam//** Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 7 .- Tr.36 – 38.

**Nội dung**: Phân tích một số bất cập trong tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức công tác quan trắc biến dạng công trình ở Việt Nam, trên cơ sở đó đề xuất giải pháp khắc phục một số bất cập trong tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức công tác quan trắc nhằm nâng cao hiệu quả công tác quan trắc trong xây dựng và khai thác công trình.

**Từ khóa**: Quan trắc, biến dạng công trình

**23. Nghiên cứu ảnh hưởng của cát giồng và tro bay đến tính cơ lý của bê tông cho giao thông nông thôn**/ TS. Nguyễn Đình Hùng, SV. Nguyễn Thiện Thành, SV. Phạm Minh Hậu, KS. Trịnh Tuấn Cẩu// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 6 .- Tr.87 – 92.

**Nội dung:** Nghiên cứu thực nghiệm để xác định thành phần cấp phối của bê tông cấp phối của bê tông có mác từ 25Mpa đến 35Mpa và thì 15% cát giồng được thay thế bằng tro bay sẽ có cường độ nén nén tương đương với giá trị thiết kế. Trong khi đó, bê tông mác 35 Mpa thì tro bay thêm vào 10% khối lượng xi măng sẽ được cho cường độ như giá trị thiết kế. Các cấp phối đạt cường độ như giá trị thiết kế. Các cấp độ phối đạt cường độ cũng thỏa mãn điều kiện thi công. Khi sử dụng cát giồng và tro bay, cường độ chịu nén của bê tông phát triển chậm hơn so với bê tông thường truyền thống.

**Từ khóa**: Bê tông, cát giồng, tro bay, giao thông nông thôn

**24. Nghiên cứu ảnh hưởng của chiến lược chạy dao và các thông số công nghệ tới chất lượng bề mặt gia công khi phay hợp kim Inconel 625 bằng dao phay cầu**/ KS. Nguyễn Văn Đức, ThS. Nguyễn Tài Hoài Thanh, TS. Nguyễn Tuấn Hiếu// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 5 .- Tr. 84 – 87.

**Nội dung:** Trình bày ảnh hưởng của chiến lược chạy dao và các thông số công nghệ tới chất lượng bề mặt gia công khi phi hợp kim Inconel 625 bằng dao phay cầu. Độ nhám bề mặt xem xét là yếu tố quan trọng của chất lượng bề mặt sau gia công. Sử dụng phần mềm Mini tab thiết kế ma trận thực nghiệm theo phương pháp Taguchi. Phân tích phương sai (ANOVA) đã được sử dụng để xác định mức độ ảnh hưởng của các thông số đến độ nhám bề mặt.

**Từ khóa:** Chiến lược chạy dao, nhám bề mặt, hợp kim Inconel 625

**25. Nghiên cứu ảnh hưởng của chiều dài cốt thép được bảo vệ bằng vữa cường độ cao đến khả năng chịu lực của dầm bê tông cốt thép**/ TS. Nguyễn Đình Hùng, KS. Dương Minh Quang// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 9 .- Tr.34 – 40.

**Nội dung:** Trong bài báo này, cốt thép sẽ được bảo vệ bằng việc đổ một lớp vữa cường độ cao quanh cốt thép kéo chủ. Chiều dài cốt thép được bảo vệ sẽ thay đổi để kiểm tra sự ảnh hưởng của chiều dài bảo vệ đến sức kháng của dầm cũng như các tiêu chí về bảo vệ cốt thép như bề rộng vết nứt và khoảng cách các vết nứt.

**Từ khóa**: Vữa cường độ cao, cốt thép thường, bề rộng vết nứt, khoảng cách vết nứt

**26. Nghiên cứu ảnh hưởng của dạng mặt cắt cánh tay trộn đến công suất tiêu thụ riêng của động cơ dẫn động máy trộn**/ TS. Nguyễn Văn Thuyên// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 8 .- Tr.74 - 76.

**Nội dung**: Trình bày tóm tắt kết quả nghiên cứu ảnh hưởng của dạng mặt cánh tay trộn đến công suất tiêu thụ riêng của động cơ dẫn động máy trộn, từ đó làm cơ sở khoa học cho việc thiết kế, chế tạo các cánh tay trọng cho máy trộn bê tông xi măng hai trục ngang nói chung và cho máy trộn bê tông xi măng hai trục ngang, dung tích thùng trộn 01m3 nói riêng.

**Từ khóa**: Cánh tay trộn, máy trộn bê tông xi măng hai trục ngang, công suất tiêu thụ riêng

**27. Nghiên cứu ảnh hưởng của môi trường đến sự phát triển cường độ bê tông cốt liệu thủy tinh**/ ThS. Phan Nhật Long// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 4 .- Tr.87 – 90.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu sự phát triển cường độ của vật liệu này theo thời gian trong môi trường nước biển và nước ngọt. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự tương đồng về khả năng phát triển cường độ giữa bê tông cốt liệu thủy tinh và bê tông đá dăm trong môi trường bảo dưỡng khác nhau. Tuy nhiên, khi sử dụng trong môi trường nước biển, cường độ bê tông cốt liệu thủy tinh có xu hướng phát triển chậm dần theo thời gian so với môi trường khác. Kết quả nghiên cứu nhằm đánh giá tác động môi trường bảo dưỡng đến cường độ bê tông.

**Từ khóa:** Bê tông cốt liệu thủy tinh, rác thải thủy tinh, tái chế thủy tinh, cấp phối bê tông, cường độ bê tông

**28. Nghiên cứu ảnh hưởng của tấm chắn mút cánh lên các đặc tính khí động của cánh có độ giãn dài bằng 1 chịu ảnh hưởng của hiệu ứng mặt đất**/ ThS. Lê Vũ Đan Thanh, TS. Vũ Thành Trung// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 8 .- Tr.93 – 95.

**Nội dung**: Nghiên cứu mô hình cánh có độ giãn bằng 1 chịu ảnh hưởng của ảnh hưởng của hiệu ứng mặt đất, đã tính toán được các đặc tính khi động ( như hệ số lực cản, lực nâng, chất lượng khí động) của ánh trong các dải góc tấn và độ cao tương đối khác nhau khi có và không có tấm chắn, qua đó xác định được ảnh hưởng của tấm chắn lên khí động của cánh.

**Từ khóa**: Khí động lực học, hiệu ứng mặt đất, tấm chắn mút cánh, Ansys Fluent

**29. Nghiên cứu ảnh hưởng hàm lượng muội silic đến cường độ chịu nén và độ thấm clo của vữa cường độ cao**/ Nguyễn Đình Hùng, Đoàn Hồng Lộc// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 4 .- Tr.69 – 73.

**Nội dung:** Việc sửa chữa và gia cường các kết cấu bê tông cốt thép bị ăn mòn trong môi trường ven biển là một trong những nhu cầu thực tế. Khi đó, vữa cường độ cao có độ linh động và độ thấm clo thấp sẽ được sử dụng. Do đó, cấp phối vữa cường độ cao sử dụng các vật liệu địa phương như cát, tro bay từ rác thải từ nhà máy nhiệt điện và muội lilic được nghiên cứu. Kết quả chỉ ra rằng, cấp phối vữa cường độ cao có 10% khối lượng cát truyền thống được thay thế bằng tro bay, có muội silic bằng 20% khối lượng xi măng và tỷ lệ phụ gia siêu dẻo từ 01% đến 5% sẽ có cường độ chịu nén cao, độ linh động cao, độ thấm clo hầu như không đáng kể.

**Từ khóa:** Vữa cường độ cao, độ thấm clorua, tro bay, muội silic

**30. Nghiên cứu các tính chất cơ học của bê tông cốt sợi polypropylen forta-ferro**/ ThS. Lê Quỳnh Nga/ Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 6 .- Tr.83 – 86.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu thực nghiệm các tính chất cơ bản của bê tông cốt sợi đến các tính chất cơ học như cường độ nén, cường độ kéo uốn và mô-đun đàn hồi đã được xem xét. Hàm lượng cốt sợi sử dụng dao động từ 0 đến 0,5% theo thể tích. Không có sự thay đổi đáng kể đối với cường độ nén và mô đun đàn hồi, nhưng cường độ kéo uốn của bê tông cốt sợi polypropylen được tăng lên đáng kể so với bê tông xi măng thông thường.

**Từ khóa:** Bê tông cốt sợi, polypropylen, cường độ, hàm lượng sợi

**31. Nghiên cứu cải thiện tính năng của bi-tum 60/70 bằng nanoclay và EVA**/ PGS.TS. Nguyễn Thị Bích Thủy, KS. Lê Nho Thiện, KS. Trần Thanh Hà,…// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 4 .- Tr.95 – 99.

**Nội dung**: Trong công trình này, bằng phương pháp đưa trực tiếp 3% montmorillonit của Việt Nam và 5% EVA vào bitum đã nâng cao được tính chất cơ lý của bi-tum 60/70 của công ty ADCo. Kết quả thí nghiệm lưu biến cắt động với mẫu bitum biến tính nanoclay và copolyme etylen vinylaxetat cho thấy loại bitum biến tính polyme PMBII. Các mẫu bitum biến tính nanoclay có đặc tính G\*/sin cao hơn hẳn so với bitum 60/70 thông thường ở cùng một điều kiện nhiệt độ. Đây là thông số quang trọng ghi nhận hiệu quả cải thiện chất lượng bitum của nanoclay theo hướng nâng cao khả năng kháng hằn vệt bánh xe của bê tông nhựa.

**Từ khóa**: Nhựa đường biến, polymer, nanoclay, montmorillonirte

**32. Nghiên cứu chế tạo cảm biến đo biến dạng bê tông nhựa trong kết cấu áo đường**/ Trần Thị Kim Đăng, ThS. NCS. Ngô Ngọc Quý// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 6 .- Tr.96 – 99.

**Nội dung**: Giới thiệu ngắn gọn về nguyên tắc của cảm biến đo biến dạng bằng lá điện trở, thiết kế, chế tạo cảm biến đo biến dạng của lớp bê tông nhựa và kết quả bước đầu ứng dụng để đo biến dạng của lớp bê tông nhựa trong kết cấu áo đường.

**Từ khóa:** Biến dạng, cảm biến đo biến dạng, thiết bị đo biến dạng của bê tông nhựa

**33. Nghiên cứu cơ chế mòn mảnh dao khi tiện cứng thép 40 X**/ KS. Vũ Văn Thịnh, TS. Dương Quốc Dũng, ThS, Nguyễn Tài Hoài Thanh// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 5 .- Tr.88 – 91.

**Nội dung**: Trình bày một số nghiên cứu thực nghiệm về tiện cứng thép 40X dưới điều kiện cắt khô sử dụng mảnh dao tiện carbide với điều kiện cắt khác nhau, ảnh hưởng cảu vận tốc cắt tới mòn dụng cụ. Thí nghiệm cho thấy vận tốc cắt là một yếu tố có ý nghĩa cao để ảnh hưởng tới hiệu suất của dao. Các cơ chế mòn khác nhau với các điều kiện khác nhau cũng được báo cáo đầy đủ.

**Từ khóa**: Tiện cứng, mòn dụng cụ cắt, dao phủ carbide phủ

**34. Nghiên cứu đánh giá độ dạt ngang do chuyển động của tàu gây ra khi chạy trên luồng hàng hải/** ThS. Nguyễn Xuân Thịnh// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 5 .- Tr.114 – 116.

**Nội dung:** Việc nghiên cứu và chuyển động tàu đã và đang đóng một vai trò quan trọng trong lĩnh vực hàng hải đặc biệt là ngành kinh tế biển của Việt Nam và hiện tại ngành hàng hải luôn có sự ưu tiên đầu tư, nâng cấp. Do đó, bài báo giới thiệu về ứng dụng mô hình toán học mô phỏng chuyển động của tàu, từ đó xác định được độ dạt của tàu được tạo ra bởi chuyển động của bản thân con tàu khi hành hải trên đường.

**Từ khóa**: Chuyển động tàu, hàng hải, biển, toán

**35. Nghiên cứu đánh giá hiện tượng nứt trên mặt lớp móng đường sử dụng cấp phối đất đá thải mỏ than Quảng Ninh gia cố xi măng và giải pháp khắc phục**/ Th.NCS. Đỗ Văn Thái// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 4 .- Tr.83 – 86.

**Nội dung**: Trình bày vết nứt trên móng trên mặt đoạn đường thử nghiệm “ Sử dụng đất đá thải sau khai thác than ở Quảng Ninh gia cố xi măng làm móng mặt đường ô tô”, đồng thời đưa ra những nhận xét, đề xuất, hướng khắc phục tồn tại vết nứt nêu trên.

**Từ khóa**: Vết nứt, móng mặt đường thử nghiệm, cấp phối đất đá thải, mỏ than Quảng Ninh

**36. Nghiên cứu đánh giá ứng xử nứt của bê tông asphalt thí nghiệm theo mô hình uốn mẫu bán nguyệt**/ TS. Nguyễn Ngọc Lan, KS. Nguyễn Quang Dũng// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 8 .- Tr. 48 – 52.

**Nội dung**: Trình bày nghiên cứu kết quả ứng xử của bê tông asphalt chặt loại 12.5 (AC 12.5) và bê tông asphalt chặt loại 19 (AC 19) được thí nghiệm theo mô hình uốn ba điểm mẫu bán nguyệt với các chiều sâu vết nứt tạo trước bằng 15mm, 25mm và 32mm.

**Từ khóa:** Sức kháng cuốn, uốn mẫu bán nguyệt, năng lượng phá hủy nứt, chỉ số mềm

**37. Nghiên cứu đề xuất giới hạn chiều sâu lún, điểm bong màng nhựa và độ chụm khi thí nghiệm lún vệt bánh xe ở Việt Nam/** PGS. TS. Nguyễn Quang Phúc, ThS. Nguyễn Hồng Quân, ThS. Phạm Thanh Hà, KS. Nguyễn Đức Thịnh// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 7 .- Tr.75 – 79.

**Nội dung:** Trình bày các kết quả nghiên cứu đề xuất giới hạn chiều sâu lún, điểm bong màng nhựa và độ chụm khi thí nghiệm lún vệt bánh xe của bê tông nhựa nóng ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Điểm bong màng nhựa, độ chụm, chiều sâu lún vệt bánh xe, bê tông asphalt, Việt Nam

**38. Nghiên cứu động lực học máy ép cọc thủy lực di chuyển bước trong quá trình nâng cọc có kể đến độ chùng cáp**/ ThS. Nguyễn Ngọc Trung, PGS.TS. Nguyễn Đăng Điệm, PGS.TS. Nguyễn Văn Vịnh// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 5 .- Tr.97 – 101.

**Nội dung**: Trình bày tóm tắt các kết quả nghiên cứu thu được khi nghiên cứu động lực học máy ép cọc thủy lực di chuyển bước trong trường hợp cần trục lắp trên máy thực hiện nâng cọc có thể kể đến độ chùng cáp bằng một mô hình động lực học 3 bậc tự do. So sánh kết quả thực nghiệm với các kết quả lý thuyết cho thấy mô hình động lực học là đáng tin cậy. Các kết quả thu được có thể sử dụng để tính toán, thiết kế tối ưu thiết bị , tính toán mỏi, tuổi thọ và ổn định của thiết bị theo quan điểm động lực học.

**Từ khóa:** Máy ép cọc thủy lực di chuyển trước, động lực học

**39. Nghiên cứu hiệu quả giảm sóng của đê ngầm bằng mô hình vật lý**/ TS. Lê Thị Hương Giang, TS. Nguyễn Viết Tiến// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 5 .- Tr.92 – 96.

**Nội dung:** Đề cập đến nội dung nghiên cứu thí ngiệm xác định hiệu quả giảm sóng của đê ngầm trên mô hình vật lý. Các thí nghiệm sóng truyền qua đê ngầm đã được thực hành một cách công phu với 150 kịch bản thí nghiệm khác nhau về mực nước, các tham số sóng (sóng ngẫu nhiên), bãi đê và kích thước hình học đê. Dựa trên các số liệu thực nghiệm nghiên cứu đã đề xuất được phương pháp tính toán xác định hiệu quả giảm sóng của đê ngầm có độ tin cậy cao, xét theo một cách đầy đủ ảnh hưởng của các tham số chi phối.

**Từ khóa**: Đê chắn sóng, đê ngầm, bãi trước đê, thí nghiệm mô hình vật lý thực hiện trong máng sóng, sóng vỡ, phổ sóng

**40. Nghiên cứu hiệu quả ứng nhiệt sinh ra trong quá trình vết nứt phát triển gây ra bởi hiện tượng mỏi**/ TS. Nguyễn Hoàng Quân, ThS. Đỗ Văn Linh, TS. Nguyễn Tiến Dũng// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 8 .- Tr.54 – 58.

**Nội dung**: Nghiên cứu về hiệu ứng nhiệt sinh ra trong quá trình vết nứt phát triển gây ra bởi hiện tượng mỏi. Mẫu thí nghiệm bằng kim loại được chịu tải lặp ở miền tuổi thọ cao bằng cách sử dụng máy thí nghiệm mỏi siêu âm. Trường nhiệt độ trên mẫu thí nghiệm được đo bằng cách sử dụng camera hồng ngoại. Kết quả chỉ ra rằng, nhiệt độ tại đỉnh vết nứt tăng dần tương ứng với quá trình vết nứt phát triển. Nhằm hiểu rõ các hiệu quả ứng nhiệt này, một mô hình cơ nhiệt được đề xuất. Kết quả thu được từ mô hình và thí nhiệm là khá tương đồng.

**Từ khóa:** Vết nứt gây ra hiện tượng mỏi, camera hồng ngoại, máy thí nghiệm mỏi siêu âm

**41. Nghiên cứu kết cấu cầu có mố liền khối sử dụng cho cầu nhịp trung tại Việt Nam**/ KS. Phan Công Nho, Nguyễn Thị Cẩm Nhung, SV. Lê Văn Sơn,…// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 5 .- Tr. 69 – 72.

**Nội dung**: Tập trung tìm hiểu một số nét chính về kết cấu cầu có mố liền khối: Ưu nhược điểm, đặc điểm cấu tạo và làm việc của kết cấu. Ngoài ra, còn có một số ví dụ làm rõ hơn sự khác biệt của kết cầu sử dụng mố liền khối với các kết cấu sử dụng mố thông thường.

**Từ khóa:** Nhịp cầu trung, cầu mố liền khối, độ cứng khó

**42. Nghiên cứu khả năng dự đoán lún hằn vệt bánh xe trên Tỉnh lộ 25B**/ TS. Lê Anh Thắng, ThS. Nguyễn Trọng Tín// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 4 .- Tr. 78 – 82.

**Nội dung**: Lún hằn vệt bánh xe là dạng hư hỏng phổ biến trên các tuyến đường chính, đặc biệt là những tuyến liên thông với các cảng lớn. Bài viết áp dụng tính toán hằn lún vệt bánh xe theo tài liệu của Cộng hòa Liên bang Nga vì nó gần gũi với các tài liệu về thiết kế kếu cấu áo đường mềm trong nước.

**Từ khóa:** Hằn lún vệt bánh xe, dự đoán chiều sâu vệt hằn lún, vận tốc khai thác của xe, nhiệt độ bề mặt đường

**43. Nghiên cứu lựa chọn hàm lượng cốt thép hợp lý cho dầm bê tông có tính năng siêu cao**/ TS. Nguyễn Thị Nhung// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 4 .- Tr. 64 – 68.

**Nội dung**: Khảo sát xem xét đến việc sử dụng hợp lý hàm lượng cốt thép cho dầm bê tông tính năng siêu cao để tạo nên cấu kiện có khả năng làm việc hiệu quả. Mô hình phần tử hữu hạn bằng phầm mềm MIDA FEA được sử dụng để mô phỏng sự làm việc chịu uống cửa kết cấu có xét đến đặc điểm làm việc phi tuyến của vật liệu cũng như hình học. Kết quả mô phỏng được so sánh với kết quả thí nghiệm với mục đích kiểm chứng sự chính xác của mô hình.

**Từ khóa**: Cốt thép, bê tông tính năng siêu cao, hàm lượng cốt thép, ứng xử chịu uốn

**44. Nghiên cứu một số tính chất chủ yếu của bê tông xi măng nano SiO2 và Silica Fume ứng dụng trong thiết kế mặt đường ô tô khu vực miền Tây Nam bộ**/ ThS. Trần Hữu Bằng, PGS. TS. Lê Văn Bách// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 7 .- Tr.51 – 56.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu ảnh hưởng tích cực của phụ gia nano SiO2 (NS) đã được nghiên cứu sản xuất từ tro trấu và Silica Fume (SF) đến các tính chất cơ lý của bê tông xi măng: Cường độ chịu nén, cường độ chịu kéo uốn, độ mài mòn, mô đun đàn hồi tĩnh , độ thấm ionclo, độ chống thấm nước và chiều sâu thấm. Từ kết quả nghiên cứu kiến nghị bê tông xi măng sử dụng phụ gia SN và SF làm lớp mặt đường ô tô khu vực miền Tây Nam bộ.

**Từ khóa:** Bê tông xi măng nano SiO2, Silica Fume, tro trấu, Tây Nam bộ

**45. Nghiên cứu mở rộng khả năng thử nghiệm các máy thủy lực kiểu pít-tông hướng trục trên băng thử MH-125AM/** ThS. Dương Thế Anh, ThS. Trần Minh Đức, TS. Phạm Văn Thoan,…// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 8 .- Tr.96 – 99.

**Nội dung**: Trình bày một số kết quả nghiên cứu cải tiến để khảo nghiệm đo đạc đặc tính các máy thủy lực kiểu pít-tông hướng trục công suất lớn trên băng thủy lực MH-125AM. Các kết quả nghiên cứu bao gồm các trang bị đồ gá, quy trình và hệ thống đo kiểu điện tử kết nối máy tính cho phép tự động hóa quá trình đo, ghi lưu trữ kết quả và xây dựng đồ thị đặc tính của máy thủy lực được kiểm tra trên băng thử.

**Từ khóa:** Máy thủy lực thể tích, máy thủy lực kiểu pít-tông hướng trục, băng thử thủy lực, bơm thủy lực, động cơ thủy lực

**46. Nghiên cứu thực nghiệm mô-đun đàn hồi và cường độ chịu kéo uống của bê tông nhựa sử dụng chất kết dính bi-tum-epoxy**/ ThS.NCS. Trần Thị Cẩm Hà, GS.TS. Bùi Xuân Cậy// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 5 .- Tr.61 – 64.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu trong phòng thí nghiệm các chỉ tiêu mô-đun đàn hồi tĩnh và cường độ chịu kéo uống của bê tông nhựa sử dụng chất kết dính bi-tum-epoxy. Đây là hai chỉ tiêu cơ bản được sử dụng để tính toán thiết kế kết cấu mặt đường mềm theo 22 TCN 211-06.

**Từ khóa:** Bê tông nhựa bi-tum-epoxy, mô-đun đàn hồi tĩnh, cường độ kéo uống, mặt đường mềm

**47. Nghiên cứu phương pháp tính toán các tham số cảng container theo cỡ tàu và sản lượng hàng thông qua cảng**/ TS. Nguyễn Thanh Sơn// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 4 .- Tr.145 – 148

**Nội dung**: Trình bày và đề xuất phương pháp tính toán các tham số quy hoạch cảng container hiện đang học được nhiều quốc gia phát triển thế thế giới áp dụng.

**Từ khóa:** Cảng container, quy hoạch cảng, hiệu quả kinh tế, vận hành, khai thác

**48. Nghiên cứu phương pháp đánh giá sơ bộ ổn định động nền đường sắt cao tốc dạng tấm bản bằng chuyển vị cắt**/ TS. Nguyễn Hồng Phong, ThS. Phạm Thị Loan// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 6 .- Tr.41- 44.

**Nội dung:** Nghiên cứu đề xuất đánh giá sơ bộ ổn định của nền đường bằng phương pháp biến dạng cắt động để đánh giá. Kết quả cho thấy, phương pháp đánh giá sơ bộ này tương đối đơn giản có thể ứng dụng trong đánh giá sơ bộ ổn định động của nền dường sắt cao tốc dạng tấm bản.

**Từ khóa**: Ổn định động, mặt nền đường sắt cao cốc dạng tấm bản, khống chế ổn định nền đường sắt cao tốc dạng tấm bản, biến dạng cắt, ngưỡng biến dạng cắt

**49. Nghiên cứu sử dụng hỗn hợp vật liệu xỉ than – tro bay chưa xử lý – xi măng để đắp nền và làm lớp móng kết cấu áo đường tại tỉnh Trà Vinh**/ PGS. TS. Châu Trường Linh// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 6 .- Tr.66 – 69.

**Nội dung:** Trình bày kết quả nghiên cứu mối quan hệ giữa các hàm lượng vật liệu trong hỗ hợp xỉ than – tro bay – xi măng thông qua thực nghiệm với các chỉ tiêu cơ lý của hỗn hợp vật liệu như: cường độ nén, cường độ ép chẻ, sức chống cắt, C, J, CBR, đầm nén tiêu chuẩn, mô đun đàn hồi… Các kết quả thí nghiệm cho thấy hỗn hợp vật liệu đáp ứng độ bền cấp II, III, theo các tiêu chuẩn TCVN 10379- 2014 và TCVN 10186-2014; có thể sử dụng làm móng dưới mặt đường cấp cao A1, A2, hoặc dùng đắp nền đường, với hàm lượng xi măng từ 02% đến 8%.

**Từ khóa:** Hỗn hợp xỉ than – tro bay – xi măng, đắp nền, lớp móng kết cấu áo đường, đất yếu, Trà Vinh, nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải

**50. Nghiên cứu sử dụng kết cấu dầm thép hình bọc bê tông trong xây dựng cầu ở Việt Nam**/ ThS. Đỗ Thị Hằng// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 4 .- Tr.59 – 63.

**Nội dung:** Trình bày về đặc điểm cấu tạo, ứng xử của kết cấu này dưới tác dụng của tải trọng thẳng đứng nhằm góp phần vào việc nghiên cứu sử dụng kết cấu này cho công trình cầu ở Việt Nam nói chung và cho cầu vượt trong đô thị nói riêng.

**Từ khóa**: Dầm thép hình bọc bê tông, dầm thép hình, đặc điểm cấu tạo, nguyên lý làm việc

**51. Nghiên cứu sửa chữa gia cường dầm bê tông cốt thép thường bằng cốt thép thường và vữa cường độ cao**/ TS. Nguyễn Đình Hùng, KS. Trần Quốc Nghi// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 4 .- Tr.53 – 58.

**Nội dung:** Theo thời gian sử dụng, kết cấu dầm cầu thường bị giảm chất lượng, do đó việc gia cường cầu là cần thiết. Vữa cường độ cao và cốt thép thường có thể áp dụng để sửa chữa và gia cường kết cấu cầu. Kết quả thí ngiệm chỉ ra rằng, dầm mảnh được thí nghiệm có chỉ số a/d từ 4.55 đến 4.85 bị phá hủy do uốn. Khi gia cường bằng vữa cường độ cao và cốt thép thường từ 49,3% và 65,6% của chiều dài nhịp cắt tính từ điểm gia tải, sức kháng của dầm tăng lần lượt từ 16,5% và 28,1 % so với dầm không được gia cường. Khi dầm được gia cường cũng chuyển từ phá hủy uốn sang phá hủy cắt kéo.

**Từ khóa**: Vữa cường độ cao, cốt thép thường, sửa chữa, gia cường, phá hủy uốn, phá hủy cắt kéo

**52. Nghiên cứu thực nghiệm ảnh hưởng của hàm lượng cốt sợi thép rất nhỏ (steel microfiber) đến sức kháng va chạm của UHPC**/ ThS. Nguyễn Long// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 6 .- Tr.57 – 60.

 **Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu thực nghiệm ảnh hưởng của hàm lượng cốt sợi thép micro đến sức kháng va chạm của UHPC. Trong nghiên cứu này sử dụng UHPC có cường độ chịu nén thiết kế 100Mpa, cốt sợi thép micro đường kính 0.2mm, chiều dài 13 mm với hàm lượng 0,5%, 1,0% và 1,5%. Thí nghiệm sức kháng va chạm theo chỉ dẫn của ACI544.2R.1989 (tái phê duyệt). Kết quả cho thấy, khi sử dụng cốt thép sợi thép micro năng lượng va chạm gây vết nứt đầu tiên tăng từ 2.18, 3.18, 7.18 lần và năng lượng gây phá hoại mãu tăng từ 4..2, 5.67, 12.13 lần so với mẫu không sử dụng cốt sợi.

**Từ khóa:** Bê tông tính năng siêu cao, UHPC, sức kháng va chạm, cốt sợi thép rất nhỏ, thí nghiệm tải trọng rơi

**53. Nghiên cứu thực nghiệm mô-đun đàn hồi và cường độ chịu kéo uốn của bê tông nhựa sử dụng chất kết dính bi-tum-epoxy**/ ThS. NCS. Trần Thị Cẩm Hà, GS.TS. Bùi Xuân Cậy// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 5 .- Tr. 61 – 64.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu trong phòng thí nghiệm các chỉ tiêu mô-đun đàn hồi tĩnh và cường độ chịu kéo uốn của bê tông nhựa sử dụng chất kết dính bi-tum-epoxy. Đây là hai chỉ tiêu cơ bản được sử dụng để tính toán thiết kế kết cấu mặt đường mềm theo 22 TCN 211-06.

**Từ khóa:** Bê tông nhựa bi-tum-epoxy, mô-đun đàn hồi tĩnh, cường độ kéo uốn, mặt đường mềm

**54. Nghiên cứu thực nghiệm phụ gia nano SiO2 và silica Fume cho bê tông xi măng trong xây dựng đường ô tô khu vực miền Tây Nam bộ**/ ThS. Trần Hữu Bằng, PGS.TS. Lê Văn Bách, KS. Nguyễn Minh Nhựt// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 6 .- Tr.45 – 51.

**Nội dung:** Trình bày kết quả nghiên cứu tìm ra được phương trình hồi qui thực nghiệm Rn và Rku của bê tông xi măng sử dụng phụ gia nano SiO2, và silica Fume, kiến nghi công thức bê tông xi măng làm mặt đường cấp cao khu vực miền Tây Nam bộ.

**Từ khóa:** Bê tông xi măng, nano SiO2, silica Fume, tro trấu, Tây Nam bộ

**55. Nghiên cứu thực nghiệm xác định mức phát thải một số chất phi truyền thống có trong khí thải động cơ khi sử dụng biodiesel/** ThS. Trần Trọng Tuấn, TS. Vũ Ngọc Khiêm, PGS.TS. Nguyễn Hoàng Vũ// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 5 .- Tr.80 – 83.

**Nội dung:** Trình bày kết quả nghiên cứu thử nghiệm nhằm xác định mức phát thải của nhóm của các hợp chất cacbonyl gồm HCHO, CH3CHO là các chất độc hai phi truyền thống có trong khí thải của động cơ diesel khi sử dụng nhiên liệu sinh học.

**Từ khóa:** Nhiên liệu thay thế, nhiên liệu sinh học, biodiesel, mức phát thải

**56. Nghiên cứu thực nghiệm xác định thuộc tính dòng khí thải tuần hoàn (EGR) trên động cơ diesel khi sử dụng nhiên liệu biodiesel B10, B20**/ ThS. Trần Trọng Tuấn, PGS.TS. Nguyễn Hoàng Vũ, ThS. Khổng Văn Nguyên, PGS. TS. Vũ Ngọc Khiêm// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 4 .- Tr.103 – 107

**Nội dung**: Trình bày kết quả thực nghiệm xác định chi tiết thuộc tính của dòng khí EGR trên động cơ Hyndai 2.5 TCI-A khi sử dụng nhiên liệu diesel dầu mỏ (BO) và biodiesel B10, B20. Kết quả nghiên cứu phục vụ trực tiếp cho việc chủ động kiểm soát 10% EGR khi động cơ chuyển sang sử dụng B10, B20.

**Từ khóa:** EGR, thông số vận hành, mức phát thải, động cơ diesel 2.5TCI-A

**57. Nghiên cứu tính năng của bê tông hạt nhỏ nhiều tro bay dùng làm mặt đường giao thông nông thôn thi công bằng công nghệ đầm lăn**/ PGS. TS. Nguyễn Thanh Sang, ThS. NCS. Nguyễn Tấn Khoa// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 6 .- Tr.70 – 74.

**Nội dung:** Trình bày nghiên cứu thử nghiệm bê tông cát nhiều tro bay dùng làm lớp mặt đường bê tông thi công đầm lăn. Tác giả tiến hành thí nghiệm về cường độ nén, cường đọ ép chẻ, mô-đun đàn hồi, độ hút nước, độ thấm nước, và thấm ion clo của các loại bê tông.

**Từ khóa:** Bê tông cát, bê tông đầm lăn, bê tông nhiều tro bay, đường giao thông nông thôn, thấm ion clo

**58. Nghiên cứu, tính toán thiết kế tối ưu khả năng chuyên chở hàng hóa của sơ-mi rơ-moóc đáp ứng các quy định về tải trọng tại Việt Nam**/ TS. Đặng Việt Hà// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 6 .- Tr. 118 – 122

**Nội dung:** Bài báo gới thiệu các quy định về kiểm soát tải trọng, cơ sở thiết kế, phương pháp tính toán khối lượng toàn bộ nhằm tối ưu khả năng chuyên chở hàng hóa của SMRM khi tham gia giao thông tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Sơ-mi rơ moóc, thiết kế, tải trọng trục, khối lượng toàn bộ

**59. Nghiên cứu ứng dụng neo đất để gia cố mái đê**/ TS. Bùi Quốc Bình, ThS. Phạm Thị Thanh Bình// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 8 .- Tr.66 – 69.

**Nội dung:** Những năm gần đây, neo trong đất đã và đang được sử dụng ở Việt Nam như là một giải pháp hữu hiệu trong việc xử lý ổn định mái dốc, ổn định vách, tầng hầm trong nhà cao tầng, mái đường ô tô… Bài báo nêu kết quả ứng dụng công nghệ neo đất để tăng cường ổn định mái đê.

**Từ khóa**: Đê, ổn định mái đê, neo đất, gia cố mái đê

**60. Nghiên cứu ứng xử chịu nén của cột ngắn thép thành mỏng tiết diện tổ hợp từ thép tấm và ống**/ TS. Đỗ Văn Bình, ThS. Tạ Quốc Việt// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 6 .- Tr.52 – 56.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu khảo sát ứng xử chịu nén của cấu kiện cột ngắn thép thành mỏng thiết diện tổ hợp từ thép tấm và ống tạo hình mỏng tiết diện tổ hợp từ thép tấm và thép ống tạo hình tiết diện vuông và tam giác chịu nén đều theo phương pháp lý thuyết và phương pháp phần tử hữu hạn. Nghiên cứu có xét ảnh hưởng của liên kết hàn giữa thép và thép tấm, chiều dài cột và bề rộng tiết diện cột đến khả năng chịu lực của tiết diện. So sánh kết quả của hai phương pháp áp dụng trong nghiên cứu này khá xấp xỉ bằng nhau và đáng tin cậy.

**Từ khóa**: Cột ngắn, chịu nén, thép thành mỏng, tiết diện tổ hợp phần tử hữu hạn

**61. Nghiên cứu, xác định độ bền lớp hơi ô tô bằng phương pháp thực nghiệm**/ TS. Đặng Việt Hà, ThS. Lê Đình Nam// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 8 .- Tr.89 – 92.

**Nội dung**: Trình bày phương pháp thử nghiệm, đánh độ bền lốp hơi ô tô bằng phương pháp thực nghiệm theo Quy chuẩn QCVN 34:2017/BGTVT.

**Từ khóa:** Độ bền, lớp hơi ô tô, phương pháp thực nghiệm

**62. Nghiên cứu xác định độ lệch chuẩn của các chỉ tiêu cơ bản khi thi công các lớp mặt đường bê tông nhựa ở Việt Nam**/ ThS. NCS. Đồng Xuân Trường, PGS.TS. Nguyễn Quang Phúc// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 7 .- Tr.57 – 61

**Nội dung:** Trình bày kết quả nghiên cứu xác định độ lệch chuẩn của các chỉ tiêu cơ bản như độ ổn định, độ dẻo Marshall., chiều dày lớp, độ chặt đầm nén, hàm lượng nhựa, thành phần cấp phối cốt liệu khi thi công các lớp bê tông nhựa chặc ở Việt Nam gần đây.

**Từ khóa**: Độ lệch chuẩn, hàm lượng nhựa, cốt liệu, bê tông asphalt, Việt Nam

**63. Nghiên cứu xác định độ ồn của xe mô tô hai bánh khi chuyển động trên đường bê tông nhựa tại khu vực Hà Nội**/ ThS. Ngô Quang Dự, ThS. Vũ Văn Khoát, SV. Nguyễn Tuấn Kiệt// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 5 .- Tr.77 – 79.

**Nội dung**: Nghiên cứu xác định độ ồn của xe mô tô hai bánh khi chuyển động trên đường bê tông nhựa trong điều kiện tại khu vực Hà Nội. Dựa trên kết quả điều tra khảo sát đo đạc tiếng ồn của xe mô tô ở các vận tốc khác nhau, nghiên cứu này đã xây dựng được phương trình quan hệ giữa độ ồn và vận tốc chuyển động của xe mô tô hai bánh khi chuyển động: xe Wave RSX là Leq(RXS) = 38.8 + 5.90Lg(V) và xe Vespa Lx125 là Leg(LX) = 38.9 + 5.95Lg(V)

**Từ khóa**: Tiếng ồn giao thông

**64. Những bất cập trong đánh giá tác động môi trường cho dự án đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông phải quyết định chủ trương đầu tư ở Việt Nam/** ThS. Ngô Quang Dự, ThS. Trịnh Xuân Báu, ThS. Vũ Văn Khoát// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 8 .- Tr.108 – 110.

**Nội du**ng: Trình bày những bất cấp về pháp lý và kỹ thuật khi thực hiện đánh giá tác động môi trường đối với các dự án xây dựng hạ tầng giao thông phải quyết định chủ trương đầu tư tại Việt Nam, từ đó đề xuất một số giải pháp giải quyết những bất cập.

**Từ khóa**: Đánh giá tác động môi trường, dự án đầu tư xây dựng, hạ tầng giao thông

**65. Những tính chất cơ học của bê tông cường độ siêu cao và các thách thức khi ứng dụng ở Việt Nam**/ ThS. Nguyễn Đăng Điềm// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 6 .- Tr.93 – 95.

**Nội dung**: Nghiên cứu các tài liệu đã được công bố về các tính chất cơ học của bê tông cường độ siêu cao (UHPC). Các tính chất cơ học của bê tông cường độ siêu cao phụ thuộc vào thành phần và cấp phối của hỗn hợp bê tông được đặc hơn và lỗ rỗng nhỏ nhất. Bài báo chỉ ra những thách thức khi áp dụng UHPC ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Bê tông cường độ siêu cao, tính chất cơ học, thách thức, ứng dụng

**66. Phân tích ảnh hưởng của cốt thép đến hệ số dẫn nhiệt của bê tông khối lượng lớn bằng phương pháp đồng nhất hóa số**/ ThS. Nguyễn Xuân Lam, ThS. Thẩm Quốc Thắng// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 6 .- Tr.38 – 40.

**Nội dung:** Biến dạng nhiệt trong bê tông khối lượng lớn là một quá trình phức tạp và chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố. Trong nghiên cứu này, tác giả đã đề cập đến ảnh hưởng của cốt thép đến hệ số dẫn nhiệt của bê tông, đồng thời sử dụng phương pháp đồng nhất hóa để xác định hệ số dẫn nhiệt đặc trưng của bê tông cốt thép.

**Từ khóa:** Đồng nhất hóa vật liệu, hệ số dẫn nhiệt, bê tông khối lượng lớn

**67. Phân tích ảnh hưởng của chất lượng thi công đến dự báo đặc trưng khai thác của mặt đường bê tông nhựa ở Việt Nam**/ ThS.NCS. Đồng Xuân Trường, PGS.TS. Nguyễn Quang Phúc// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 8 .- Tr.59 – 62.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu ảnh hưởng của chất lượng thi công đến dự báo đặc trưng khai thác của mặt đường bê tông nhựa ở Việt Nam bằng phần mềm Tiêu chuẩn chất lượng.

**Từ khóa:** Thi công, đặc trưng khai thác, QRSS, mặt đường bê tông nhựa, Việt Nam

**67. Phân tích đánh giá nguyên nhân hư hỏng khe cơ giãn về mặt cầu do lực xung kích, đề xuất giải pháp giảm thiếu các hư hỏng/** TS. Lê Văn Mạnh// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 6 .- Tr.110 – 113.

**Nội dung**: Trình bày phân tích đánh giá nguyên nhân xuất hiện các hư hỏng khe co giãn và mặt cầu tại khu vực tiếp xúc với khe co giãn do lực xung kích, các vấn đề về giải pháp hạn chế các hư hỏng này nhằm nâng cao tuổi thọ của kết cấu khe co giãn và các lớp nhựa asphalt mặt cầu tại khu vực tiếp giáp, giảm thiểu các ảnh hưởng tới vận tốc khai thác cũng như an toàn giao thông trên cầu.

**Từ khóa:** Khe co giãn, mặt cầu, hệ xung kích

**69. Phân tích lý thuyết các vấn đề và đánh giá hiệu quả của giải pháp mở rộng công trình cầu trên địa bàn trên địa bàn TP. Hà Nội**/ PGS. TS. Nguyễn Ngọc Long, TS, Ngô Văn Minh, TS. Ngô Văn Minh, ThS. Lê Hà Linh, KS. Trần Mạnh Cường// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 6 .- Tr.34 – 37.

**Nội dung**: Phân tích cề các vấn đề cần nghiên cứu giải pháp mở rộng với các cầu hiện hữu trong thành phố có mật độ dân cư cao như Hà Nội, từ đó phân tích khả năng áp dụng các giải pháp trong mở rộng các khổ hẹp trên địa bàn thành phố nhằm nâng cao khả năng lưu thông, đáp ứng nhu cầu về giao thông ngày càng tăng của khu vực.

**Từ khóa**: Cầu yếu, khổ hẹp, tăng cường cầu, mở rộng cầu, giao thông Tp. Hà Nội

**70. Phân tích lý thuyết đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến biến đổi độ vồng dầm bê tông dự ứng lực căng trước**/ GS.TS. Trần Đức Nhiệm, TS. Ngô Văn Minh, ThS. Chu Văn An, ThS. Nguyễn Thanh Nga// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 7 .- Tr.47 – 50.

**Nội dung:** Phân tích các yếu tố tác động đến sự biến đổi độ vồng của dầm bê tông dự ứng lực trước căng trước nói chung và dầm Super T nói riêng. Qua đó, các đơn vị có liên quan có thể nắm bắt được các tác nhân ảnh hưởng đến độ vồng để có quy trình chế tạo, thi công đạt giá trị đọ vồng theo mong muốn.

**Từ khóa:** Độ vồng, dầm bê tông dự ứng lực căng trước

**71. Phân tích ảnh hưởng của chất lượng thi công đến dự báo đặc trưng khai thác của mặt đường bê tông nhựa ở Việt Nam**/ ThS.NCS. Đồng Xuân Trường, PGS.TS. Nguyễn Quang Phúc// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 8 .- Tr.59 – 62.

**Nội dung**: Trình bày bày kết quả nghiên cứu ảnh hưởng của chất lượng thi công đến dự báo đặc trưng khai thác của mặt đường bê tông nhựa ở Việt Nam bằng phần mềm Tiêu chuẩn chất lượng (QRSS).

**Từ khóa:** Thi công, đặc trưng khai thác, QRSS, mặt đường bê tông nhựa, Việt Nam

**72. Phân tích sự ảnh hưởng của tải trọng dọc trục đến dao động trong dầm trên nềnđàn hồi**/ ThS. Lê Quang Hưng// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 7 .- Tr.92 – 96.

**Nội dung**: Phân tích dao động của dầm Euler-Bernoulli trên nền đàn hồi theo mô hình của Winkler khi chịu tác dụng của tải trọng động kết với với tải trọng dọc trục. Dầm đàn hồi nghiên cứu được coi là có khối lượng phân bố liên tục với bật tự do động được coi là vô hạn.Những ảnh hưởng của lực dọc trục xác định trong các dao động phi tuyến hình học.

**Từ khóa**: Tải trọng dọc, nền đàn hồi

**73. Phân tích ứng xử kéo của trụ cầu dạng tường rẽ quạt bằng bê tông cốt thép thường**/ ThS. Ngô Châu Phương, ThS. Hồ Vĩnh Hạ// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 5 .- Tr.65 – 68.

**Nội dung:** Trình bày tính toán kết cấu trụ rẽ quạt phổ biến theo hai phương pháp giải tích: Phương pháp mặt cắt với phương pháp mô hình chống giằng, từ đó giải thích sự xuất hiện vết nứt. Bài báo cũng so sánh, phân tích các kết quả tính toán với số liệu đo đạc trong thực tế để đề xuất phương pháp tính toán phù hợp và trình bày ví dụ tính toán cho phương pháp tính đó.

**Từ khóa:** Trụ dàng tường rẽ quạt, phương pháp mặt cắt, mô hình chống giằng

**74. Quay vòng đoàn tàu tại ga cuối các tuyến đường sắtđô thị - nghiên cứu và khuyến nghị cho tuyến đường sắt đô thị Hà Nội/** TS. Nguyễn Thị Hoài An// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 5 .- Tr.144 – 146.

**Nội dung:** Trình bày các phương pháp quay vòng đoàn tàu đô thị tại các ga đầu cuối hiện đang được ứng dụng tại các tuyến metro trên thế giới với các tiêu chí đảm bảo an toàn, thời gian quay đầu nhanh, phù hợp với trang thiết bị kỹ thuật của ga. Do đó một trong các yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến năng lực thông qua của tuyến, công tác quay đầu đoàn tàu cần được tổ chức khoa học. Trên cơ sở phân tích ưu, nhược điểm và điều kiện áp dụng, phần cuối bài báo có đề xuất ứng dụng cho các tuyến đường sắt dodo thị tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Đường sắt đô thị, đường sắt, vận hành, quay vòng đoàn tàu

**75. Sức chịu tải của cọc vít xi măng đất và cọc khoan nhồi sử dụng trong công trình cầu/** TS. Nguyễn Thị Cẩm Nhung, ThS. Lê Hà Linh, ThS. Nguyễn Đại Việt// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 7 .- Tr.80 – 83.

**Nội dung:** Cung cấp sự khác biệt giữa hai loại cọc vít ATT và cọc ống thép có cánh trên về sức chịu tải. Nó giúp chúng ta có thêm những lựa chọn trong việc xử lý nền đất yếu cũng như giảm giá thành, tiến độ của công trình xây dựng tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Cọc vít ATT, cọc đất xi măng, cọc ống thép có cánh

**76. Sử dụng nhũ tương phân tách chậm CSS-1 làm lớp thấm bám trước khi thi công mặt đường bê tông nhựa trên các tuyến đường miền núi phía Bắc/** TS. Ngô Việt Đức// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 7 .- Tr.32 – 35.

**Nội dung:** Khả năng làm việc tổng thể của mặt đường bê tông nhựa không chỉ được quyết định bởi cường độ của các lớp vật liệu trong kết cấu áo đường mà còn ở sự liên kết giữa các lớp, nhất là khi mựt đường làm việc trong các điều kiện phức tạp như trên các đoạn dốc lớn, trong đường cong, nơi lưu lượng xe tải lớn hay tốc độ di chuyển chậm… Các yếu tố này góp phần gây nên hiện tượng trượt giữa các lớp vật liệu mặt đường nhất là khi lực dính giữa các lớp không được duy trì tốt. Nhũ tương phân tách chậm CSS-1 được sử dụng làm lớp thấm bám không chỉ bảo đảm các yêu cầu về độ dính bám giữa lớp bê tông nhựa và tầng móng mà còn phù hợp khi sử dụng trong các điều kiện địa hình, khí hậu và giao thông đặc thù của khu vực miền núi phía Bắc.

**Từ khóa:** Vật liệu nhũ tương, lớp thấm bám, mặt đường bê tông nhựa, khí hậu

**77. Tăng cường kết nối hạ tầng giao thông để giảm chi phí vận tải cho doanh nghiệp dịch vụ logistics**/ PGS.TS. Nguyễn Hồng Thái// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 8 .- Tr. 115 – 117.

**Nội dung**: Chi phí vận tải chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng hợp chi phí logistics, phải giảm được chi phí vận tải và giải pháp hiệu quả nhất hiện nay chính là tăng hiệu quả kết nối giữa các loại hình, phương phức vận tải.

**Từ khóa:** Chi phí logistics, chi phí vận tải

**78. Thuật toán giải hệ phương trình phi tuyến mô tả chuyển động của tên lửa đàn hồi**/ ThS. Đàm Việt Phương// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 7 .- Tr.103 – 105.

**Nội dung**: Trình bày thuật toán giải hệ phương trình vi phân phi tuyến mô tả chuyển động của tên lửa đàn hồi có trọng tâm thay đổi trong quá trình bay. Thuật toán kết hợp phương pháp Newmark và phép lặp Newton-Raphson để giải phương trình chuyển động trên miền thời gian. Kết quả thử nghiệm thuật toán với hệ phương trình mẫu đạt độ chính xác cao, qua đó đánh giá được độ tin cậy của thuật toán.

**Từ khóa:** Chuyển động, tên lửa đàn hồi, thuật toán, hệ phương trình phi tuyến

**79. Thuật toán số thiết kế đường cong chuyển tiếp liên tục đối xứng có gia tốc ly tâm trơn và liên tục**/ KS. Vũ Thọ Hưng, KS. Lưu Ngọc Quang, TS. Vũ Hoài Nam,…// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 8 .- Tr.45 – 47.

**Nội dung**: Dựa trên ý tưởng dạng đường cong mới theo cả hai điều kiện trơn và liên tục của gia tốc ly tâm [1-5] để thiết lập thuật toán số để thiết kế đường cong chuyển tiếp liên tục đối xứng mới.

**Từ khóa:** Đường cong chuyển tiếp liên tục, lực ly tâm, thiết kế đường

**80. Thực nghiệm đánh giá dính bám giữa lớp bê tông asphatl với lớp bê tông xi măng**/ TS. Nguyễn Ngọc Lân, ThS. Phạm Thị Thanh Thủy// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 7 .- Tr.70 – 74.

**Nội dung**: Trình bày kết quả thực nghiệm đánh giá cường độ dính bám giữa lớp bê tông Asphalt với lớp bê tông xi măng sử dụng mô hình thí nghiệm cắt phẳng Leutner cải tiến. Nhũ tương phân tách nhanh polymer CRS-1P với các tỷ lệ tưới dính bám 0.3, 0.5, 0.7 và 0.9 l/m2 đã được lựa chọn để nghiên cứu. Các điều kiện bề mặt lớp bê tông xi măng được xem xét đến bao gồm tạo gờ ngang và không tạo gờ ngang. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tỷ lệ vật liệu tưới dính bằng bằng 0.7 l/m2 cho giá trị cường độ dính bám cao hơn 27.1 % so với trường hợp không tạo gờ ngang.

**Từ khóa:** Cường độ bám dính, tuổi thọ mặt đường, bê tông asphalt nóng, bê tông xi măng

**81. Thực trạng các cầu yếu, khổ hẹp hiện đang khai thác trên địa bàn nội thành Tp. Hà Nội**/ PGS. TS. Nguyễn Ngọc Long, TS. Ngô Văn Minh, KS. Trần Mạnh Cường, ThS. Hoàng Nhật Minh// Giao thông Vận tải// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 5 .- Tr.44 – 47.

**Nội dung**: Đưa ra nhận định về hiện trạng của mạng lưới giao thông trên địa bàn nội thành Tp. Hà Nội nói chung và hiện trạng của các công trình cụ thể nói riêng.Cụ thể, bài báo phân tích thực trạng của các công trình cầu yếu, khổ hẹp hiện đang khai thác trên địa bàn thành phố, đồng thời đánh giá ảnh hưởng của các công trình cầu này đến giao thông của thành phố, qua đó đưa ra các giải pháp có khả năng áp dụng để giải quyết vấn đề này.

**Từ khóa**: Cầu yếu, khổ hẹp, tăng cường cầu, mở rộng cầu, giao thông Hà Nội

**82. Tính toán sức kháng vật liệu của cột bê tông cốt thép xét đến đặc trưng ngẫu nhiên của vật liệu và kích thước cấu tạo bằng phương pháp mô phỏng Monte Carlo**/ ThS. Phạm Thị Kiều// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 7 .- Tr.75 – 78.

**Nôi dung:** Nghiên cứu đặc trưng biến thiên về khả năng chịu nén của cột bê tông cốt thép bằng phương pháp mô phỏng Monte Carlo. Các đặc trung ngẫu nhiên của cường độ chịu nén bê tông, cường độ chảy của thép và vị trí đặt cốt thép được khảo sát. Bằng cách sử dụng phương pháp mô phỏng Monte Carlo thu được các đặc trưng thống kê của khả năng chịu nén của cột bê tông cốt thép như giá trị trung bình, độ lệch chuẩn, hệ số biến thiên.

**Từ khóa**: Hệ số biến thiên, cộc bê tông cốt thép, biến ngẫu nhiên, mô phỏng Monte Carlo

**83. Tính toán tấm nệm vải kỹ thuật địa nhồi bê tông bảo vệ bề mặt mái dốc trong các công trình công**/ TS. Nguyễn Thanh Sơn// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 8 .- Tr.70 – 73.

**Nội dung**: Giới thiệu và trình bày việc áp dụng phương pháp tấm nệm vải địa kỹ thuật nhồi bê tông bảo vệ bề mặt mái dốc hiện đang được một số nước phát triển ở châu Âu, Mỹ, Nhật Bản…đã, đang áp dụng và đạt được hiệu quả cao.

**Từ khóa:** Vận tải thủy, hạ tầng giao thông, mái dốc, bảo vệ bờ, tấm phủ bê tông

**84. Tính toán tải trọng sóng tác động lên trụ công trình trọng lực có tiết diện thay đổi trong vùng nước sâu**/ ThS. NCS. Đặng Xuân Trường, PGS. TS. Đậu Văn Ngọ// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 4 .- Tr. 91 – 94.

**Nội dung**: Nghiên cứu này sẽ phân tích và biến đổi toán học để giải bài toán tải trọng sóng tác động lên trụ thẳng đứng có tiết diện thay đổi trong vùng nước sâu bằng phương trình Morison. Đây là bài toán cần thiết cho công trình biển dạng động lực kích thước lớn đang trở thành xu thế phát triển ở Việt Nam cũng như trên thế giới hiện nay.

**Từ khóa:** Công trình biển dạng trọng lực, trụ thẳng đứng, vùng nước sâu

**85. Ứng dụng lý thuyết độ tin cậy xây dựng hàm đa thức hồi quy trong khảo sát ổn định mái đê trong suốt quá trình sử dụng**/ ThS. Trần Trung Dũng, Nguyễn Văn Thắng, KS. Nguyễn Trọng Bảo// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 6 .- Tr.64 – 65.

**Nội dung**: Ứng dụng lý thuyết độ tin cậy, xây dựng hàm đa thức hồi quy trong tính toán ổn định mái đê, từ đó có thể xây dựng cơ sở dữ liệu nhằm khảo sát, cảnh báo hiện tượng mất ổn định của mái đê cụ thể trong suốt quá trình sử dụng.

**Từ khóa:** Lý thuyết độ tin cậy, hàm đa thức hồi quy, ổn định mái đê, khảo sát

**86. Ứng dụng thiết bị laser trong đo đạc dao động kết cấu công trình**/ ThS. Nguyễn Văn Hậu, PGS.TS. Bùi Tiến Thành// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 6 .- Tr.79 – 82.

**Nội dung**: Nghiên cứu ứng dụng của công nghệ đo laser để đo dao động trong kết cấu công trình. Nội dung của bài báo bao gồm phần phân tích nguyên lý làm việc, thí nghiệm ứng dụng giải pháp và đánh giá tính khả thi của giải pháp.

**Từ khóa:** Dao động kết cấu, đo chuyển vị, đo dao động, thiết bị laser

**87. Ứng dụng phép kết nhập thông tin biểu diễn bằng bộ 4 để giải bài toán ra quyết định**/ PGS. TS. Nguyễn Văn Long// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 5 .- Tr.73 – 76.

**Nội dung:** Bài toán ra quyết định thường gặp trong đời sống. Đứng trước một sự lựa chọn trong nhiều phương án, cần phải đưa ra quyết định tốt nhất. Để có quyết định chính xác, các chuyên gia cần được biểu diễn bằng một dạng nào đó để tích hợp trên chúng một cách thuận tiện là vấn đề cần được đặt ra. Trong các bài báo trước đã đưa ra các biểu diễn bộ 2, bộ 3, bộ 4 của dữ liệu định tính nhưng chưa đưa vào các ứng dụng cho các phương án có nhiều tiêu chí. Bài báo sẽ giải quyết vấn đề này.

**Từ khóa**: Nhập thông tin biểu diễn, hiển thị bộ 4

**88. Ứng dụng phần mềm Solidworks trong tính toán, thiết kế giá đỡ mâm khoan của máy khoan cọc nhồi kiểu gầu xoay lắp trên cần trục bánh xích**/ ThS. Nguyễn Thùy Chi// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 5 .- Tr.107 – 110.

**Nội dung**: Trình bày tóm tắt về cấu tạo, nguyên lý làm việc của máy khoan cọc nhồi nói chung và một loạt giá đỡ mâm khoan trên thiết bị khoan do Việt Nam. Tác giả sử dụng phần mềm Solidworks 2014 để mô phỏng và phân tích phần tử hữu hạn giá đỡ mâm khoan. Đây là một trong những kết quả quan trọng trong luận án tiến sỹ mà tác giả đang thực hiện.

**Từ khóa**: Giá khoan, cần khoan, máy khoan, cọc nhồi

**89. Vấn đề chi phí xây dựng trong các dự án giao thông đường bộ ở Việt Nam : Quan điểm của các bên liên quan**/ KS. Nguyễn THị Kiều Trang, TS. Nguyễn Văn Châu, GS.TS. Vũ Đình Phụng// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 7 .- Tr.39 – 43.

**Nội dung**: Trình bày quá trình nhận dạng 36 nhân tố làm tăng chi phí xây dựng trong các dự án giao thông đường bộ ở Việt Nam, từ đó nghiên cứu tiến hành đánh giá và xếp hạng các nhân tố theo 3 chỉ số đó là: chỉ số xác suất xảy ra, chỉ số mức độ nghiêm trọng và chỉ số mức độ quan trọng.

**Từ khóa:** Dự án giao thông đường bộ, vượt chi phí, các bên liên quan, mức độ quan trọng

**89. Ứng dụng công nghệ chế tạo dầm cầu bê tông dự ứng lực căng trước ở Việt Nam**/ ThS. Chu Viết Bình, PGS. TS. Nguyễn Duy Tiến// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 5 .- Tr. 48 – 52.

**Nội dung**: Công nghệ chế tạo dầm bê tông dự ứng lực (BTDƯL) căng trước được phát triển được phát triển theo hướng công xưởng hóa và cơ giới hóa do phù hợp với việc chế tạo các cấu kiện định hình trong nhà máy hoặc trên công trường. Ở Việt Nam đã sử dụng nhiều công nghệ đúc trên bệ đúc cố định và gần đây là các bệ đúc lưu động lắp ghép và bán láp ghép như đối với dầm I cánh rộng, dầm chữ U và dầm chữ T ngược. Tuy theo yêu cầu chế tạo và vận chuyển cụ thể có thể áp dụng các phương án thiets kế bệ đúc lưu động khác nhau cho các loại dầm trên công trường.

**Từ khóa:** Công nghệ chế tạo, dầm bê tông dự ứng lực giá đúc lưu động

**90. Ứng dụng công nghệ thông tin trong vẽ biểu đồ chạy tàu trên đường sắt**/ TS. Vũ Văn Chung, ThS. Vương Thị Hương Thu// Giao thông vận tải .- 2018 .- Số 8 .- Tr.123 – 126.

**Nội dung**: Giới thiệu bộ phần mềm aBieudo để vẽ biểu đồ với cách tiếp cận hợp lý và hiệu quả, đồng thời đề xuất sử dụng bộ phần mềm này đề tính hệ số khấu trừ năng lực thông qua của biểu đồ chạy tàu cố định theo thời gian trên đường sắt Việt Nam.

**Từ khóa:** Biểu đồ chạy tàu, đường sắt, phần mềm

**91. Xác định các tham số về nhiệt thủy hóa của bê tông tính năng cao tro bay**/ PGS.TS. Đỗ Anh Tú, ThS. Hoàng Thị Tuyết, ThS. Vũ Xuân Thành,…// Giao thông vận tải.- 2018 .- Số tháng 6 .- Tr106 – 109.

**Nội dung**: Trình bày phương pháp xác định các tham số nhiệt thủy hóa và tính toán các tham số về nhiệt cho một hỗn hợp HPC tro bay cụ thể. Các tham số về nhiệt thủy số cũng như tốc độ sinh nhiệt và độ tăng nhiệt độ đoạn nhiệt HPC được so sánh với bê tông thường. Việc xây dựng bộ tham số về nhiệt thủy hóa của HPC là cần thiết nhừm sử dụng cho việc kiểm soát nhiệt, dự đoán khả năng nứt và độ bền của kết cấu sử dụng HPC.

**Từ khóa:** Bê tông tính năng cao, tham số nhiệt thủy hóa, tốc độ sinh nhiệt, năng lượng kích hoạt biểu kiến

**KẾ TOÁN**

**1. Ảnh hưởng của môi trường kiểm soát đến chất lượng giáo dục đại học ở các trường đại học ngoài công lập Việt Nam** / NCS. ThS. Nguyễn Hoàng Phương Thanh// Kế toán & kiểm toán .- 2018 .- Số 176 tháng 05 .- Tr. 41-46.

**Nội dung**: Trình bày các yếu tố ảnh hưởng của môi trường kiểm soát đến chất lượng giáo dục đại học ở các trường đại học ngoài công lập Việt Nam.

**Từ khoá**: Kiểm soát nội bộ, Môi trường kiểm soát

**2. Áp dụng IFRS cho SMEs tại Việt Nam những vấn đề quan tâm** /TS. Hồ Xuân Thủy// Kế toán & kiểm toán .- 2018 .- Số 176 tháng 05 .- Tr. 12-16.

**Nội dung**: Bài viết tổng kết những đặc điểm nổi bật của IFRS for SMEs so với IFRS, thách thức cũng như cơ hội và tình hình áp dụng IFRS for SMEs trên thế giưới. Đồng thời, so sánh các khác biệt cơ bản của IFRS for SMEs và chuẩn mực kế toán Việt Nam (VÁ) áp dụng cho SMEs. Trên cơ sở đó, đề xuất những gợi ý chính sách thúc đẩy áp dụng IFRS cho SMEs ở Việt Nam, nhằm hỗ trợ SMEs trong quá trình hội tụ với kế toán quốc tế.

**Từ khoá**: Áp dụng IFRS, SMEs, Việt Nam

**3. Bàn về các phương pháp định chuyển nhượng trong doanh nghiệp** / TS. Hoàng Khánh Vân, ThS. Ninh Thị Thúy Ngân, ThS. Nguyễn Thị Thu Lệ// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 684 tháng 07 .- Tr. 91-93.

**Nội dung**: Khái niệm giá sản phẩm chuyển nhượng nội bộ; Các phương pháp định giá sản phẩm chuyển nhượng nội bộ; Mâu thuần trong chuyển nhượng.

**Từ khoá**: Giá chuyển nhượng, Phương pháp định giá chuyển nhượng

**4. Bàn về một số nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng chuẩn mực kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Gia Lai** / PGS.TS. Hoàng Tùng, NCS. Nguyễn THị Cẩm Vân// Kế toán & Kiểm toán .- 2018 .- Số 177 tháng 6 .- Tr. 19-24.

**Nội dung**: Nêu một số nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng chuẩn mực kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Gia Lai, bằng cách tiếp cận và phân tích các nhân tố dựa trên những đặc điểm riêng của một tỉnh Tây Nguyên. Từ đó, đánh giá tổng quát sự ảnh hưởng của các nhân tiis tại các DNNVV trên địa bàn tỉnh.

**Từ khoá**: Kế toán, Kiểm toán, Chuẩn mực kế toán, Doanh nghiệp nhỏ và vừa

**5. Các hướng nghiên cứu về sự kết hợp giữa kế toán quản trị với marketing xu thế mới của kế toán quản trị với tên gọi Kế toán khách hàng** / ThS. Vũ Thị Thanh Huyền// Kế toán & kiểm toán .- 2018 .- Số 176 tháng 05 .- Tr. 52-54.

**Nội dung**: Tổng quan tình hình nghiên cứu về marketing và kế toán quản trị trong doanh nghiệp; Sự giao thoa giữa marketing và kế toán quản trị trong phạm vi doanh nghiệp; Mối quan hệ giữa đo lường hoạt động marketing với kế toán quản trị.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị, Kế toán khách hàng

**6. Các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp trong quá trình Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế** / NCS. Nguyễn Thị Phương Dung// Kế toán & Kiểm toán .- 2018 .- Số 177 tháng 6 .- Tr. 50-52.

**Nội dung**: Trình bày các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp trong quá trình Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế.

**Từ khoá**: Công tác kế toán, Hội nhập kinh tế, Doanh nghiệp

**7. Chất lượng kiểm toán và chi phí sử dụng nợ: Bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam** / Nguyễn Vĩnh Khương// Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á- Jabes.- 2018 .- Số 29(4) tháng 4 .- Tr. 48-63.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện nhằm cung cấp bằng chứng thực nghiệm về mức độ tác động của chất lượng kiểm toán đến chi phí sử dụng nợ tại Việt Nam. Dựa vào dữ liệu từ 241 công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2010–2016, bằng phương pháp nghiên cứu định lượng, tác giả kết luận chất lượng kiểm toán có tác động nghịch chiều đến chi phí sử dụng nợ. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đưa ra một số hàm ý chính sách về công bố thông tin báo cáo tài chính của công ty niêm yết và cơ quan quản lý nhằm góp phần làm minh bạch thông tin báo cáo tài chính.

**Từ khoá**: Chất lượng kiểm toán; Chi phí sử dụng nợ; Công ty niêm yết; Việt Nam

**8. Cơ sở lý thuyết về công bố thông tin bộ phận của doanh nghiệp**/ ThS. Đàm Thị Kim Oanh// Kế toán & kiểm toán .- 2018 .- Số 176 tháng 05 .- Tr. 33-35.

**Nội dung**: Trình bày về nền tảng lý thuyết được sử dụng trong nghiên cứu nhằm giải thích mức độ sẵn sàng công bố thông tin bộ phận của các doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Công bố thông tin, Báo cáo tài chính

**9. Công cụ phái sinh nhằm kiểm soát rủi ro tài chính trong doanh nghiệp** / ThS. Phan Thùy Dương// Kế toán & Kiểm toán.- 2018 .- Số175 tháng 04 .- Tr. 51-52.

**Nội dung**: Trình bày các loại sản phẩm tài chính phái sinh nhằm kiểm soát rủi ro tài chính trong doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Công cụ phái sinh, Kiểm soát rủi ro tài chính, Doanh nghiệp

**10. Công tác tổng hợp, lập báo cáo quyết toán NSNN của kho bạc Nhà nước - những vấn đề cần lưu ý khi kiểm toán** /Phạm Thị Mai// Kiểm toán.- 2018 .- Số 72 tháng 06 .- Tr. 32-34.

**Nội dung**: Nghiên cứu một số nội dung cơ bản liên quan đến công tác tổng hợp, lập báo cáo quyết toán NSNN, phân tích thực trạng và hướng dẫn kiểm toán công tác tổng hợp, lập báo cáo quyết toán ngân sách năm.

**Từ khoá**: Ngân sách nhà nước, Lập báo cáo quyết toán

**11. Đánh giá chất lượng mô hình kế toán quản trị chi phí đối với quản lý hoạt động kinh doanh** /Phạm Nguyệt Thương// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 517 tháng 05 .- Tr.4-6.

**Nội dung**: Đặc điểm và chức năng của kế toán quản trị chi phí đối với quản lý hoạt động kinh doanh; Mô hình kế toán quản trị chi phí; Đánh giá chất lượng mô hình kế toán quản trị chi phí đối với quản lý hoạt động kinh doanh.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị chi phí, quản lý hoạt động kinh doanh

**12. Đánh giá mức độ công bố bắt buộc thông tin phi tài chính của các doanh nghiệp niêm yết Việt Nam** /PGS.TS. Hà Xuân Thạch, ThS. Dương Hoàng Ngọc Khuê// Kế toán & kiểm toán .- 2018 .- Số 176 tháng 05 .- Tr. 17-21.

**Nội dung**: Đánh giá mức độ công bố bắt buộc thông tin phi tài chính của các doanh nghiệp niêm yết Việt Nam. Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đã hàm ý môtj số chính sách nhằm tăng cường mức độ công bố thông tin phi tài chính của các doanh nghiệp niêm yết Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Công bố thông tin, Thông tin phi tài chính, Doanh nghiệp

**13. Đánh giá thực trạng thực hiện nguyên tắc kế toán thận trọng tại các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam** / ThS. NCS. Nguyễn Thị Bích Thủy// Kế toán & kiểm toán .- 2018 .- Số 176 tháng 05 .- Tr. 57-60.

**Nội dung**: Trình bày nguyên tắc thực hiện kế toán và phương pháp đánh giá việc thực hiện nguyên tắc này trong các doanh nghiệp; Đánh giá việc thực hiện nguyên tắc kế toán thận trọng tại các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam; Một số kiến nghị rút ra từ thực hiện đo lường và đánh giá việc thực hiện nguyên tắc kế toán tại các công ty niêm yết.

**Từ khoá**: Nguyên tắc kế toán, Thị trường chứng khoán

**14. Định hướng áp dụng cơ sở giá trị hợp lý tại Việt Nam phù hợp với thông lệ quốc tế** / ThS. Nguyễn Thanh Huyền// Tài chính - Kỳ 1.- 2018 .- Số 680 tháng 05 .- Tr. 58-60.

**Nội dung**: Các quan điểm về giá trị hợp lý; Một số quan điểm đối lập; Định hướng áp dụng cơ sở giá trị hợp lý tại Việt Nam phù hợp với thông lệ quốc tế.

**Từ khoá:** Giá trị hợp lý, Chuẩn mực kế toán, Báo cáo tài chính

**15. Doanh thu từ hợp đồng với khách hàng theo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS-15) và vận dụng đối với doanh nghiệp viễn thông ở Việt Nam** /Vũ Thị Quỳnh Chi// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 517 tháng 05 .- Tr.75-76.

**Nội dung**: Phân tích ảnh hưởng của phương pháp ghi nhận doanh thu từ hợp đồng với khách hàng đối với doanh nghiệp Viễn thông ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Doanh thu từ hợp đồng, Khách hàng theo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS-15), Doanh nghiệp viễn thông, Việt Nam

**16. Hệ thống phân tích chi phí dựa trên chi phí hoạt động (ABC) tại các doanh nghiệp viễn thông trên thế giới và kinh nghiệm cho các doanh nghiệp viễn thông Việt Nam**/ TS. Nguyễn Đăng HUy// Kế toán & Kiểm toán .- 2018 .- Số 177 tháng 6 .- Tr. 25-28.

**Nội dung**: Trình bày thực tiễn phân tích chi phí hoạt động của các DNVT thế giới; Lý dotyr lệ áp dụng ABC thấp tại các nước châu Á; Kinh nghiệm của việc áp dụng ABC tại các DNVT Việt Nam.

**Từ khoá**: Chi phí hoạt động, Nhân sự, Hệ thống đo lường và đánh giá hiệu quả công việc

**17. Hoàn thiện công tác kế toán quản trị hàng tồn kho trong các doanh nghiệp sản xuất** / ThS. Nguyễn Thúy Hằng// Tài chính - Kỳ 1.- 2018 .- Số 680 tháng 05 .- Tr. 77-79.

**Nội dung**: Trình bày kế toán quản trị hàng tồn kho trong các doanh nghiệp sản xuất và hoàn thiện công tác kế toán quản trị hàng tồn kho trong các doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị, Hàng tồn kho, Doanh nghiệp sản xuất, Thông tin kế toán

**18. Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất thép thuộc Tổng công ty thép Việt Nam** /Trần Thị Quỳnh Giang// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 519 tháng 06 .- Tr.60-62.

**Nội dung**: Thực trạng hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất thép thuộc Tổng công ty thép Việt Nam; Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất thép thuộc Tổng công ty thép Việt Nam.

**Từ khoá**: Hệ thống thông tin kế toán, Doanh nghiệp sản xuất thép

**19. Hoàn thiện phương pháp phân bổ giá trị sản phẩm phần mềm lõi nhằm xác định giá phí của sản phẩm phền mềm** / TS. Nguyễn Thị Diệu Thu, TS. Nguyễn Thị Kim Oanh// Kế toán & kiểm toán .- 2018 .- Số 176 tháng 05 .- Tr. 26-28.

**Nội dung**: Sản phẩm phần mềm là loại sản phẩm mang tính sáng tạo và có thể coi như một sản phẩm vừa mang tính hữu hình, vừa mang tính vô hình. SPPM có khối lượng nhỏ gọn, SP dễ dàng vận chuyển, dễ bị sao chép, tuối thọ của SP phụ thuộc vào sự phát triển của ngành khoa học công nghệ.Bài viết đưa ra 5 điều kiện để ghi nhận một sản phẩm phần mềm lõi là tài sản cố định vô hình. Đối với những SPPM lõi được ghi nhận như một TSCDD vô hình thì doanh nghiệp nên trích khấu hao và ghi nhận vào giá vốn, ...

**Từ khoá**: Tài sản cố định vô hình, Phần mềm lõi

**20. Hoàn thiện quy trình, nâng cao chất lượng kiểm soát, thanh toán chi phí quản lý dự án**/ ThS. Nguyễn Công Điều// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 682 tháng 06 .- Tr. 38-41.

**Nội dung**: Nhận diện những vấn đề tốn tại, vướng mắc; từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện quy trình, nâng cao chất lượng kiểm soát, thanh toán chi phí quản lý dự án.

**Từ khoá:** Kiểm soát chi, Kiểm soát thanh toán vốn

**21. Kế toán lĩnh vực trồng trọt : khác biệt giữa kế toán Việt nam và kế toán quốc tế** / ThS. Hoàng Thụy Diệu Linh// Kế toán & kiểm toán .- 2018 .- Số 176 tháng 05 .- Tr. 38-40.

**Nội dung**: Bài viết tổng hợp các khái niệm và hướng dẫn Kế toán lĩnh vực trồng trọt của chuẩn mực kế toán quốc tế về nông nghiệp (NN), so sánh với các qui định và đưa ra các giải pháp phát triển kế toán hoạt động trồng trọt ở VN, đồng thời cũng đề cập đến các tranh luận còn tồn tại trong IAS về NN, để hướng tới các nghiên cứu tiếp theo.

**Từ khoá**: Kế toán lĩnh vực trồng trọt

**22. Kế toán trích lập và xử lý các khoản dự phòng tổn thất tài sản theo thông tư 200/2014/BTC** /Dương Thị Vân Anh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 517 tháng 05 .- Tr.10-12.

**Nội dung**: Trình bày nội dung các khoản dự phòng tổn thất tài sản và tài khoản sử dụng và phương pháp kế toán.

**Từ khoá**: Kế toán trích lập và xử lý các khoản dự phòng, Tổn thất tài sản, Thông tư 200/2014/BTC

**23. Kế toán, kiểm toán Việt Nam trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0**/ Phạm Thị Thu Oanh// Tài chính - Kỳ 1.- 2018 .- Số 680 tháng 05 .- Tr. 68-70.

**Nội dung**: Phân tích những thuận lợi và khó khăn, thách thức mà cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đem lại, từ đó đưa ra một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy sự phát triển của các cá nhân, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán nói riêng và ngành nghề kế toán, kiểm toán nói chung.

**Từ khoá**: Cách mạng công nghiệp 4.0, Kế toán, Kiểm toán, Doanh nghiệp

**24. Khấu hao tài sản cố định và tác động với hoạt động của doanh nghiệp khai thác tham**/ ThS. Đặng Thị Huế// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 682 tháng 06 .- Tr. 108-111.

**Nội dung**: Vai trò của khấu hao tài sản, một số vấn đề doanh nghiệp khai thác than cần quan tâm.

**Từ khoá**: Tài sản cố định, doanh nghiệp than

**25. Khoán chi phí không định mức tiêu hao: giải pháp tại các doanh nghiệp khai thác than**/ ThS. Lê Đình Chiều// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 682 tháng 06 .- Tr. 105-107.

**Nội dung**: Khái quát khoán chi phí không định mức tiêu hao và đề xuất phương án khoán chung cho các yếu tố chi phí không định mức tiêu hao, làm cơ sở phương pháp luận để triển khai công tác khoán các yếu tố chi phí không định mức tiêu hao tại các doanh nghiệp khai thác than.

**Từ khoá**: Khoán chi phí, quản trị chi phí, hợp đồng nội bộ, hạ giá thành sản phẩm

**26. Kiểm toán môi trường vì sự phát triển bền vững - chủ đề thể hiện sự đóng góp thiết thực của cộng đồng ASOSAI đối với thế giới** /TS. Hà Thị Mỹ Dung// Kiểm toán.- 2018 .- Số 72 tháng 06 .- Tr. 24-25,28.

**Nội dung**: Trình bày cuộc trò chuyện giữa tác giả với phóng viên Đặc san Kiểm toán để chia sẻ về một số thông tin liên quan về kiểm toán môi trường vì sự phát triển bền vững.

**Từ khoá**: Kiểm toán môi trường, Phát triển bền vững

**27. Kiểm toán môi trường vì sự phát triển bền vững - nhìn từ cơ sở lý luận** /TS. Nguyễn Viết Hãnh// Kiểm toán.- 2018 .- Số 72 tháng 06 .- Tr. 26-28.

**Nội dung**: Trình bày những thực trạng và nhân tố phát triển kiểm toán môi trường.

**Từ khoá**: Kiểm toán môi trường, Phát triển bền vững

**28. Kiểm toán Nhà nước nỗ lực thực hiện kiểm toán môi trường - vì một thế giới phát triển bền vững** /TS. Lê Doãn Hoài// Kiểm toán.- 2018 .- Số 72 tháng 06 .- Tr. 29-31.

**Nội dung**: Đề cập đến bảo vệ môi trường trong phát triển bễn vững và con đường hành động của Việt Nam; KTNN vẫn gặp nhiều khó khăn trong lĩnh vực kiểm toán môi trường; Giải pháp phát triển kiểm toán môi trường của KTNN.

**Từ khoá**: Kiểm toán môi trường, Phát triển bền vững, Kiểm toán Nhà nước

**29. Kinh nghiệm tổ chức phân tích nhằm tăng cường hiệu lực kiểm toán nội bộ của một số nước trên thế giới** /Nguyễn Thị Đào// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 517 tháng 05 .- Tr.24-25,12.

**Nội dung**: Trình bày một số kinh nghiệm tổ chức phân tích nhằm tăng cường hiệu lực kiểm toán nội bộ của một số nước trên thế giới.

**Từ khoá**: Kiểm toán nội bộ

**30. Lập dự toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp sản xuất sợi tại Việt Nam** / ThS. Nguyễn Thị Hồng Sương// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 684 tháng 07 .- Tr. 100-102.

**Nội dung**: Đánh giá thực trạng và đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện quá trình lập dự toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp sợ Việt Nam.

**Từ khoá**: Dự toán, Doanh thu, Chi phí

**31. Luật Kiểm toán Nhà nước 2015 : những vấn đề đặt ra và những sửa đổi, bổ sung**/ PGS.TS. Đặng Văn Thanh// Kế toán & Kiểm toán.- 2018 .- Số175 tháng 04 .- Tr. 5-7.

**Nội dung**: Trình bày những vấn đề đặt ra và những sửa đổi, bổ sung của luật Kiểm toán Nhà nước 2015.

**Từ khoá**: Luật Kiểm toán, Kiểm toán Nhà nước 2015

**32. Mô hình nghiên cứu ảnh hưởng của kiểm soát nội bộ đến hiệu quả tài chính của doanh nghiệp tại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Lê Hà, Trần Thị Ánh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 518 tháng 06 .- Tr. 80-81.

**Nội dung**: Bài viết đề xuất mô hình nghiên cứu ảnh hưởng của kiểm soát nội bộ đến hiệu quả tài chính của doanh nghiệp tại Việt Nam và sử dụng 5 yếu tố cơ bản gồm môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, hoạt động kiểm soát, thông tin và truyền thông và giám sát để đo lường kiểm soát nội bộ.

**Từ khoá**: Kiểm soát nội bộ, Hiệu quả tài chính, Doanh nghiệp tại Việt Nam

**33. Mối liên kết giữa kế toán - thuế và một số bàn luận**/ PGS.TS. Nguyễn Công Phương, PGA.TS. Ngô Hà Tấn, NCS. Trương Thúy Vân// Kế toán & kiểm toán .- 2018 .- Số 176 tháng 05 .- Tr. 9-11,25.

**Nội dung**: Trình bày ảnh hưởng của phát triển kinh tế đến mối liên hệ giữa kế toán và thuế; Một số bàn luận về mối liên kết giữa kế toán - thuế ở nước ta.

**Từ khoá**: Kế toán - thuế

**34. Một số điểm mới về kế toán phải trả cho người lao động tại đơn vị hành chính sự nghiệp**/ ThS. Đặng Thị Thùy Giang// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 682 tháng 06 .- Tr. 96-98.

**Nội dung**: Trình bày nguyên tắc kế toán đối với tài khoản phải trả cho người lao động tại đơn vị hành chính sự nghiệp theo quy định hiện hành và đề xuất một số kiến nghị trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Chế độ kế toán, tài khoản kế toán, hành chính sự nghiệp, người lao động

**35. Mức độ hài hòa giữa chuẩn mực kế toán Việt Nam và chuẩn mực kế toán quốc tế**/ TS.Phạm Xuân Thành, ThS. Trần Việt Hùng, ThS. Lê Thanh Hoài, ThS. Lê Thành Trung, ThS. Phạm Ngọc Châu, Nguyễn Hoài Thiêm//Tài chính - Kỳ 2.- 2018 .- Số 681 tháng 05 .- Tr. 70-73.

**Nội dung**: Thực trạng về mức độ hài hòa giữa chuẩn mực kế toán Việt Nma và chuẩn mực kế toán quốc tế; Kết luận và kiến nghị.

**Từ khoá**: Chuẩn mực kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, VAS, IAS

**36. Nâng cao công tác đào tạo đạo đức nghề nghiệp kế toán tại các cơ sở đào tạo** / Lê Đoàn Minh Đức, Thái Thị Cẩm Giang// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 518 tháng 06 .- Tr. 32-34.

**Nội dung**: Nghiên cứu các nhân tố tác động đến đào tạo đạo đức nghề nghiệp kế toán là tính ích kỷ, tính vị lợi, tôn giáo, đạo lý. Từ đó, đưa ra hàm ý một vài chính sách để nâng cao công tác đào tạo đạo đức nghề nghiệp kế toán tại các cơ sở đào tạo.

**Từ khoá**: Kế toán, Đạo đức nghề nghiệp

**37. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới chuyển giá trong các doanh nghiệp ở Việt Nma hiện nay**/ PGS.TS. Nguyễn Hữu Ánh, TS. Nguyễn Thanh Hiếu, ThS.NCS. Trần Quang Chung// Kế toán & Kiểm toán .- 2018 .- Số 177 tháng 6 .- Tr. 12-14.

**Nội dung**: Cơ sở lý thuyết và xây dựng giả thuyết nghiên cứu; Thiết kế; Kết quả nghiên cứu thực nghiệm mô hình các nhân tố ảnh hưởng tới chuyển giá tại ác doanh nghiệp ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Chuyển giá, Hoạt động chuyển giá, Nhân tố ảnh hưởng

**38. Nhận diện cách thức thao túng số liệu báo cáo tài chính**/ ThS. Nguyễn Thanh Tùng// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 682 tháng 06 .- Tr. 76-78.

**Nội dung**: Trình bày vai trò, mục tiêu của báo cáo tài chính, động lực thao túng báo cáo tài chính, một vài cách thức thao túng số liệu trên báo cáo tài chính.

**Từ khoá**: Báo cáo tài chính, doanh nghiệp, kế toán, kinh doanh, nhà quản trị

**39. Nhu cầu và mức độ đáp ứng nhu cầu thông tin kế toán quản trị chí phí tại các khách sạn Mường Thanh** / ThS. Đặng Lan Anh//Tài chính - Kỳ 2.- 2018 .- Số 681 tháng 05 .- Tr. 77-80.

**Nội dung**: Đánh giá về nhu cầu và mức độ đáp ứng nhu cầu thông tin kế toán quản trị chi phí của các nhà quản trị tại các đơn vị này.

**Từ khoá**: Thông tin kế toán quản trị, Quản trị chi phí, Khách sạn, Doanh nghiệp

**40. Pháp luật về tiền lương và thực tế áp dụng tại doanh nghiệp**/ NCS. Phạm Thị Liên Ngọc// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 682 tháng 06 .- Tr. 66-68.

**Nội dung**: Mối quan hệ giữa thang lương, bảng lương và tiền lương tối thiểu trong doanh nghiệp; Giải pháp cải thiện tiền lương khu vực doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Ngân sách nhà nước, tiền lương, bảng lương

**41. Phương pháp giá bán lẻ trong xác định giá trị hàng tồn kho**/ TS. Nguyễn Thị KIm Oanh, TS. Nguyễn Thị Diệu Thu// Kế toán & Kiểm toán .- 2018 .- Số 177 tháng 6 .- Tr. 29-30.

**Nội dung**: Giới thiệu cụ thể phương pháp giá bán lẻ trên cơ sowrt các cách xác định khác nhau của tỷ lệ lợi nhuận biên hay còn gọi là tỷ lệ lợi nhuận gộp, bao gồm phương pháp tỷ lệ ước lượng và phương pháp tỷ lệ thực tế.

**Từ khoá**: Phương pháp giá bán lẻ, giá trị hàng tồn kho

**42. Sự hòa hợp của chuẩn mực kế toán : vận dụng hệ số Modified Jaccard trong hàng tồn kho**/ TS. Nguyễn Anh Hiền// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 684 tháng 07 .- Tr. 106-109.

**Nội dung**: Nghien cứu sử dụng hệ số Jaccard điều chỉnh nhằm xem xét, đánh giá mức độ hoàn hợp của chuẩn mực kế toán về hàng tồn kho của Việt nam và quốc tế. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mức độ hòa hợp giữa kế toán VN và quốc tế về hàng tồn kho đạt mức 80,5%.

**Từ khoá**: Chuẩn mực kế toán, Hàng tồn kho, Hệ số Jaccard điều chỉnh

**43. Sự tuân thủ chuẩn mực kiểm toán Việt Nam trong quy trình đánh giá rủi ro trong kiểm toán báo cáo tài chính : thực trạng và giải pháp**/ PGS.TS. Mai Thị Hoàng Minh, Vũ Kiến Phúc, ThS. Nguyễn Thị Thanh Tâm// Kế toán & Kiểm toán .- 2018 .- Số 177 tháng 6 .- Tr. 9-11.

**Nội dung**: Trình bày thực trạng tuân thủ chuẩn mực kiểm toán Việt Nam trong quy trình đánh giá rủi ro trong kiểm toán báo cáo tài chính trong thời gian qua, từ đó đề xuất một số giải pháp, nhằm nâng cao mức độ tuân thủ CMKT của kiểm toán viên và công ty kiểm toán.

**Từ khoá**: Chuẩn mực kiểm toán, kiểm toán, báo cáo tài chính, tuân thủ

**44. Thúc đẩy ứng dụng kế toán xanh ở Việt Nam**/ ThS. Nguyễn Thị Hải Vân// Tài chính - Kỳ 1.- 2018 .- Số 680 tháng 05 .- Tr. 71-73.

**Nội dung**: Khái quát về kế toán xanh; Các nghiên cứu liên quan đến kế toán xanh; Việt Nam cần phát triển kế toán xanh.

**Từ khoá**: Kế toán xanh, Kế toán môi trường, Tăng trưởng kinh tế

**45. Thực hiện hóa đơn điện tử nâng cao hiệu quả công tác kế toán doanh nghiệp** / PGS.TS. Mai Ngọc Anh// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 684 tháng 07 .- Tr. 45-47.

**Nội dung**: Phân tích tình hình và những lợi ích của hóa đơn điện tử đối với doanh nghiệp, đưa ra một số khuyến nghị tăng cường sử dụng hóa đơn điện tử trong doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Hóa đơn điện tử, Công tác kế toán, Doanh nghiệp, Công nghệ thông tin

**46. Tiếp cận kiểm toán nội bộ theo thông lệ quốc** tế / ThS. Nguyễn Thị Tuân// Tài chính - Kỳ 1.- 2018 .- Số 680 tháng 05 .- Tr. 64-67.

**Nội dung:** Thông lệ quốc tế và xu hướng mới về kiểm toán nội bộ; Một số xu hướng hiện đại về kiểm toán nội bộ; Vài nét về kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp Việt Nam; Để kiểm toán nội bộ của Việt Nam tiệm cận thông lệ quốc tế.

**Từ khoá**: Kiểm toán nội bộ, Thông lệ quốc tế, Chuẩn mực kiểm toán nội bộ

**47. Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp theo quy định của Luật kế toán 2015**/ ThS. NCS. Đào Ngọc Hà// Tài chính - Kỳ 1.- 2018 .- Số 680 tháng 05 .- Tr. 80-82.

**Nội dung**: Trình bày những nguyên tắc cơ bản trong tổ chức bộ máy kế toán.

**Từ khoá:** Công tác kế toán, Kế toán doanh nghiệp, Thông tin

**48. Tổ chức công tác kế toán trách nhiệm trong các công ty khai thác, chế biến và kinh doanh đá xây dựng ở tỉnh Bình Dương**/ Nguyễn Thị Đức Loan// Kế toán & Kiểm toán .- 2018 .- Số 177 tháng 6 .- Tr. 37-40.

**Nội dung**: Trình bày những vấn đề cơ bản về kế toán trách nhiệm; Vai trò của kế toán trách nhiệm; Nội dung cấu thành kế toán trách nhiệm; Vận dụng kế toán trách nhiệm vào trong các doanh nghiệp khai thác, chế biến và kinh doanh đá xây dựng ở tỉnh Bình Dương.

**Từ khoá**: Kế toán trách nhiệm, Khai thác đá, Quản lý

**49. Tổ chức hệ thống phân tích thông tin phục vụ quản trị chi phí trong các doanh nghiệp thuộc Tổng công ty Sông Đà**/ Hoàng Thị Huyền// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 518 tháng 06 .- Tr. 46-48.

Thực trạng tổ chức hệ thống phân tích thông tin phục vụ quản trị chi phí trong các doanh nghiệp thuộc Tổng công ty Sông Đà; Hoàn thiện tổ chức hệ thống phân tích thông tin phục vụ quản trị chi phí trong các doanh nghiệp thuộc Tổng công ty Sông Đà.

**Từ khoá:** Tổ chức hệ thống phân tích thông tin, Quản trị chi phí, Doanh nghiệp thuộc Tổng công ty Sông Đà

**50. Trách nhiệm của kiểm toán độc lập và gian lận ở ViệtNam**/ TS. Nguyễn Thị Mai Phương// Kế toán & kiểm toán .- 2018 .- Số 176 tháng 05 .- Tr. 29-32,35.

**Nội dung:** Áp dụng phân tích định tính và tập trung vào phương pháp so sánh, bằng cách trình bày sự tương đồng giữa kiểm toán độc lập và gian lận; trao đổi một số kết luận cũng như giải pháp, nhằm giải thích các tình huống, cũng như giới hạn và đặc điểm của kiểm toán độc lập đối với việc nhận diện gian lận trên báo cáo tài chính.

**Từ khoá**: Kiểm toán viên độc lập, Gian lận

**51. Ứng dụng vòng tròn quản lý chất lượng trong kế toán quản trị tại doanh nghiệp công nghiệp**/ Nguyễn Thị Tô Phượng//Tài chính - Kỳ 2.- 2018 .- Số 681 tháng 05 .- Tr. 74-76.

**Nội dung**: Cơ sở nghiên cứu vòng tròn quản lý chất lượng; Ứng dụng vòng tròn quản lý chất lượng trong công tác kế toán quản trị; Giải pháp đẩy nhanh ứng dụng PDCA trong công tác kế toán quản trị tại doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Vòng tròn quản lý chất lượng, Kế toán quản trị, Doanh nghiệp, Công nghiệp

**52. Vai trò của kiểm toán Nhà nước Việt Nam trong cộng đồng ASOSAI**// Kiểm toán.- 2018 .- Số 72 tháng 06 .- Tr. 18-20.

**Nội dung**: Kiểm toán nhà nước chủ động hội nhập và năng cao vị thế trong cộng đồng ASOSAI; Đóng góp của KTNN đối với cộng đồng ASOSAI.

**Từ khoá**: ASOSAI, Kiểm toán Nhà nước

**53. Vận dụng nguyên tắc giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính ở Việt Nam**/ ThS. Ngô Thị Quỳnh Nhung// Tài chính - Kỳ 1.- 2018 .- Số 680 tháng 05 .- Tr. 61-63.

**Nội dung**: Quan điểm và cơ sở pháp lý về giá trị hợp lý; Thực tiễn vận dụng nguyên tắc giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính ở Việt Nam; Những yêu cầu đặt ra khi vận dụng giá trị hợp lý ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Báo cáo tài chính, Kế toán tài chính, Định giá, Giá gốc

**54. Về sự hình thành và phát triển của kế toán quản trị ở Việt Nam**/ NCS. ThS. Nguyễn Văn Hải, PGS.TS. Vũ Mạnh Chiến// Kế toán & Kiểm toán .- 2018 .- Số 177 tháng 6 .- Tr. 41-44.

**Nội dung**: Tổng quan lại quá trình hình thành và phát triển của Kế toán quản trị ở Việt Nam. Từ đó, đã đưa ra kết luận về các giai đoạn phát triển của Kế toán quản trị ở VN.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị, Kế toán quản trị chi phí

**55. Về vai trò của hệ thống thông tin kế toán quản trị trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam**/ ThS. Vũ Thị Thu Phương// Kế toán & kiểm toán .- 2018 .- Số 176 tháng 05 .- Tr. 50-51,56.

**Nội dung**: Trình bày hệ thống thông tin kế toán quản trị chi phí; Thực trạng hệ thống thông tin kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam; các nhân tố ảnh hưởng tới việc tạo lập hệ thống thông tin kế toán quản trị trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Hệ thống thông tin kế toán quản trị, Doanh nghiệp nhỏ và vừa

**56. Xác định chi phí liên quan và chi phí không liên quan trong thẩm định dự án kinh doanh**/ ThS. Nguyễn Thị Thanh Thắm//Tài chính - Kỳ 2.- 2018 .- Số 681 tháng 05 .- Tr. 93-95.

**Nội dung**: Tóm lược phương pháp xác định chi phí liên quan trong thẩm định dự án kinh doanh và vận dụng chi phí liên quan này váo đánh giá dự án kinh doanh, dự án đầu tư, từ đó giúp nhà quản trị có cách nhìn nhận giữa các phương án trên góc độ kế toán quản trị và đưa ra quyết định phù hợp.

**Từ khoá**: Chi phí liên quan, Chí phí không liên quan, Quyết định đầu tư, Thẩm định dự án, Kế toán quản trị

**57. Xác định quy mô tính trọng yếu trong kiểm toán báo cáo tài chính**/ ThS. Nguyễn Thị Nên, ThS. Lê Thị Quyên// Tài chính - Kỳ 1.- 2018 .- Số 680 tháng 05 .- Tr. 74-76.

**Nội dung**: Phân tích về tính trọng yếu trên cơ sở xem xét trên cả mặt định tính và định lượng, từ đó xác định quy mô tính trọng yếu tương ứng với một số phương pháp xác định cụ thể.

**Từ khoá**: Kiểm toán, Báo cáo tài chính, Công ty kiểm toán, Trọng yếu

**58. Xây dựng cấu trúc kiểm soát nội bộ hiệu quả ở các đơn vị thuộc khu vực hành chính sự nghiệp**/ ThS. Nguyễn Thị Hoàng Lan, ThS. Lâm Thị Trúc Linh// Kế toán & kiểm toán .- 2018 .- Số 176 tháng 05 .- Tr. 47-49

**Nội dung**: Xây dựng cấu trúc kiểm soát nội bộ hiệu quả ở các đơn vị thuộc khu vực công theo hướng dẫn của tổ chức quốc tế các cơ quan kiểm toán tối cao; Xây dựng cấu trúc kiểm soát nội bộ hiệu quả ở các đơn vị thuộc khu vực hành chính sự nghiệp hiện nay.

**Từ khoá**: Cấu trúc kiểm soát nội bộ, Hành chính sự nghiệp

**59. Xây dựng mô hình kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp xây lắp Việt Nam**/ ThS. Đinh Thị Thùy Liên// Tài chính - Kỳ 1.- 2018 .- Số 680 tháng 05 .- Tr. 83-85.

**Nội dung**: Thực trạng áp dụng mô hình kế toán quản trị chi phí tại các doanh nghiệp xây lắp, từ đó đưa ra một số khuyến nghị nhằm xây dựng và vận hành mô hình kế toán quản trị chi phí phù hợp, hiệu quả trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị, Mô hình kế toán, Kế toán quản trị chi phí

**QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**1. Ảnh hưởng của chất lượng mối quan hệ đến đổi mới mô hình kinh doanh của các doanh nghiệp khởi nghiệp tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**/ Nguyễn Quang Thu, Ngô Quang Huân, Trần Nha Ghi// Kinh tế và Phát triển .- 2018 .- Số 253 tháng 7 .- Tr. 59-69.

**Nội dung**: Nghiên cứu này xem xét mối quan hệ giữa chất lượng mối quan hệ và các thành phần của đổi mới mô hình kinh doanh của các doanh nghiệp khởi nghiệp tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Chất lượng mối quan hệ được xem xét giữa doanh nghiệp khởi nghiệp và tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp tại địa phương. Bằng phương pháp nghiên cứu định lượng, nghiên cứu đã sử dụng mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM) với mẫu khảo sát 425 chủ doanh nghiệp khởi nghiệp. Kết quả nghiên cứu cho thấy chất lượng mối quan hệ tác động dương đến các thành phần của đổi mới mô hình kinh doanh. Cuối cùng, nghiên cứu đã kết luận và đưa ra hàm ý quản trị cho các doanh nghiệp khởi nghiệp và hướng nghiên cứu cứu tiếp theo.

**Từ khoá**: Chất lượng mối quan hệ, đổi mới mô hình kinh doanh

**2. Ảnh hưởng của chính sách quản trị tài chính đến giá trị doanh nghiệp niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**/ Hoàng Việt Huy// Kinh tế và Phát triển .- 2018 .- Số 253 tháng 7 .- Tr. 91-101.

**Nội dung**: Mối quan hệ giữa giá trị doanh nghiệp và các chính sách quản trị tài chính của doanh nghiệp ngày càng nhận được sự quan tâm từ phía các nhà nghiên cứu và đầu tư. Nghiên cứu này kế thừa một số kết quả nghiên cứu của Masulis (1983), Fama & French (1998), Đặng Ngọc Hùng (2015)... Sử dụng phương pháp hồi quy OLS hiệu ứng cố định, nghiên cứu được tiến hành nhằm xem xét tác động của một số chính sách quản trị tài chính lên giá trị doanh nghiệp niêm yết trên Sàn Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn 2005-2014. Kết quả nghiên cứu chỉ ra tác động hiện hữu của các chính sách quản trị tài chính tới giá trị doanh nghiệp trong mẫu nghiên cứu. Từ đó, một số đề xuất về chính sách quản trị tài chính được đưa ra, bao gồm: nâng cao hiệu quả quản trị tài sản lưu động, điều chỉnh hợp lý tỷ lệ chi trả cổ tức, xác định cơ cấu vốn phù hợp và sử dụng phương pháp kế toán dồn tích hợp lý và có trách nhiệm.

**Từ khoá**: Chính sách quản trị tài chính, giá trị doanh nghiệp, kế toán dồn tích

**3. Ảnh hưởng của chứng nhận tiêu chuẩn đến kết quả hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam**/ Nguyễn Khắc Hiếu, Nguyễn Thị Anh Vân// Kinh tế & Phát triển .- 2018 .- Số 254 tháng 08 .- Tr. 50-60.

**Nội dung**: Bài viết này nghiên cứu ảnh hưởng của chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng quốc tế và chứng nhận tiêu chuẩn môi trường đến kết quả hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam. Phương pháp hồi quy OLS được sử dụng với dữ liệu được thu thập từ hai cuộc điều tra doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam vào năm 2013 và 2015 với 2097 quan sát. Kết quả ước lượng cho thấy, chứng nhận chất lượng quốc tế có ảnh hưởng tích cực đến suất sinh lời trên tài sản (ROA) và suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) của doanh nghiệp. Tuy nhiên, chứng nhận tiêu chuẩn môi trường không có ảnh hưởng đến ROA và ROE của doanh nghiệp. Từ kết quả nghiên cứu, một số hàm ý chính sách được đề xuất nhằm nâng cao kết quả hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng quốc tế, chứng nhận tiêu chuẩn môi trường, kết quả hoạt động, doanh nghiệp nhỏ và vừa

**4. Ảnh hưởng của môi trường pháp lý đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp thức ăn chăn nuôi tại Việt Nam**/ ThS. Nguyễn Thành Trung// Kế toán & Kiểm toán .- 2018 .- Số 177 tháng 6 .- Tr.r. 45-49.

**Nội dung**: Trình bày, phân tích và đo lường mức độ ảnh hưởng của môi trường pháp lý đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp thức ăn chăn nuôi tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Hiệu quả hoạt động kinh doanh, Môi trường pháp lý, Doanh nghiệp

**5. Ảnh hưởng của phong cách lãnh đạo chuyển đổi và phong cách lãnh đạo chia sẻ lên hành vi chia sẻ kiến thức trong nhóm**/ Trần Thị Bích Hạnh, Vũ Anh Dũng, Phạm Thị Liên// Kinh tế & Phát triển .- 2018 .- Số 254 tháng 08 .- Tr. 90-98.

**Nội dung**: Nghiên cứu tập trung tìm hiểu ảnh hưởng của phong cách lãnh đạo chuyển đổi và phong cách lãnh đạo chia sẻ tới hành vi chia sẻ kiến thức trong nhóm, đồng thời đánh giá vai trò trung gian của sự quyết tâm theo đuổi mục tiêu nhóm trong mối quan hệ này. Số liệu thu thập từ 197 nhân viên của 8 công ty tại Việt Nam cho thấy cả phong cách lãnh đạo chuyển đổi và phong cách lãnh đạo chia sẻ đều có ảnh hưởng quan trọng lên hành vi chia sẻ kiến thức trong nhóm. Tuy nhiên, phong cách lãnh đạo chia sẻ có hệ số ảnh hưởng lớn hơn phong cách lãnh đạo chuyển đổi. Ngoài ra, sự quyết tâm theo đuổi mục tiêu nhóm đóng vai trò trung gian quan trọng trong ảnh hưởng của hai phong cách lãnh đạo lên hành vi chia sẻ kiến thức trong nhóm. Kết quả nghiên cứu có đóng góp vào cơ sở lý thuyết về lãnh đạo và có giá trị đối với các nhóm làm việc trong các doanh nghiệp tại Việt Nam nói riêng và các nước trong khu vực nói chung.

**Từ khoá**: Phong cách lãnh đạo chia sẻ, hành vi chia sẻ kiến thức trong nhóm, quyết tâm theo đuổi mục tiêu nhóm, phong cách lãnh đạo chuyển đổi.

**6. Ảnh hưởng của sự sáng tạo của nhân viên đến khả năng đổi mới tổ chức của các ngân hàng thương mại có vốn nhà nước tại Hà Nội**/ Nhâm Phong Tuân// Nghiên cứu Kinh tế .- 2018 .- Số 4(479) tháng 04 .- Tr.24-32.

**Nội dung**: Tìm ra ảnh hưởng giữa mức độ phức tạp của công việc và mối quan hệ với người quản lý đổi mới với tính nhà sáng tạo của nhân viên cũng như vai trò của khả năng sáng tạo của nhân viên đối với sự đổi mới của các ngân hàng thương mại có vốn nhà nước tại Hà Nội. Ngoài ra, bài viết cũng chỉ ra mối quan hệ tích cực giữa tính sáng tạo của nhân viên với khả năng đổi mới tổ chức.

**Từ khoá**: Sáng tạo của nhân viên, Mức độ phức tạp công việc, Mối quan hệ với người quản lý, Đổi mới tổ chức, Ngân hàng thương mại vốn nhà nước

**7. Ảnh hưởng của văn hóa tổ chức tới sự gắn kết với công việc của nhân viên trong doanh nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn Hà Nội**/ Nguyễn Thị Thanh Phương, Vũ Thị Thu Hòa// Kinh tế & phát triển.- 2018 .- Số 252 tháng 06 .- Tr. 79-89.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm mục đích khám phá mối quan hệ giữa văn hóa tổ chức và sự gắn kết với công việc của nhân viên trong các doanh nghiệp công nghệ thông tin tại Hà Nội. Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính và định lượng với các kỹ thuật kiểm định như phân tích độ tin cậy thang đo, phân tích nhân tố khám phá, phân tích tương quan và phân tích hồi quy. Kết quả cho thấy ba giá trị văn hóa tổ chức có ảnh hưởng đến sự gắn kết với công việc của nhân viên, gồm: (1) Làm việc nhóm, (2) Khen thường và công nhận, (3) Đổi mới và chấp nhận rủi ro. Với mẫu khảo sát 130 nhân viên đang làm việc trong 13 doanh nghiệp công nghệ thông tin tại Hà Nội, kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng nhân tố làm việc nhóm có ảnh hưởng mạnh nhất đến sự gắn kết với công việc. Nhân tố có ít ảnh hưởng nhất là khen thưởng và công nhận. Dựa trên kết quả này, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao mức độ gắn kết với công việc của nhân viên.

**Từ khoá**: Văn hóa tổ chức, công nghệ thông tin, sự gắn kết với công việc

**8. Bàn về hoạt động khởi nghiệp ở Việt Nam**/ TS.Nguyễn Thị Thu Hà// Tài chính - Kỳ 2.- 2018 .- Số 681 tháng 05 .- Tr. 15-17.

**Nội dung**: Đánh giá tình hình khởi nghiệp và giáo dục khởi nghiệp tại Việt Nam thời gian qua, bài viết giúp các nhà cái cách, các nhà giáo dục và các nhà quản lý có thêm cách nhìn mới đúng hơn về bản chất của hoạt động khởi nghiệp và sự cần thiết của việc đào tạo kiến thức về khởi nghiệp trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Khởi nghiệp, Doanh nghiệp, Kinh tế, Giáo dục khởi nghiệp

**9. Các giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý đầu tư phát triển đô thị xanh ở Hà Nội**/ Lê Minh Thoa// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 518 tháng 06 .- Tr. 77-79.

**Nội dung**: Thực trạng quản lý đầu tư phát triển đô thị xanh ở Hà Nội;Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác đầu tư phát triển đô thị xanh ở Hà Nội.

**Từ khoá:** Quản lý đầu tư phát triển đô thị xanh, Hà Nội

**10. Các mô hình quản trị tập đoàn kinh tế trên thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam**/ Tham Kim Huệ// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 518 tháng 06 .- Tr. 26-28.

**Nội dung**: Khái niệm về quản trị tập đoàn kinh tế; các mô hình quản trị tập đoàn kinh tế; Kinh nghiệm cho mô hình quản trị tập đoàn kinh tế Việt Nam.

**Từ khoá**: Mô hình quản trị tập đoàn kinh tế, Thế giới, Kinh nghiệm, Việt Nam

**11. Các nhân tố ảnh hưởng đến lòng trung thành của nhân viên tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á**/ Trần Ánh Phương, Nguyễn Tiến Lợi// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 518 tháng 06 .- Tr. 52-53.

**Nội dung**: Tập trung nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự thỏa mãn trong công việc của nhân viên tại Seabank. Từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm tác động tới lòng trung thành của nhân viên tại Seabank.

**Từ khoá**: Các nhân tố ảnh hưởng, Lòng trung thành, Nhân viên, Ngân hàng thương mại

**12. Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định mua xanh của người tiêu dùng trẻ : nghiên cứu tại các tỉnh Nam Trung Bộ**/ Lê Dzu Nhật, Nguyễn Hoàng Thịnh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 518 tháng 06 .- Tr. 67-69

**Nội dung**: Đo lường các nhân tố ảnh hưởng đến ý định mua xanh của người tiêu dùng trẻ tại các tỉnh Nam Trung Bộ dựa trên cơ sở lý thuyết và mô hình, phương pháp, kết quả nghiên cứu, từ đó đưa ra kết luận về kết quả nghiên cứu.

**Từ khoá**: Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định mua xanh, Người tiêu dùng trẻ, tỉnh Nam Trung Bộ

**13. Các nhân tố tác động đến ý định sử dụng dịch vụ Mobile Banking của khách hàng cá nhân tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định**/ Nguyễn Bá Phước// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 518 tháng 06 .- Tr. 60-62.

**Nội dung**: Tiến hành khảo sát 252 khách hàng cá nhân có sử dụng dịch vụ tại các NHTM trên địa bàn thành phố Quy Nhơn. Kết quả cho thấy có 4 nhân tố: Điều kiện thuận lợi, cảm nhận sự linh hoạt, cảm nhận sự hữu ích và ảnh hưởng xã hội.

**Từ khoá**: Dịch vụ Mobile Banking, Khách hàng cá nhân, Ngân hàng thương mại, Bình Định

**14. Các yếu tố ảnh hưởng đến sử dụng công cụ tài chính phái sinh của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu Việt Nam**/ Nguyễn Thị Thanh Phương, Vũ Thị Thu Hòa// Kinh tế & phát triển.- 2018 .- Số 252 tháng 06 .- Tr. 57-66.

**Nội dung**: Nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến quyết định sử dụng công cụ tài chính phái sinh của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu Việt Nam. Mẫu nghiên cứu gồm 592 doanh nghiệp niêm yết có hoạt động xuất nhập khẩu trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam. Dựa trên kết quả hồi quy, 3 yếu tố tác động thuận chiều đến quyết định sử dụng sử dụng công cụ tài chính phái sinh gồm Hệ số giá ghi sổ trên giá thị trường, Quy mô của doanh nghiệp xuất nhập khẩu, và Đòn bẩy tài chính. Ngược lại, Hệ số thanh toán nhanh, và Tỷ số lợi nhuận trên tài sản (ROA) có ảnh hưởng ngược chiều. Dựa trên kết quả nghiên cứu, một số khuyến nghị được đưa ra nhằm thúc đẩy sử dụng các công cụ tài chính phái sinh đối với các doanh nghiệp xuất nhập khẩu.

**Từ khoá**: Công cụ tài chính phái sinh, phòng ngừa rủi ro, xuất nhập khẩu

**15. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự thỏa mãn các nhà đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**/ Nguyễn Trọng Nghĩa// Kinh tế và Phát triển .- 2018 .- Số 253 tháng 7 .- Tr. 102-110.

**Nội dung**: Nghiên cứu này được thực hiện nhằm kiểm định các yếu tố ảnh hưởng đến sự thỏa mãn của các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào lĩnh vực công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Kết quả của nghiên cứu này chỉ ra rằng có 3 yếu tố chính đó là chi phí đầu vào, thương hiệu của Tỉnh và cơ sở hạ tầng đầu tư tác động đến sự thỏa mãn của các nhà đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực công nghệ cao của Hưng Yên. Nghiên cứu này sẽ giúp ích cho các nhà quản lý, nhà làm chính sách của Tỉnh đưa ra các giải pháp và chính sách phù hợp để thu hút vốn FDI vào lĩnh vực công nghệ cao một cách hiệu quả.

**Từ khoá**: FDI, nhà đầu tư FDI, Hưng Yên, công nghệ cao

**16. Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua hàng theo nhóm trực tuyến : nghiên cứu tại TP. Hồ Chí Minh**/ ThS. Hàng Nhật Quang// Tài chính - Kỳ 1.- 2018 .- Số 680 tháng 05 .- Tr. 106-108.

**Nội dung**: Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu; Phương pháp nghiên cứu; Kết quả nghiên cứu.

**Từ khoá:** Ý định mua hàng, Trực tuyến, Nhận thức

**17. Các yếu tổ ảnh hưởng tới mức độ hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á, chi nhánh Thái Nguyên**/ Ma Thị Hường// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 517 tháng 05 .- Tr.29-30.

**Nội dung**: Trình bày các yếu tổ ảnh hưởng tới mức độ hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ tại Ngân hàng thương mại, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á, chi nhánh Thái Nguyên.

**Từ khoá:** Mức độ hài lòng của khách hàng, Chất lượng dịch vụ, Ngân hàng thương mại

**18. Các yếu tố tác động đến việc áp dụng logistics ngược trong hoạt động kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp ở tỉnh Bình Định**/ Nguyễn Thanh Xuân Vi, Tô Thị Thu Hằng, Hà Thị Mỹ Duyên// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 517 tháng 05 .- Tr. 80-82.

**Nội dung**: Bài báo nghiên cứu tác động của 4 yếu tổ: chi phí, chính phủ, nguồn lực và các bên liên quan đến việc áp dụng logistics ngược trong hoạt động kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp ở tỉnh Bình Định.

**Từ khoá**: Logistics ngược, Hoạt động kinh doanh quốc tế, Doanh nghiệp, Bình Định

**19. Chất lượng nguồn nhân lực khu công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh: Thực trạng và giải pháp**/ PGS. TS. Lưu Ngọc Trịnh, ThS. Trần Thị Huyền Thanh// Châu Mỹ ngày nay .- 2018 .- Số 04 (241) .- Tr. 52-64.

**Nội dung**: Trình bày thực trạng và đánh giá nguồn nhân lực khu công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh. Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực KCN thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030.

**Từ khóa**: Nguồn nhân lực, khu công nghiệp, thành phố Hồ Chí Minh

**20. Chiến lược marketing của Unilever tại thị trường Việt Nam**/ Lê Thị Ánh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 519 tháng 06 .- Tr. 26-27.

**Nội dung**: Những điểm nhấn trong chiến lượcphát triển của Unilever; Những chiến lược marketing.

**Từ khoá**: Chiến lược marketing, Unilever, Việt Nam

**21. Chính sách cổ tức và những tác động đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp bất động sản**/ ThS. Bùi Nguyên Kha, ThS. Phan Thị Nhã Trúc// Tài chính - Kỳ 1.- 2018 .- Số 680 tháng 05 .- Tr. 97-99.

**Nội dung**: Chính sách cổ tức trong doanh nghiệp; Phương pháp nghiên cứu; Kết quả nghiên cứu; Thảo luận kết quả nghiên cứu.

**Từ khoá**: Chính sách cổ tức, Hiệu quả hoạt động kinh doanh, Tăng trưởng doanh thu

**22. Chính sách đảm bảo an ninh lương thực của một số quốc gia và gợi ý cho Việt Nam**/ ThS. Lê Anh Thực// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 682 tháng 06 .- Tr. 86-89.

**Nội dung**: Trình bày quan điểm và chính sách an ninh lượng thực của Trung Quốc và gợi ý chính sách cho Việt Nam.

**Từ khoá**: Anh ninh lương thực, nông nghiệp, biến đổi khí hậu, biến đổi môi trường

**23. Chính sách phát triển nhân lực khoa học và công nghệ của Hàn Quốc trong giai đoạn 1980-1996 và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam**/ TS. Phạm Tuấn Anh, ThS. Phạm Mạnh Hùng// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2018 .- Số 8 (210) .- Tr. 30-40.

**Nội dung**: Nghiên cứu chính sách phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ của Hàn Quốc trong giai đoạn 1980-1996. Trên cơ sở đó, rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam về chính sách phát triển nhân lực khoa học và công nghệ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.

**Từ khóa**: Hàn Quốc, khoa học và công nghệ, chính sách nhân lực.

**24. Chính sách tài chính đặc thù cho phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp**/ TS. Nguyễn Viết Lợi// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 684 tháng 07 .- Tr. 13-16.

**Nội dung**: Đánh giá tầm quan trọng của việc áp dụng các chính sách thuế, tài chính đặc thù đối với hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo và đề xuất một số giải pháp tài chính có tính chất đặc thù nhằm xây dựng một hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và tăng trưởng kinh tế của quốc gia.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp khởi nghiệp, Hệ sinh thái, Tài chính đặc thù, Đổi mới, Sáng tạo

**25. Cụ thể hóa các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa**/ Nguyễn Văn Thịnh// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 684 tháng 07 .- Tr. 17-20.

**Nội dung**: Để khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển bền vững, nhiều chính sách của Đảng, Chính phủ đã thể hiện quyết tâm mạnh mẽ xóa bỏ những rào cản, cụ thể hóa nhiều giải pháp hỗ trợ, nổi bật là Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa với Nghị định số 39/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Những chính sách này được đánh giá là bước tiến quan trọng việc cụ thể hóa các giải pháp hỗ trợ đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nền kinh tế, Ngân sách nhà nước, Cơ chế tài chính

**26. Đánh giá công tác duy trì và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm dệt may Nam Định: hạn chế và nguyên nhân**/ Phạm Vũ Tuân// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 519 tháng 06 .- Tr. 31-32.

**Nội dung**: Thị trường tiêu thụ của các doanh sản phẩm dệt may Nam Định; Đánh giá công tác duy trì và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm dệt may Nam Định; Một số nguyên nhân của những hạn chế tại các doanh nghiệp dệt may tỉnh Nam Định.

**Từ khoá:** Thị trường tiêu thụ sản phẩm

**27. Đánh giá sự trung thành của khách hàng đối với sản phẩm điện thoại thông minh**/ TS. Nguyễn Bình Minh, ThS. Đặng Văn Tùng, Vũ Thế Hoàng// Tài chính - Kỳ 2.- 2018 .- Số 681 tháng 05 .- Tr. 108-110.

**Nội dung**: Trình bày các nhân tố như sự hài lòng của khách hàng, chất lượng dịch vụ, rào cản thay đổi và nhận biết thương hiệu … đều có tác động đến lòng trung thành của khách hàng đối với sản phẩm điện thoại thông minh.

**Từ khoá:** Điện thoại thông minh, Iphone, Khách Hàng, Di động

**28. Đề xuất giải pháp phát triển nguồn nhân lực quản lý ngành xuất bản Việt Nam trong xu thế hội nhập**/ Hoàng Xuân Vinh// Nghiên cứu Kinh tế .- 2018 .- Số 480 tháng 05 .- Tr. 46-54.

**Nội dung**: Trình bày bối cảnh trong nước và quốc tế ảnh hưởng đến quá trình phát triển ngành xuất bản; Quan điểm của Đảng và Nhà nước phát triển ngành xuất bản; Vấn đề phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành xuất bản; Đề xuất giải pháp phát triển nguồn nhân lực quản lý.

**Từ khoá**: Nhân lực quản lý, Kinh tế tri thức, Ngành xuất bản

**29. Đo lường tác động của lan toả công nghệ, phân phối lại và cạnh tranh đến năng suất các doanh nghiệp ngành chế tác Việt Nam**/ Phùng Mai Lan, Nguyễn Khắc Minh// Kinh tế & Phát triển .- 2018 .- Số 254 tháng 08 .- Tr. 40-49.

**Nội dung**: Mục tiêu của nghiên cứu này tập trung đo lường hiệu ứng cạnh tranh từ các doanh nghiệp công nghệ cao và từ các doanh nghiệp thị phần tăng trong quá trình phân phối lại. Nghiên cứu này được cải biên từ phân rã năng suất tĩnh và động của Olley-Pakes. Áp dụng vào ngành chế tác Việt Nam giai đoạn 2012-2016, nghiên cứu đã chỉ ra hiệu ứng cạnh tranh trong quá trình phân phối lại đóng vai trò quan trọng nhất trong khi sự rút lui của các doanh nghiệp gây thiệt hại nhất tới tăng trưởng năng suất gộp của ngành. Tác động lan tỏa từ các doanh nghiệp có công nghệ cao mạnh hơn là từ các doanh nghiệp có thị phần tăng. Và khả năng học hỏi và đổi mới công nghệ trong nội bộ các doanh nghiệp chế tác Việt Nam còn rất hạn chế.

**Từ khoá**: Ngành chế tác, phân rã năng suất, quá trình phân bổ lại, lan tỏa công nghệ

**30. Đổi mới cơ chế quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập**/ Nguyễn Châu Hùng Tính// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 518 tháng 06 .- Tr. 82-84.

**Nội dung:** Sự cần thiết phải đổi mới cơ chế quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập; Quan điểm đổi mới cơ chế quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập; Nguyên tắc đổi mới cơ chế quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập; Kiển nghị các nhóm giải pháp chủ yếu đổi mới cơ chế quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

**Từ khoá**: Đổi mới cơ chế quản lý nhà nước, Doanh nghiệp sau đăng ký thành lập

**31. Giải pháp hoàn thiện công tác đánh giá thành tích công chức tại Cục thuế Kiên Giang**/ Lưu Thế Duy, TS. Phan Thanh Hải// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 684 tháng 07 .- Tr. 122-124.

**Nội dung**: Phân tích và đánh giá thực trạng công tác đánh giá thành tích công chức tại Cục thuế Kiên Giang và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác đánh giá thành tích công chức tại Cục thuế Kiên Giang.

**Từ khoá**: Đánh giá thành tích, Cán bộ công chức, Kiên Giang

**32. Giải pháp sử dụng nguồn nhân lực nông nghiệp nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Thái Bình**/ Đặng Thị Tố Tâm// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 517 tháng 05 .- Tr.13-15.

**Nội dung**: Đánh giá về sử dụng nguồn nhân lực nông nghiệp nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và giải pháp sử dụng nguồn nhân lực nông nghiệp nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Thái Bình.

**Từ khoá**: Nguồn nhân lực, Nông nghiệp nông thôn, Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Thái Bình

**33. Hành vi lựa chọn khu vực làm việc của lao động trẻ tốt nghiệp giáo dục bậc cao: Kết quả từ một cuộc khảo sát cấp quốc gia ở Việt Nam**/ Bạch Ngọc Thắng// Kinh tế và Phát triển .- 2018 .- Số 253 tháng 7 .- Tr. 50-58.

**Nội dung**: Các nghiên cứu trước đây chủ yếu nhìn nhận khu vực không chính thức là nơi tập trung nhiều lao động có trình độ chuyên môn thấp. Có rất ít các nghiên cứu đề cập đến hành vi lựa chọn khu vực làm việc này của lao động trẻ mới tốt nghiệp giáo dục bậc cao ở Việt Nam. Bằng việc sử dụng bộ số liệu quốc gia điều tra lao động và việc làm trong năm 2015, trong đó có kiểm soát cho những sai lệch trong lựa chọn vốn phổ biến trong nghiên cứu về thị trường lao động, nghiên cứu này cho thấy lao động trẻ tốt nghiệp cao đẳng và đại học có khuynh hướng làm việc ở khu vực không chính thức thấp hơn đáng kể so với nhóm tốt nghiệp trung học phổ thông. Tuy nhiên, khuynh hướng này không phải là do sự phân mảnh trên thị trường lao động do luật lệ hay chi phí gia nhập, mà là do lựa chọn tự do theo lý thuyết nguồn vốn con người của người lao động. Kết quả này đã cũng cấp bằng chứng quan trọng liên quan đến đóng góp của giáo dục bậc cao đến hành vi lựa chọn khu vực làm việc của lao động trẻ ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Giáo dục bậc cao, kết quả trên thị trường lao động, sai lệch trong lựa chọn, lao động trẻ, Việt Nam

**34. Hiệp định CPTPP và những cơ hội, thách thức với Việt Nam**/ TS. Nguyễn Thị Việt Nga// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 682 tháng 06 .- Tr. 51-54.

**Nội dung**: Phân tích, tổng hợp những cơ hội và thách thức của Hiệp định đặt ra đối với Việt Nam nói chung và cộng đồng doanh nghiệp nói riêng và đề xuất những khuyến nghị để thích ứng, cạnh tranh thành công trong môi trường mới …

**Từ khoá**: Hiệp định CPTPP, hội nhập, tăng trưởng, thương mại, xuất khẩu

**35. Hiệu quả sản xuất lương thực ở Việt Nam qua phương pháp bao dữ liệu với các ràng buộc ngầu nhiên**/ ThS. Đào Hoàng Dũng// Tài chính - Kỳ 1.- 2018 .- Số 680 tháng 05 .- Tr. 90-93.

**Nội dung**: Đánh giá hiệu quả kỹ thuật sản xuất lương thực của Việt Nam và đưa ra một số khuyến nghị.

**Từ khoá:** Sản xuất lương thực, Hiệu quả kỹ thuật sản xuất lương thực

**36. Hiệu quả thu thuế của cục thuế Thừa Thiên Huế thông qua độ nổi và tính bền vững của thuế/** Phạm Hồng Quyên, Lê Hoàng Anh// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 682 tháng 06 .- Tr. 99-101.

**Nội dung**: Trình bày mối quan hệ giữa GDP và mức động viên thuế, phương pháp, hiệu quả thu thế thông qua độ nổi của thuế, kết luận.

**Từ khoá:** Doanh thu thế, độ nổi thuế, tính bền vững, GDP, hiệu quả thu thuế

**37. Hoàn thiện công tác quản lý đầu tư bằng vốn ngân sách tỉnh Trà Vinh**/ Nguyễn Châu Hùng Tính// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 518 tháng 06 .- Tr. 82-84.

**Nội dung**: Trình bày thực trạng công tác quản lý đầu tư bằng vốn ngân sách tỉnh trà Vinh trong những năm qua, qua đó rút ra những mặt thành công, hạn chế và nguyên nhân. Từ đó đề xuất những giải pháp hoàn thiện công tác quản lý đầu tư bằng vốn ngân sách tỉnh Trà Vinh.

**Từ khoá**: Quản lý đầu tư bằng vốn ngân sách, Trà Vinh

**38. Kinh nghiệm phát triển nhà ở xã hội của một số nước và thực tiễn Việt Nam**/ TS. Nguyễn Thị Quỳnh Anh, Trần Ngọc Cương// Tài chính - Kỳ 2.- 2018 .- Số 681 tháng 05 .- Tr. 114-116.

**Nội dung**: Kinh nghiệm phát triển nhà ở xã hội tại một số quốc gia; Nhu cầu về nhà ở xã hội tại Việt Nam và những vấn đề đặt ra.

**Từ khoá**: Nhà ở xã hội, Thị trường, Nhà ở giá rẻ, Xây dựng, Dự án

**39. Kỹ năng cần thiết của sinh viên trước khi thực tập tốt nghiệp tại các cơ sở**/ Lê Thị Vân hà, Đặng Thị Thảo, Lê Thị Thùy Dung// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 517 tháng 05 .- Tr.19-20.

**Nội dung**: Trình bày một số kỹ năng cần thiết mà sinh viên phải có trước khi thực tập tốt nghiệp tại các cơ sở.

**Từ khoá**: Kỹ năng cần thiết của sinh viên, Thực tập tốt nghiệp tại các cơ sở

**40. Mô hình kinh tế tuần hoàn : chiến lược của Nhật Bản và bài học**/ TS. Trần Thị Vân Anh// Ngân hàng.- 2018 .- Số 14 tháng 07 .- Tr. 47-54.

**Nội dung**: Trình bày khái quát mô hình kinh tế tuần hoàn, đặc biệt là phân tích những đặc điểm kinh tế tuần hoàn của Nhật Bản; đồng thời đề xuất một số hàm ý cần cân nhắc khi theo đuổi mô hình kinh tế này.

**Từ khoá:** Mô hình kinh tế tuần hoàn, Chiến lược, Nhật Bản

**41. Mối quan hệ giữa hợp tác chuỗi cung ứng và lợi thế cạnh tranh trong ngành dầu khí Việt Nam**/ Hồ Đức Hùng, Đặng Duy Quân// Kinh tế và Phát triển .- 2018 .- Số 253 tháng 7 .- Tr. 30-40.

**Nội dung**: Nghiên cứu này được thực hiện nhằm kiểm định sự tác động của hợp tác chuỗi cung ứng và lợi thế cạnh tranh trong các doanh nghiệp thuộc ngành dầu khí Việt Nam, trong đó niềm tin và chia sẻ thông tin đóng vai trò trung gian trong mối quan hệ này. Kết quả phỏng vấn 208 nhà lãnh đạo, quản lý cấp cao và cấp trung có nhiều kinh nghiệm trong ngành dầu khí cho thấy niềm tin và chia sẻ thông tin có tác động tích cực đến mối quan hệ giữa hợp tác chuỗi cung ứng và lợi thế cạnh tranh trong lĩnh vực dầu khí. Dựa trên kết quả này, nghiên cứu đã đưa ra các kết luận, gợi ý một số giải pháp hữu ích đối với các doanh nghiệp ngành dầu khí Việt Nam trong việc phát triển quan hệ hợp tác, đồng thời đề xuất hướng nghiên cứu trong tương lai.

**Từ khoá:** Chuỗi cung ứng, Chia sẻ thông tin, Hợp tác chuỗi cung ứng, Lợi thế cạnh tranh, Niềm tin

**42. Một số giải pháp nhằm duy trì và mở rộng thị trường tiêu thụ cho sản phẩm dệt may tỉnh Nam Định**/ Phạm Vũ Tuân// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 518 tháng 06 .- Tr. 102-103.

**Nội dung**: Vai trò của thị trường và công tác duy trì và mở rộng thị trường tiêu thụ đối với doanh nghiệp dệt may và một số giải pháp nhằm duy trì và mở rộng thị trường tiêu thụ cho sản phẩm dệt may tỉnh Nam Định.

**Từ khoá**: Thị trường tiêu thụ sản phẩm dệt may, Nam Định

**43. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam hiện nay**/ Dương Đức Tâm// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 517 tháng 05 .- Tr. 77-79.

**Nội dung:** Trình bày một số bất cập trong quá trình thực hiện cổ phần hóa DNNN ở Việt Nam và giải pháp nhằm hoàn thiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khoá**: Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, Việt Nam

**44. Một số giải pháp phát triển bền vững tại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Hồng Nhung// Tài chính Doanh nghiệp. - 2018 .- Số 6 tháng 06 .- Tr. 12-15.

**Nội dung**: Trình bày các tiêu chí của phát triển bền vững và phát triển bền vững ở Việt Nam, 6 giải pháp trọng tâm.

**Từ khoá:** Phát triển bền vững, Việt Nam

**45. Một số trao đổi về định hướng hoàn thiện chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp ở Việt Nam**/ ThS. Lê Thị Minh Phượng// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 682 tháng 06 .- Tr. 122-124.

**Nội dung**: Đánh giá thực trạng chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp thời gian tới.

**Từ khoá**: Chính sách, thuế thu nhập doanh nghiệp, ngân sách nhà nước, doanh nghiệp nhỏ và vừa

**46. Một số vấn đề về đổi mới mô hình tăng trưởng tái cơ cấu nền kinh tế để phát triển bền vững**/ ThS. Đỗ lâm Hoàng Trang// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 682 tháng 06 .- Tr. 115-118.

**Nội dung**: Nhìn lại kinh tế Việt Nam trước và sau thời kỳ đổi mới và đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế.

**Từ khoá**: Mô hình tăng trưởng kinh tế, tái cơ cấu, cải cách, phát triển

**47. Nâng cao chất lượng cải cách thủ tục hành chính thuế, Hải quan để hỗ trợ doanh nghiệp**/ TS. Đậu Anh Tuấn// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 684 tháng 07 .- Tr. 25-28.

**Nội dung**: Trình bày những khảo sát và đánh giá của doanh nghiệp về kết quả cải cách thủ tục hành chính thuế, hải quan; từ đó bài viết đưa ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng cải cách thủ tục hành chính thuế, cơ chế hải quan một cửa quốc gia, góp phần tạo điều kiện để cộng đồng doanh nghiệp phát triển.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp, Cải cách thủ tục hành chính, Thuế, Hải quan

**48. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Kiểm toán Nhà nước trong hội nhập quốc tế**/ NCS. Hoàng Bổng// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 684 tháng 07 .- Tr. 113-115.

**Nội dung**: Đề cập đến việc hoàn thiện cơ sở pháp lý đồng bộ, phát triển nguồn nhân lực; Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Kiểm toán Nhà nước trong thời kỳ mới.

**Từ khoá**: Nguồn nhân lực, Hội nhập kinh tế, Kiểm toán Nhà nước

**49. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0**/ TS. Chu Thị Bích Ngọc// Tài chính - Kỳ 2.- 2018 .- Số 681 tháng 05 .- Tr. 44-46.

**Nội dung**: Cách mạng công nghiệp 4.0 và những thách thức đối với nguồn nhân lực Việt Nam; Một số đề xuất và giải pháp.

**Từ khoá:** Cách mạng công nghiệp, Công nghiệp hóa, Nguồn nhân lực, Năng suất lao động

**50. Năng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh tại Ninh Bình giai đoạn 2017-2020**/ TS. Nguyễn Tử Hoài Sơn, ThS. Phạm Thị Thu Hằng// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 684 tháng 07 .- Tr. 110-112.

**Nội dung:** Trình bày vì sao PCI của Ninh Bình tụt hạng?; Tích cực thực hiện nhiều giải pháp để nâng cao PCI ở Ninh Bình.

**Từ khoá:** Môi trường đầu tư, Năng lực cạnh tranh, Ninh Bình

**51. Nâng cao hiệu quả quản lý thuế đối với hoạt động thương mại điện tử ở Việt Nam**/ ThS. Dương Tuấn Ngọc// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 684 tháng 07 .- Tr. 51-54.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng quản lý thuế đối với hoạt động thương mại điện tử ở Việt Nam và đề xuất đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thuế đối với loại hình này ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Thương mại điện tử, Ngân sách Nhà nước, Giao dịch trực tuyến, Bán hàng trực tuyến

**52. Nâng cao năng lực cạnh tranh của lao động Việt Nam trong Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC)**/ Trần Đức Hiệp// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 518 tháng 06 .- Tr. 4-6.

**Nội dung**: Tập trung làm rõ thực trạng năng lực cạnh tranh của lao động Việt Nam trong Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), từ đó đề xuất những giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của lao động Việt Nam để hội nhập thành công và phát triển bền vững.

**Từ khoá**: Năng lực cạnh tranh, Lao động Việt Nam, Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC)

**53. Năng lực cạnh tranh của ngành dệt may trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh khi Việt Nam hội nhập CPTPP**/ Trần Thế Tuân, Trần Thị Kim Oanh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 517 tháng 05 .- Tr. 72-74.

**Nội dung**: Trình bày các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của ngành dệt may trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh khi Việt Nam hội nhập CPTPP: Công nghệ, nguồn nhân lực, tài chính, văn hóa doanh nghiệp, giá cả, nghiên cứu thị trường và tổ chức xuất khẩu.

**Từ khoá**: Năng lực cạnh tranh của ngành dệt may, Hội nhập CPTPP

**54. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin của các doanh nghiệp thuộc ngành tiêu dùng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Nguyễn Hữu Cường, Lê Thị Bảo Ngọc// Nghiên cứu Kinh tế .- 2018 .- Số 4(479) tháng 04 .- Tr.33-41.

**Nội dung**: Đánh giá mức độ công bố thông tin trong báo cáo tài chính năm của các doanh nghiệphàng tiêu dùng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam và các nhân tố ảnh hưởng. Kết quả phân tích cho thấy: 1. mức độ công bố thông tin trong báo cáo tài chính của các doanh nghiệp thuộc ngành tiêu dùng niêm yết chưa thật sự cao; 2. chịu ảnh hưởng bởi quy mô doanh nghiệp, khả năng thanh toán và chủ thể kiểm toán. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số gợi ý nhằm cải thiện mức độ công bố thông tin trong báo cáo tài chính của các doanh nghiệp niêm yết thuộc ngành này.

**Từ khoá**: Công bố thông tin, Doanh nghiệp hàng tiêu dùng

**55. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin phát triển bền vững của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Đoàn Ngọc Phi Anh, Nguyễn Thị Tuyết Nga// Nghiên cứu Kinh tế .- 2018 .- Số 480 tháng 05 .- Tr. 15-23.

**Nội dung**: Xem xét, đánh giá mức độ công bố thông tin phát triển bền vững và xác định các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin phát triển bền vững của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, góp phần hỗ trợ các bên hữu quan có cái nhìn cụ thể về tình hình công bố thông tin phát triển bền vững trong thời gian qua; từ đó có thêm những định hướng, giải pháp hữu hiệu hơn thúc đẩy việc công bố thông tin phát triển bền vững.

**Từ khoá**: Công bố thông tin, Phát triển bền vững, Doanh nghiệp

**56. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định mua hàng may mặc Trung Quốc của người tiêu dùng Hà Nội**/ Vũ Huy Thông, Lê Thị Hải Hà// Kinh tế và Phát triển .- 2018 .- Số 253 tháng 7 .- Tr. 70-79.

**Nội dung**: Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua hàng may mặc Trung Quốc của người tiêu dùng Hà Nội theo thuyết hành vi có kế hoạch của Ajzen. Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính và định lượng. Số liệu sử dụng trong nghiên cứu được thu thập từ kết quả khảo sát thực tế 250 khách hàng là người tiêu dùng tại Hà Nội. Kết quả phân tích cho thấy có 3 nhân tố ảnh hưởng đến ý định mua hàng may mặc Trung Quốc bao gồm: (1) Thái độ đối với hành vi; (2) Chuẩn mực chủ quan và (3) Nhận thức về kiểm soát hành vi. Kết quả nghiên cứu được thảo luận trong bài viết và những gợi ý được đưa ra cho các nhà quản lý doanh nghiệp.

**Từ khoá:** Người tiêu dùng Hà Nội; Ý định mua; Hàng may mặc Trung

**57. Nghiên cứu hành vi tuân thủ thuế thu nhập cá nhân của người nộp thuế tại TP.Hồ Chí Minh**/ Dương Thị Bình Minh, Vũ Thị Bích Quỳnh// Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á- Jabes.- 2018 .- Số 29(2) tháng 2 .- Tr. 63-83.

**Nội dung**: Hành vi tuân thủ thuế thu nhập cá nhân (TNCN) là vấn đề cốt lõi của quản lý thuế hiện đại, là mối quan tâm của các quốc gia đã và đang phát triển trên thế giới. Mục đích của nghiên cứu này là kiểm định tác động của các nhân tố xã hội lên dự định tuân thủ thuế TNCN của người nộp thuế (NNT). Khảo sát tiến hành trên 274 NNT tại TP.HCM đã chỉ ra mối quan hệ của các biến kiểm định. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, chuẩn mực xã hội tác động lên hành vi tuân thủ thuế TNCN gián tiếp thông qua chuẩn mực cá nhân. Bên cạnh đó, vai trò của cảm nhận tham nhũng, cảm nhận tham nhũng vặt và cảm nhận công bằng về thuế cũng có mối quan hệ tác động thông qua chuẩn mực cá nhân, từ đó tác động vào hành vi tuân thủ thuế TNCN. Nghiên cứu đã giải quyết những hạn chế và kẽ hở của những nghiên cứu về quản lý thuế TNCN trước đây cả về mặt lý thuyết và phương pháp luận, từ đó các tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu, xây dựng giả thuyết và tiến hành kiểm định các giả thuyết của mô hình về hành vi tuân thủ thuế TNCN ở VN trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Cuối cùng, các tác giả đề xuất khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu, hạn chế của nghiên cứu này và gợi ý hướng nghiên cứu tiếp theo.

**Từ khoá**: Hành vi tuân thủ thuế TNCN, chuẩn mực xã hội, chuẩn mực cá nhân, cảm nhận tham nhũng, cảm nhận tham nhũng vặt, cảm nhận công bằng về thuế

**58. Nghiên cứu về chính sách phát triển giảng viên ở Việt Nam và bài học kinh nghiệm cho Đại học Thái Nguyên**/ Nguyễn Thanh Huyền// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 518 tháng 06 .- Tr. 108-110.

**Nội dung**: Các nghiên cứu về chính sách ohats triển giảng viên; Các nghiên cứu về nội dung chính sách phát triển giảng viên; Bài học kinh nghiệm cho Đại học Thái Nguyên.

**Từ khoá:** Chính sách phát triển giảng viên, Việt Nam, Đại học Thái Nguyên

**59. Nhân tố tác động đến lòng trung thành của khách hàng trong lĩnh vực ngân hàng bán lẻ**/ ThS. Nguyễn Minh Loan// Tài chính - Kỳ 1.- 2018 .- Số 680 tháng 05 .- Tr. 100-102.

**Nội dung**: Nghiên cứu các nhân tố tác động đến lòng trung thành của khách hàng trong lĩnh vực ngân hàng bán lẻ, đưa ra các giải pháp duy trì và thúc đẩy sự trung thành của khách hàng với ngân hàng.

**Từ khoá**: Chất lượng dịch vụ, Ngân hàng bán lẻ, Khách hàng

**60. Những điểm mới về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 684 tháng 07 .- Tr. 21-24.

**Nội dung**: Trình bày 7 điểm mới của Nghị định 125/2017/NĐ-CP và 10 Nghị định về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt giai đoạn 2018-2022/2023.

**Từ khoá:** Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, Môi trường kinh doanh, Năng lực cạnh tranh

**61. Những việc cần làm để cải cách chính sách tiền lương**/ Nguyễn Trọng Nghĩa// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 682 tháng 06 .- Tr. 42-46.

**Nội dung**: Trình bày bốn nội dung quan trọng của cải cách tiền lương; ba nhóm việc cần thực hiện; năm giải pháp triển khai trong ngành tài chính.

**Từ khoá:** Chính sách tiền lương, hành chính sự nghiệp, Bộ Tài chính

**62. Phân tích chỉ số bán lẻ điện tử GREcl của một số quốc gia và khuyến nghị cho Việt Nam**/ TS. Nguyễn Bình Minh// Tài chính - Kỳ 2.- 2018 .- Số 681 tháng 05 .- Tr. 117-119.

**Nội dung**: Thực trạng bán lẻ điện tử tại Việt Nam và các khuyến nghị nhằm gia tăng chỉ số bán lẻ điện tử của Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Chỉ số bán lẻ điện tử, GREcl, Thị trường trực tuyến Trung Quốc, Hoa Kỳ

**63. Phát triển bền vững, doanh nghiệp cần gì**/ TS. Đỗ Tất Cường// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 684 tháng 07 .- Tr. 9-12.

**Nội dung**: Phân tích nhu cầu hỗ trợ phát triển bền vững từ phía doanh nghiệp để thấy được nhu cầu này khá tương đồng với các chính sách hỗ trợ từ phía Chính phủ, tuy nhiên, các cơ chế, chính sách này cũng cần có sự điều chỉnh, đối mới để phù hợp hơn với thực tiễn.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp, Phát triển bền vững, Chính sách

**64. Phát triển chuỗi cung ứng sản phẩm chả mực Hạ Long tỉnh Quảng Ninh**/ Đặng Hoàng Hưng, Trần Đình Tuấn// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 518 tháng 06 .- Tr. 57-59.

**Nội dung**: Tình hình sản xuất kinh doanh sản phẩm chả mực Hạ Long; Thực trạng chuỗi cung ứng sản phẩm chả mực Hạ Long; Giải pháp phát triển chuỗi cung ứng sản phẩm chả mực Hạ Long tỉnh Quảng Ninh.

**Từ khoá**: Phát triển chuỗi cung ứng, Sản phẩm chả mực, Hạ Long tỉnh Quảng Ninh

**65. Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bối cảnh hội nhập quốc tế**/ Đinh Thanh Nga// Tài chính Doanh nghiệp. - 2018 .- Số 6 tháng 06 .- Tr. 16-17.

**Nội dung**: Trong bối canh rVieetj Nam ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, các doanh nghiệp VN được tiếp cận với nhiều cơ hội mở rộng kinh doanh ra các thị trường quốc tế. Tuy nhiên, các doanh nghieeph, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNVVN), cũng gặp phải không ít khó khăn và thách thức trong việc cập nhật thông tin vĩ mô, chuẩn bị năng lực tài chính, năng lực giao dịch quốc tế và chuẩn hóa quy trình xuất nhập khẩu.

**Từ khoá**: Phát triển doanh nghiệp, Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hội nhập quốc tế

**66. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ**/ Nguyễn Thị Minh Phương, Đỗ Thị Lệ Hằng, Nguyễn Như Trang// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 519 tháng 06 .- Tr. 88-90.

**Nội dung**: Trình bày nguồn nhân lực chất lượng cao, những đặc trưng của nguồn nhân lực chất lượng cao, thực trạng nguồn nhân lực chất lượng cao vùng Tây Nam Bộ, một số giải pháp phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ.

**Từ khoá:** Phát triển nguồn nhân lực, Nhân lực chất lượng cao, phát triển bền vững, Vùng Tây Nam Bộ

**67. Phát triển nguồn nhân lực tại Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Kiên Giang**/ Tiêu Mỹ Thể, TS. Phan Thanh Hải// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 684 tháng 07 .- Tr. 119-121.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng phát triển nguồn nhân lực tại Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Kiên Giang trong thời gian qua và đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển nguồn nhân lực của Sở trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Phát triển nguồn nhân lực, Văn hóa, Thể thao, Kiên Giang

**68. Phát triển nguồn nhân lực thương mại điện tử cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2020-2025**/ ThS. Phạm Thanh Bình// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 684 tháng 07 .- Tr. 116-118.

**Nội dung**: Nguồn nhân lực thương mại điện tử với doanh nghiệp nhỏ và vừa hiện nay và phát triển nguồn nhân lực thương mại điện tử cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2020-2025.

**Từ khoá:** THương mại điện tử, Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Thương mại điện tử

**69. Phương pháp phát triển sản phẩm mới ra thị trường**/ Nguyễn Thị Thu Trang// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 518 tháng 06 .- Tr. 94-95.

**Nội dung**: Trình bày các cơ hội cho doanh và các phương pháp quản bá sản phẩm mới.

**Từ khoá**: Phương pháp phát triển sản phẩm mới ra thị trường

**70. Quản lý nhà nước đối với kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ thông qua mô hình IPA**/ ThS. Lê Hà Trang// Tài chính - Kỳ 1.- 2018 .- Số 680 tháng 05 .- Tr. 86-89.

**Nội dung**: Cơ sở lý thuyết, phương pháp và kết quả nghiên cứu; Đề xuất và kiến nghị.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp, Bảo hiểm phi nhân thọ, Quản lý nhà nước

**71. Quản lý rủi ro pháp lý gắn với thế chấp hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh**/ LS. Trần Quang Vinh, LS. Bùi Đức Giang// Ngân hàng .- 2018 .- Số 11 tháng 6 .- Tr. 16-18.

**Nội dung**: Trình bày thể chế hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh, kiểm tra tài sản thế chấp, giải pháp hạn chế rủi ro.

**Từ khoá**: Quản lý rủi ro pháp lý, Thế chấp hàng hóa luân chuyển, Sản xuất, Kinh doanh

**72. Quản lý thuế trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0**/ ThS. Nguyễn Thị Thu Hà// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 684 tháng 07 .- Tr. 55-57.

**Nội dung:** Trao đổi thách thức đổi với ngành thuế trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, đưa ra một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế trong tình hình mới.

**Từ khoá**: Cách mạng công nghiệp 4.0, THương mại điện tử, Quản lý thuế, Thuế điện tử

**73. Quản trị công ty và công bố thông tin trách nhiệm xã hội tại các Ngân hàng Thương mại Việt Nam**/ Nguyễn Vĩnh Khương// Kinh tế & Phát triển .- 2018 .- Số 254 tháng 08 .- Tr. 81-89.

Nội dung: Nghiên cứu được thực hiện nhằm cung cấp bằng chứng thực nghiệm về mức độ tác động của quản trị công ty đến công bố thông tin trách nhiệm xã hội của các ngân hàng Việt Nam. Dựa vào dữ liệu từ 28 ngân hàng thương mại Việt Nam trong khoảng thời gian 2014-2016, bằng phương pháp nghiên cứu định lượng, nhóm tác giả kết luận quản trị công ty có ảnh hưởng đến công bố thông tin trách nhiệm xã hội của ngân hàng thương mại Việt Nam. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đưa ra hàm ý đối với các ngân hàng thương mại, cơ quan quản lý và góp phần làm minh bạch thông tin báo cáo tài chính.

Từ khoá: Ngân hàng thương mại, quản trị công ty, công bố thông tin trách nhiệm xã hội

**74. Quản trị quan hệ khách hàng tại Ngân hàng TMCP Quốc dân chi nhánh Kiên Giang**/ Nguyễn Nam Du, TS. Phan Thanh Hải// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 684 tháng 07 .- Tr. 125-128.

**Nội dung**: Trình bày thực trạng quản trị quan hệ khách hàng tại NCB Kiên Giang; Đánh giá công tác quản trị quan hệ khách hàng tại NCB Kiên Giang và một số giải pháp đề xuất.

**Từ khoá**: Quản trị quan hệ khách hàng, Ngân hàng TMCP Quốc dân, Kiên Giang

**75. Quản trị công ty trách nhiệm hữu hạn của Cộng hòa Liên bang Đức và kinh nghiệm cho Việt Nam**/ NCS. Tống Hoàng Hà// Nghiên cứu Châu Âu .- 2018 .- Số 6 (213) .- Tr. 74-81.

**Nội dung**: Tiếp cận những quy định chủ yếu của pháp luật Đức về quản trị công ty TNHH, trên cơ sở đó có thể khảo cứu một số kinh nghiệm trong quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật về công ty TNHH ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Công ty, công ty trách nhiệm hữu hạn, thành viên công ty, quản trị công ty

**76. Rủi ro và lợi nhuận các danh mục cổ phiếu phân theo sở hữu nước ngoài**/ TS. Nguyễn Anh Phong, ThS. Hồ Thị Hồng Minh, Đỗ Thị Tuyết Lan// Tài chính - Kỳ 2.- 2018 .- Số 681 tháng 05 .- Tr. 81-83.

**Nội dung**: Đề cập rủi ro và lợi nhuận các danh mục cổ phiếu phân theo sở hữu nước ngoài.

**Từ khoá**: Thị trường chứng khoán, Doanh nghiệp niêm yết, Rủi ro, Suất sinh lời

**77. Tác động của bao bì sản phẩm đến giá trị cảm nhận và ý định tiếp tục tiêu dùng đặc sản địa phương**/ Hoàng Thị Phương Thảo, Lê Thị Tú Trâm// Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á- Jabes.- 2018 .- Số 29(4) tháng 4 .- Tr. 30-47.

**Nội dung**: Đặc sản địa phương không chỉ là một nét đẹp văn hóa mà còn là một nguồn lực kinh tế quan trọng. Một trong những yếu tố tạo nên giá trị cho các đặc sản địa phương chính là bao bì sản phẩm. Mục tiêu của nghiên cứu này là xác định các thuộc tính của bao bì sản phẩm và tác động của chúng đến giá trị cảm nhận và ý định tiếp tục mua đặc sản của người tiêu dùng. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích cấu trúc tuyến tính (SEM) với mẫu khảo sát gồm 259 người tiêu dùng tại TP.HCM, Hà Nội, Vũng Tàu, và Đà Lạt. Kết quả nghiên cứu cho thấy nhận thức về bao bì có ba khía cạnh đo lường theo cảm nhận của người tiêu dùng, đó là: (1) Sự hấp dẫn thị giác, (2) thông tin đầy đủ, và (3) tính tiện lợi. Các khía cạnh cảm nhận này có mối quan hệ đồng biến đối với giá trị cảm nhận, từ đó tác động tích cực đến ý định tiếp tục tiêu dùng. Từ kết quả nghiên cứu, các hàm ý quản trị được đề xuất nhằm nâng cao nhận thức về bao bì sản phẩm, làm tăng giá trị cảm nhận và thúc đẩy hành vi tiêu dùng các mặt hàng đặc sản.

**Từ khoá**: Bao bì; Đặc sản địa phương; Giá trị cảm nhận; Ý định tiếp tục tiêu dùng

**78. Tác động của đa dạng hóa nguồn tài trợ tới rủi ro: vai trò trung gian của đa dạng hóa đầu tư tài sản**/ Nguyễn Minh Hà, Vũ Hữu Thành// Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á- Jabes.- 2018 .- Số 29(4) tháng 4 .- Tr. 4-29.

**Nội dung**: Nghiên cứu này tiếp cận đa dạng hóa ở một góc độ mới là đa dạng hóa nguồn tài trợ và đa dạng hóa đầu tư tài sản. Trong đó, đa dạng hóa nguồn tài trợ bao gồm đa dạng hóa nguồn tài trợ vốn chủ sở hữu và đa dạng hóa nguồn tài trợ nợ. Đa dạng hóa đầu tư tài sản cũng bao gồm hai loại là đa dạng hóa đầu tư ngành có liên quan và đa dạng hóa đầu tư ngành không liên quan. Nghiên cứu đã đề xuất biến số đa dạng hóa đầu tư tài sản đóng vai trò trung gian trong mối liên hệ giữa đa dạng hóa nguồn tài trợ và rủi ro. Cụ thể, đa dạng hóa nguồn tài trợ vốn chủ sở hữu tác động tới rủi ro thông qua biến số trung gian là đa dạng hóa đầu tư tài sản ngành không liên quan và đa dạng hóa nguồn tài trợ nợ tác động tới rủi ro thông qua biến số đa dạng hóa đầu tư tài sản ngành có liên quan. Dữ liệu nghiên cứu là dữ liệu bảng cân đối được thu thập từ các doanh nghiệp trên thị trường chứng khoán Việt Nam từ 2008 tới 2015, gồm 470 doanh nghiệp với 3760 quan sát. Sử dụng mô hình cấu trúc tuyến tính tổng quát GSEM, nghiên cứu đã nhận thấy đa dạng hóa đầu tư tài sản đã đóng vai trò trung gian tác động trên thực nghiệm. Cụ thể, cả hai biến đa dạng hóa đầu tư tài sản ngành có liên quan và không liên quan đều góp phần làm tăng tổng mức tác động biên tới rủi ro từ hai biến thuộc về đa dạng hóa nguồn tài trợ.

**Từ khoá**: Đa dạng hóa nguồn tài trợ; đa dạng hóa nguồn tài trợ vốn chủ sở hữu; đa dạng hóa nguồn tài trợ nợ; đa dạng hóa đầu tư; đa dạng hóa đầu tư ngành có liên quan; đa dạng hóa đầu tư ngành không liên quan.

**79. Tác động của email marketing đến ý định sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử của khách hàng**/ TS. Nguyễn Quốc Nghị// Ngân hàng.- 2018 .- Số 14 tháng 07 .- Tr. 23-29.

**Nội dung:** Phân tích tác động của email marketing đến ý định sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử của khách hàng. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ cuộc kháo sát 338 khách hàng chấp nhận một hoặc nhiều ngân hàng gửi mail marketing …

**Từ khoá**: Email. Marketing, Dịch vụ ngân hàng điện tử, Khách hàng

**80. Tác động của quản trị doanh nghiệp tới mức độ công bố thông tin trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp nhóm ngành công nghiệp nhẹ**/ Tạ Minh Trang, Phạm Khánh Linh, Trịnh Khánh Linh, Nguyễn Thị Mai Hồng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 519 tháng 06 .- Tr. 7-9.

**Nội dung**: Tiến nhành xem xét tác động của quản trị doanh nghiệp tới mức độ công bố thông tin trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp nhóm ngành công nghiệp nhẹ niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE.

**Từ khoá:** Quản trị doanh nghiệp, Công bố thông tin trách nhiệm xã hội, Doanh nghiệp, Công nghiệp nhẹ

**81. Tác động của việc sử dụng công cụ hỗ trợ bán hàng đến hiệu suất bán hàng của nhân viên: Nghiên cứu trường hợp tại các doanh nghiệp ở Thành phố Cần Thơ**/ Lê Thị Thu Trang, Lưu Tiến Thuận// Kinh tế & Phát triển .- 2018 .- Số 254 tháng 08 .- Tr. 99-108.

**Nội dung**: Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm xem xét mức độ tác động của việc sử dụng các công cụ hỗ trợ bán hàng đến hiệu suất bán hàng của nhân viên tại các doanh nghiệp ở thành phố Cần Thơ. Phương pháp chọn mẫu là phi xác suất với cỡ mẫu là 215 nhân viên bán hàng. Nghiên cứu sử dụng phân tích Cronbach’s alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích nhân tố khẳng định (CFA) và phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM). Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc sử dụng công cụ hỗ trợ bán hàng sẽ có tác động tích cực và gián tiếp đến hiệu suất bán hàng của nhân viên tại các doanh nghiệp qua nhân tố mối quan hệ khách hàng và phối hợp trong nội bộ. Bài nghiên cứu đóng góp và cung cấp bằng chứng thực nghiệm về ích lợi của việc sử dụng công cụ hỗ trợ bán hàng đến hiệu suất bán hàng của nhân viên.

**Từ khoá:** Hệ thống tự động hóa bán hàng, hiệu suất bán hàng, nhân viên bán hàng,Thành phố Cần Thơ

**82. Thái độ đối với thương hiệu và thái độ đối với quảng cáo sử dụng hình ảnh hấp dẫn giới tính qua một nghiên cứu thử nghiệm**/ Hà Minh Trang// Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á- Jabes.- 2018 .- Số 29(4) tháng 4 .- Tr. 64-84.

**Nội dung**: Việc sử dụng hình ảnh hấp dẫn giới tính trong quảng cáo ngày càng phổ biến tại Việt Nam và trên thế giới. Tuy nhiên, vai trò, hiệu quả cũng như tác động tiêu cực mà quảng cáo hấp dẫn giới tính mang lại cho thương hiệu từ trước đến nay vẫn còn gây nhiều tranh cãi. Nghiên cứu này kiểm định mối quan hệ giữa thái độ ủng hộ nữ quyền, sự phán xét về mặt đạo đức, thái độ đối với quảng cáo sử dụng hình ảnh hấp dẫn giới tính và thái độ của người tiêu dùng đối với thương hiệu. Tác giả tiến hành nghiên cứu trên ba nhóm thực nghiệm thông qua việc đánh giá video clip quảng cáo có sử dụng hình ảnh nhân vật nữ gợi cảm của ba thương hiệu với các cấp độ sử dụng hình ảnh hấp dẫn giới tính khác nhau, kết quả cho thấy: (1) Thái độ ủng hộ nữ quyền có tác động tích cực đến thái độ đối với quảng cáo hấp dẫn giới tính; và (2) Thái độ đối với quảng cáo hấp dẫn giới tính đóng vai trò trung gian trong mối quan hệ giữa thái độ ủng hộ nữ quyền, sự phán xét về mặt đạo đức và thái độ đối với thương hiệu. Nghiên cứu góp phần giúp các nhà quản trị hoạt động tiếp thị, quảng cáo lường trước và quản trị tốt những rủi ro có thể xảy đến với thương hiệu khi sử dụng quảng cáo hấp dẫn giới tính trong bối cảnh văn hóa - xã hội Việt Nam.

**Từ khoá**: Thương hiệu; Thái độ đối với thương hiệu; Thái độ đối với quảng cáo; Hấp dẫn giới tính; Ủng hộ nữ quyền; Sự phán xét đạo đức

**83. Tham gia chuỗi giá trị toàn cầu: cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam**/ ThS. Trần Kim Thoa// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 682 tháng 06 .- Tr. 102-104.

**Nội dung**: Thổng quan về chuỗi giá trị toàn cầu, chuỗi giá trị toàn cầu - cơ hội lớn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, thách thức đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa khi tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, khuyến nghị đặt ra.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, chuỗi giá trị toàn cầu, hội nhập kinh tế quốc tế, hiệp định thương mại tự do

**84. Thể chế môi trường kinh doanh trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam : hiện trạng, một số vấn đề đặt ra và giải pháp hoàn thiện**/ Đỗ Đức Bình, Nguyễn Anh Tú// Kinh tế và Phát triển .- 2018 .- Số 253 tháng 7 .- Tr. 2-9.

**Nội dung**: Trên cơ sở phân tích hiện trạng, bài viết chỉ ra việc hoàn thiện môi trường kinh doanh ở Việt Nam đòi hỏi phải: (i) Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ về tư duy nhận thức đối với hoàn thiện thể chế môi trường kinh doanh; (ii) Hoàn thiện hệ thống pháp lý, nâng cao hiệu lực thực thi và tác động của hệ thống này tới môi trường kinh doanh; (iii) Hoàn thiện môi trường kinh doanh theo hướng minh bạch, thông thoáng và dễ dự đoán hơn để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tham gia có hiệu quả vào chuỗi sản xuất và cung ứng sản phẩm trong khu vực và toàn cầu; (iv) Hoàn thiện chế độ sở hữu đối với tài sản, đất đai, trước hết là dỡ bỏ hạn điền để tạo điều kiện cho việc áp dụng mô hình nông nghiệp công nghệ cao; đẩy nhanh cải cách doanh nghiệp nhà nước, trong đó có cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; khuyến khích mạnh mẽ phát triển khu vực tư nhân để khu vực tư nhân và các doanh nghiệp tư nhân thực sự không chỉ có vai trò quan trọng, mà có vai trò ngày càng tăng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; (v) Tiếp tục cải cách hành chính theo hướng tinh giản tổ chức bộ máy, khắc phục chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ; đơn giản hóa về thủ tục giấy tờ, điều kiện kinh doanh.

**Từ khoá**: Thể chế môi trường kinh doanh; quan điểm; giải pháp hoàn thiện

**85. Thu nhận tri thức khởi nghiệp từ mạng xã hội: tiếp cận từ mô hình xem xét kỹ lưỡng**/ Nguyễn Quang Thu, Trần Thế Hoàng, Hà Kiên Tân// Kinh tế & phát triển.- 2018 .- Số 252 tháng 06 .- Tr. 67-78.

**Nội dung**: Nghiên cứu kiểm định quá trình thu nhận tri thức khởi nghiệp thông qua mạng xã hội bằng mô hình xem xét kỹ lưỡng (Elaboration likelihood model - ELM) theo hướng trung tâm và hướng ngoại vi. Kết quả phân tích từ 438 sinh viên bằng công cụ PLS-SEM cho thấy yếu tố chất lượng kinh nghiệm khởi nghiệp (hướng trung tâm) và yếu tố nguồn gốc kinh nghiệm (hướng ngoại vi) có tác động cùng chiều đối với nhận thức, thái độ và tư duy khởi nghiệp. Đồng thời, yếu tố gắn kết khởi nghiệp đóng vai trò điều tiết (nhóm) có tác động: (1) cùng chiều lên mối quan hệ giữa chất lượng kinh nghiệm khởi nghiệp đến nhận thức sự hữu ích; (2) cùng chiều lên mối quan hệ giữa chất lượng kinh nghiệm khởi nghiệp đến thái độ; (3) ngược chiều lên mối quan hệ giữa nguồn gốc kinh nghiệm đến nhận thức sự hữu ích. Nghiên cứu cũng đưa ra đóng góp về học thuật và thực tiễn. Cuối cùng đưa ra những hạn chế và hướng nghiên cứu tiếp theo.

**Từ khoá**: Mô hình xem xét kỹ lưỡng, kinh nghiệm khởi nghiệp, mạng xã hội

**86. Thực trạng giảng dạy khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong các trường đại học hiện nay**/ Trần Ánh Phương// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 517 tháng 05 .- Tr. 86-88.

**Nội dung:** Vai trò của các trường đại học trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp quốc gia; Thực trạng giảng dạy khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong các trường đại học; Một số giải pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong các trường đại học hiện nay.

**Từ khoá**: Giảng dạy khởi nghiệp, Đổi mới sáng tạo, các trường đại học

**87. Thực trạng hoạt động marketing trực tuyến tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**/ Hoàng Nghiệp Quỳnh, Ngô Thị Minh Ngọc// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 517 tháng 05 .- Tr. 45-47.

**Nội dung**: Phân tích về thực trạng hoạt động marketing trực tuyến tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, qua đó đề xuất giải pháp nâng cao hoạt động marketing trực tuyến tại các doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Marketing trực tuyến, Doanh nghiệp

**88. Thực trạng hoạt động mua bán, sáp nhập doanh nghiệp tại Việt Nam**/ TS. Chu Thị Bích Ngọc// Tài chính - Kỳ 2.- 2018 .- Số 681 tháng 05 .- Tr. 84-86.

**Nội dung**: Thực trạng hoạt động mua bán, sáp nhập doanh nghiệp tại Việt Nam; Những rào cản của hoạt động mua bán, sáp nhập doanh nghiệp tại Việt Nam; Giải pháp phát triển hoạt động mua bán, sáp nhập doanh nghiệp tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Mua bán, Sáp nhập, Hợp nhất, Thâu tóm

**89. Thực trạng hoạt động nhượng quyền thương mại tại Thái Nguyên/** Đỗ Thị Hoàng Yến, Hà Thị Thanh Hoa, Nguyễn Thanh Minh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 517 tháng 05 .- Tr.43-44.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng và các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động nhượng quyền thương mại tại Thái Nguyên, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm tăng khả năng thành công cho các doanh nghiệp trong tỉnh muốn tham gia vào thị trường nhượng quyền thương mại.

**Từ khoá:** Nhượng quyền thương mại, Thái Nguyên

**90. Thương mại điện tử cho doanh nghiệp vừa và nhỏ trong giai đoạn đầu cách mạng công nghiệp 4.0**/ ThS. Phạm Thanh Bình// Tài chính - Kỳ 2.- 2018 .- Số 681 tháng 05 .- Tr. 87-89.

**Nội dung**: Trình bày cơ hội và thách thức, đề xuất một số giải pháp đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong giai đoạn đầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0

**Từ khoá:** Thương mại điện tử, Doanh nghiệp nhỏ và vừa, cách mạng công nghiệp 4.0

**91. Tự do hóa thương mại và bảo hộ : một số vấn đề lý luận, thực tiễn và bài học cho Việt Nam**/ Nguyễn Bích Thủy// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 517 tháng 05 .- Tr. 57-59.

**Nội dung**: Trình bày một số vấn đề về lý luận, thực tiễn và bài học cho Việt Nam.

**Từ khoá**: Tự do hóa thương mại, Bảo hộ

**92. Ưu đãi thuế cho doanh nghiệp : kinh nghiệm các nước và thực tiễn Việt Nam**/ PGS.TS. Vũ Sỹ Cường// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 684 tháng 07 .- Tr. 29-33.

**Nội dung**: Khái quát về các hình thức ưu đãi thuế, kinh nghiệm thế giới trong việc sử dụng ưu đãi thuế nhằm khuyến khích hoạt động đầu tư của doanh nghiệp, đồng thời phân tích, đưa ra các đề xuất góp phần hoàn thiện hơn chính sách ưu đãi thuế với doanh nghiệp của Việt Nam hiện nay.

**Từ khoá**: Chính sách thuế, Thuế, Tài chính, Kinh tế

**93. Vai trò của quản lý nhà nước trong việc xây dựng các trung tâm logistics khu vực Quảng Nam**/ Phạm Thanh Tâm// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 517 tháng 05 .- Tr. 69-71.

**Nội dung**: Trình bày tình hình và vai trò của quản lý nhà nước trong việc xây dựng các trung tâm logistics khu vực Quảng Nam; Một số kết luận.

**Từ khoá**: Quản lý nhà nước, Xây dựng các trung tâm logistics

**94. Vai trò của quy chuẩn trong việc giải thích hành vi tham gia mua sắm xã hội trực tuyến**/ Lê Nhật Hạnh, Nguyễn Hữu Khôi, Hồ Huy Tựu// Kinh tế & phát triển.- 2018 .- Số 252 tháng 06 .- Tr. 47-56.

**Nội dung:** Mua sắm xã hội trực tuyến là một xu hướng đang thịnh hành trên toàn thế giới. Nghiên cứu này nhằm mục đích khám phá các nhân tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến ý định và hành vi tham gia mua sắm xã hội trực tuyến của người tiêu dùng tại Việt Nam. Để thực hiện điều này, nghiên cứu sử dụng lý thuyết hành vi dự định (TPB) làm cơ sở lý thuyết và tích hợp biến số quy chuẩn hình mẫu (descriptive norms) vào mô hình TPB nhằm gia tăng sức mạnh giải thích của mô hình nghiên cứu. Kỹ thuật SEM với phần mềm AMOS được áp dụng để kiểm định giả thuyết nghiên cứu. Kết quả phân tích chứng tỏ sức mạnh giải thích của TPB trong bối cảnh mua sắm xã hội trực tuyến mặt hàng thời trang và việc bổ sung quy chuẩn hình mẫu làm gia tăng đáng kể biến thiên giải thích được của ý định và hành vi. Hơn nữa, các giả thuyết đều được ủng hộ bởi dữ liệu, vì vậy, nghiên cứu có những hàm ý quan trọng về mặt học thuật và thực tiễn.

**Từ khóa**: Mua sắm xã hội trực tuyến, lý thuyết hành vi dự định, quy chuẩn quy phạm, quy chuẩn hình mẫu

**95.Vai trò của yếu tố nhận dạng thương hiệu trong mối quan hệ giữa trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và ý định chuyển đổi thương hiệu**/ Trần Nguyễn Khánh Hải, Nguyễn Quang Thu// Nghiên cứu Kinh tế .- 2018 .- Số 4(479) tháng 04 .- Tr. 50-59.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm kiểm định và đánh giá vai trò của yếu tố nhận dạng thương hiệu trong mối quan hệ giữa trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và ý định chuyển đổi thương hiệu, từ đó đưa ra kết luận và một số hàm ý chính sách.

**Từ khoá**: Nhận dạng thương hiệu, Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

**96. Xây dựng mô hình Sandbox trong quản lý Fintech : kinh nghiệm quốc tế và bài học gợi ý chính sách tại Việt Nam**/ TS. Tô Huy Vũ, ThS. Đoàn Mạnh Tú// Ngân hàng .- 2018 .- Số 12 tháng 06.- Tr. 49-56.

**Nội dung**: Trình bày mô hình Sandbox trong quản lý Fintech; Kinh nghiệm quốc tế về áp dụng mô hình Sandbox trong quản lý Fintech; Gợi ý chính sách đối với Việt Nam.

**Từ khoá**: Xây dựng mô hình Sandbox, Quản lý Fintech

**97. Xu hướng kinh doanh online hiện nay : thách thức và thời cơ với các doanh nghiệp nhỏ và vừa (bán lẻ) truyền thống**/ Đặng Thị Hồng Vân// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 519 tháng 06 .- Tr. 13-15.

**Nội dung**: Trình bày thực trạng, mô hình và phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu thực trạng, một số ý kiến để tăng khả năng cạnh tranh của các DNNVV bán lẻ truyền thống.

**Từ khoá**: Kinh doanh online, Doanh nghiệp nhỏ và vừa (bán lẻ) truyền thống

**98. Xu hướng truyền thông và marketing của doanh nghiệp trong kỷ nguyên số**/ TS. Lê Minh Hà// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 684 tháng 07 .- Tr. 97-99.

**Nội dung**: Trình bày xu hướng tất yếu của thời đại công nghiệp 4.0 và vấn đề đặt ra đối với doanh nghiệp Việt Nam.

**Từ khoá**: Truyền thông, Doanh nghiệp, Marketing, Kỷ nguyên số

**99. Yếu tố ảnh hưởng đến giao dịch phái sinh trong quản trị rủi ro của các ngân hàng**/ ThS. Đỗ Mạnh Toàn// Tài chính - Kỳ 2.- 2018 .- Số 681 tháng 05 .- Tr. 56-59.

**Nội dung**: Đánh giá mức độ tác động của các yếu tổ ảnh hưởng đến giao dịch phái sinh trong quản trị rủi ro của các ngân hàng thương mại, đề ra các giải pháp nhằm phát triển giao dịch phái sinh tại các ngân hàng thương mại Việt Nam.

**Từ khoá**: Giao dịch phái sinh, Quản trị rủi ro, Ngân hàng thương mại

**100. Yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn ngân hàng của doanh nghiệp nhỏ và vừa**/ ThS. Nguyễn Thu Thủy, ThS. Nguyễn Thị Hiếu// Tài chính - Kỳ 1.- 2018 .- Số 680 tháng 05 .- Tr. 94-96.

**Nội dung**: Khái quát về thực trạng vay vốn cũng như nhận diện những yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng của khu vực DN. Từ đó, chỉ ra những khoảng trống tri thức, tạo cơ sở và nền tảng để tiếp tục hoàn thiện các công trình nghiên cứu tiếp theo.

**Từ khoá**: Ngân hàng, Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Tín dụng, Kinh tế

**101. Yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người tiêu dùng khi mua hàng trực tuyến**/ ThS. Trương Hoàng Hoa Duyên// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 682 tháng 06 .- Tr. 112-114.

**Nội dung**: Trình bày cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu. Két quả nghiên cứu cho thấy, có 5 nhóm yếu tố tác động đến sự hài lòng của người tiêu dùng khi mua hàng trực tuyến: giá cả, chất lượng, con người, cơ sở vật chất, chính sách bán hàng; từ đó giúp người đọc có thêm thông tin và quyết định phù hợp cho nhu cầu của cá nhân và tổ chức.

Từ khoá: Người tiêu dùng, mua hàng trực tuyến, dịch vụ, hài lòng

**NGHIÊN CỨU VĂN HỌC**

**1. “Biến dị học văn học so sánh” – Bước phát triển mới của Khoa Nghiên cứu văn học so sánh thế giới**/ Ngô Viết Hoàn // Nghiên cứu văn học .- 2018 .- Số 6 (556) .- Tr. 50 - 61.

**Nội dung:** Tập trung giới thuyết về Biến dị văn học so sánh cũng như đối tượng, phạm vi nghiên cứu của nó.

**Từ khóa:** Biến dị văn học, nghiên cứu văn học, văn học so sánh thế giới

**2. Chấn hưng phật giáo, phật giáo bình dân và chuyển biến văn hóa ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX**/ Shawn Frederick Mchale // Nghiên cứu văn học .- 2018 .- Số 4 (554) .- Tr. 89 - 111.

**Nội dung:** Nghiên cứu chủ đề về Phật giáo Việt Nam đã bắt đầu cuộc biến đổi từ 1920 đến 1945 như thế nào, dẫn đến việc hình thành địa hạt diễn ngôn riêng mà ở đó tài liệu in giữ vai trò then chốt. Tập trung vào vùng châu thổ sông Mê Kông, xem xét hai chủ đề khác nhau: Cuộc chấn hưng Phật giáo và Phật giáo bình dân

**Từ khóa:** Phật giáo Việt Nam, chấn hưng Phật giáo, Phật giáo bình dân, văn hóa

**3. Đi xa hơn Balzac – Chổ đứng ít được ghi nhận của Vũ Trọng Phụng trong văn chương hậu thuộc địa/**Trần Thiện Huy // Nghiên cứu văn học .- 2018 .- Số 7 (557) .- Tr. 34 - 52.

**Nội dung:** Vũ Trọng Phụng mất sớm, nhiều năm trước khi thuộc địa đầu tiên được giải thực tr ên thế giới. Ông không được chứng kiến những điều kiện hình thành ra cái gọi là hậu thuộc địa, đừng nói gì đến việc tham gia vào phong trào này, sự cách trở về năm tháng chỉ cho ông khẽ chạm đến nhiều ý tưởng then chốt của hậu thuộc địa nhưng không được ghi nhận gì trong những biên niên sử của nó – số phận mà ông chia sẽ phần nhiều những con người đi trước thời đại.

**Từ khóa:** Vũ Trọng Phụng, Balzac, văn học hậu thuộc địa

**4. Hai điểm bấp cập trong nghiên cứu diễn ngôn hiện nay**/ Lê Thời Tân // Nghiên cứu văn học .- 2018 .- Số 4 (554) .- Tr. 37 - 43.

**Nội dung:** Nêu và luận giải hai vấn đề bất cập trong nghiên cứu diễn ngôn hiện nay: Lẫn lộn các chiều lịch đại – đồng đại ở dụng ngữ nói – viết; Không chú ý phân biệt “nguyên sinh” và “thứ sinh” của dụng ngữ khi tiếp cận diễn ngôn.

**Từ khóa:** Nghiên cứu diễn ngôn, dụng ngữ, nguyên sinh, thứ sinh, lịch đại, đồng địa

**5. Kiểu tư duy và những biến đổi trong nghệ thuật biểu hiện của văn học trào phúng Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX**/ Vũ Thanh // Nghiên cứu văn học .- 2018 .- Số 4 (554) .- Tr. 25 - 36.

**Nội dung:** Nếu coi các nhà thơ trào phúng giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX như một loại hình tác giả có sự khác biệt nhất định với các loại hình nhà nho khác trong văn học trung đại Việt Nam thì kiểu tư duy và nghệ thuật biểu hiện là những yếu tố cơ bản làm nên sự khác biệt; Những thay đổi nhất định trong tư duy sẽ dẫn đến những biến đổi trong quan niệm thẩm mỹ của người sáng tác, và quan hệ chặt chẽ giữa nhà thơ với độc giả trong văn học trào phúng cũng tạo nên những chuyển biến lớn lao trong đời sống văn học.

**Từ khóa:** Văn học trào phúng, Việt Nam, nửa cuối thế kỷ XIX

**6. Lý Hạ - Hàn Mặc Tử: Kiểu nhà thơ thiên tài bệnh tật và những tương đồng về thi pháp**/ Nguyễn Thị Thúy Hạnh // Nghiên cứu văn học .- 2018 .- Số 6 (556) .- Tr. 62 - 75.

**Nội dung:** Chỉ ra những điểm tương đồng về mặt thân thể, tiểu sử, phong cách sáng tác của Lý Hạ và Hàn Mặc Tử; dựa trên văn bản tác phẩm, chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt về thi pháp thơ của hai tác giả.

**Từ khóa:** Lý Hạ, Hàn Mặc Tử, nhà thơ, tương đồng, khác biệt

**7. Một số đề tài trong truyện ngắn nữ Việt Nam từ 1986 đến nay**/ Trần Thị Quỳnh Lê // Nghiên cứu văn học .- 2018 .- Số 4 (554) .- Tr. 55 - 64.

**Nội dung:** Các nhà văn nữ, với tư duy hướng nội và khả năng quan sát đời sống một cách tỉ mỉ, tinh tế thường có xu hướng lựa chọn những gì gần gũi với đời sống của chính họ như gia đình, tình yêu, hạnh phúc…Bên cạnh đó, nhiều nữ văn sĩ đã mạnh dạn thử thách ngòi bút trong những đề tài vốn không phải là thế mạnh của nữ giới như lịch sử, chiến tranh.

**Từ khóa:** Truyện ngắn, văn học, nữ nhà văn, đề tài

**8. Một số mô thức xung đột văn hóa trong tiểu thuyết viết về nông thôn sau đổi mới/**Đỗ Thị Thu Huyền // Nghiên cứu văn học .- 2018 .- Số 7 (557) .- Tr. 79 - 92.

**Nội dung:** Tiểu thuyết viết về nông thôn sau Điổi mới với những mô thức xung đột nổi bật: Xung đột giai cấp trong cải cách ruộng đất; Xung đột nhu cầu – chuẩn mực; Xung đột thật – giả;

**Từ khóa:** Mô thức xung đột văn hóa, tiểu thuyết, nông thôn sau đổi mới

**9. “ Tiếng dâm” trong văn học Việt Nam Trung đại thế kit XVI - XIX**/ Phạm Văn Hưng // Nghiên cứu văn học .- 2018 .- Số 6 (556) .- Tr. 84 - 96.

**Nội dung:** Nhìn lại dòng chảy của những “tính dâm” trong lịch sử văn học Việt Nam trung đại thế kỉ XVI – XIX cũng là nhìn lại một phần diện mạo tinh thần của con người xưa trong đời sống tình dục, những chuẩn mực tính dục đã được thiết lập và bị vượt qua như thế nào trong thực tế, dù đó chỉ là thực tế của văn bản, con chữ và tư tưởng.

**Từ khóa: “**Tiếng dâm”, tính dục, văn học Việt Nam trung đại

**10. Tiểu thuyết viết về chiến tranh sau 1975 nhìn từ góc độ nhận thức và nghệ thuật thể hiện**/ Trần Thị Mai Nhân // Nghiên cứu văn học .- 2018 .- Số 4 (554) .- Tr. 44 - 54.

**Nội dung:** Bài viết là những nghiên cứu bước đầu về những đổi mới của tiểu thuyết viết về chiến tranh trong văn học hiện đại Việt Nam để thấy được tính chất nhân văn cao cả của văn học viết chiến tranh, đặc biệt là những tác phẩm xuất hiện vào thời gian của “tự cứu” “ suy ngẫm”, “ đổi mới tư duy và nhận thức”

**Từ khóa:** Tiểu thuyết chiến tranh, nhận thức, nghệ thuật, nhân văn

**11. Tổng quan nghiên cứu về văn học cổ điển Việt Nam ở Nhật Bản**/ Đoàn Lê Giang // Nghiên cứu văn học .- 2018 .- Số 7 (557) .- Tr. 19 - 33.

**Nội dung:** Giới thiệu tổng quan về tình hình dịch thuật và nghiên cứu về văn học cổ điển Việt Nam ở Nhật Bản. Văn học cổ điển được hiểu là văn học viết bằng chữ Hán, chữ Nôm từ thế kỷ XIX trở về trước, còn mở rộng thêm một chút đến các tác giả sáng tác bằng chứ Hán, chứ Nôm đầu thế kỷ XX. Phần đầu giới thiệu các công trình chung và các tác giả ít được nghiên cứu, phần sau trình bày riêng về nghiên cứu Nguyễn Du – Truyện Kiều và Phan Bội Châu – Những tác giả được học giới Nhật Bản yêu thích, quan tâm đặc biệt.

**Từ khóa:** Văn học Việt Nam, văn học Nhật Bản, văn học cổ điển, tác giả

**12. Trăm năm Nguyễn Bính**/ Nguyễn Đăng Điệp // Nghiên cứu văn học .- 2018 .- Số 6 (556) .- Tr. 3 - 11.

**Nội dung:** Thơ cũng như văn xuôi của Nguyễn Bính**,** xét đến cùng là những biểu hiện khác nhau của cái tôi buồn lỡ Nguyễn Bính, trong đó thơ giữ vai trò trọng âm, là bản “ tự thuật tâm trạng” được thể hiện qua lối nói thác lời quen thuộc của trữ tình dân gian, còn văn xuôi là những mảnh vỡ, thậm chí là những kể lể dông dài về những yêu đương, khắc khoải nhớ nhung mà ông đã gặp trong cuộc sống lang bạt của mình.

**Từ khóa:** Nguyễn Bính, văn học việt nam, thơ, văn xuôi

**13. Truyện ngắn trên Phụ nữ tân văn – Nhìn từ một số phương diện của trần thuật học/**Trần Thiện Huy // Nghiên cứu văn học .- 2018 .- Số 7 (557) .- Tr. 53 - 63.

**Nội dung:** Bước đầu nghiên cứu thể loại truyện ngắn trên phụ nữ tân văn nhìn từ một số phương diện cơ bản của trần thuật học như: Ngôi kể, điểm nhìn; Xây dựng nhân vật; Cốt truyện, kết cấu.

**Từ khóa:** Phụ nữ tân văn, Truyện ngắn, trần thuật học

**14. Truyền thống và cách tân trong nghệ thuật xây dựng cốt truyện văn xuôi hiện đại dân tộc Thái**/ Nguyễn Thị Hải Anh // Nghiên cứu văn học .- 2018 .- Số 6 (556) .- Tr. 97 - 108.

**Nội dung:** Chọn vấn đề truyền thống và cách tân trong nghệ thuật xây dựng cốt truyện để nghiên cứu, bài viết góp phần làm sáng tỏ vấn đề bản sắc dân tộc, mặt khác, góp phần làm rõ, khẳng định những nỗ lực vận động, đổi mới của nền văn xuôi dân tộc Thái để hòa nhập vào tiến trình văn học Việt Nam.

**Từ khóa:** Truyền thống, cách tân, văn xuôi hiện đại dân tộc Thái, văn học Việt Nam

**15. Văn học các dân tộc thiểu số khu vực Tây Nguyên thời kỳ hiện đại/**Đỗ Thị Thu Huyền // Nghiên cứu văn học .- 2018 .- Số 7 (557) .- Tr. 64 - 78.

**Nội dung:** Nêu lên các vấn đề về: Văn học hiện đại các dân tộc thiểu số khu vực Tây Nguyên trong dòng chảy văn học dân tộc tộc thiểu số Việt Nam hiện đại; Những lựa chọn an toàn, thiếu bức phá; Một số tác giả nổi bật.

**Từ khóa:** Văn học dân tộc thiểu số, Tây Nguyên, văn học hiện đại

**16. Văn học Nga hậu Xô – Viết: Từ góc nhìn so sánh của thế kỉ XXI và vấn đề tiếp nhận**/ Nguyễn Đăng Điệp // Nghiên cứu văn học .- 2018 .- Số 6 (556) .- Tr. 12 - 30.

**Nội dung:** Giải đáp câu hỏi khiến nhiều người từng yêu và gắn bó với văn học Xô-viết băn khoăn: Tại sao văn học đương đại Nga vài thập niên gần đây hầu như vắng bóng ở Việt Nam, và nếu có tác gia, tác phẩm nào đó được giới thiệu thì cũng không mấy cuốn hút độc giả như tác phẩm của các nhà văn Xô-viết trước đây? Liệu có cách lựa chọn và giới thiệu những tác phẩm, tác giả văn học hậu Xô-viết phù hợp với thị hiếu của bạn đõh Việt Nam hiện nay?

**Từ khóa:** Văn học Nga, hậu Xô-viết, tác gia, tác phẩm

**17. Văn học và hiện thực**/ Lê Ngọc Trà // Nghiên cứu văn học .- 2018 .- Số 4 (554) .- Tr. 3 - 24.

**Nội dung:** Thực tiễn phát triển của chủ nghĩa hiện thực cho thấy, nhiệm vụ “ phản ánh hiện thực” có thể được thực hiện bằng những cách khác nhau, nhà văn không bắt buộc phải mô tả “giống” mà có thể sử dụng những thủ pháp ước lệ, tượng trưng. Trong những tác phẩm kiểu này, “hiện thực” giữ vai thứ nhất, vì “hiện thực” thường được hiểu như cái quyết định – quyết định nội dung và giá trị của tác phẩm, quyết định quan hệ của văn chương với thực tại.

**Từ khóa:** Văn học Việt Nam, hiện thực, nhà văn

**18. Vần luật và tiết điệu thể hát nói**/ Phạm Thị Phương Thái // Nghiên cứu văn học .- 2018 .- Số 6 (556) .- Tr. 76 - 83.

**Nội dung:** Trong diễn tiến thể hát nói, có những biến lệ nhưng về luật bằng trắc và lối gieo vần khá ổn định, thống nhất, tạo ra sự phong phú, đa dạng về tiết điệu. Bài viết nêu lên luật bằng trắc và lối gieo vần trong thể thê hát nói; Tiết điệu phong phú, đa dạng, linh hoạt.

**Từ khóa:** Hát nói, tiết điệu, gieo vần, luật bằng trắc

**DU LỊCH**

**1. Ảnh hưởng của tính hấp dẫn điểm đến tới sự hài lòng và ý định quay lại các điểm đến du lịch tâm linh tại Việt Nam** / Thân Trọng Thụy, Lê Anh Tuấn// Kinh tế & phát triển.- 2018 .- Số 252 tháng 06 .- Tr. 90-100.

**Nội dung**: Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá mối quan hệ giữa tính hấp dẫn điểm đến tới sự hài lòng và ý định quay lại địa điểm du lịch tâm linh tại Việt Nam của du khách. Nghiên cứu sử dụng phỏng vấn bằng bảng hỏi có cấu trúc và phân tích dữ liệu đa biến. Kết quả thu được từ khảo sát 551 du khách tại các địa điểm du lịch tâm linh trên cả nước cho thấy tác động tích cực của tính hấp dẫn điểm đến du lịch tới sự hài lòng và ý định quay lại của du khách. Ngoài ra, ý định quay lại cũng chịu tác động tích cực gián tiếp từ thông tin truyền miệng và trực tiếp từ niềm tin tín ngưỡng.

**Từ khoá:** Tính hấp dẫn điểm đến, ý định quay lại, niềm tin tín ngưỡng, sự hài lòng, du lịch tâm linh

**2. Bàn về chuỗi cung ứng dịch vụ du lịch tại Việt Nam** / ThS. Đỗ Minh Phượng// Du lịch Việt Nam.- 2018 .- Số 06 tháng 06 .- Tr. 62-64.

**Nội dung**: Chuỗi cung ứng dịch vụ du lịch tại Việt Nam và một số kiến nghị và giải pháp.

**Từ khoá**: Chuỗi cung ứng, Dịch vụ du lịch

**3. Biểu hiện và giải pháp khắc phục tình trạng du khách ứng xử không văn minh trong hoạt động du lịch của Trung Quốc – Một số gợi mở đối với Việt Nam**/ ThS. Trần Thị Thủy, PGS. TS. Nguyễn Thị Thu Phương// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2018 .- Số 7 (209) .- Tr. 69-77.

**Nội dung**: Phân tích các biểu hiện không văn minh trong hoạt động của du lịch của Trung Quốc, từ đó đưa ra một số đánh giá và gợi mở đối với Việt Nam.

**Từ khóa**: Trung Quốc, hoạt động du lịch, du khách, hành vi ứng xử văn minh

**4. Đánh giá các điều kiện phát triển du lịch cuối tuần ở Sơn Tây** / Phùng Thị Hạnh// Du lịch Việt Nam.- 2018 .- Số 06 tháng 06 .- Tr. 22-23.

**Nội dung**: Việc nghiên cứu một cách tổng hợp các điều kiện phát triển du lịch cuối tuần ở Sơn Tây (Hà Nội) làm tiền đề cho việc định hướng và đề xuất các giải pháp phát triển loại hoạt động này. Bài viết này nghiên cứu điều kiện phát triển du lịch cuối tuần ở thị xã Sơn Tây phục vụ thị trường khách du lịch từ Hà Nội.

**Từ khoá:** Phát triển du lịch, Du lịch cuối tuần, Sơn Tây

**5. Đánh giá năng lực du lịch thành phố Hồ Chí Minh** / TS. Trần Thị Thùy Trang// Du lịch Việt Nam.- 2018 .- Số 06 tháng 06 .- Tr. 37-39.

**Nội dung**: Trình bày kết ủa nghiên cứu; Kết luận và kiến nghị.

**Từ khoá**: Năng lực du lịch, Thành phố Hồ Chí Minh

**6**. **Đình hướng thu hút khách du lịch đến Bình Định theo hướng tạo sự khác biệt** /Trần Thanh Phong// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 518 tháng 06 .- Tr. 63-64.

**Nội dung**: Thực trạng lượng khách du lịch đến tỉnh Bình Định giai đoạn 2005-2017 và định hướng thu hút khách du lịch đến Bình Định theo hướng tạo sự khác biệt.

**Từ khoá**: Thu hút khách du lịch, Bình Định

**7. Đồng Tháp phát triển du lịch sinh thái từ vườn cây ăn** quả / ThS. Võ Nguyên Thông, ThS. Đỗ Thị Kiều Hoa// Du lịch Việt Nam.- 2018 .- Số 07 tháng 07 .- Tr. 56-57.

**Nội dung**: Khái thác du lịch sinh thái vườn cây ăn trái tại Đồng Tháp; Phát triển du lịch sinh thái gắn liền với cộng đồng - những việc cần làm.

**Từ khoá**: Phát triển du lịch sinh thái, Vườn cây ăn quả, Đồng Tháp

**8. Du lịch cộng đồng : khả năng áp dụng tại Tây Nguyên** / ThS. Trương Sỹ Tâm// Du lịch Việt Nam.- 2018 .- Số 06 tháng 06 .- Tr. 56-57.

**Nội dung**: Những đặc thù của Tây Nguyên cho phép áp dụng mô hình du lịch cộng đồng; Những giải pháp để phát triển du lịch cộng đồng đúng hướng.

**Từ khoá**: Du lịch cộng đồng, Tây Nguyên

**9. Giải pháp phát triển du lịch biển Nam Định** /Nguyễn Thị Hoài// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 519 tháng 06 .- Tr. 48-49.

**Nội dung**: Những vấn đề còn tồn tại trong phát triển du lịch biển nam Định; Tiềm năng phát triển du lịch biển Nam Định; Giải pháp phát triển du lịch biển Nam Định.

**Từ khoá**: Phát triển du lịch biển, Nam Định

**10. Hành vi và những thay đổi của du khách trong thời đại 4.0**/ TS. Vũ An Dân// Du lịch Việt Nam.- 2018 .- Số 05 tháng 05 .- Tr. 28-29.

**Nội dung**: Trongg kỷ nguyên 4.0 hành vi du lịch của du khách đang và sẽ có nhiều sự thay đổi với tốc độ chóng mặt. các điểm đến du lịch cũng như các cơ sở cung cấp dịch vụ tại điểm đến cần tiên lượng trước những sự thau đổi và có những chuẩn bị thích hợp đê nâng cao tính cạnh tranh.

**Từ khoá**: Hành vi, Du khách trong thời đại 4.0

**11. Không gian lịch sử văn hóa Việt Nam dành cho du lịch** // Du lịch Việt Nam.- 2018 .- Số 07 tháng 07 .- Tr.33.

**Nội dung**: Gần ngay trung tâm hồ Hoàn Kiếm và phố cổ Hà Nội, Bảo tàng lịch sử quốc gia là công trình văn hóa lưu giữ, trưng bày, giới thiệu lịch sử Việt Nam từ thwoif tiền sử đến nay, cũng là địa chỉ thuận lợi thu hút công chúng và du khách quốc tế đến thăm quan, tìm hiểu văn hóa lịch sử VN qua hệ thống tài liệu, hiện vật đồ sộ, các trưng bày, các hoạt động trải nghiệm tại bảo tàng.

**Từ khoá**: Không gian lịch sử văn hóa Việt Nam, Du lịch

**12. Mô hình về tác động của tính cách thương hiệu điểm đến tới sự tin tưởng thương hiệu và dự định quay trở lại của du khách** /Trần Hải Ly// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 519 tháng 06 .- Tr. 35-37.

**Nội dung**: Trình bày tính cách thương hiệu, sự tin tưởng thương hiệu trong du lichjduwj ddinhgj quay trở lại du lịch, ảnh hưởng của tính cách thương hiệu điểm đến tới sự tin tưởng thương hiệu và dự định quay trở lại du lịch; Mô hình đề xuất.

**Từ khoá**: Thương hiệu điểm đến, Du khách

**13. Một số vấn đề lý luận về phát triển làng nghề và các nhân tố tác động đến phát triển làng nghề** /Ngô Hồng Nhung// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 517 tháng 05 .- Tr. 83-85.

**Nội dung**: Trình bày quan điểm về Phát triển làng nghề và các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến Phát triển làng nghề.

**Từ khoá**: Phát triển làng nghề

**14. Nâng cao hiệu quả đào tạo nguồn nhân lực du lịch tại Đà** Nẵng / ThS. Lê Lê Đức Thọ// Du lịch Việt Nam.- 2018 .- Số 07 tháng 07 .- Tr. 54-55.

**Nội dung**: Công tác đào tạo nguồn nhân lực du lịch tại Đà Nẵng; Nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nguồn nhân lực du lịch tại các cơ sở đào tạo ở Đà Nẵng.

**Từ khoá**: Đào tạo nhân lực, Nhân lực du lịch

**15. Ngành thực phẩm, đồ uống hướng tới phát triển bền vững** / Trần Thị Hoa, Nguyễn Minh Phương// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 518 tháng 06 .- Tr. 45-51.

**Nội dung**: Triển vọng tăng trưởng của ngành thực phẩm và đồ uống lớn, nhiều hứa hẹn; Xu hưởng chủ đạo của ngành thực phẩm - đồ uống giai đoạn 2017-2019; Ngành thực phẩm, đồ uống nhiều tiềm năng nhưng cũng đầy thách thức; Giải pháp và hướng đi cho doanh nghiệp thực phẩm - đồ uống thời gian tới.

**Từ khoá**: Ngành thực phẩm, đồ uống, phát triển bền vững

**16. Nghiên cứu phát triển cụm ngành làng nghề truyền thống đã mỹ nghệ Non Nước** / Phùng Văn Thành// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 518 tháng 06 .- Tr. 38-40.

**Nội dung**: Đánh giá khái quát thực trạng phát triển, khả năng hình thành cụm liên kết ngành, từ đó đưa ra hàm ý và giải pháp để có thể áp dụng phát triển làng nghề truyền thống trong tương lai.

**Từ khoá**: Phát triển làng nghề truyền thống, Mỹ nghệ Non Nước

**17. Phát triển du lịch gắn với bảo vệ môi trường khu vực Tây Nguyên**/ Thảo Chi// Du lịch Việt Nam.- 2018 .- Số 05 tháng 05 .- Tr. 12-13.

**Nội dung**: Tình hình du lịch Tây Nguyên và những đề xuất, kiến nghị phát triển du lịch gắn với bảo vệ môi trường khu vực Tây Nguyên.

**Từ khoá**: Phát triển du lịch, Bảo vệ môi trường, khu vực Tây Nguyên

**18. Phát triển du lịch làng nghề sản xuất muối Bạch Long** / ThS. Trần Thị Lan// Du lịch Việt Nam.- 2018 .- Số 06 tháng 06 .- Tr. 58-59.

**Nội dung**: Trình bày điều kiện về cơ chế chính sách, tài nguyên du lịch, cộng đồng dân cư, hạ tầng và cơ sở vật chất.

**Từ khoá**: Phát triển du lịch, làng nghề sản xuất muối Bạch Long

**19. Tác động của du lịch đến vườn quốc gia và khu bảo tồn miền Trung - Tây Nguyên** / TS. Dư Văn Toán, ThS. Nguyễn Thủy Văn// Du lịch Việt Nam.- 2018 .- Số 08 tháng 08 .- Tr. 14-15.

**Nội dung**: Những tồn tại trong công tác quản lý du lịch và bảo tồn đa dạng sinh học tại các vườn quốc gia và khu bảo tồn; Tác động của hoạt động du lịch đến bảo tồn đa dạng sinh học tại các vườn quốc gia và khu bảo tồn; Phát triển du lịch sinh thái gắn với bảo tồn đa dạng sinh học - định hướng và giải pháp.

**Từ khoá**: Du lịch đến vườn quốc gia, Khu bảo tồn miền Trung - Tây Nguyên

**20. Tam đảo tập trung quy hoạch phát triển du lịch bền vững**/ TS. Trần Thị Hằng// Du lịch Việt Nam.- 2018 .- Số 07 tháng 07 .- Tr. 30-31.

**Nội dung**: Xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện đề án phát triển du lịch Tam Đảo đến năm 2015 định hướng đến năm 2020.

**Từ khoá**: Phát triển du lịch bền vững, Tam Đảo

**21. Tăng cường thu hút du khách Nga đến Đà Lạt**/ Trần Du Liên// Du lịch Việt Nam.- 2018 .- Số 07 tháng 07 .- Tr. 38-39.

**Nội dung**: Vài nét về du khách Nga và một số giải pháp để tăng cường thu hút du khách Nga đến Đà Lạt.

**Từ khoá**: Du khách Nga, Đà Lạt

**22. Tăng cường vai trò Nhà nước trong phát triển du lịch Việt Nam** / ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết// Tài chính - Kỳ 1 .- 2018 .- Số 684 tháng 07 .- Tr. 103-105.

**Nội dung**: Thực trạng phát triển du lịch Việt Nam và giải pháp phát triển du lịch Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Phát triển du lịch, Kinh tế du lịch, Hội nhập, Văn hóa

**23. Tháo gỡ điểm nghẽn trong phát triển du lịch đồng bằng sông Cửu Long** / TS. Nguyễn Quốc Nghi// Du lịch Việt Nam.- 2018 .- Số 06 tháng 06 .- Tr. 60-61.

**Nội dung**: Trình bày các điểm nghẽn trong phát triển du lịch đồng bằng sông Cửu Long; Phát triển du lịch đồng bằng sông Cửu Long - cần nhiều giải pháp đồng bộ.

**Từ khoá**: Phát triển du lịch, đồng bằng sông Cửu Long

**24. Thực trạng bảo tồn các giá trị di sản văn hóa trong du lịch tại huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi** /Trương Mai Thanh, Bùi Thị Thanh Hương// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 518 tháng 06 .- Tr. 65-66.

**Nội dung**: Khái quát về các di sản văn hóa tại huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; Tác động của hoạt động du lịch đến bảo tồn các giá trị di sản văn hóa; ; Thực trạng khai thác du lịch tại các giá trị di sản văn hóa tại huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; Giải pháp.

**Từ khoá**: Bảo tồn các giá trị sản văn hóa, Du lịch, huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

**25. Tìm hướng phát triển du lịch miền vải thiều Lục Ngạn** // Du lịch Việt Nam.- 2018 .- Số 07 tháng 07 .- Tr. 42-43.

**Nội dung**: Đánh thức tiềm năng du lịch miệt vườn Lục Ngạn; Gợi mở từ các chuyên gia, doanh nghiệp du lị

**Từ khoá**: Phát triển du lịch, Miền vải thiều Lục Ngạn

**26. Xây dựng sản phẩm du lịch bền vững tại vùng lòng hồ Thủy điện Sơn La** /Hoàng Xuân Trọng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2018 .- Số 517 tháng 05 .- Tr. 60-62.

**Nội dung**: Trình bày cơ sở lý thuyết và thực tiễn, Phương pháp nghiên cứu; Tiềm năng và thực trạng điểm mạnh, điểm yếu; Một số giải pháp xây dựng sản phẩm du lịch bền vững tại vùng lòng hồ Thủy điện Sơn La.

**Từ khoá**: Sản phẩm du lịch, Du lịch bền vững, Thủy điện Sơn La

**27. Yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trước cách mạng công nghiệp 4.**0 / ThS. Hoàn Ngọc Hiền// Du lịch Việt Nam.- 2018 .- Số 06 tháng 06 .- Tr. 40-41.

**Nội dung**: Trình bày nguồn nhân lực du lịch Việt Nam hiện nay, đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0 trong các cơ sở đào tạo du lịch.

**Từ khoá**: Nâng cao chất lượng, Nguồn nhân lực, Cách mạng công nghiệp 4.0